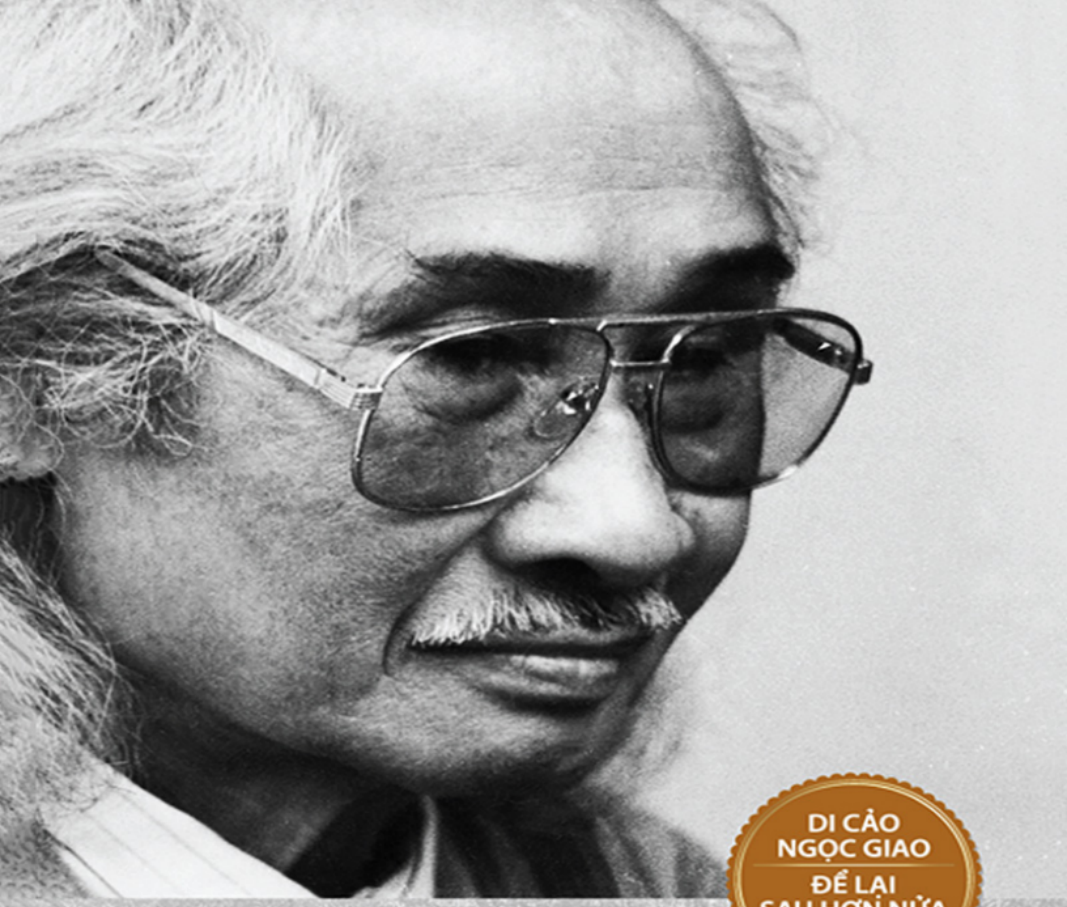

DI CẢO NGỌC GIAO
ĐỂ LẠI SAU HƠN NỬA THẾ KỶ

NGỌC GIAO

Bến Đò Rừng

Phương Nam Book
vh NXB Văn học

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

Sự nghiệp viết của Ngọc Giao

(5 .5.1911 - 8 .7.1997)

Phong Lê

Sinh năm 1911 - thuộc thế hệ Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Huy Tưởng...; mất năm 1997 - thọ 86 tuổi, Ngọc Giao thuộc số người viết ít ỏi có hành trình xuyên suốt thế kỷ XX. Trước 1945, ở vị trí Thư ký tòa soạn *Tiểu thuyết thứ Bảy*, tờ báo có sức cạnh tranh nghiêng ngửa với *Phong hóa*, *Ngày nay* của Tự lực văn đoàn, ông có mối giao du rộng rãi với nhiều tên tuổi hàng đầu cùng thời - ngoài nhóm Tự lực, như Nguyễn Công Hoan, Lan Khai, Lê Văn Trương, Thanh Châu, Tam Lang, Tchya, Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng, Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, Lưu Trọng Lư, Leiba, Trần Huyền Trân, Nguyên Hồng, Thâm Tâm, Nam Cao, Nguyễn Bính, Tô Hoài... Hơn thế, còn là một cây bút lực lưỡng trên cả hai lĩnh vực truyện ngắn và tiểu thuyết - với những tên sách có chỗ đứng trong lòng công chúng như *Phấn hương*, *Cô gái làng Sơn Hạ*, *Đất, Quán gió, Cầu sương*, *Nhà quê*..., Ngọc Giao xứng đáng có tên trong bộ lịch sử văn học Việt Nam trước 1945, như Vũ Ngọc Phan đã đưa ông vào bộ sách *Nhà văn hiện đại*. Thế nhưng nửa sau thế kỷ XX ông hoàn toàn bị quên lãng, và bỗng trở nên xa lạ với các thế hệ bạn đọc trẻ tuổi, dẫu sức viết của ông vẫn còn rất dồi dào. Đối với người làm văn, người có một sự nghiệp văn chương thì một sự lãng quên như vậy có thể xem là một nỗi đau quá lớn. Thế mà ông vẫn phải sống và vẫn sống được. Và điều may mắn là từ cuối thập niên 80, sau khởi động công cuộc Đổi mới, Ngọc Giao dần dần trở lại được nghiệp viết và sức bút, để trong ngót 10 năm cuối đời, khi vào tuổi 80, ông đã có thể trở lại sự hiện diện cùng độc giả. Và, vào dịp kỷ niệm 100 năm sinh, sau ngày mất 14 năm, là sự tái bản lần lượt những tên sách quan trọng ông viết trước và sau 1945 như các tiểu thuyết *Nhà quê*, *Xóm Rá, Cầu sương*... và các tập truyện, ký như *Cô gái làng Sơn Hạ*,

Hà Nội cũ nằm đây, *Phấn hương*, *Quan báo*... chọn trong số trên dưới 300 truyện ngắn ông đã viết.

Một ngắt quãng và vắng bóng khá dài, do những sự cố lớn diễn ra mà ông phải trải cùng với một số bạn bè cùng cảnh ngộ...

* * *

Bây giờ nhìn lại mới có dịp thấy rõ, trước 1945, chỉ riêng ba tập truyện *Một đêm vui*, *Phấn hương*, *Cô gái làng Sơn Hạ* cũng đã đủ đưa Ngọc Giao vào đội ngũ những tác gia truyện ngắn thành danh như Thạch Lam với *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*; Nguyễn Tuân với *Vang bóng một thời*; Thanh Tịnh với *Quê mẹ*; Hồ Dzếnh với *Chân trời cũ*; Bùi Hiển với *Nằm vạ*; Tô Hoài với *O chuột*, *Nhà nghèo*... Một thời dài, Ngọc Giao được coi là cây bút lãng mạn - và đó cũng là một trong các lý do để ông bị "quên"; nhưng sự thật thì trong ông có cả hai - hiện thực và lãng mạn, hoặc ông đứng vào nơi giáp ranh giữa hai bờ hiện thực và lãng mạn. Có nghĩa là thế giới truyện của ông cần được mở về cả hai phía. Phía *thực tại nhãn tiền* mà ông không hề là người quay lưng trước những xót xa, lầm lỡ, thất vọng, thất bại (cùng với nhiều cái chết) của nhiều hạng người tuy không phải là dưới đáy, nhưng cũng đã phải nếm đủ mọi thiếu thốn cơm áo, và sự tan vỡ mọi ước vọng tuổi trẻ hoặc tuổi lập thân vào đời. Trong thế giới này, Ngọc Giao có sự quan tâm đặc biệt đối với những kiếp nghệ sĩ nghèo, những đào nương và kép hát đã hết cái thời vàng son và đang phải sống nốt những ngày tàn thiểu não, cô đơn như trong *Tết cô đầu*, *Phấn hương*, *Kim Dung*. Cũng thuộc thế giới này là những kẻ đam mê nghiệp văn chương, thèm được gọi là thi sĩ, văn sĩ, trong một cuộc dấn thân vụng dại mà phải nhận những quả lừa, hoặc siêu lừa đắng ngắt bởi cái đám người vây quanh làm nên một cái chợ văn nhốn nháo cho đủ mọi thứ hàng họ ế ẩm như trong *Quan báo*, *Tôi là thi sĩ*... Mở rộng ra khỏi cái thế giới ấy, Ngọc Giao đã không quên chia sẻ sự cảm thông mà không hề có chút khinh rẻ hoặc miệt thị nào, đối với số phận cực nhục của các kỹ nữ và gái điếm như một số cây bút cùng thời; hoặc với những phận đời xám nhờ, không có chút sinh thú gì như anh mõ làng, người ký ga, người đưa thư, cô gái muộn chồng... mà nếu thiếu họ thì bức tranh toàn cảnh về xã hội thuộc địa sẽ thiếu đi những mảng màu đặc sắc.

Và phía thứ hai, đó là những *hoài niệm* về một quá khứ có quá nhiều ưu tư, nó là những "chân trời cũ" giống như Hồ Dzếnh, là "những ngày thơ ấu" giống như Nguyên Hồng, làm hiện lên một tuổi thơ cô đơn, buồn tủi, trong đó nổi lên hình ảnh một người mẹ ra đi quá sớm, trong bối cảnh những miền quê mà tuổi thơ ông đã

trải. Theo tôi, đây là những trang viết rất hay, bởi nó rất phù hợp với tâm trạng của một thế hệ không thấy vui trong hiện tại nên tìm về quá khứ; nhưng mỗi lúc ngược dòng lại chỉ chạm vào những xót xa hoặc những niềm đau của đời người. Một tuổi thơ nhiều non nớt và vụng dại. Một tuổi trưởng thành không lúc nào nguôi khuây những lỗi lầm đối với các đấng sinh thành v.v... Lâu lắm rồi tôi mới được trở lại những trang hay và cảm động như thế về mẹ, về cha, về những người thân thuộc; bởi dường như nó bỗng nhiên quá hiếm trong văn học hôm nay.

Một ý hướng đạo lý cùng với sự chừng mực, và cẩn trọng trong văn phong để không gây nên những cú sốc, thái quá hoặc bất ngờ, vẫn là cái làm nên chất giọng Ngọc Giao. Viết rất nhiều về tình yêu, trong say đắm hoặc trong đau khổ của những cuộc tình dang dở, bi kịch, nhưng không lúc nào Ngọc Giao tìm đến các yếu tố "sex" như nhiều người cùng thời. Một văn phong nghiêng về hoài cảm, trữ tình - đó là cái làm ông xích lại gần với Hồ Dzếnh, Thanh Tịnh, Thạch Lam... Nhưng có lúc những nghịch cảnh gây nên cả khóc và cười mà ông không thể tránh lại gợi nhớ Nguyễn Công Hoan, Nam Cao...

Đạo lý - đó cũng là điều cần lưu ý nơi văn Ngọc Giao. Trong sự phô bày các tình huống phi đạo lý ở đời qua nhiều truyện ngắn và một số tiểu thuyết, người đọc có dịp nhận rõ một cố gắng gìn giữ đạo lý ở Ngọc Giao - con người, thậm chí dường như còn là bảo thủ mang nền nếp Nho phong trong các quan niệm về gia đình và tình yêu, trách nhiệm và nghĩa vụ...

* * *

Đọc Ngọc Giao, dẫu chỉ với bốn tập truyện mới in lại gần đây, cùng tiểu thuyết *Nhà quê, Xóm Rá, Cầu sương* vừa được xuất bản, ta vẫn có thể yên tâm khi xếp ông vào đội ngũ những tác gia quen thuộc về Hà Nội, có vị trí xứng đáng bên Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Vũ Bằng, v.v... Bởi gần như hầu hết các truyện của ông (không phải chỉ riêng mấy tập truyện này) đều gắn với các địa chỉ quen thuộc của Hà Nội, với thế giới nhân vật chính là con người của Hà Nội một thời, trong bối cảnh hình thành xã hội thuộc địa: những công chức loại thấp với cảnh sống đơn điệu, tẻ nhạt đến vô vị; những thanh niên thiếu ý chí và lý tưởng nên rơi vào hư hỏng hoặc trụy lạc; những điền chủ kiêm quan lại với lối sống nửa tỉnh nửa quê; những kiếp sống cần lao nhục nhằn, vô vọng; những bi kịch gia đình với những ông chồng vô tích sự hoặc hư hỏng; những người vợ nhẫn nhục cam chịu để mong có một hạnh phúc ảo; những cuộc ngoại tình với những

cách xử lý oái oăm không đem lại hạnh phúc cho bất cứ ai; những trớ trêu hoặc bạc bẽo của số phận; những gắng gỏi giữ nếp nhà trong bao hiểm họa; những ông Tây thuộc địa trắng tay trong canh bạc đời hoặc những cô đầm (lai) phải sa vào vòng lao lý; những buồn tủi, xót xa cho cảnh xế chiều hoặc ế muộn... Đọc Ngọc Giao thấy ông không vục sâu vào những kiếp sống "dưới đáy" như Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng; nhưng cũng không thấy ông thi vị hoá đời sống trưởng giả và gợi nên các ảo tưởng ngây thơ về cải cách xã hội như Hoàng Đạo, Khái Hưng. Đứng ở chỗ giao nhau, hoặc nơi giáp ranh giữa lãng mạn và hiện thực, thế giới truyện của Ngọc Giao dường như có phần được nới rộng ra cả hai phía trong một cảm quan có màu sắc u buồn về hiện thực mà ông không muốn tìm đến nguyên nhân, và không tin có những thay đổi; thế nhưng đâu đó vẫn ẩn chứa khát vọng về một cuộc sống trong sạch và lương thiện cho con người, cho loài người.

Cùng với Hà Nội cần có thêm sự bổ sung một vùng sống khác, đó là Kinh Bắc, quê sinh của Ngọc Giao. Gần như mọi hồi nhớ, hoài niệm về tuổi thơ ông đều dành cho miền đất Kinh Bắc. Ông sinh ra tại xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, rất gần với Nhã Nam, huyện Yên Thế, Bắc Giang, quê Đề Thám, gần ga xe lửa Lạc Đạo, nơi đã gợi cho ông viết hai truyện ký rất hay là *Ga xép* và *Lỗi tình*. Hai tác phẩm nói cái buồn hiu hắt đến mỏi mòn trong kiếp sống của những con người nơi một cái ga xép chơ vơ giữa cánh đồng và lẫn chìm trong dăm bảy mái lều của những người nhà quê sống như cây cỏ. Những miền quê này, đặc biệt những năm 1946, 1947, 1948 vô cùng dữ dội đã để lại trong tâm hồn nhậy cảm của ông biết bao kỷ niệm và kinh nghiệm sống không thể nào quên, nó mãi in đậm trong tâm trí ông. Để rồi liên tiếp các năm sau đó, ông cho ra đời một loạt tiểu thuyết: *Con người* (1947), *Đất* (1949), *Quán gió* (1949), *Xã Bèo-người của đất* (1951), *Mưa thu* (1953), và *Cầu sương* (1953), khiến tên tuổi ông có chỗ đứng vững chắc trong trái tim bạn đọc.

Với Ngọc Giao, dường như Hà Nội là hiện tại của ông, còn Kinh Bắc là quá khứ của ông - cả hai , cùng song hành và cùng hòa trộn vào nhau trong hoài niệm, cho đến cuối đời, suốt đời - như trong hai câu thơ ông viết vào mùa hè - 1991, ở tuổi chẵn 80:

Về cõi thiên hư, đành nhẽ lạy từ Kinh Bắc

Qua thời văn bút, này đây yên giấc Tây Hồ

Kinh Bắc là quê sinh của ông, Tây Hồ là quê ở. Phải sáu năm sau nữa mới là lúc tính đến chuyện "lạy từ" và "yên giấc". Sáu năm -

ông còn cho ra mắt 15 bút ký và 6 chân dung để góp vào gia tài ngót 300 truyện, ký ngắn, tính cho đến lúc này.

* * *

Một sự nghiệp tiểu thuyết cũng là điều đáng nói gắn với tên Ngọc Giao. Sau tiểu thuyết *Nhà quê* (1944) là các tiểu thuyết *Quán Gió* (1949), *Cầu sương* (1953), *Đất* (1949), *Xã Bèo - người của đất* (1950 - mất bản thảo) và phóng sự *Xóm Rá* (1957) mới khôi phục lại được bản thảo viết tay.

Vậy là trong sự nghiệp sáng tác của mình, tiểu thuyết chủ yếu được viết trong thời gian ông hồi cư về Hà Nội. Đây là quãng đời ông phải xử lý nhiều tình huống rất khó khăn: từ Hà Nội đi kháng chiến; từ kháng chiến trở về Hà Nội; sự mưu sinh và nghề nghiệp, trong đó có nghiệp văn trong bối cảnh sự theo dõi, giám sát của chính quyền thực dân Pháp và bộ máy kiểm duyệt. Trong tư cách của "người trở về" - *dinh tê*, ông đã viết *Đất*, *Xã Bèo - người của đất*, *Quán Gió*, *Cầu sương* với tâm thế của người phải đối diện với những biến đổi có mặt là éo le, không dễ thuận với thời cuộc...

Tiểu thuyết *Nhà quê* (1944) cùng thời với *Bướm trắng* của Nhất Linh,*Quê người* của Tô Hoài, *Sống mòn* của Nam Cao là một cái nhìn về nông thôn qua con mắt của mấy trí thức thành thị. Một nhà quê gần như không có gì thay đổi, trong tối tăm và hoang dã, dẫu có mối quan hệ với thành thị, bởi cái nhìn của Ngọc Giao căn bản vẫn là cái nhìn bi quan của một người không tin vào những thay đổi. Cái nhìn này sẽ càng được củng cố với *Đất* và *Xã Bèo - người của đất*, trong bối cảnh kháng chiến chống Pháp, qua số phận của người nông dân phải bỏ làng, bỏ đất đi tản cư; rồi từ vùng tản cư, do quá khó, quá khổ trong làm ăn, nên lại phải trở về vùng địch chiếm để sống thân phận của những tề nhân - mất hết tài sản, trở lại được với đất thì không còn trâu nên vợ chồng phải thay nhau kéo cày, đúng như thân phận trâu ngựa, còn kém cả giun dế, sâu bọ. Trong những tiểu thuyết viết về nông thôn Việt Nam, *Đất* của Ngọc Giao theo tôi là một khám phá sâu sắc về thân phận người nông dân thời hiện đại; một thân phận nông dân không chỉ đúng trong nửa đầu thế kỷ mà vẫn còn khá đúng cho suốt cả thế kỷ: gắn với đất mà phải rời bỏ đất; có đất mà phải sống dưới mức nghèo khổ; cực kỳ hiền lành, tốt bụng, chỉ mong được sống yên ổn với những mơ ước đơn sơ, thế mà không lúc nào được yên vì trăm nghìn hiểm họa bủa vây, rình rập.

Quán Gió, *Cầu sương*, qua thân phận tha phương của mấy nhân vật thành thị, Ngọc Giao gửi gắm tâm sự của mình về một cuộc

sống luôn phải đối diện với những nghịch cảnh trớ trêu. Viết trong bối cảnh Hà Nội tạm chiếm ông phải xóa nhòa các đường biên cụ thể của hiện thực, khiến cho cuộc kháng chiến chỉ còn là một cái phông mờ, trên đó là sự nối dài những cuộc tình và những phận người được vắt qua một con đập lớn là cách mạng và kháng chiến. Trong nền văn xuôi mới sau 1945, hai cuốn tiểu thuyết trên của Ngọc Giao cho ta cảm nhận một giao thoa, chứ không phải là sự cắt đứt của một tiến trình vẫn còn nhiều ràng buộc nhân quả trước và sau 1945.

Trong số các tác phẩm dài hơi viết sau 1945, cần dành một vị trí riêng cho *Xóm Rá*. Theo lời kể của Ngọc Giao thì đó là sự ghi nhận một hiện thực đặc biệt của Sài Gòn năm 1949 mà ông đã có dịp sống trong hai tháng; hiện thực đó ông đã chọn phương thức *phóng sự* để thể hiện (*Xóm Rá - phóng sự Sài Gòn*), và viết xong tác phẩm vào năm 1957, có nghĩa là trong bối cảnh Hà Nội đã được giải phóng sau ba năm. Nhưng tác phẩm đã không thể in; và ông đành phải gửi tặng cho một người bạn tin cậy là ông Lâm café để nhờ giữ hộ. Rồi còn phải chờ tiếp cho đến hôm nay *Xóm Rá* mới có thể ra đời.

Một di cảo Ngọc Giao để lại sau hơn nửa thế kỷ.

Một phóng sự về thực trạng nhà chứa và gái mại dâm - có thể xem đây là sự tiếp tục một đề tài đã quen thuộc trước 1945, với các phóng sự và tiểu thuyết của hai tên tuổi Trọng Lang và Vũ Trọng Phụng.

Đọc *Xóm Rá* thấy ở Ngọc Giao một bút pháp mới - bút pháp phóng sự, khảo tả chi tiết những điều mắt thấy tai nghe - nơi một vùng đất được xem là cấm, là húy kỵ đối với việc bảo vệ đạo đức và an toàn sức khỏe cho xã hội... Bởi đây là xã hội *buôn người* mà nạn nhân là phụ nữ. Và nếu phụ nữ do làm nghề này mà nhân phẩm bị hạ xuống đáy, thì *người buôn, người mua* lại càng là một đám thú vật, không còn mấy tính người. Một thế giới gồm hai loại người như thế - đó là *Xóm Rá*, mà ngay từ chương đầu, người đọc đã có thể nhận ra, qua một văn phong rất thời sự, rất "phóng sự", sắc sảo và hài hước, đó quả là điều có gây nên ngạc nhiên và thú vị đối với tôi - là người cho đến bây giờ vẫn chỉ mới quen với Ngọc Giao như là tác giả của *Phấn hương* và *Nhà quê*, của *Cầu sương* và *Quán Gió*...

Một tiểu thuyết - phóng sự (hoặc phóng sự - tiểu thuyết) trong kết hợp và bổ sung giữa hai thể viết, trong tương ứng với chất liệu và chủ định của tác giả, ghi nhận cái mới, cái lạ trong văn Ngọc Giao

vào những năm 50 - làm nên một gắn nối đầu và cuối thế kỷ XX - hai nửa thế kỷ Ngọc Giao đã sống trọn với bao cung bậc của trải nghiệm.

* * *

Bây giờ vào dịp kỷ niệm chẵn 100 năm ngày sinh Ngọc Giao, khi một số truyện ngắn của ông đã được chọn in trong 4 tập; và khi ba tiểu thuyết *Nhà quê*, *Cầu sương* và *Xóm Rá* vừa mới ấn hành, cùng các cuốn *Đất*, *Quán Gió*, *Mưa thu* (truyện vừa), *Đốt lò hương cũ* (ký), *Bến đò Rừng* (truyện ngắn) đang chờ in, không kể những tiểu thuyết khác như *Xã Bèo - người của đất*, *Con người*, *Cơn gió bấc* và tập ký *Chuyện thôn Kiều* đang được người thân khẩn trương tìm kiếm, chúng ta có thể nhận rõ một sự nghiệp viết dẫu có bị ngắt quãng hơn 30 năm nhưng vẫn tìm được sự gắn nối để có độ dài ngót 70 năm, với số lượng có thể nói là đồ sộ để đưa Ngọc Giao vào hàng ngũ những cây bút lực lưỡng trên văn đàn thế kỷ XX. Về phần tôi, là người sớm được đọc ông, cùng lúc với đọc Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng..., phải cho đến bây giờ tôi mới có thể yên tâm đặt tên cho bài viết của mình về ông là *Sự nghiệp viết của Ngọc Giao*, sau bài viết đầu tiên về ông vào giữa năm 1999 - cách đây 12 năm có tên *Ngọc Giao - người khỏi bị lãng quên vào cuối thế kỷ*. Có nghĩa là, với ông - năm 1999 (cũng như với Vũ Bằng và Lan Khai sau đó), mới chỉ là "khỏi bị quên", trong khi nhiều tên tuổi khác như Tản Đà, Vũ Trọng Phụng, rồi một số thành viên của Tự lực văn đoàn và các kiện tướng trong phong trào Thơ mới đều đã được nhận lại giá trị ngay sau khi khởi động của công cuộc Đổi mới.

Tây Hồ 15-4-2011

P.L

Đôi mắt đẹp

Trang lần bước đến bên cửa sổ, ngồi đan cho chồng một chiếc áo len để mặc trong vụ rét.

Chiếc áo ấy, Trang bắt đầu làm từ nửa tháng nay, nửa tháng nay nàng sắm sửa áo cho chồng, cho người mà nàng yêu quý nhất đời.

- Sến ơi, lửa còn cháy không, em?

- Thưa mợ, còn cháy ạ...

- Xếp thêm củi vào để cậu về sưởi, kẻo rét...

- Mợ còn nhắc đến cậu làm gì. Chắc cậu chả về nữa đâu... mà than cũng sắp tàn hết rồi mợ ạ...

Câu nói vô tình của con bé ở trung thành khiến Trang đau đớn. "Than sắp tàn rồi...", ngẫm nghĩ câu ấy, Trang thấy nó có một ý nghĩa mỉa mai chua chát, nhắc nàng nhớ đến tình yêu của chồng đối với nàng đã hầu như lạt lẽo, chẳng còn đằm thắm như xưa! Nhưng có lẽ nào nàng bị chồng hắt hủi cho đang! Nàng vẫn tự tin mình đã giữ tròn phận sự của một người vợ thủy chung thì rồi nàng sẽ được chồng thương lại.

- Sến ơi, Sến có đứng đấy không?

- Thưa mợ, con vẫn ngồi cạnh mợ đây mà. Lửa trong lò sưởi còn cháy to lắm. Mợ có ấm không? À này... mợ lắng tai nghe mà xem, tiếng củi nổ lách tách vui tai quá... Mợ đừng buồn... cậu chẳng về thì thôi... Mợ đã có tiền của ông bà gửi cho luôn rồi thì cần gì lương của cậu nữa.

Trang cất tiếng cười giòn giã, bảo con Sến:

- Không, có bao giờ mợ buồn đâu; lúc nào mợ cũng yêu đời lắm!

Rồi nàng lại vui vẻ giơ cái áo đang đan dở lên ngang mắt, hỏi:

- Sến ngắm hộ mợ cái áo này cậu mặc có vừa không?

- Có lẽ hơi rộng, mợ ạ...

- Sao mày biết?

- Vì con đoán độ này cậu chơi bời nhiều quá, người chắc phải gầy đi.

Trang thở dài yên lặng... Sau nàng đứng lên, sờ soạng lần đến bên cửa sổ, đứng "nhìn" ra ngoài phố. Lắng tai nghe tiếng xe cộ, tiếng người qua kẻ lại, bỗng thấy lòng buồn bã. Nàng vẫn đi lại quanh nhà, nhưng nào nàng có đi xa được nữa đâu.

Giá đi được thì nàng đã không bị sống cô độc trong ngày đông tháng giá, và nàng đã không phải ngậm ngùi, than khóc giữa thế giới tối tăm vô tận, vô cùng..., giữa cái thời xuân rực rỡ mà than ôi, nàng không biết một tia ánh sáng của ngày xuân. Nàng để mấy giọt lệ rơi hoen má, mỉm cười một cách chua cay:

- Sến ơi, ngoài đường vui vẻ quá... Tao vừa thấy cậu đi khoác tay một người con gái xinh đẹp lạ lùng..., nhất là đôi mắt... ừ... đôi mắt thì lại đẹp tuyệt trần là đẹp!...

Nghe chủ nói, con Sến bưng miệng cười khúc khích:

- Ờ lạ! Mợ trông thấy cậu con ư, sao mợ không gọi lại?

- Con ranh này lại muốn giễu tao! Tao chỉ tưởng tượng thấy thế, chứ tao có trông thấy gì đâu!...

- Thôi mợ đi vào, kẻo đứng đấy gió lùa vào rét lắm.

Trang quay vào ngồi đan nốt chiếc áo để đợi chồng, đợi người mà nàng yêu quý nhất trong cuộc đời trống rỗng, buồn tênh.

- Thưa mợ, than sắp nguội hết rồi, mợ ạ...

Trang lạnh lùng đưa mũi kim đan... nghe những giọt mưa gieo ngoài cửa kính...

- ... Thì lại chất thêm củi vào để cậu về sưởi kẻo rét...

Tiết trời chiều nay càng thêm lạnh ngắt. Nàng gấp chiếc áo len đã đan xong, cất cẩn thận vào tủ áo. Vô tình, nàng đứng trước tấm gương lồng trong một cánh cửa tủ rồi nàng giơ bàn tay sờ soạng tự hỏi không biết mình có còn trẻ, đẹp nữa không!

Vẩn vơ, nàng sực nhớ tới những khi cùng người chồng thân yêu đứng ngả đầu áp bóng trước mảnh gương trong suốt, ngây thơ sung sướng... Nàng nhớ nhất là lúc chồng nàng ghé môi hôn cặp mắt đen láy của nàng trong những phút mơ màng đắm đuối... Thế mà nay, nàng lại đứng một mình sờ soạng bắt lấy bóng chồng xưa và tìm lấy đôi mắt xinh đẹp của mình khi trước. Nhưng than ôi! Tấm gương vẫn lạnh lùng, giá ngắt chìm sâu vào nơi tăm tối vô cùng.

Trang rùng mình, lẳng lặng ra bàn giấy của chồng thường ngồi viết. Nàng chạm tay rờ đến một bức ảnh của nàng đã chụp với chồng mùa đông năm ngoái, sau khi cưới được vài hôm. Nàng vội lấy mùi soa lau sạch mặt kính, xong lại nâng niu đặt vào chỗ cũ. Nàng lẩm bẩm một mình:

"Yêu bức ảnh này, có lẽ chồng ta chỉ yêu riêng đôi mắt xinh đẹp của ta thôi... nhưng đến bây giờ... đôi mắt ấy còn đâu...!".

- Thưa mợ, con đã về đây ạ.

- Sến có nhớ mua hoa không đấy?

- Thưa mợ, có.

Nàng cầm bó hoa cắm vào chiếc lọ sứ men trắng mà nàng mua từ khi mới lấy chồng. Nàng rờ từng cánh hoa, hỏi con Sến:

- Đây là đóa cẩm chướng, phải không?

- Thưa mợ, đúng ạ.

- Đây là đóa vân côi.

- Ô, mợ đoán tài đấy.

- Bông... hải đường?

- Vâng, chính bông hải đường, sao mợ biết?

- Vì mùa đông năm ngoái, cậu rất ưa những thứ hoa này. Cậu thường hay ví tao đẹp như đóa vân côi, bông cẩm chướng, đóa hải đường.

- Thế mùa đông năm nay cậu có còn ưa chuộng những đóa vân côi, bông cẩm chướng nữa không, hả mợ?

- Trời ơi, sao mày nỡ hỏi tao câu ấy...

Trang thổn thức, gục đầu xuống khóc.

Sến sợ hãi, đứng dựa vào góc tường không dám nói nữa. Nó hối hận đã vô ý làm cho chủ phải đau lòng.

... Những giọt mưa đông vẫn gieo ngoài cửa kính. Xe cộ vẫn tấp nập ngoài đường. Trang vội ngẩng đầu lên, bảo Sến:

- Mau đi đốt củi để cậu về sưởi kẻo rét...

* * *

Ngày qua...

Đếm từng giờ, nàng cố mong chồng nhưng chồng không trở lại...

Đếm từng giờ, những tia lửa trong lò than thoi thóp cháy rồi để lại chút tro tàn lạnh lẽo, cũng như... đếm từng giờ... những đóa vân côi, cẩm chướng theo nhau ném những cánh héo khô xuống mặt khăn bàn.

Sáng nay, Trang ngồi bên lọ hoa men trắng, sờ soạng đếm những cánh úa tàn của đóa cẩm chướng, vân côi... như đếm những ngày cô tịch, những bước đi của chồng trong xóm trụy lạc, yên hoa.

Thất vọng, nàng thở dài, buồn bã... Nàng không còn mong được thấy ngày chồng nàng sẽ hồi tâm trở về gian phòng xinh xắn ấy để yêu nàng. Tâm hồn nàng bị tan nát giày vò bởi những ý nghĩ chán nản, chua cay trong những đêm dài đằng đẵng... những ngày đông quạnh quẽ, âm thầm.

Nàng vừa toan đứng lên ra tựa cửa kính "nhìn" ngoài đường cái thì chợt Sến chạy vào mừng rỡ reo to:

- Mợ ơi... mợ ơi, cậu con đã về rồi kia, mợ ạ.

Trang bàng hoàng cảm động. Người nàng run lên như bị cóng, nàng không thể đứng được, phải ngồi phịch xuống ghế. Sực nghĩ đến những giọt mưa đêm qua đã làm lạnh chồng yêu, Trang vội vã giục Sến:

- Đốt củi mau để cậu sưởi kẻo rét, Sến ơi!

* * *

Trên bậc thang, Tân khó nhọc, uể oải trèo lên gác. Tân bơ phờ mỏi mệt như một anh chàng đã lăn lóc suốt đêm trong nhà hát hay một tiệm thuốc vừa ra.

Sến lắp bắp:

- Mợ con mong cậu mãi...

Tân lẳng lặng không đáp, đẩy cửa, khẽ bước vào phòng. Anh đứng sững, ngơ ngác ngắm gian buồng lịch sự, ngắm ngọn lửa hồng reo trong lò than rực rỡ, nghe tiếng củi nổ lách tách, âm thầm... Anh từ từ nhìn đến vợ, trời ơi, vợ anh ngồi đây kia... một người còn trẻ nõn, xinh đẹp tuyệt trần. Này mớ tóc đen quấn rối, rủ lòa xòa xuống màu da trắng mịn màng không gợn phấn..., này vành môi đỏ chót in nét sầu, không đượm chút son tô.

Những vẻ đẹp hiền từ, phúc hậu, dịu dàng, ngây thơ ấy như đã cảm hóa được tâm hồn đắm đuối nhơ bẩn của anh.

Tân chợt giật mình nom thấy bóng mình trong tấm gương ở tủ áo. Tân ghê sợ vì cặp mắt lờ đờ, sâu hoắm của mình, vì màu da xanh xám, mớ tóc rối bồng mà đã mấy ngày nay anh lơ đễnh chưa hề cầm lược chải! Anh khó chịu trợn mắt ngắm nghía rồi tự thấy mình khinh ghét mình, anh có cảm giác coi mình như một kẻ bất lương, một tên tướng cướp mới vượt ngục trốn về! Rồi Tân nhắm mắt lại, vội quẳng chiếc áo tơi lên lưng ghế, đoạn rón rén ra giường gieo mình xuống nệm bông, nằm thiêm thiếp...

Từ nãy, những cử chỉ của chồng, nàng không nom thấy. Nàng vẫn hồi hộp ngồi yên để chờ một câu hỏi của chồng. Nhưng chờ mãi không thấy một tiếng động nào. Nàng khẽ hỏi:

- Sến ơi, cậu đã lên chưa?

- Thưa mợ, cậu con nằm ngủ rồi. Con trông cậu con như người ốm ấy, mợ ạ.

- Trời ơi, tội nghiệp! Em đi lấy lọ bạc hà đem ra đây, mau lên!

Trang hấp tấp, lần tới giường ngồi bóp trán cho chồng. Nàng rờ rẫm thấy quần áo chồng bị ướt đẫm và người gầy hẳn đi thì khẽ thở dài. Đoạn nàng lại lấy chăn đắp kín cho chồng, ngồi lặng yên chờ anh tỉnh giấc.

* * *

Buổi chiều hôm ấy, ánh đèn xanh tỏa trong gian buồng ấm áp, yên vui.

Tân thức dậy, rửa mặt chải đầu, thay quần áo sạch sẽ. Còn nàng thì tươi tỉnh dặn dò Sến nấu nướng các món ăn. Nàng trải một chiếc khăn bàn trắng nõn, xếp đặt hai chiếc ly, một chai rượu tây và chính giữa bàn nàng để chiếc lọ sứ men trắng mà nàng lại mới thay vào một bó hoa tươi: những đóa vân côi, những bông cẩm chướng.

Nửa giờ sau con Sến đã xếp đặt xong bàn tiệc. Trang sung sướng, vui vẻ mời chồng.

- Nào xin mời anh vào bàn cho...

Tân đáp ngượng ngùng:

- Cảm ơn mình.

Nàng mở nút chai, rót đầy ly rượu tràn cả xuống khăn bàn. Tân vội đỡ chai rượu ở tay nàng.

- Em rót đầy quá!

Nàng cười nức nở:

- Tại em không trông thấy. Mà có đầy thế thì mới gọi là thực yêu nhau chứ...

Người chồng hối hận, bồi hồi.

- Kìa, anh đã cạn ly chưa?

- Anh uống rồi.

Trang nhấc ly rượu giơ về phía có ánh đèn ngắm nghía...

- Hình như rượu màu hồng ấy, anh nhỉ! Ờ, ờ phải..., em tưởng tượng như thấy một màu hồng rực rỡ tươi thắm quá... Mà đây này... em lại còn tưởng tượng thấy bóng anh lặn lội ngoài mưa gió với một người... phải, một người có đôi mắt đẹp, trong như nước mùa thu...

Tân lẳng lặng. Lời nói chua chát ấy đã vụt lôi anh trở lại với quãng thời gian nhơ bẩn vừa qua... Anh hình dung đến khuôn mặt xinh

xắn, đến đôi mắt đẹp của Nga, của một ả giang hồ đã bắt anh xa vợ, xa nhà!

- Em tha thứ cho anh.

Trang càng cất tiếng cười nức nở, rượu trong ly tràn xuống tay nàng.

- Không, không, anh chẳng có tội gì với em. Cái bóng người có đôi mắt đẹp ấy là em kia mà... Ngoài chúng ta, em có thấy ai đâu!

Tân cảm động, chàng không ngờ vợ anh lại có một tấm lòng quảng đại, một tâm hồn thanh cao đáng để anh kính phục vô cùng.

- Này em, ngoài anh ra, em không trông thấy ai hết... em không nhận hay không nỡ nhận thấy những cái xấu xa nhơ bẩn của anh trong lúc anh hắt hủi em ư? Trời ơi, thế thì chính em mới là người có đôi mắt đẹp nhất đời...

Nàng cất tiếng cười khanh khách:

- Đôi mắt đẹp của một... người mù, ồ, thú nhỉ!

- ... Mà đôi mắt đẹp ấy thì quyết ở trên đời này, không một thiếu nữ nào có được.

Ánh đèn xanh tỏa trong gian phòng ấm áp.

Tiếng củi vẫn reo...

Tân vuốt ve những cánh hoa cẩm chướng, vân côi, rồi anh cúi đầu âu yếm hôn những cánh hoa ấy... cũng như xưa, anh đã hôn "đôi mắt đẹp" của vợ, đôi mắt mà hiện nay không còn được ví như làn nước hồ thu trong trẻo... đôi mắt mà giữa thời xuân rực rỡ..., nàng không được biết một tia ánh sáng của ngày xuân.

In trong *Một đêm vui,* tập truyện ngắn,

NXB Tân Dân, H., 1937

Một chuyện quái đản

Chiều hôm ấy, tôi lại vào vườn táo, trèo lên một cây, vừa bứt quả chín ăn, vừa nhìn ra đường, mong đợi lão già cô độc. Trời đã nhá nhem tối. Bọn lái buôn ở chợ Ráy bên sông Lục đã quảy gánh trở về, lũ lượt đi qua ngoài rào tre, trò chuyện ồn ào, vui vẻ mà tôi vẫn chưa thấy ông già thân yêu đó tới gõ cửa, âu yếm gọi tên tôi.

Lòng tôi bồn chồn, khắc khoải, tay tôi uể oải không muốn vin những cành mềm dẻo, đầy những chùm táo ngon lành. Ô hay, tôi nhớ ông cụ già khốn khổ mà bấy lâu nay tôi không biết tên tuổi, không biết cửa nhà, tông tích ra sao! Chỉ biết ông ta cứ cách một ngày lại tới thăm cha tôi vào lúc trời sẩm tối. Mỗi lần đến, không bao giờ ông ta quên giắt trong mình một hộp thuốc phiện và mang làm quà cho tôi vài thứ quả rất ngon. Nhưng mong ông ta đến chẳng phải tôi thích những thứ quà kia vì trong vườn nhà tôi suốt bốn mùa hoa thơm, quả lạ khá nhiều. Mong ông, bởi tôi được gặp gỡ người bạn quý của tôi mà bất cứ đi đâu, ông cũng dắt kèm. Người bạn ấy là con khỉ nhỏ, hình như hiểu biết tiếng người. Tôi đùa nghịch với nó trong khi ông cụ và cha tôi nằm bên khay đèn tiêm thuốc, luận bàn về thời thế, thi văn. Khi ấy tôi còn nhỏ tuổi, tôi không hiểu ông nói những gì, mãi đến lúc lớn lên, hay mãi đến bây giờ, tôi mới rõ nghĩa những câu ông ngậm ngùi than thở với cha tôi.

Buổi chiều hôm ấy, ngồi trên cành táo, mỏi mắt trông mà tôi không thấy ông già rảo bước trên con đường lồi lõm ven sông. Buồn rầu, tôi tụt xuống đất, vào nhà hỏi cha tôi tại sao ông già chẳng tới. Song cha tôi lắc đầu không đáp và bảo tôi đem sách ra ôn lại các bài. Tôi cúi đầu, mở sách học, nước mắt chạy quanh.

Ngoài vườn gió đông vi vút, thỉnh thoảng những cành lá úa, những trái cây chín nẫu rơi xuống ao kêu lõm bõm.

Cha tôi nằm trên nệm ấm, kéo những hơi thuốc thật dài, đều đặn,

mùi khói thơm tỏa khắp gian phòng. Một luồng gió lùa vào khe cửa, tôi rùng mình, vội kéo chăn quấn quanh mình, thò đầu ra học. Chợt tôi nghĩ đến ông già... ông già ở chốn nào bên kia sông xa lắc xa lơ.

Rồi tôi tưởng tượng thấy ông ta đang ốm nặng, áo quần không đủ ấm, túp lều chẳng đủ che mưa. Tôi đoán ông nằm dán xương trên chiếc phản, chẳng có ai hầu hạ vì một lần, ông xoa đầu tôi, cười bảo: "Ước gì ta có một cậu bé khôi ngô ngoan ngoãn như cậu bên mình thì cuộc đời cũng đỡ tẻ buồn. Nhưng ác thay, ta cô đơn, không con, không cháu, không thân thích, họ hàng, đến cả một đứa tâm phúc cũng không có nữa!".

Hôm sau, tôi lại ngồi trên cây táo, ngóng đợi ông già bên sông. Song bảy tám ngày ròng rã mong chờ, tôi thất vọng. Tôi lạt lẽo với lũ trẻ bên hàng xóm, như mọi ngày, kéo tôi ra bãi chợ chạy đùa, đá bóng. Tôi không nhìn đến cái lồng tre đặt tại gốc cau mà tôi đã nhờ anh bếp Lào làm hộ để bẫy chim. Suốt ngày tôi thẫn thờ, nhác việc học hành. Nếu hồi ấy tôi đã lớn khôn thì hẳn có người chế tôi là tương tư gái, nhưng mới mười một tuổi tôi đã biết yêu đương là gì!

Cha tôi từ khi không gặp ông già hình như cũng tần ngần, buồn bã. Những lúc nằm bên khay đèn nha phiến, tay dờ dọc tẩu, đôi mắt lim dim dưới cặp kính, nhả tia khói mảnh vờn ngọn lửa liu riu rồi hãm ngụm nước chè tàu hoặc miếng lê, miếng táo là những lúc cha tôi bâng khuâng nhớ đến ông già tri kỷ. Lão già đi mất tức là chúng tôi thiệt một khách đồng hương tử tế giữa lúc sống ở nơi nước non người. Vì khi chúng tôi mới đặt chân trên đất Ai Lao chừng hai ba tháng thì do sự ngẫu nhiên mà cha tôi và ông già vô danh đó biết rồi quen. Quen, ông già trở nên khách quý của nhà tôi. Luôn luôn cha tôi hẹn ông già đến chơi uống rượu, đáp lại tâm tình tri ngộ ấy, ông già thường cũng làm quà cho cha tôi những con chim lạ mà ông bẫy được trong rừng. Vợ con ông, cách sinh hoạt, nơi trú ngụ của ông, cha tôi hỏi, ông chỉ cười không muốn nói. Đến cả tên ông, quê quán ông, cha tôi chỉ biết mập mờ: "Lão Xương, tuổi độ 55, 56 (ở tuổi ấy, nhưng ông đã già yếu lắm) và quê quán: tỉnh Cao Bằng ngoài xứ Bắc". Thế thôi. Tất cả những nét đau khổ in trên khuôn mặt dày dạn phong trần, tất cả những lời mỉa mai cay đắng trộn trong câu thơ, bài phú, diễn trong tiếng nói, giọng cười, chỉ bày cho người ta biết một lai lịch gọn gàng, thế thôi!

Bởi vậy, từ ngày vắng mặt ông già, chúng tôi chẳng thể tìm ông tại xó rừng nào bên sông.

Tôi, một ngày một lớn, đã bước qua thời kỳ thơ dại. Cách bảy năm không thấy ông già, tôi quên mùi vị những trái cây thơm ngọt mà xưa kia ông già vẫn nhét đầy túi áo tôi mỗi lần tôi niềm nở đón ông ngoài ngõ; tôi quên những tiếng cười trong trẻo, vô tư lự mỗi khi tôi đùa nghịch với con khỉ trên cây táo trong vườn; rồi ông già cô độc, tôi cũng quên... tôi cũng yên trí lão đã ôm con vật có nghĩa kia, nằm chết rấp dưới một gian điếm cỏ, hay trong một góc rừng sương gió.

Bỗng một ngày kia, ở trường học về tới cửa, tôi thấy ông già đang ngồi một mình bên cửa sổ, không ai tiếp, vì cha tôi đi vắng từ tuần lễ trước. Mừng cuống quýt, tôi vội quẳng sách ra bàn, nắm chặt hai tay lão. Cảm động, lão ngắm tôi bằng cặp mắt khô và nhếch mép cười, lão cũng mừng tôi chóng lớn. Tôi gọi người nhà pha nước và bảo dọn cơm mời lão cùng ăn. Tôi hỏi lão về mấy năm chia biệt, lão đáp tôi một cách ngại ngùng, kín đáo. Tóm lại, tôi chỉ biết trong mấy năm đó, lão không ở xứ Lào. Ăn cơm xong, lão định ra về, tôi xin lão cho theo thăm cái ổ mà lão giữ bí mật từ xưa.

Chúng tôi thuê đò qua sông. Đến bờ bên kia, lão dẫn tôi đi trên một cánh đồng ngô dưới chân dãy núi đá, cheo leo, hiểm hóc. Tới gần khu rừng rậm, tôi tưởng lão rẽ sang con đường tắt để vào trong đó, nhưng không, lão đưa tôi ngoặt về đằng chân núi, lẻ loi một túp lều tranh lẩn trong cây cối um tùm. Lão mở khóa dắt tôi vào. Tôi ngắm cảnh bài trí sơ sài, giản dị: một chiếc hòm cũ, một chiếc phản hẹp phủ manh chiếu tối tàn. Phía đầu giường, kê chiếc đôn gỗ, trên đặt một pho tượng trắng hình một thiếu nữ Lào. Tôi ngẩn người ngắm kỹ, trời ơi, một người... có lẽ hơn bảy năm ở cái đất Lào này tôi chưa từng thấy thiếu nữ nào có nhan sắc đẹp như pho tượng đó.

Lão Xương mỉm nụ cười tinh quái, vỗ vai tôi:

- Cậu cũng ngây ngất vì sắc đẹp của pho tượng này ư?

Tôi đỏ mặt chưa kịp đáp thì lão lại nói một cách thương yêu:

- Mà cậu không thể vô tình là phải. Bởi vì, với tuổi mười chín, đôi mươi, cậu đã biết chút ít việc đời.

Lão Xương vừa nói vừa mở hòm lấy ra một khay đèn thuốc phiện bày lên mặt phản. Rồi lão bảo tôi ngồi cạnh trong khi lão trân trọng lắp chiếc diện tẩu vào dọc và bật que diêm gí lên ngọn bấc đèn dầu lạc. Tôi đang nhìn lão lăn tiêm thuốc thì một con khỉ đu mình trên một cành cây nhảy xuống, bám chiếc chấn song gỗ,

chui vào. Nó nhìn tôi, rồi như nhận thấy người quen cũ, nó chạy đến nắm áo tôi kêu mấy tiếng vui mừng. Lúc ấy, lão Xương vừa tiêm xong điếu thuốc, bảo tôi:

- Đấy, người bạn cậu hồi còn nhỏ tuổi. Ngày nay cậu đã lớn, mà nó cũng già rồi.

Con khỉ khẽ vuốt má tôi, đoạn nó nép mình vào áo tôi, ủ cho đỡ lạnh.

Lão Xương, chống khuỷu tay xuống gối, từ từ ngồi dậy, phun một tia khói trắng, khéo làm cho nó bay lên pho tượng, tỏa lan như một đám mây mờ bao phủ mặt hoa của vị bạch thần.

Ngạc nhiên, tôi nhìn kỹ lão Xương. Hai mắt lão, trong phút đó, in một nét buồn vô hạn: cặp môi đã thâm xám sẵn, lúc ấy lại như nhuộm thẫm sắc chàm. Hai bàn tay run lẩy bẩy đưa về pho tượng đẹp nõn nà như một người bị đuổi chơi vơi cố vịn chiếc phao trên mặt nước, hay một người mê ngủ đang theo đuổi cái bóng mơ hồ của giấc mộng tàn...

Lão lại nằm xuống, tiêm điếu thuốc khác và thở khói lên pho tượng, làm cái việc kỳ quặc ấy lão tưởng chừng cạnh lão không có một người đang lạ lùng hết sức. Con khỉ bỏ tôi, bò đến, hếnh mũi lên hít khói. Thì ra - tôi nghĩ bụng - lão già, con khỉ, và... cả pho tượng mỹ nhân đều nghiện nặng.

Mười phút sau, lão Xương mới sực nhớ đến tôi vì từ nãy lão còn mải hút. Lão ngồi dậy, chiêu ngụm nước, ôm ngực ho mấy tiếng, đoạn tháo diện ra, cạo xái vụn đổ vào chiếc chén con, vừa nghiền cho quánh, vừa mời tôi uống bát nước chè đã nguội.

- Cậu Hoa! Bữa nay không những cậu được rõ túp nhà gianh bí mật, cậu lại còn được nghe một chuyện lý thú tôi sắp kể đây. Không còn trẻ thơ, ngây dại, cậu đã lớn lắm rồi, cậu đã đến thời kỳ phải biên chép vào khối óc những sự dở, hay...

Lão Xương nhỏ thêm một giọt nước vào chén xái, cầm kéo cắt cái hoa lửa bám trên đầu bấc, xoay lại chiếc chụp pha lê vỡ rạn, có một vệt cánh kiến khoanh ngang.

“Hồi tôi ngoài hai mươi tuổi, tôi sang xứ Lào này làm việc. Khi xưa, người mình xuất ngoại không có mấy, nên ở đây tìm một người cùng xứ sở để kết thân không phải dễ dàng. Ngày đi làm hai buổi, tối lại thui thủi một mình với bóng, hoặc đọc sách đỡ buồn. Nhất là một trai chưa vợ đang cường tráng, hoạt động, ngông

cuồng, khao khát tình yêu, lại sống lạt lẽo thì chịu làm sao! Nhưng tôi buồn chán không lâu, vì cái thú thiêng liêng mà tuổi trẻ ước ao được nếm đã tràn ngập linh hồn tôi vào một buổi tối mùa đông mưa gió...

"Tối ấy, tôi toan tắt đèn lên giường ngủ thì có tiếng người gọi cửa, tiếng gọi rất mau. Tôi vừa rút chiếc then thì người bên ngoài đã vội vàng đẩy mạnh, hai cánh cửa mở toang, khiến tôi suýt ngã. Dưới ánh đèn, tôi định thần nhìn kỹ: một thiếu nữ, trời ơi! Khách lạ có vẻ sợ sệt, cuống cuồng, hình như một tội nhân trốn ngục, hình như có kẻ thù theo dõi sau lưng để hại... Nàng đứng nép vào khe tủ, thân hình co quắp, lẩy bẩy run tựa chiếc lá khô sắp rụng. Màu da tái nhợt, nàng hoảng hốt nhìn ra bóng tối chập chờn. Biết nàng lo sợ, tôi vội khép cửa, gài then, và chặn thêm một chiếc bàn to để nàng yên dạ. Rồi tôi mời nàng ngồi xuống ghế, hỏi duyên cớ vì đâu mà nàng phải hãi hùng... Nàng chỉ ngó tôi, không hé miệng. Tôi đoán nàng ngờ tôi không thực lòng che chở cho nàng. Sau biết nàng mệt và đói, tôi gọi tên lão bộc Lào, bảo thổi cơm, đốt củi... Trông thấy lão bộc của tôi nàng rú lên một tiếng, níu lấy áo tôi, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập. Tôi ngờ: có lẽ nàng đang bị một người chồng đồng chủng định hại nàng, nên sợ lây đến cả tên đầy tớ của tôi!

"Nghĩ vậy, tôi nắm chặt tay nàng giới thiệu tên đầy tớ nọ là một kẻ trung thành, thân tín, quyết không xâm phạm đến nàng. Lúc đó, nàng mới yên tâm, ngồi cầm khăn tay lau mặt, sửa lại mái tóc, thấm những hạt nước mưa đọng trên xiêm áo.

"Một lát sau, mâm cơm đã đặt trên bàn. Không chờ tôi mời hai tiếng, nàng cầm đũa ăn một cách tự nhiên. Trong nửa giờ, các món ăn và nồi cơm đã hết, nàng ngồi bên lò than nóng sưởi tay, ngẩng mặt nhìn tôi như thầm cảm tạ. Tôi cũng kéo ghế ngồi bên; bấy giờ, nàng mới cho tôi biết rõ tên nàng là Sánh Mải, một người trong Hoàng phái đức vua Lào, song mẹ cha mất sớm, nên phải sống như một kẻ thường dân. Nàng ở về phía bắc giáp khu rừng Lao Bản, làm nghề dệt vải nuôi thân. Đang sống những tháng năm yên tĩnh thì bữa kia, một gã thanh niên bên hàng xóm, vì nhiều phen xin nàng ban cho tình yêu nhưng thất vọng, gã sinh dạ oán hờn. Rồi nhân một hôm nàng ra chợ bán hàng, gã châm lửa đốt nhà nàng.

"Bơ vơ, nàng ra tỉnh thuê gian nhà nhỏ, cố công tần tảo kiếm tiền. Mừng thầm không ai phiền nhiễu nữa, thì chợt một buổi tối trời, đang theo tên phu quẩy gánh hàng từ chợ về tới cửa, không ngờ, nàng nghe rõ mấy lời đe dọa sau lưng. Ngoảnh lại, nàng nhận thấy

cái mặt xấu xí thô bỉ của kẻ thù xưa. Nàng vội chạy vào nhà, đóng cửa, gã kia vụt nhanh như chiếc bóng, cười gằn mấy tiếng, đoạn biến vào ngõ hẻm. Từ hôm đó nàng ít ăn ít ngủ, sớm tối lo buồn.

"Một buổi, nàng mang vải sang một nhà phú hộ bên sông bán. Bán xong, theo đường cũ ra bến nước đáp đò về thì bỗng nàng trông thấy kẻ thù đã đứng chờ dưới một gốc cây. Sợ hãi, nàng quay mình lại, rảo chân lẩn vào cánh đồng ngô rậm rạp, chạy đến nhà tôi, liều đập cửa...

"Rồi đêm ấy...

"Ánh lửa trong lò than le lói hắt lên khuôn mặt trái xoan, trắng mịn, hắt lên cặp mắt đen tựa màu huyền trong sáng, chiếc mũi dọc dừa, với hai làn môi đỏ san hô vẽ một nét thanh thanh tuyệt mỹ... mấy vòng kiềng bạc khoanh dưới cái cổ trắng tròn, đôi vai đều đặn, bộ ngực nở nang và cả tấm hình tha thướt ấy. Ái tình ôi! Cho phép tôi yêu!

"Đê mê, tôi thèm cái quyền sở hữu người đẹp nọ, rồi đánh bạo, tôi kề sát nàng mà âu yếm. Nàng không cưỡng, mỉm cười.

"Rồi đêm ấy...

"Tôi bơi lội trong nguồn ân ái. Tôi biết hương vị của bông hoa bạt gió rơi xuống tay tôi do sự tình cờ...

Nói đến đây, lão Xương tiêm xong điếu thuốc kéo một hơi. Lão lôi con khỉ đến gần, thở khói vào mũi nó. Con vật nhìn tôi nhảy nhót, làm như khoan khoái lắm.

"Từ đấy, nàng không rời tôi ra nữa. Sống cuộc đời tốt đẹp, chúng tôi vui sướng vô cùng. Mê tôi quá, yêu tôi quá, lúc nào cũng muốn gần tôi, nên nàng bảo tôi xin nghỉ việc ngồi nhà để nói chuyện với nàng và một điều cốt yếu là để che chở nàng, nếu chẳng may kẻ thù kia quấy nhiễu... Trước tôi lưỡng lự, e rằng không làm việc, tất chẳng có tiền tiêu. Nhưng nàng giơ cho tôi xem một cuốn giấy bạc lớn mà nàng giắt tận túi áo trong, tôi mới bằng lòng. Thế là suốt ngày đêm chúng tôi chỉ ăn, ngủ và hút. Ở nơi sơn dã rất buồn, không có một cách gì giải trí, nếu chẳng kết bạn cùng thiếu nữ Phù dung. Bộ bàn đèn, bởi vậy không một phút nào xa cách chúng tôi. Nàng tiêm rất khéo, ép tôi hút thực nhiều. Đầu tiên, tôi còn bị say, khiếp sợ, sau mùi khói thơm tho, những phút linh hồn bay đến cõi mông lung, huyền ảo, trong ít bữa, đã xui tôi ca tụng thú ả phiến. Chúng tôi thi nhau hút, hút thâu đêm suốt sáng, Phù dung trộn với ái tình, say sưa... Thế rồi tôi mắc nghiện. Tinh thần tôi

nặng nề, u tối; thể chất tôi yếu ớt, gày, xanh. Trái lại, người yêu tôi mỗi ngày một đẹp, đẹp hơn lúc tôi mới biết nàng.

"Cứ thế, chúng tôi quên non sông, vũ trụ, mà nỗi lo về kẻ thù theo dõi bấy nay cũng dần tiêu tan hết...

"Chẳng ngờ, một buổi tối hè trăng gió, chúng tôi hút xong, mở toang cửa sổ cho khỏi nóng thì bỗng một cái mặt người dữ tợn hiện ngoài song gỗ, rồi biến mất...

"Nàng thét lên một tiếng ôm chặt lấy tôi, run lẩy bẩy, nước mắt chạy quanh.

"Chúng tôi, từ đêm ấy, buồn bã vô cùng. Ngày, chúng tôi không ra khỏi ngõ. Đêm chúng tôi lo có kẻ rình mò, nghe ngóng, tuy các cửa đã khóa kỹ càng.

"... Một buổi chiều, nàng đờ đẫn nhìn ra rừng cây, cánh đồng ngô bát ngát... Trầm ngâm hồi lâu không nhúc nhích, vẻ mặt nàng thê thảm như vừa nghĩ đến những điều đau thương trong ký ức hãi. Ái ngại, tôi khẽ rỉ tai nàng:

"- Em...

"Ngoài câu đó, tôi không biết nói gì hơn nữa. Nàng ngoảnh lại nhìn tôi, khiếp hoảng:

"- Trời ơi, em tưởng...

"Ấp tay lên ngực để trấn định trái tim đập mạnh vì sợ hãi, nàng bảo tôi ngồi sát bên mình, ngả đầu sang vai tôi ủ rũ.

"Anh Xương! Anh tha lỗi cho em... Em dối anh, em lừa anh tội nghiệp! Anh yêu em, em biết... Đôi lúc, em muốn đền ơn... nhưng không ngờ, em đền ơn bằng cái lụy. Em hối hận lắm, vì vậy, bữa nay, em thú với anh đời thực của em... Nghe em nói, anh đừng giận, xin anh chỉ chút tình thương.

"Câu chuyện em nói với anh buổi đầu không phải chuyện thực. Em bịa ra để cầu sự thương xót của anh. Em chẳng là một trinh nữ, - khốn nạn! Em là con yêu quái hại người. Em không là một người của Hoàng phái xứ này... Em, sự thật cùng với anh giống nòi: một thiếu nữ mười năm về trước sống ở Hà Nội. Vâng ở Hà Nội, hồi ấy em mới có mười lăm. Nhưng sớm bị dạn dày với tình yêu, rồi lăn lóc với người đời. Em yêu hết người này, khi chán, lại đến người kia... rồi trong cuốn sổ tay ghi tên tuổi các gã nhân tình,

em thấy tên một chàng lính lê dương đáng để em âu yếm nhất. Sau, chàng lính đó hết hạn tòng cơ, em theo chàng sang đất Lào lập nghiệp. Ở đây chẳng được bao lâu, chàng mắc bệnh thương hàn mà chết. Đang lúc bơ vơ, một gã trai trẻ người Lào cầu em gắn bó. Em ưng thuận, vì sau cuộc dò la kỹ lưỡng, em biết gã có thể làm cho em sung sướng, giàu sang. Quả vậy, gã không phụ lòng sở nguyện của em. Gã hẹn cùng em làm một nghề tuy nguy hiểm nhưng mau giàu: nghề buôn thuốc phiện không chịu thuế. Có tiền, em tha hồ phung phá, đánh bạc. Trong cuộc đỏ đen, nhiều lần em mất tới hàng ngàn.

"Hồi vận đang may, bỗng một chuyến buôn chúng em gặp lính đoan rình sẵn trong rừng. Gã bạn của em trốn thoát, riêng em bị bắt và "gánh" nửa năm tù! Nằm đề lao hai tháng, không chịu nổi, sau nhờ một dịp may, em vượt ngục vào một đêm giông tố...

"Ra ngoài, gã bạn em muốn nối lại tình xưa, rủ em làm nghề nọ... Em liền đi chuyến nữa, kết quả được phát tài. Nhưng sở tuần phòng truy nã riết, em sợ hãi phải bỏ y phục An Nam, đeo lốt người Lào. Sau vì một sự bất bình riêng, em bỏ gã kia; oán thù, gã định tố cáo tội em... Rồi đêm ấy, đang đứng bên bờ sông vắng, em gặp gã theo rình, em chạy đến gõ cửa nhà anh... núp mình dưới bàn tay che chở của anh... anh yêu em, tuy vậy, em ngờ sẽ có ngày anh hững hờ chán ghét, đuổi em đi... nên em nhẫn tâm, cố ép anh hút thuốc... bây giờ than ôi, anh nghiện nặng... anh tha thứ cho em...

"Nghẹn lời, nàng bưng mặt khóc rưng rức. Lòng tôi tê tái, nổi giận điên cuồng. Thế ra, tôi bị lừa. Tôi đã ôm ấp một con rắn độc? Tôi đã yêu, tôi đã nghiện vì một kẻ nữ tù vượt ngục đó sao?

"Tôi muốn bóp cổ con tinh ấy..., tôi muốn, nhưng một khuôn mặt đẹp như hoa, một tấm mình thanh như liễu... ai nỡ lòng nào!

"... Tối sau, chúng tôi hút xong, vừa đi nghỉ thì cánh cửa lung lay, tựa có người đẩy mạnh. Như linh tính báo trước, nàng can đảm vùng ngồi lên, lật gối lấy chiếc dao nhọn, nắm chắc trong tay, rón rén đến nép mình trong khe cửa, hai mắt giương to... Tôi cũng đi nhẹ chân, cầm một vật thủ thân, tiến đến cạnh nàng... Dần dần, cánh cửa hé to, một cái đầu rũ tóc đen trũi thò vào... Quả quyết, nàng giơ thẳng mũi dao, hạ xuống... Một tiếng kêu, tiếp đến một người ngã lăn xuống đất.

"Nàng đánh diêm soi, nhận thấy rõ xác kẻ thù, nàng hả hê, cười lạt. Tôi choáng váng, nhìn mấy dòng máu đỏ chảy loang.

“Khắp tỉnh ồn ào về vụ giết người mà thủ phạm là một thiếu nữ tuyệt xinh, người ta tưởng hai bàn tay trắng nõn không đủ sức trói con gà nhỏ. Ra tòa, nàng bị án khổ sai biệt xứ. Thế là tơ duyên đứt đoạn, nhìn nàng đeo áo số ra đi, tôi đau đớn biết nhường nào...

“... Ba mươi nhăm năm qua mất, đến bây giờ là cõi già nua! Nàng đi, tôi vẫn sống trong gian nhà cũ và muốn lưu lại chút kỷ niệm tình xưa, tôi vẽ hình nàng rồi thuê một nhà điêu khắc tạc thành pho tượng mà tối nay cậu trông thấy. Mỗi lần tiêm thuốc, tôi nhả khói lên pho tượng, làm thế, tôi muốn nàng trọn kiếp say sưa... Bảy năm qua, cậu không thấy mặt tôi vì (hẳn cậu không ngờ) tôi sang xứ khác để theo nghề buôn thuốc của nàng. Nhưng rủi ro, năm phen thất bại, năm phen tôi phải ngồi tù. Hết hạn tù lần chót, tôi chán nản không còn chí làm giàu nữa.

Hiện giờ, tiền hết, lực suy, tôi an phận nghèo mà vui sống nốt quãng tháng ngày tẻ lạnh...

Đó, cái dĩ vãng của tôi, - tôi, một lão già khốn nạn bỏ quê hương mà lăn lóc nơi xứ lạ, đất người bấy nay”.

Đêm càng khuya, gió càng thổi rít từng hồi ngoài rừng. Lão Xương đốt đuốc đưa tôi ra bến dắt tay tôi tiễn xuống thuyền. Chờ tới lúc tôi đã đặt chân trên bến bên kia, lão mới quay về nơi xóm vắng... Trong khoảng tối tăm mờ mịt, bó đuốc trên bàn tay run rẩy của lão già cô độc bốc cao ngọn lửa, rồi khoảnh khắc, chỉ còn chút than hồng bay tan tác trong sương...

* * *

Nửa tháng sau, một buổi sáng, lúc đẩy tấm cửa gỗ đổ xiêu mục ải, bước vào gian nhà ẩm thấp, tôi rợn mình, trông thấy lão Xương... lão Xương, hai chân quặp vào đống chăn cũ rách, nửa người buông nghẹo xuống gần mặt đất tanh hôi đọng vài giọt máu đã bầm tím. Bên sườn lão, bộ khay đèn bẹp vỡ, năm hộp thuốc phiện mở nắp sạch như chùi. Con khỉ co quắp nằm cạnh cái xác người, còn pho tượng khỏa thân như bị ai đập nát, tan thành nhiều mảnh, rải rác ngổn ngang...

Trong cảnh tàn khốc ghê gớm ấy, tôi thấy thần trí rối loạn, và thở dài, tôi lẳng lặng quay ra. Tôi phân vân, không thể đoán chắc rằng lão già và con vật khốn nạn kia chết vì no thuốc hay vì đói thuốc, hay vì quá điên cuồng, hay vì không chịu nổi những ngày trơ trọi.

In trong *Một đêm vui*, tập truyện ngắn,

NXB Tân Dân, H., 1937

Một đêm vui

... Những biết đâu rồi một buổi mai,

Thân tàn, tan tác giữa đêm vui

Âm thầm ai biết, ai thương tới,

Giữa lúc đàn ca với tiếng cười...

Thơ J.Leiba

"Hải Phòng, 1935

Chị viết cho em bức thư này sau một đêm vui, tiệc tàn, người mỏi, cõi lòng khô héo, lạnh lùng... Chắc em ngạc nhiên vì thấy một người xa lạ không hề quen biết mà bỗng dưng đường đột nhận làm chị em trong bức thư này. Nhưng chị xin em hãy nên yên tâm đọc kỹ, rồi em sẽ hiểu nỗi ngậm ngùi, u ẩn của một người đàn bà xa lạ đã vì em mà hy sinh cả cuộc đời.

"Em Thanh có còn nhớ - hồi tám năm xưa - em đưa chị về nhà chồng tại tỉnh Lạng Sơn vào một buổi sáng mùa xuân ấm áp?... Lúc tất cả mọi người sắp sửa ra ô tô về Hà Nội, chị nhớ rõ rằng em buồn bã, thơ ngây cầm áo chị, tỏ tình quyến luyến, vì từ đấy em không được luôn luôn gần bên chị, em không được chị trông nom, dạy dỗ như hồi mẹ chưa bị bệnh qua đời.

"Bốn năm, cố giữ tròn phận sự dâu hiền, vợ thảo, chị không phạm một điều tội lỗi để nhà chồng trách mắng. Lê Văn yêu thương chị vô cùng, anh tươi tỉnh, khôi hài mỗi khi thấy chị buồn rầu, an ủi chị mỗi lần thấy chị thẫn thờ vì nhớ nhà. Sáng chủ nhật nào anh cũng nhắc chị viết thư gửi về Hà Nội hỏi thăm sức khỏe của thầy và khuyên răn em học hành chăm chỉ, đừng nên đua bạn chơi bời hư thân. Anh ngồi sát bên đọc cho chị viết từng lời, từng chữ, rồi

cuối thư, anh cầm tay chị ký hai chữ tên vợ, tên chồng liền một nét, vì anh muốn tỏ cho thầy và em biết vợ chồng chị bao giờ cũng thuận hòa.

"Những ngày nhàn rỗi, anh thường dắt chị đi chơi trên những con đường có hoa tươi, bóng mát, hoặc đôi khi, mắt đã chán nhìn những phong cảnh tầm thường quanh phố, anh lại bảo người tài xế đánh xe đưa chị lên miền rừng.

"Cuộc đời, cứ thế, êm đềm trôi.

"Nhưng, em Thanh ơi, cuộc đời nào có phải một dòng nước trong, êm đềm chảy mãi.

"Một buổi tối gió mưa giá rét, Lê Văn theo lệnh phụ thân, vào ấp có một việc rất cần. Anh trước còn ngần ngại không muốn đi ngay song chị khuyên anh nên nghe lời cha bảo, vì cụ Tham, bố chồng chị, là một người nghiêm khắc, không muốn con được cưỡng một điều gì.

"Thế rồi đêm ấy, chị đốt đèn cố thức đợi chồng. Chị trằn trọc thâu canh, không thể nào nhắm mắt ngủ yên một phút, vì chị chợt nhớ đến lời vài đứa làm công thường mách chị: ở trong ấp, Lê Văn hay nói chuyện với người thiếu nữ con lão Quản Hưu mà đã mấy tháng nay cụ Tham cho đến ngụ để làm màu.

"Người thiếu nữ ấy, chị đã được trông thấy một lần: cô ấy xinh đẹp, vui tươi và chừng như lại có tính lẳng lơ, đĩ thõa. Hình ảnh con người đáng ghét đó hiển hiện ra trong chiếc đèn đêm le lói ngoài màn, giữa lúc mắt chị đang quáng mờ. Chị muốn vùng ngồi dậy tắt ngọn đèn ấy đi nhưng chị lại trông thấy một con bướm nhỏ theo gió ngoài vườn bay vào phòng, lả lơi đậu lên bó hồng cắm trong lọ sứ. Cảnh ấy đột nhiên nhóm trong lòng chị một mớ lửa ghen không tắt được. Chị chờ mãi, nhưng Lê Văn chẳng thấy trở về. Căm tức, chị tìm kế để báo thù anh cho hả cơn ghen. Và chị nghĩ ra... Chị nhất định thi hành, không nghi ngại nữa.

"Sáng hôm sau, Lê Văn trở về, chị không thèm hỏi một câu, nhân lúc anh sang bên hàng xóm, chị vào phòng ngủ cắm cúi viết một bức thư... Trong khi đưa ngòi bút trên mặt giấy, thân thể chị nóng bừng, chị quả quyết, không cho một lẽ phải nào trấn áp được cơn ghen. Viết xong, chị liền gửi bức thư ấy ra Hà Nội.

"Ngày, đêm chị nóng ruột chờ mong... Mắt chị luôn luôn nhìn ra ngoài cổng lớn xem người chạy giấy có đem đến phong thư nào ở xa gửi tới hay không.

“Một buổi sáng, Lê Văn nhận được một chiếc phong bì màu tím nhạt. Chị đứng nấp trong cửa sổ, cố dò xét xem nét mặt anh có biến đổi chút nào... Quả nhiên, chị thấy tay anh hơi rung động, lật đi, lật lại phong thư... Anh hiểu rồi ư? Anh ngờ vực chị đó ư? Trời ơi, chị chỉ cần có hai điều ấy... chị sung sướng vô cùng! Chị cảm tạ người đã giúp chị được thành mưu kế mà chị cho là thần diệu, cao kỳ.

“Lê Văn, mặt càng tái nhợt, đút hai tay vào túi quần, lững thững bước vào phòng giấy. Anh gieo mình xuống chiếc ghế xích đu, hai mắt lờ đờ nhìn ra ngoài cửa như có ý cần gặp chị mà không muốn gọi.

“Vẫn đứng nấp một xó tường bên tủ áo, chị mong anh xé phong thư ấy rồi đọc ngay cho chị hả lòng. Nhưng anh cứ nằm yên trên ghế, tay nắm chặt phong thư, hình như anh tự bảo mình không có quyền bóc một bức thư đề tên người khác, dù người ấy là vợ anh, dù bức thư ấy, anh đã đoán chắc chỉ là... một bức thư tình.

“Sau chị đẩy cửa phòng đi diễu trước mặt anh, rồi chị lại điềm nhiên sang buồng bên cạnh; chị cố ý trêu cho anh căm tức và cố ý tỏ ra mình thắng được người chồng đã nỡ tâm lừa dối chị.

“Lúc đó, anh uể oải giơ tay đưa chị phong thư, nhưng giả vờ không trông thấy, chị quay ra, đóng sầm cửa lại. Lòng chị hả hê, thỏa mãn. Chị cố cười, cố vui trước một người chồng tốt đang cố nén lòng đau khổ, cố giấu cơn thổn thức, nghẹn ngào.

“Đứng ở phòng bên, chị ghé mắt vào khóa dòm sang. Chị thấy anh quả quyết xé phòng bì, lấy thư ra đọc. Trái tim chị, lúc ấy, trong giây phút, không hiểu sao chẳng lạnh lùng như lúc trước, bấy giờ nó rộn ràng, sôi nổi và trí não vụt đổi ra mê hoảng, điên cuồng. Bao nhiêu sự can đảm, bao nhiêu tính tình độc ác tiêu tán hết, chị run lẩy bẩy muốn nhảy xổ vào giằng lấy phong thư đó mà xé đi cho mất tích. Song chị bỗng nghe thấy một tiếng đập mạnh trên bàn. Chị cuống quýt chạy vào. Lê Văn, chồng chị, đang gục đầu xuống mấy mảnh thủy tinh vỡ, vì đọc xong thư, anh uất máu, nghiến răng dằn mạnh cốc nước anh đang uống dở. Anh ngất lịm đi. Chị nâng anh dậy, một bên mắt anh bị một mảnh thủy tinh nhọn chạm vào lòng trắng, máu chảy đầm đìa.

“Hoảng hốt, chị vội tìm phong thư ấy để giấu đi, nhưng không thấy. Chị rút khăn tay lau mấy dòng máu chảy xuống má Lê Văn, đoạn cố sức ẵm anh sang phòng ngủ đặt lên giường. May gặp dịp bố chồng chị đi chơi tỉnh khác, nên trong nhà không một ai biết

cảnh não nùng vừa mới xảy ra.

“Mấy giờ sau, mắt anh bị sưng to không trông thấy rõ. Thầy thuốc bảo không hy vọng chữa được lành. Chị đau đớn, hối hận. Trời ơi, tại sao chị nỡ trả thù chồng một cách đê hèn đến thế? Mà chị trả thù bằng cách nào? Hẳn em đã đoán được một vài duyên cơ, nhưng chị cũng kể rõ em nghe, vì viết bức thư này, mục đích của chị là phải thú hết cùng em những điều xấu xa, lầm lỗi, như thế nỗi buồn họa chăng vơi được ít nhiều.

“Một chàng học sinh trước cửa nhà ta - hồi chị chưa xuất giá - thường rủ em đi xem chiếu bóng rồi nhờ em đem về đưa chị một phong thư, em còn nhớ chứ?

“Chàng học sinh đó ước ao, cầu khẩn một câu ân ái, song không hiểu vì đâu chị ghét anh chàng ấy quá chừng! Thư này thư khác chàng gửi luôn luôn, song chúng chỉ được chị cho vào lửa.

“Một buổi sáng mùa xuân ấm áp, chị bước lên xe hoa, không bận lòng nghĩ đến chàng thanh niên đã dầy công theo đuổi mối thất tình.

“Về nhà chồng, chị sung sướng, yêu chồng... Rồi hờn ghen, chị lại ghét chồng...

“Ghét chồng, cho nên chị phải trả thù cho bõ tức. Muốn thế, chẳng còn một kế nào hơn là viết thư cho chàng trẻ tuổi năm xưa, tỏ tình thương nhớ..., chị than tiếc không được trăm năm ân ái cùng chàng... chị oán trách Lê Văn giả dối, không chung tình với chị... cuối thư chị yêu cầu chàng phúc đáp, và hẹn chàng đúng chiều chủ nhật sau sẽ đón chị tại ga.

“Đó, em coi, chị báo thù chồng!

“Em có từng thấy một người đàn bà nào điêu ác như chị không em? Em có từng thấy một thiếu phụ xinh đẹp nào lại gian ngoan, nhơ bẩn như chị không?

“Bức thư gửi đi, cách hai ngày sau, một thư tình đáp lại. Bức thư của chàng kia, không cần đọc cũng thừa biết nó chỉ toàn chứa những lời yêu đương nồng mặn, hẹn hò... Nó đã giết chết tình yêu của Lê Văn, chồng chị. Nó đã phá hoại hạnh phúc tốt đẹp mà chị không còn mong cứu vãn.

“Từ hôm xảy ra tấn kịch thê thảm đó tới ngót một tuần lễ sau bố chồng chị vẫn chưa về.

“Chị sống tẻ buồn, trơ trẽn, không được chồng đoái hỏi một câu. Anh lãnh đạm, thờ ơ, nhưng không tỏ ý giận thù, ruồng bỏ. Anh âm thầm, ủ rũ, song vẫn thản nhiên, bình tĩnh mỗi lúc anh ngồi ôm mắt, đau xót một mình...

“Một hôm, anh đóng chặt cửa phòng, ngồi viết trong hơn một tiếng đồng hồ. Lo lắng, chị không biết anh đang viết những gì. Chị không dám hỏi vì giữa Lê Văn với chị tưởng như đã sẵn có một bức tường phân cách, tuy hai người chưa quyết định lìa nhau.

“Rồi cách ít ngày, bỗng nhiên chị nhận được thư của thầy gọi về Hà Nội, Lê Văn sai đầy tớ sửa soạn va li cho chị, anh bảo người tài xế đánh xe chờ, rồi anh cùng lên xe, tiễn chị ra ga. Tàu đến, anh đưa chị lên toa, tìm ghế để chị ngồi. Chờ tới lúc đoàn xe chuyển bánh, anh mới hơi đổi nét mặt lạnh lùng ra cảm động, hững hờ vẫy chiếc khăn tay.

* * *

“Đoàn xe đi... từ đấy, chị không về xứ Lạng. Tô Thị đợi chồng, nhưng chồng chị, anh có động lòng nghĩ đến vợ xưa!

“Về Hà Nội, thầy cho chị xem ngay phong thư của Lê Văn đã gửi cho thầy bữa nọ. Trong thư ấy anh kể hết mọi sự lầm lỗi của chị, và muốn cho có chứng, anh lại đính theo cả lá thư của anh chàng mà chị đã mượn nó để trả thù chồng. Rồi thầy nhất quyết đuổi chị đi, bởi không bao giờ thầy muốn có một người con gái quá hư như chị.

“Hôm ấy, chị ôm lòng đau ra khỏi cửa. Họ hàng, chú bác đều khinh ghét, duy chỉ có một mình em khóc sụt sịt chạy theo giúi cho chị một đồng hào ván[1] mà em mới xin được của thầy để mua giấy bút.

“Em Thanh, viết đến đây, chị cảm động biết chừng nào.

“Một hào ván ấy, em ơi, vì nó mà bây giờ chị còn ham sống để trả nghĩa cho em, để cố sức gây dựng cho em được nên người; vì nó mà hôm nay, giữa những ngày hoan lạc, giữa những đêm vui sướng, em phải tạm sống mấy phút buồn để đọc bức thư của người đàn bà mà em đã nhận được là ai.

* * *

“... Tới bây giờ, thấm thoắt, bảy năm.

“Bảy năm, chị trôi nổi, bềnh bồng như chiếc bèo khô không biết tìm về nơi bờ bến.

“Bốn năm tại đất kinh đô, chị không được sống phong lưu, đầy đủ với cái nghề mà chị vẫn tủi, biết nó chẳng lấy gì làm trong sạch.

“Ở Huế, chị nghe tin thầy đã từ trần, để lại một mình em.

“Chị vội vã từ biệt kinh thành ra Bắc. Dò hỏi mãi mới được biết mộ thầy ở dưới Phúc Trang, chị mua hoa xuống viếng, rồi chị lên phố đi lảng vảng qua nhà, mong gặp mặt em, song không thấy em đâu. Mãi về sau, chị mới hay em đã được chú Ký thương đem về nuôi, và may hơn nữa, em vẫn được cắp sách đến trường.

“... Đời trụy lạc, dù muốn giữ thanh cao đôi chút nhưng sự lầm lỗi xưa đã khiến thân chị ngày thêm nhơ bẩn. Ngày nay chị hoàn toàn là gái giang hồ, hay nói đúng hơn, một thứ đồ chơi không có giá trị gì!

“Chị chắc em đang đỏ mặt đọc đến đoạn này. Em không ngờ chị em - một người hiền hậu, sống trong một gia đình giáo dục - nay đã trở nên một vũ nữ lừng tên trong mọi “đăng xinh”, làm mê mệt bao trai dưới Cảng.

“Một hôm, chị được tin buồn: em phải xin thôi học, vì chú Ký buôn bán lỗ, bị tòa tịch biên. Thế là việc học của em đành bỏ lỡ, chị đau đớn vô cùng. Nhiều khi, chị định viết thư gọi em xuống Cảng để chị trông nom, nuôi nấng, nhưng chị biết em khảng khái, không thèm nhận người chị khốn nạn này!

“Sau đó vài hôm, tình cờ chị gặp một người ở Hà Nội xuống thăm chị. “Người ấy” trong bọn dân chơi, có vẻ rất tử tế. Chị kể cho “người ấy” nghe về em và chị. “Người ấy” động lòng thương, hứa khi lên Hà Nội sẽ đem em về nhà cấp dưỡng cho đến lúc thành tài. Thế là em đã có chốn an thân, chị mừng quá đỗi.

“Bây giờ không cần nói, em cũng biết “người ấy” là ông giáo Nghĩa, một ân nhân mà chị em ta phải kính trọng trọn đời.

“Chị không muốn ông Giáo chịu phí tổn quá nhiều, nên ở dưới này, hàng tháng chị vẫn gửi “măng đa” lên nhờ ông lĩnh hộ, rồi ông lấy tiền đó để trả tiền học và may vá cho em. Cách năm, sáu hôm, chị lại viết thư lên nhờ ông khuyên bảo em. Chị nhịn sắm áo quần, son, phấn, cuốc bộ sái chân trong các phố, ở nhờ trong một gian nhà hôi hám với người bạn gái tại một ngõ tối. Chị nhắm mắt đi qua mọi nhà chớp bóng; chị tránh mọi chỗ vui để lấy tiền gửi

lên cho em ăn học bằng người. Nhưng từ bấy đến nay, nào em có biết cái hy vọng lớn lao của một người đàn bà xa lạ không dám gặp mặt em.

* * *

... "Bây giờ, chị thỏa mãn lắm rồi. Vì vừa nhận được thư của ông Giáo báo tin em đã đỗ Tú tài và đã thi được vào làm trong một sở công. Cõi đời đang u ám nay trở nên sáng sủa, vui tươi... Và một cái tin khiến chị mừng rơi nước mắt là em kết duyên với một người bạn gái đức hạnh hoàn toàn đã yêu em bằng mối tình trong sạch. Ông Giáo cho chị biết ông vui lòng đứng chủ hôn, gây dựng cho em thành gia thất. Chị sung sướng biết dường nào! Ngay lúc được tin, chị vội vàng đi cầu khẩn, van lơn bà chủ tiệm vay hai trăm bạc. Bà bắt chị ký tờ giao ước phải lăn lộn trong làng vũ nữ đúng hai năm nữa thì nợ mới trừ xong!

"Nhận được tiền, chị vội ra nhà Dây thép gửi lên nhờ ông Giáo sắm sửa cho em và nhân tiện để mừng em.

"Rồi buổi chiều hôm ấy, chị vét túi, làm một bữa tiệc, một bữa tiệc mà chị... xin phép em cho chị gọi là bữa tiệc mừng cuộc nhân duyên tốt đẹp của em... Khách đến ăn, toàn là những bạn đồng nghề với chị, hay có thể nói toàn là những cánh hoa trôi... nay dạt vào một bến, cùng thuyền. Chị hò hét, cười đùa, đập chai, ném cốc... chị vốc những bông hoa sặc sỡ (em nên nhớ rằng trên bàn tiệc ấy, chị không dám rải một bông hoa trắng còn phong nhụy!) ném lên đầu, lên tóc các cô vũ nữ..., chị... trời đất ơi! Còn gì nữa... chị còn làm gì nữa để cho "quý khách" của chị biết rằng trong đêm vui ấy, trên bữa tiệc linh đình ấy, chị là người sung sướng nhất, điên cuồng nhất... và đau khổ nhất...! Chị còn làm gì nữa để người ta biết chị không hẳn là một gái phong trần hoàn toàn trụy lạc, mất lương tri, bỏ bổn phận làm con, làm chị và than ôi, làm một người vợ vì đã quá yêu chồng nên mới ghen tuông...!

"Cuộc vui tàn, *những đóa hoa tàn lại theo mưa gió cuốn vào nơi mưa gió...*! Một mình chị say mềm, nằm gục xuống bàn ăn, ngủ thiếp, đầy đầu bê bết những thịt, xương, tàn thuốc, cốc vỡ, rượu thừa...

"Hôm sau, ngủ mãi đến quá trưa, chị mới tỉnh cơn mê mệt. Ngồi trước gương, ngắm lại má nhăn, mắt hõm, chị chán chường sau một đêm vui...

"Mặc xong quần áo, chị ra ngoài phố đi thơ thẩn, không nghĩ ngợi, không vui sướng, không buồn rầu. Người ta thường khi đã thỏa

thích quá thì hay có những cảm giác dại ngây, lạ lùng như thế... Bỗng thấy chiếc ô tô ca về Hà Nội, nhớ đến em, chị vẫy xe, trèo lên ngồi vào một xó, ngẩn ngơ như kẻ mất hồn.

"... Xe đến Hà Nội, chị lại đi lang thang trong các phố, như một người xa lạ lần đầu đến thăm nơi đô hội, ồn ào... Tới chiều, đèn điện đã soi ánh sáng cho thành phố, giấu hết mọi bẩn nhơ để phô cho khách lạ vẻ thần tiên, choáng đẹp của Kinh thành thì chị cúi đầu giấu mặt, bước vào hiệu phở Hàng Đồng gọi làm bát phở "tái nạm". Ăn cầm lòng cho đỡ đói, xong, chị lại ra đi... Trời lấm tấm mưa, gió rung cây xào xạc... Chị đến cửa Gô Đa mua một bó hoa, rồi lững thững qua nhà ông Giáo, chị... đứng ngấp nghé ngoài bờ rào sắt, nhìn vào. Chị trông rõ lắm, vì tất cả các cửa kính đều mở rộng. Trời ơi, một cảnh vui của một bữa tiệc vui giữa một đêm vui! Ngẩn người, chị ngắm mọi người dự tiệc, hết thảy là những chàng trẻ tuổi đang vỗ tay, chạm cốc vang nhà.

"Chợt chị trông thấy em... ờ, em Thanh cao lớn, khỏe mạnh, tươi cười đỡ cốc rượu của ông Giáo đang chúc cuộc trăm năm, chị lại trông rõ những bó hoa tươi rải rác khắp các nơi, cắm đầy trong các lọ. Mãi tới lúc ấy, chị mới sực nhớ tới bó hoa của chị mua hồi tối định mừng em. Chị toan gõ cửa... Nhưng... em Thanh ơi, chị cảm thấy thân mình ô uế mà cả bó hoa trong tay chị cũng thành ô uế, không đáng để lẫn với những bó hoa của các bạn đã tặng em... Biết đâu khi thấy một người đàn bà bỡ ngỡ, đột nhiên bước vào, hàng trăm con mắt sẽ đổ dồn vào chị, hàng trăm cái miệng nồng men sẽ thoảng nụ cười chế giễu, vì trong số thanh niên chắc có nhiều người đã cùng chị ôm lưng trong tiệm nhảy, hoặc những kẻ điên rồ, sung sướng ấy sẽ yên trí chị là một "gái tình" của em! Và, biết đâu, em cũng không thèm nhận chị, thẹn thùng với các bạn sang mà sai người đẩy chị ra ngoài!

"Ồ! Có thể thế được ư?... có thể thế được ư? Em Thanh của chị!

"Nghĩ thế, chị cực lòng vô cùng. Rồi dằn cơn thổn thức chị ném bó hoa xuống đất, bước qua. Chị không dám ngoảnh lại nhìn cảnh vui say nọ, chị không dám nhìn bó hoa nhơ bẩn ấy, - bó hoa bị đầy đọa hắt hủi như thân chị, bó hoa mà chị đành ăn đói để lấy tiền mua nó tặng em, bởi sau khi đã nhẩm tính kỹ càng, chị chỉ còn có đủ số tiền lấy vé ô tô về Cảng.

"Chị vừa bước chân đi, thì ở trong nhà đưa ra một điệu *tango*. Điệu hát đưa khách vào cõi mộng hoa, đưa khách vào cõi đời đắm đuối, tỉnh say.

“Nhưng với chị, nó là những tiếng gọi xa xôi của cuộc đời phóng lãng, nó dặt chị về những phút vui không thỏa mãn trong lúc ngồi lau phấn, nhìn làn khói thuốc, nhìn cốc bia cạn dần.

“Điệu hát ấy còn réo rắt bên tai chị trong hai năm trời đằng đẵng, trả cho xong món nợ mừng em, và trả cho xong kiếp người vũ nữ.

“Đêm nay, chị đứng trên bến Sáu kho dưới Cảng, nhìn trời mây, sông nước... cánh buồm nâu vơ vẩn xa xa...

“Chị vừa tránh thoát cái không khí nặng nề của nhà khiêu vũ, một mình đi thơ thẩn...

“Đêm nay, *một đêm vui* của em trên Hà Nội, một đêm em cùng ai hát khúc Phượng hoàng trong một gian phòng xinh đẹp, có đủ đệm là, gối gấm, màn the...

“Đêm nay, một đêm trống trải, lạnh lùng, ô uế của một người thiếu phụ không chồng, não nùng ca khúc hận trường... Đêm nay, một đêm của người vũ nữ không nhà, không cửa, đi lang thang trên đường phố vắng, vì đã hai tháng nay không trả được tiền nhà...

“Lơ đãng, chị nhìn trời mây, sông nước vật vờ vài cánh buồm nâu... Chị đánh diêm châm điếu thuốc lá cuối cùng trong bao giấy nát, ngửa mặt thở làn khói trắng giữa khoảng trời đen, rồi mỉm cười, chị tự hỏi lòng:

“- Gió, mưa... ta biết ngủ nơi nào,... đêm nay -

“Chị yêu em. Thanh Đạm”

In trong *Một đêm vui,* tập truyện ngắn,

NXB Tân Dân, H., 1937

---

[1] Đồng hai hào, dùng dưới thời thuộc Pháp.

Chợ chiều

Bà Hoàng và cô con gái Lệ Hạnh ở Nhà hát lớn ra, tiến đến chiếc xe nhà đợi sẵn bên đường. Trời mưa tầm tã. Gió từ phía bờ sông thổi lại làm cho hơi lạnh đêm thu càng thêm lạnh.

Mui xe che kín, chiếc đèn đất bắt ánh sáng vào những chiếc nan hoa bóng loáng và in xuống mặt đường ướt át loang lổ bóng cây một vạch trắng lung linh.

Xe chạy mãi trong các phố Tây vắng ngắt. Trên xe, bà Hoàng và Hạnh thỉnh thoảng mới trao đổi một vài câu bình phẩm nhạt nhẽo về vở kịch "Chim trời" vừa diễn, về cuộc khiêu vũ mà nàng chỉ dự nửa chừng.

Đến căn nhà lịch sự gần Đài Chiến sĩ trận vong thì xe đỗ. Vừa bước vào sân, con chó Nhật chạy ra ve vẩy, Hạnh bực mình hất nó ra, vùng vằng bước lên bậc thang xi măng, lên gác.

- Mẹ đi ngủ nhé.

Chờ bà Hoàng cởi áo xong, Hạnh quay ra uể oải lướt sệt mũi giày về phòng riêng. Nàng bật đèn nằm lăn xuống ghế divan. Rồi nàng lại ngồi lên, lột mạnh chiếc áo ném xuống mặt sàn và cau có thét mắng con bé giúp việc đang luống cuống cất dọn những hộp phấn sáp mà từ buổi tối nó mải hò hẹn với tình nhân nên còn để bừa bộn ở mặt bàn.

Nàng lim dim mắt nhìn chiếc abatjour lụa hồng treo lơ lửng dưới cánh quạt, trong khi duỗi thẳng hai chân cho con bé giúp việc cởi sandale, vuốt lại chiếc chemise-culotte và nhúng khăn bông vào chậu nước nóng vẩy nước hoa lau lưng, ngực, đùi, suốt đến những ngón chân.

- Thôi cho mày đi ra.

Quyển album để ở đầu giường. Nàng lật quãng giữa, một dẫy ảnh đàn ông; giở mấy tờ đầu và những tờ cuối đều thấy ảnh đàn ông cả. Đó là những người vẫn lui tới nhà nàng, là những khách hoặc trung thành hoặc bạc bẽo của mẹ con nàng từ mấy năm nay. Họ chụp những bức ảnh ấy rất cầu kỳ. Gã này hớn hở như vừa hôn vụng được người yêu nhân lúc nàng mê ngủ; gã kia mơ màng tựa đang vòi vĩnh chút tình nhạt đêm tàn. Và có kẻ đeo bài ngà ngồi bàn giấy, oai nghiêm như lúc lên án đường xử kiện, tuy trước nàng kẻ ấy chỉ là một lão già ngoan ngoãn van nài một cuộc vui cuồng. Có kẻ tựa gốc cây chẳng khác một thi nhân đợi chờ người yêu chẳng tới mặt buồn như cầu ai thương hại.

Nàng gấp quyển album, vứt mạnh xuống tấm thảm nhung dưới chân giường, bĩu môi khinh bỉ, nàng ví album đó là một cái sân khấu trưng bày nhân vật, mà bọn người gửi ảnh tặng nàng chỉ là một lũ hề si dại không ngờ phải chạm mặt nhau để đóng một tấn kịch câm.

Nhưng chợt nàng nhìn xuống, thấy rơi ra ngoài tấm chân dung Chương, một người mà nàng đã đem lòng yêu mến. Nàng cúi xuống, nhặt lên.

Nghĩ đến buổi tối nàng ngồi xem Chương sắm một vai trong vở "Chim trời". Chương đã tả hết nỗi khổ lòng tuyệt vọng của một sinh viên bị đắm trong tình ái. Chương đã dùng tài nghệ để diễn tả tình yêu đó chiến thắng nhờ sức mạnh của trái tim.

Hơn một giờ ngồi coi đến lớp cuối cùng, nàng thấy dấy lên trong lòng một nỗi hân hoan và cảm phục đối với Chương. Nàng đã bị Chương cảm hóa bằng vở kịch mà chàng tự soạn để tối nay mời mẹ con nàng.

Màn hạ sau lớp cuối, Hạnh cố ý tìm Chương, tuy bà Hoàng giục giã nàng về.

Có tiếng nhạc nổi lên ở phòng bên, Hạnh kéo tay bà Hoàng. Người ta đã mở màn cuộc khiêu vũ, Hạnh khoác tay mẹ bước vào. Ông huyện Lục, ông tham Bính và một bọn người quen mừng rỡ mời mẹ con Hạnh ngồi cùng bàn cho vui.

- Một bài tango, cô cho phép?

Hạnh đưa mắt nhìn bà Hoàng, cười nụ rồi đứng lên. Trong lớp sóng nhạc, Hạnh nhận ra Chương. Tự nhiên, nàng khó chịu. Nàng không muốn Chương vui như thế, tuy nàng cũng đang ở phút yêu đời. Nàng chỉ muốn Chương cứ sắm mãi vai trên sân khấu: là một

gã học trò rất đỗi chung tình, sống âm thầm mà hy vọng yêu nàng. Nếu được như nàng nghĩ, thì tự ngày mai, Hạnh sẽ không lãnh đạm với chàng như trước. Nhưng Chương có là người sắm kịch mãi đâu. Chàng đã để lộ nguyên hình một chàng trai đàng điếm mà ở chốn hoa lệ ấy, nàng nhận thấy rất nhiều thiếu nữ ân cần, vồn vã xúm quanh.

Hạnh tức tối kéo mẹ đi ra mặc lòng ông huyện Lục và ông tham Bính cùng những người quen khác nài ở lại.

- Thưa cô, bà con bảo cô tắt đèn ngủ để mai dậy sớm đi Sầm Sơn.

- Mày thưa với bà rằng tao sốt nhé!

* * *

Nắng sáng chiếu vào phòng, Hạnh vẫn thiêm thiếp ngủ. Nàng không biết rằng bà Hoàng dậy từ năm giờ sáng, loanh quanh mãi ở phòng nàng. Bà rón rén từng bước, khẽ đặt ngón tay lên trán con rồi có vẻ buồn.

Bà thương quý Hạnh vô cùng, vì Hạnh là một tia sáng trong cuộc đời tăm tối của bà, từ khi ông Chánh về Pháp rồi già yếu, chết luôn bên ấy. Đời bà là một tấn kịch buồn, vui pha lẫn. Một bạn gái giới thiệu bà với một người Pháp có tuổi, nhưng giàu. Từ đấy bà là bà Chánh. Được hơn một năm, ông Chánh về Pháp định nghỉ ít lâu nhưng ông mắc bệnh từ trần sau cuộc đi chơi tuyết tại một miền xa, để lại bên này cho bà một cô con gái. Cô con gái ấy càng lớn càng đẹp mặn mà, sắc sảo phảng phất cái đẹp của gái phương Tây.

Bà Chánh còn được chồng để lại cho một tòa nhà và món tiền lớn gửi nhà băng. Bà còn trẻ đẹp, khi phấn son vẫn gợi sự ước thèm cho các gã phong tình. Mầu da sẵn trắng, khuôn mặt giữ nguyên nét thanh tươi, mái tóc óng chuốt và trên mái tóc ấy thường quàng một tấm "voan" đen rất mỏng, nó tôn thêm vẻ đẹp mơ buồn của người quả phụ, nó bắt người ta kính cẩn cái xuân chưa bị cỗi cằn...

Nhiều khi bà bỡ ngỡ trước nhan sắc của mình và đỏ mặt trước những lời ca tụng thật thà của các bạn thân.

Tuy nhiên, bà vẫn không tin mình trẻ đẹp. Một ngày kia bà cùng Hạnh đi xem đua ngựa, bà thấy nhiều kẻ ngắm bà, rồi hôm sau, bà đang ngủ trong phòng, Hạnh hớn hở đánh thức bà dậy và đưa bà xem một tờ báo trong đó in bức ảnh bà đứng lẫn với một bầy thiếu nữ. Bà nghĩ có lẽ không phải bà trong ảnh, vì bà trẻ đẹp nhường

kia - song cũng hôm ấy, mọi người đến chơi đều khen nhà báo chụp ảnh bà rất thực, nhiều gái tơ còn phải ghen.

Bạn cũ của bà hoặc của ông Chánh thường thường đi lại thăm bà tấp nập, Tòa nhà lịch sự gần Đài Chiến sĩ trận vong vì vậy trở nên một "hội quán" hay một "câu lạc bộ", một nhà "xec" lớn.

Ở đấy, chiều nào ngoài cửa cũng có năm bảy chiếc xe hòm chen nhau đỗ. Trong nhà toàn những khách phong lưu. Ông huyện, ông tham, ông đốc, nhà giáo, nhà tư bản lớn ở Hà Nội là những khách thân được bà Hoàng quý trọng.

Chủ nhân ân cần đón ý để chiều lòng khách những đêm vui. Khách muốn chơi tổ tôm "ichxì", "bơlốt", "bia"? chủ nhân chẳng đợi khách ngỏ một lời cầu. Khách muốn khiêu vũ, nếu khách sẵn mang bạn gái cùng đến đó thì tự nhiên tiếng kèn sẽ nổi.

Khách có thể có hân hạnh mời cô con gái chủ nhân đi với khách một bài. Nàng tiếp khách như một vũ nữ nhà nghề tiếp khách đến chơi tiệm nhảy, bỏ tiền ra uống một chai bia. Nhưng ở "câu lạc bộ" này, ở cuộc "khiêu vũ gia đình" này, người ta muốn tranh nhau chiếm đóa hoa ấy, phải giắt trong mình tiền trăm để đổi lấy một bài khiêu vũ, để trả giá vài chai "sâm banh" thượng hạng, để vứt vào canh bạc không cần đen, đỏ; để hãnh diện ném vào mặt bồi một hai tờ giấy cho được tiếng con người giàu sang.

Đừng bảo nó là sòng gá bạc, là tiệm hút, tiệm nhảy, tiệm uống, tiệm chơi... phải nhận nó là một "câu lạc bộ", một "hội quán", một nhà "xec" mà chỉ khách thượng lưu mới bước chân vào.

* * *

Hạnh vẫn thiêm thiếp ngủ.

Ngoài phòng khách có tiếng nói cười huyên náo khiến nàng bừng mắt. Nàng khoác kimono, hé cửa ngó ra thấy tham Bính tay ôm bó hoa đang giới thiệu mấy người khách lạ với bà Hoàng. Rồi bọn kia kéo lên trên gác, tham Bính bảo bồi mời nàng ra để tặng hoa.

Khó chịu, Hạnh đóng sập cửa, quay vào nhìn lịch, thì ra hôm nay là chủ nhật. Tên bồi gõ cửa, Hạnh thét nó lui ra vì nàng đang mệt.

Nằm trên divan, Hạnh uống tách cà phê đã nguội, đọc cuốn tiểu thuyết tình nàng bỏ dở tối qua. Bà Hoàng đem chai thuốc tây vào bảo Hạnh:

- Con hãy uống mấy thìa thuốc này, nếu từ giờ đến trưa không đỡ, mẹ sẽ cho thằng tài đi mời bác đốc Dương.

- Mẹ đừng mời bác sỹ thêm phiền phức. Đêm qua người con đã hơi choáng váng, sau lại nể anh tham mà nhảy bài valse. Anh ấy quay nhanh quá nên con chóng mặt.

Bà Hoàng gài lại chiếc lược đồi mồi trên vành tóc thoa dầu thơm nức:

- Anh tham vừa đến, đang nhắc mãi con. Hôm nay có mấy khách lạ: ông phủ Sinh, ông thú y Hiển, ông phán Kế, đều là mặt sang cả. Buổi đầu con nên ra tiếp lấy cảm tình, và họ chỉ ao ước biết mặt con...

- Mẹ tính con phờ phạc thế này, ra sao tiện - Hình như sáng nay con xấu lắm...

Bà Hoàng thấy Hạnh lại sắp giở tính bướng bỉnh ra thì dịu giọng dỗ dành:

- Con hay lẩn thẩn! Người ta chỉ mong một người xấu như con tiếp.

Nàng nũng nịu, mắt nhìn vào cuốn sách.

- Được người ta khen nịnh để làm gì? Có phải mình làm nhục thân mình không, mẹ?

- Sao gọi là nhục được. Con nên biết đó là một hạnh phúc, gái tầm thường thèm ước mà không thể. Xưa kia, và cả hiện giờ, mẹ cũng chỉ như con mà nổi danh thiên hạ. Con giữ tiết trong giá sạch làm gì nữa. Miễn có tiền, mà đồng tiền ấy mình kiếm một cách vẻ vang. Hôm qua, bà án Xương ở Bắc Giang sang chơi, ngỏ ý muốn bán cho ta một tòa nhà và cái ấp ngàn mẫu. Mẹ định mua, nhưng còn thiếu ít nhiều. Con nên cùng mẹ cố kiếm món tiền thiếu đó. Năm ba năm nữa, mẹ sẽ cho con kén một người chồng theo ý muốn, rồi cả cơ nghiệp, mẹ sẽ cho vợ chồng con chứ còn vào tay ai nữa. Con nghe lời mẹ, kẻo mẹ buồn... Từ nay, con bỏ cái điệu thẫn thờ, chán nản ấy đi. Phải cười cợt, phải tàn ác con ạ...

Hạnh rời cuốn sách nhìn mẹ rồi nhếch miệng cười. Có tiếng xe hơi đỗ ngoài hè. Bà Hoàng đứng lên nhìn qua cửa sổ.

- Kìa, anh chàng! Thằng cha này đúng hẹn; không để mình hỏi tới hai câu. Con trang điểm rồi ra ngay nhé.

Bà vừa khép cửa vừa giơ năm ngón tay lên, khẽ nói:

- Năm nghìn! Món nợ đó, con chỉ cần trả bằng sắc đẹp của con.

* * *

- Bẩm ông, cô con bị mệt. Ông lên gác, bà chủ con tiếp thì hơn.

- Nhưng tôi muốn gặp cô trước khi gặp bà chủ.

- Bẩm, cô con dặn con gác cửa, không để ai đến gõ, làm mất giấc.

- Ồ, cái anh này!

Bỗng cánh cửa mở toang. Hạnh chạy ra quát mắng thằng giúp việc rồi giơ tay cho Chương bắt. Vào trong phòng, Hạnh chỉ có anh chiếc ghế. Nàng nằm nghiêng mình trên divan, chống tay lên tấm gối thêu, ngước mắt nhìn cánh quạt quay chậm chạp trên trần.

Chương nhìn xuống đất rồi lại nhìn Hạnh như đang tìm một câu nói giữa lúc chàng cần dò xét người yêu để xin nàng bỏ qua.

- Tối qua em ngồi xem đến lớp cuối cùng?

Hạnh đáp lạnh lùng:

- Không những xem diễn hết vở "Chim trời" mà còn xem người ta khiêu vũ. Hừ, ghê gớm, bạc bẽo thế thì thôi!

Chương nắm chặt thành ghế, nhìn thẳng vào mắt Hạnh:

- Em đừng quá lời, hãy nghe anh nói...

Hạnh cười gằn:

- Ồ, bao giờ em chả nghe anh nói. Em vẫn quý anh hơn hết mọi người. Còn những chuyện anh yêu đương, khiêu vũ với ai... có can hệ gì đâu!

- Anh tưởng em đã hiểu lòng anh trong vở kịch diễn tối qua!

Hạnh cười ngạo nghễ:

- À, đó là kịch, cố nhiên rồi. Mà đã là kịch thì một vai kép dù đau thương, dù sung sướng, dù chung tình, cùng là giả dối mà thôi.

Chương vùng đứng dậy, đến bên divan, quỳ gối xuống thảm

nhung, nắm chặt bàn tay nóng hổi của Hạnh, ấp lên trên ngực:

- Sao mà em ác thế. Nghe anh một lời...

Hạnh hắt tay Chương ra, ngồi dậy:

- Anh nên cho em một cái vui cuối cùng, là anh về đi để em nghỉ. Anh cũng biết hôm nay chủ nhật, bao nhiêu khách đợi chờ trên gác, song em chẳng tiếp ai.

- Em hãy cho anh nói...

- Nói làm gì, anh đã hứa không bao giờ trái ý em...

- Bữa nay, anh phải trái lời hứa ấy.

Hạnh lặng yên, ngả người nằm xuống, ngoảnh mặt vào tường.

- Em đừng ghét anh, tội nghiệp. Đêm qua, ở Nhà Hát lớn, em thấy anh vận lễ phục nhảy với vài thiếu nữ thì giận dỗi ra về. Em có biết đâu rằng anh đã giữ danh diện cho em và cho anh. Từ khi được em để ý, anh đã mê mệt mà lỡ kỳ thi, cậy cục xin việc làm tại một sở tư để có tiền. Không có tiền, mẹ em chẳng muốn anh được vào đây. Lương tháng chẳng đủ một tối mua vui, một tối cầu gặp mặt em, còn tranh đoạt em với bao khách sẵn bạc ngàn, anh không dám ước. Không ngờ, anh đã tốt số được em yêu. Ba tháng vừa qua, anh không dám đến thăm em, bởi vì tiền anh kiếm phải chi vào số nợ; áo quần cũng cũ nát hết rồi. Em ơi, ba tháng xa em anh tưởng chừng ba mươi năm của kẻ bị đầy nơi hoang vắng. Nhiều đêm, anh lần mò qua cửa nghe tiếng nói cười huyên náo, nhìn ánh đèn rực rỡ bên trong, lại lủi thủi quay về.

Mãi tới đêm qua, bán cho hội một vở kịch kiếm tiền, anh định dùng tiến ấy để chủ nhật nào cũng mua tặng em một bó hoa tươi. Cũng đêm qua, lòng tự ái đã bắt anh mượn của người bạn thân bộ lễ phục, chủ ý anh muốn những khách tới nhà em trong cuộc khiêu vũ đó, sẽ tự thấy anh không tới thăm em, là lầm. Anh muốn chúng phải nhận rằng kẻ được em yêu hơn hết, chẳng đến nỗi nào.

Chương thấy bàn tay Hạnh khẽ vuốt ve rồi nhấc cằm chàng lên để chàng nhận thấy làn môi thắm của nàng đang cười một cách tin yêu.

Trên gác tiếng gắt gỏng, tiếng cười nói huyên hoa của những người trong cuộc bạc đưa xuống tận dưới nhà.

Hạnh bỗng đẩy Chương đứng dậy, xỏ chân vào đôi giày da xanh, lắng tai nghe, rồi nhìn Chương thúc giục:

- Hình như mẹ em đứng ở đầu thang gác. Anh về cho em nghỉ, kẻo thấy em cáo ốm bỏ hết khách để tiếp riêng anh mẹ em chẳng bằng lòng. Anh về nhé...

II

Bàn tiệc dọn sẵn bên hồ sen, trong trại.

Nắng chiều đã tắt. Khí nóng oi ả tan dần trong làn gió mát. Những bồn hoa héo rũ vừa được lão làm vườn tưới nước lại tươi. Mấy ngọn xoan tây về cuối hạ điểm lên nền trời trong sáng những đóa hoa sắp tàn. Trên rặng nhãn, thỉnh thoảng vài con dơi săn muỗi bay sột sạt trong cành lá rậm che kín những chùm quả chín. Mặt hồ sen úa, cuống khô vương ngang váng nước bùn. Lũ chuồn chuồn đậu trên lá sen chập chờn theo gợn sóng xô đi...

Bà Hoàng vẻ mặt tươi vui, tóc búi, vận y phục màu trắng, đứng sai bảo thằng bếp bày cốc cùng các món ăn.

Bà vừa vạch tay áo xem giờ thì ông tham béo tốt, sơ mi vén lên tận nách, quần và giày dính đầy bùn, từ cầu ao chạy lên, tay xách giỏ, tay cầm chiếc cần câu có con lươn ngoằn ngoèo dưới đầu giây. Ông mỉm miệng cười đi trên cỏ, bước đến sau lưng bà Hoàng. Bà quay lại trông thấy con lươn thì mặt tái mét, thét lên rồi chạy giật lùi. Ông tham vứt cần câu ra xa, cười khanh khách, xin lỗi bà Hoàng.

Cùng lúc đó, chiếc mô tô kêu vang động chạy vào vườn, tiến thẳng đến chỗ ông tham và bà Hoàng đứng, rồi nghị Trà tháo súng dựa vào thân cây nhãn, treo một chuỗi mòng két đẫm máu vào lưng ghế, lau cái mặt bé choắt nhẫy mồ hôi, phanh cái áo "tit-so" đầy bụi bậm, đoạn gọi thằng bếp, sai nó lập tức đem vào xáo xào những "kẻ tử trận" trước đầu súng của ông.

Trời sẩm tối. Ông tham và ông nghị kêu đói mà vẫn thiếu hai người nữa. Bà Hoàng nóng ruột bắt đầy tớ đi tìm kiếm.

Trời tối hẳn. Trăng bị mây che, cây đèn "măng sông" đặt trên chiếc đôn bên bàn ăn soi rực rỡ cả khu vườn. Đàn đom đóm chập choạng bay dạt vào khoảng tối. Xung quanh tiếng lá lao xao. Chợt từ ngoài vườn có hai vật màu đen lừ lừ tiến thẳng vào. Dưới ánh trăng, hai cái hình ấy nối nhau, in hai cái bóng xuống mặt đường lát gạch, nom chẳng khác nào bóng ma.

Bà Hoàng trông thấy trước, vùng thét lên, níu chặt áo ông tham và ông Nghị. Ông này toan chạy lên nhà lấy súng, nhưng lại đứng lại cùng ông tham tóm sẵn chiếc ghế, miệng quát ra oai. Lúc đó, mấy tên đầy tớ đều ở cả trong nhà.

Hai cái bóng ấy tới gần thành ra hai khối thịt hai người.

Ông tham miệng vừa quát, tay vừa giơ ghế thì người đi đầu cởi chiếc áo tơi lá dài lượt thượt và bỏ chiếc nón quai thao rách mướp ra. Bà Hoàng bật cười, tru tréo:

- Rõ con ranh, sao tinh nghịch thế?

Đồng thời người đi sau cũng vứt bỏ chiếc áo tơi, cái gậy dài bằng nửa cây sào và chiếc mũ rách, thì mọi người vỗ tay reo:

- Gớm cái ông này! Thật là hai quỷ sứ xứng đôi.

Bà Hoàng hỏi:

- Lũ khỉ lấy đâu được những của nợ này mà đeo lên người thế?

- Đánh cắp của mấy người bù nhìn trong vườn dưa sau nhà lão Xã ở làng bên, nhân lão mời vào chơi xem người ta tát nước ao, hôi cá.

Dứt lời, Hạnh đưa mắt nhìn Chương cười ranh mãnh. Rồi mọi người vào bàn ăn vui vẻ.

Hôm sau ông tham và ông nghị ra Hà Nội, vì ngày nghỉ lễ đã qua. Trong trại vắng tiếng cười như tràng pháo nổ của ông tham Bích, vắng giọng khôi hài ngọng nghịu của nghị Trà làm gợi lòng buồn nhớ của bà Hoàng. Từ tháng trước, bà Hoàng thấy tinh thần mỏi mệt, bác sĩ bảo bà bị bệnh đau màng óc, phải tránh thức đêm, không nên dùng rượu mạnh và nhất là tạm xa nhục dục ít lâu.

Vì vậy, đã một tuần lễ bà về trại ở, vừa trị bệnh vừa nhân tiện trông nom hoa lợi mùa màng.

- Bếp! Cô Hạnh chơi đâu từ sáng?

- Bẩm bà, chúng con thấy cô mang bàn cờ và thức ăn, rủ ông Chương lên núi Điệp. Cô con dặn con xin phép bà, vì lúc cô đi bà đang ngủ.

Bà Hoàng yên lặng, một nét buồn thoáng qua.

Bỗng nắng đã ngập tràn ngoài sân gạch. Xung quanh, cái tĩnh

mịch nặng nề thỉnh thoảng vỡ ra bởi mấy tiếng cọt kẹt của những thân cây tre cọ xát vào nhau, bởi những tiếng hát buồn rầu đứt quãng của cô thôn nữ đang kéo gầu sòng tát nước bên sông.

Tự nhiên bà Hoàng nhớ cảnh Hà thành tấp nập, nhớ những cuộc vui trong tòa nhà lộng lẫy của bà. Bà ước ao được tất cả những quan khách về thăm bà ở nơi thôn dã này để làm cảnh đìu hiu đỡ tẻ, để bày ra cuộc đánh bài, để nghe người ta thi nhau kể những chuyện ly kỳ trên thế giới, những câu bông lơn thô bỉ mà người nói chẳng biết ngượng mồm.

Gió mát đem vào phòng làn hương thơm dịu của giàn hoa sói. Bà Hoàng lim dim nhìn hình ảnh Dục thần xuất hiện lờ mờ... Bà thấy người bà bừng nóng, cổ bà khô rát, vừa lúc ấy thằng bếp bưng vào một cốc bia. Bà uống cạn một hơi, rồi bà quằn quại, nhét chiếc mùi soa lụa vào hai hàm răng nghiền nát, ép ngực vào lưng ghế divan.

- Thưa mẹ...

- ...

- Mẹ ngủ à?

Hạnh ghé tai vào sát đầu mẹ, đoạn ngửng lên, mỉm cười, cắp cánh tay Chương, rón rén ra ngoài...

Bà Hoàng từ từ ngoảnh lại, nhìn tấm màn ren rung động, bà thở một hơi thở nhọc nhằn rồi lại nằm yên như say ngủ.

* * *

Hạnh ngồi lẩn mẩn bứt từng cánh hoa bày trên mặt khăn bàn.

Từ sáng, nàng ít cười ít nói, hình như trốn tránh bà Hoàng và lánh mặt Chương nữa. Nàng đã ngờ... đã thấy... nhưng có thể thế được sao?

Nàng không ngờ Chương có tâm địa ấy, mà mẹ nàng lại quá điên rồ!

Bà Hoàng bước vào vừa thoa lại phấn, vừa cười bảo Hạnh:

- Sư cụ chùa Tuệ Linh ban nãy cho tiểu sang mời mẹ con mình đến chùa lễ Phật, vì có cuộc làm chay. Con mặc áo đi kẻo sắp chiều rồi, nhân thể rủ cả ông Chương đi cho vui.

- Mẹ đi với ông Chương cũng được. Con hơi sốt, mẹ cho phép con ở

nhà.

Bà Hoàng chép miệng:

- Còn là con gái mà cứ ốm luôn, về sau lấy chồng, sinh năm, đẻ bảy thì ốm đến đâu.

Hạnh cau có:

- Con chẳng lấy ai. Đời này, chỉ toàn những giống đàn ông tệ bạc, có mặt mình thì họ nghiêm trang thề thốt, sau lưng mình họ yêu kẻ khác dù kẻ ấy là chị vợ, em vợ, hay... mẹ vợ!

Bà Hoàng biến sắc mặt, nhưng lại thản nhiên nhìn gương, gài khuy áo.

- Lẩn thẩn lắm, con này dễ sắp phát điên. Có đi thì mặc áo nhanh lên.

- Mời mẹ đi, con không thể...

- Thì ở nhà mà nằm nghỉ. Sẩm tối, nếu có đỡ mệt thì sang chùa đón mẹ về, kẻo lại phải phiền cô tiểu...

- Vâng, con nhớ rồi. Nếu con không đi được thì con sẽ phái ông Chương thay con.

Hạnh bằng lòng bởi nàng đã mỉa mai, đay nghiến được bà Hoàng. Nhưng bà Hoàng đi khỏi, nàng lại âm thầm đau đớn. Nàng oán trách Chương nỡ phụ tình nàng. Nàng tiếc tình yêu chân thật nàng dành riêng cho Chương mà Chương không biết gìn giữ. Có bao giờ nàng thực dạ yêu ai dù là những kẻ giàu sang đem dâng hiến mẹ con nàng tiền trăm, bạc chục, thế mà, không hiểu vì sao, nàng trọng đãi Chương một cách khác thường. Sự trọng đãi ấy khiến nhiều kẻ ghen tuông tức tối. Vậy mà, một buổi kia, Chương đã khiến nàng chua cay, chán ngán. Song nàng vẫn dằn lòng nhịn nhục, không ta thán một lời.

Sắp tối, mây đen kéo kín trời, gió lạnh thổi từng cơn.

Hạnh nhớ lời bà Hoàng dặn phải sang chùa đón bà về. Nhưng nàng không muốn đi bởi đã nghĩ ra một kế...

Nàng ra cửa chờ thì vừa lúc Chương xách máy ảnh về tới cửa. Chàng vui vẻ khoe chụp được nhiều ảnh đẹp và đưa Hạnh bó hoa đồng. Hạnh nhìn mây cuồn cuộn tối đen, vội nhờ Chương sang

chùa Tuệ Linh đón bà Hoàng kẻo gặp cơn mưa lớn.

Chương ngần ngại:

- Anh không muốn đi không có em.

- Đây, anh sờ trán em, sốt thế này, đi sao được.

- Em sai đầy tớ.

- Mẹ dặn chúng ta đón. Sai đầy tớ, còn nói chuyện gì. Mẹ em khó tính lắm, trái lời, mẹ giận. Anh đứng chờ một phút, em vào lấy cái này...

- Hạnh chạy lên nhà, cầm chiếc ô ra đưa Chương.

Nhìn chiếc ô Nhật Bản xinh xắn, Chương bật cười:

- Hai người chui dưới chiếc ô bằng cái bàn tay này thì ướt hết.

- Thế mới nên thơ. Em sẽ mang máy ảnh đi chụp làm kỷ niệm.

Không hiểu lời chua chát của Hạnh, Chương cười rồi rảo bước trên con đường nhỏ hẹp chạy thẳng ra quãng đồng bát ngát...

Lát sau, cơn giông bão nổi lên. Mưa lác đác rồi trút nước. Vài thân cây mềm yếu đứng chơ vơ trên đường vắng, oằn èo như sắp bị nhổ tung gốc rễ. Đồng cỏ dưới mưa lờ mờ một màu trắng vẩn.

Chùa Tuệ Linh trên ngọn núi thấp, bốn bề cây che hầu khuất, reo xào xạc như rùng mình trong hồi chuông ngân dài giọng thảm giữa cơn mưa gió chuyển trời.

Xa chùa một quãng, hai bóng người chụm sát vào nhau, giơ chiếc ô con che kín cả đầu bước chậm chạp theo con đường đất trơn lầy lội. Họ có vẻ an nhàn bình tĩnh hình như đang mải vui câu chuyện, mặc gió mưa quanh mình.

Qua một ngôi đền hoang bên mấy cây đa lớn, hai người kia vào trong đó. Bà Hoàng, quần áo lụa trắng dán chặt vào da thịt, rút mùi soa lau tóc ướt rồi bà lau mặt cho Chương. Chương lùi lại, bà Hoàng cũng lùi theo, ngoái tay khép hai cánh cửa. Bà kéo Chương ngồi phệt xuống tấm ổ rơm của ai làm sẵn...

Ngoài cây đa tiếng gió rít từng hồi. Trong đền, bốn bức tường rêu mốc, một chiếc bệ gạch gần đổ nát và một bát hương sành sứt mẻ, cảnh vốn hoang tàn lại thêm ô uế, bẩn nhơ!

Trời tối hẳn, hai người lại hé cánh cửa, lần ra. Trên đường lầy lội, họ chụm vào nhau thành một chấm đen giữa khoảng đồng không lạnh vắng.

Theo sau họ, cách một quãng xa, một người nữa cũng che ô lần từng bước, người đó là một thiếu nữ đang nghiến răng nuốt nỗi hờn.

* * *

Hạnh vì gặp cơn mưa hôm ấy mà ốm nặng, ngày đêm nóng sốt mê man. Bà Hoàng lo ngại, cuống cuồng. Chương luôn luôn săn sóc, ép nàng uống thuốc, nhưng thuốc Tây không khỏi, thuốc ta cũng chẳng làm giảm bệnh chút nào.

Mỗi khi tỉnh dậy, Hạnh lại nhìn bà Hoàng và Chương, cười nhạt, rồi kéo kín chăn, ngoảnh mặt vào tường. Nàng không ngờ mẹ nàng là người đàn bà khốn nạn dâm cuồng như thế được. Nàng khinh mẹ bao nhiêu thì lại ghét kẻ nàng yêu từng nấy.

Nàng hối hận sao phải tìm đến ngôi đền kia để nhìn nhận cái cảnh ghê bẩn ấy.

Bây giờ cố nhiên là nàng không thể viện một sự thanh cao, một mối tình kính mến, một tấm dạ thương yêu nào để khoan hồng dung thứ được nữa.

Bởi sự ngờ vực kia đã hiển nhiên.

Chiều ấy, trong khi Chương sang chùa đón bà Hoàng, nàng nằm trong phòng, cơn sốt lại nổi lên. Nhưng tưởng tượng một cảnh có thể xảy ra, nàng vùng ngồi dậy, khoác áo, che ô ra khỏi trại, đi thẳng đến chùa Tuệ Linh. Nửa đường nàng nghe trong mình choáng váng, đầu gối run lẩy bẩy cơ hồ ngã khụy thì ngay lúc đó ở đằng xa, nàng thấy bà Hoàng và Chương đang che chung ô đi tới, nên nàng vội lánh vào ngôi đền ở bên đường.

Không ngờ bà Hoàng và Chương cũng vào đền, nàng trốn lẩn phía trong, ngồi núp dưới gậm thờ, nín thở một lúc lâu để nghe rõ những lời ân ái của hai người.

Nàng tức uất, muốn nhảy xổ ra, song nàng không nỡ bởi vì kẻ nàng khinh kia là người đẻ ra nàng. Bắt quả tang người mẹ ấy chỉ càng gây nên một cảnh nhơ nhuốc, thảm thương.

Nàng nghĩ đến câu nàng đã đáp bà Hoàng khi bà thấy áo quần

nàng lướt mướt lúc về tới cửa:

- Con đi chơi dưới trời mưa cho mát!

* * *

Hạnh đã thấy sức khỏe dần dần trở lại. Nàng cố ngồi lên, đi lại cho tỉnh táo. Bà Hoàng và Chương đều mừng rỡ.

Ban chiều ra vườn lấy gió và ngồi trên bờ ao câu cá một lúc lâu nên mới chập tối nàng thấy mỏi mệt, phải lên gác đóng cửa phòng nghỉ sớm.

Nàng nhìn lên đình màn, óc nghĩ miên man... Rồi nàng lại ngồi lên, ra mở toang cửa sổ. Nàng chợt ngoảnh đầu nhìn vào gương: mặt nàng tiều tụy, xanh xao, song sắc đẹp vẫn mặn mà.

Sắc đẹp ấy, hỏi rằng nó dùng được việc gì tốt đẹp trong cuộc đời nhơ bẩn của nàng? Có phải chỉ để quyến rũ người ta, để thu cơ nghiệp người ta làm cơ nghiệp mẹ nàng; để bắt nàng trọn kiếp làm thân con bợm đĩ rồi đến lúc sắc kia đã tàn đời còn có gì đâu!

Nàng chán nản nước mắt trào ra. Một ý tưởng quyên sinh khiến nàng run sợ.

Hạnh đưa hai tay lên ôm mặt, gục vào gương. Thốt nhiên nàng ngoảnh mặt lại nhìn chiếc giường tây, nệm gối mới được là phẳng phiu, nàng đau đớn:

"Lát nữa, chỉ mười lăm phút nữa, ừ, ta hẹn cho ta đúng mười lăm phút nữa ta sẽ quằn quại rồi nằm cứng đờ co quắp trên mặt nệm kia... Ta sẽ chết, khốn nạn thân Lệ Hạnh! Cái tin này hẳn phải lan ra, các tòa báo ở Hà thành sẽ điều tra để đăng lên báo, in ảnh ta lên báo... Khi ấy, những kẻ đã được hưởng nhan sắc của ta chẳng hay có cảm động chút nào chăng?"

Gió lùa vào phòng mùi hương thơm mát của hoa lan tây, rủ cành lá vào khung cửa sổ. Hạnh hít một hơi dài cho khoan khoái; nàng muốn mùi hương ấy chạy vào cơ thể trong khi cảm giác nàng đã mất hết rồi. Hạnh nhìn đồng hồ tay: hẹn mười lăm phút đã qua. Phải chết! Rồi ghê rợn, Hạnh từ từ dè dặt đếm từng bước tới giường. Nàng tin một bước nàng đi, là một bước gần cõi chết. Nhưng thốt nhiên, Hạnh nghĩ ra rằng chưa có thuốc độc thì tự sát bằng gì! Bật cười, Hạnh nhảy tót lên giường cho lò xo tung nàng lên mấy cái. Nàng hớn hở, có cái cảm tưởng của người đang ngắc ngoải mà được ai cứu cho sống lại, cái cảm tưởng của người bị nạn

đắm tàu, hay chẹt xe hơi mà còn được trông ánh sáng mặt trời. Hạnh nằm xuống, kéo chiếc chăn dạ trắng đắp kín đầu. Nàng lại tự hẹn chắc chắn sáng mai sẽ dậy sớm để ra chợ mua thuốc phiện, giấm thanh.

Đêm đã khuya, Hạnh vừa thiu thiu ngủ thì đột nhiên có tiếng sấm vang trên lớp mây nặng. Từng cơn gió lớn thổi thốc vào giường làm rơi mấy chiếc khung ảnh treo lỏng lẻo và dập mạnh cánh cửa vào tường, một miếng kính rơi xuống mặt sàn, vỡ nát.

Cây đèn con phụt tắt cả gian buồng tối mịt mù. Hạnh đứng lên ra ban công, mấy tia chớp chạy ngoằn ngoèo khiến nàng quáng mắt. Hạnh nhìn sang phòng bên thấy còn ánh sáng. Nàng đoán bà Hoàng vừa dậy kéo màn kính hay xem lại các cửa kẻo nước mưa theo chỗ hở hắt vào.

Nhưng Hạnh chợt trông thấy trên khuôn kính có hai bóng đầu người. Hạnh ra hẳn ban công mở to mắt nhìn cho rõ... Nàng sực nghĩ ra... Tim đập mạnh, nàng chạy vào đẩy cửa sang phòng bên, song cửa đã bị ai khóa trái mặt ngoài, nàng rít lên một tiếng lại quay ra ban công.

Hai bóng người vẫn in trên tấm kính.

Hạnh điên cuồng, chẳng còn suy nghĩ gì nữa nàng can đảm trèo qua ban công, vịn vào ống máng, bấm đầu ngón tay vào gờ tường, men đến gần khung kính có hai bóng người đó.

Mưa đã bắt đầu nặng hột, gió rung chuyển những ngọn cây. Hai cái đầu ghé sát vào nhau và hình như hai miệng đồng thời chạm nhau... Hạnh nghiến răng định với tay đập tan khung kính, song không thể được. Nàng rít lên mấy tiếng não nùng:

- Mẹ ơi... anh ơi... đồ khốn...

Nước ào ào giội xuống người nàng, mấy cành lan theo gió vút mạnh vào lưng, nàng không biết mình bị đau, bị ướt.

Hai cái đầu kia dần dần thụt xuống, Hạnh không trông thấy nữa.

- Trời ơi, tôi tức chết mất...

Cánh cửa có mở ra đâu, có ai đáp lại nàng đâu. Nàng đành bấm gờ tường men về ban công. Hai tay vẫn nắm được cái sắt ngang nhưng chưa kịp đu mình lên thì nàng mệt lả.

Mưa càng giội xuống đầu nàng. Chớp vẫn lòe trên mây, và một tiếng sét bật lên chói lòa, tưởng chừng đánh xuống người nàng. Choáng váng, Hạnh một tay tuột hẳn ra, một tay cố sức ghì bám lấy thanh sắt ngang, còn mình bị treo lơ lửng. Quanh nàng chỉ có tiếng kêu gào của gió, dưới chân nàng chỉ là một cái trống không. Tuột tay ra, xương sẽ gãy, máu sẽ chảy, nàng sẽ chết một cách thảm thương.

Cứ thế trong một lúc lâu, đã định thần và đã lấy lại hơi Hạnh mới đu chân trèo được lên ban công, run lẩy bẩy.

Nàng loạng choạng vào buồng, ngồi nghỉ một lát rồi châm đèn, thay quần áo.

Lòng giận nổi bừng bừng, nàng nằm lăn ra giường nghĩ ngợi. Sau, cân nhắc kỹ càng những điều đã nghĩ, nàng quả quyết thi hành.

Gần về sáng, mưa tạnh hẳn, gió dịu, mặt trăng vàng lạt buồn rầu lơ lửng phía tây nam.

Hạnh tháo mấy tấm ảnh con trên tường, gấp quần áo, nhặt các thức dùng vặt vãnh xếp vào va li, đoạn xé mảnh giấy trong cuốn sổ tay, ngồi viết bức thư để lại.

“Con xin phép mẹ cho con ra đi tìm kiếm một nghề trong sạch hơn cái nghề này. Từ năm mười tám tuổi phải bắt đầu tiếp khách, cho tới bây giờ con tưởng đã đủ đáp lại công sinh dưỡng của mẹ. Dày dạn nhiều rồi, cười cợt nhiều rồi, bạc ác nhiều rồi. Trong cái thời chán chường ong bướm ấy, con rắp tâm kén Chương làm kẻ chung sống sau này (điều ấy mẹ đã tán thành) - vậy mà ngày nay kẻ kia tệ bạc, mà mẹ, mẹ đã chiếm đoạt tình yêu của con!

Con còn trông mong vào ai nữa, con còn kính yêu ai nữa. Mẹ đã lừa con, chồng đã phụ tình. Còn đợi gì mà chẳng bỏ ra đi cho mẹ và chồng khỏi bận lòng, chướng mắt.

Rồi đây, ở nơi nào con cũng cố trở nên một người đàn bà lương thiện. Con sẽ lấy chồng, con sẽ yêu chồng với dạ thủy chung như con đã yêu Chương.

Mẹ tha thứ cho con.

Chương tha thứ cho em.

Lệ Hạnh

Trời hửng sáng, Hạnh đẩy cửa đã thấy người ta mở khóa. Có lẽ trong khi nàng viết xong thư rồi chợp ngủ đi nên không nghe tiếng động.

Hạnh xách va li rón rén xuống dưới nhà, khẽ mở cửa sau ra vườn, không ai biết, vì tiết trời mát mẻ đám gia nhân đều ngủ say sưa.

Bên đường cỏ cây ướt át, rã rời sau cơn giông tố, Hạnh thấy tâm trạng của mình cũng như sự vật, rã rời tan nát sau trận bão lòng.

Đằng đông, mặt trời tráng lên nền mây xám tựa sắc chì một màu vàng tươi lóng lánh.

Đồng ruộng, nước ngập lan như mặt biển, quạnh hiu chưa có một ai.

Hạnh rảo bước đi thẳng về nhà ga. Nàng ngửa mặt cho ánh sáng mặt trời rực rỡ rọi vào cặp mắt vừa ráo lệ, rồi ưỡn ngực hít luồng không khí nhẹ nhàng trong mát lúc ban mai.

* * *

Bà Hoàng và Chương thức dậy khi tên bếp bẩm đã tới giờ ăn.

Qua buồng bên, bà thấy buồng Hạnh im phăng phắc. Bà đẩy cửa bước vào không thấy Hạnh mà sàn gỗ cùng các đồ đạc đều ướt đẫm. Trên mắc, một bộ quần áo ngủ như vừa nhúng nước, nhỏ xuống từng giọt một, đọng ở sàn một vũng, chảy loang ra. Bà Hoàng ngờ vực, ngoảnh lại bàn giấy thấy phong thư. Bà đọc. Lúc đó Chương bước tới sau lưng mà bà không biết. Đọc hết, bà tái mặt ngồi xuống ghế, bưng mặt khóc. Chương tê tái, ra ngoài ban công đứng tần ngần nhìn phía đường xa.

Chân trời, những bụi cây thu nhỏ và nối liền nhau, chia đôi lớp mây mù với cánh đồng xa xanh rộng. Ở đấy, bỗng một lớp khói trắng cuồn cuộn tỏa lên cao, tiếp có tiếng còi xe lửa vang bay trong gió.

Chương điên dại chạy qua mặt bà Hoàng, nhảy xổ xuống bậc thang, ra khỏi trại, rồi trên khoảng đồng không chàng cắm cổ chạy mau tựa đuổi bắt cái bóng đã bị thương đau làm tan tác.

Bà Hoàng tựa cửa nhìn theo...

* * *

Hỡi khách bộ hành, người hãy ngả nón, vào túp quán tranh lụp xụp này mà ngồi lau vết bụi bám đầy trên da mặt, hãy nắn bóp đôi bàn chân lấm láp sau khi người đã dạo khắp đó đây để thưởng thức biết bao cảnh đẹp của đất trời. Rồi người hãy ngửa chiếc bát sành cho bà lão già nua nghiêng nồi cố múc nửa gáo nước chè tươi nguội nhạt, người tạm uống cho qua cơn khát đường dài. Rồi người đưa mắt nhìn quanh bốn phía sẽ thấy những quán lều cột xiêu mái thủng, mấy tàu lá chuối thay phên. Người sẽ thấy những đống rác rơm bẩn thỉu; những viên gạch dùng làm bếp đều bị rêu phong vì đã lâu ngày không được sưởi trong than hồng nóng ấm; những chiếc chõng hàng cáu bẩn, hoàn toàn hư nát, tưởng chừng là chỗ ăn ngồi của bọn người hành khất đến họp ở đây.

Trước cảnh tiêu sơ ấy, hỏi người có cảm tưởng gì không?

Nếu người ghé vào tai bà lão mà hỏi cảnh điêu tàn kia thì bà sẽ kể người hay: Đó là một chốn chợ người, nhưng là chốn chợ người hoang tạ từ lâu. Xưa kia chợ ấy phiên nào cũng đông người mua bán, trai gái các làng đua nhau đến tìm duyên trong sự bán mua. Chợ đông chỉ nhờ các cô gái đẹp, song dần dần những cô gái ấy lần lượt lấy chồng, vì vậy chợ cũng dần dần vắng vẻ, khách kéo nhau đi chợ khác, ở đây chỉ còn thưa thớt ít người quê kệch; lâu ngày chợ bị bỏ hoang...

Bà lão đó sẽ còn lau nước mắt kể người nghe nốt chuyện buồn riêng: cô con gái ngoan, xinh đẹp của bà trước kia đã kiếm được nuôi bà no ấm, chẳng ngờ chán cảnh nghèo nàn, cô đi theo một người lính tập ra ngoài tỉnh, cho nên hàng bà không ai đến nữa. Tháng cùng năm, bà đành ngồi lại một mình trên mảnh đất chợ tàn không ai họp, ngóng đợi khách qua đường nghỉ chân mua cho bát nước chè tươi để bà sống nốt những ngày hiu quạnh.

Người ơi! hãy ví cảnh chợ kia là cảnh chợ đời.

Hãy tưởng tượng bà lão già cô độc ấy là cái tượng hình thê thảm của bà Hoàng trong khi Hạnh bỏ bà ở lại với tuổi già nua tiều tụy mà khách làng chơi đều chán chường ghê tởm, lánh xa.

Hỡi gái giang hồ! có nên thử dừng chân trước cảnh chợ chiều hôm?

In trong *Một đêm vui*, tập truyện ngắn,

H., NXB Tân Dân, 1937

Đời tư Lã Bố

Tối nay đình làng Thượng có phường Lê hát. - Bà Trương tất tả bước vào sân, vừa nói vừa đặt rổ bèo xuống miệng cối đá dưới cây na.

Mai mừng rỡ reo lên:

- Thực ư u? Để con sửa soạn gánh hàng xuống bán, u nhớ.

Dứt lời, cô ném mấy quân tam cúc xuống chiếu, nhặt lấy đồng tiền trinh bỏ túi, đứng lên.

- Đáng lẽ ván này em kết tốt đen vì em có tướng điều.

Một cô, là chị họ Mai, đập đùi cô bên cạnh, nói đùa:

- A, phải rồi, nó còn có ông tướng Sinh ở phường Lê thì làm gì mà chẳng kết.

Tảng lờ không nghe thấy, cô chỉ mỉm cười chạy lên nhà.

Các cô tan cuộc, chào bà Trương, kéo nhau ra cổng. Trăng đã lấp ló đầu ngọn tre. Bọ bèo ẩn trong những bè rau muống, bè rau rút dưới ao đã dần dần hóa thành đom đóm, lập lòe bay lên. Chúng lượn chơi dưới ánh trăng rằm vằng vặc vút lên ngọn cau, khóm chuối, sà xuống bờ rào dâm bụt, xuống đầu các cô gái tơ nói cười ríu rít.

Các cô nghịch tinh như trẻ, đón bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng gài lên tóc, đeo vào cổ yếm, dắt nhau ra ngồi bên bờ giếng đá hát trống quân, quan họ với nhau, mãi tới lúc trăng khuya đã bơi qua dải Ngân Hà các cô mới rủ nhau về ngủ.

Những cuộc vui chơi chỉ có trong những đêm trăng ấy, tối nay Mai không được hưởng cùng các bạn, vì cô còn bận sửa soạn gánh

hàng để kịp xuống đình làng Thượng bán trước khi phường hát lên trống giáo đầu.

Cô bảo cái Ba mang dao ra vườn chặt vội mấy cây mía, đẵn thành tấm xếp vào hai bên thúng, còn cô thì ra giàn trầu không bứt vài chục lá đem bỏ lẫn vào tráp đựng diêm, thuốc lá, thuốc lào. Giúp đỡ con, bà Trương vác chiếc thang tre ra vườn sau nhà trẩy buồng cau, mươi trái bưởi vội đem vào. Bà luôn miệng dặn dò con gái:

- Phải có ý tứ, nghe chưa? Con trai họ chòng ghẹo thì không được híp mắt cười, mà cũng chớ nên gắt gỏng. "Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu". Tiền nong phải cẩn thận, con gái mà lơ đễnh thì ruột cũng không còn.

Bà vặn cao ngọn đèn hoa kỳ, ngắm nghía Mai.

- Vào mở hòm lấy cái thắt lưng sồi mới của u mà thắt. Mà phải mặc cái quần lĩnh vào chứ, mặc váy trong đám hội nhỡ ngồi vô ý thì mày bỏ xác mày, con ạ.

Mai thẹn đỏ mặt, cãi bà Trương:

- U đến hay nói! U đã thấy con vô ý bao giờ chưa?

Cô vui vẻ cầm cây đèn con vào buồng sắm sửa.

Một lát, Mai bước ra, bẽn lẽn như cô dâu mới. Thấy con xinh đẹp, gọn gàng, mặt bà Trương hình như tươi lên một chút. Bao giờ bà cũng muốn giữ trọn câu "Giấy rách giữ lấy lề" của ông tú, chồng bà, căn dặn lúc lâm chung. Bà không dám để làng xóm khinh rẻ bà về nỗi sa sút cửa nhà, chỉ vì việc làm ma cho ông tú bà đã bán ruộng, giết bò thết đãi khắp mặt dân. Đã nhiều bữa, ba mẹ con gài chặt cửa ăn khoai, húp cháo trừ cơm. Cũng có khi khoai, cháo chẳng đủ mà ăn nữa. Cùng hai con gái cố tần tảo tháng ngày, bà nuôi lợn, trồng dâu, làm đậu phụ bán cho người trong làng. Mai dành dụm được chút vốn, sắm đôi tráp sơn đựng thuốc lào, thuốc lá rồi chờ phiên gánh ra chợ bán. Công sức tần tảo ấy, bình thường cũng tạm đủ, song những lúc không may gặp phải chuyện gì, hoặc cái Ba ốm, hoặc Mai hay bà Trương ốm, lại thiếu ăn.

Bao nhiêu năm sống như vậy, bà Trương đã mất nhiều nước mắt mà Mai cũng vì cảnh nhà mà sắc đẹp giảm dần đi. Song cô được cái tính ít lo buồn. Sầu khổ mấy cũng chỉ khiến cô ngồi thừ ra một lát rồi chợt thấy đôi chó mèo cắn nhau ngoài sân, hay thấy cô bạn thân nào đến trò chuyện, đùa bỡn, tức thì cô lại cười giòn giã, lại nói liến láu, át cả tiếng thở dài của bà Trương ở trong buồng. Vô tư

lự như thế, cô luôn bị mẹ mắng. Cô không chừa được, tuy đã thử cố buồn, cố khóc. Có lúc bị mắng xong, Mai dớ dẩn hỏi bà Trương: "U nhỉ, có lẽ kiếp trước con là con chim sáo sậu, là con chích chòe cho nên kiếp này ông trời cứ bắt con phải nói cười luôn, chạy nhảy luôn. U có tin thế không? Nếu tin thế thì từ rày, u đừng mắng chửi con nữa nhé".

Mai nhí nhảnh thế nên bà Trương mắng mỏi miệng, rồi cũng phải bật cười.

- Thôi đi đi, kẻo chưa đến nơi, tuần đinh họ đã đóng cổng đình thì khốn đấy.

Cô nhai miếng trầu cho đỏ miệng, soi vội mặt vào mảnh gương vỡ cài trên liếp rồi đặt gánh lên vai.

Hai chị em ra khỏi nhà mấy bước, cô dừng chân đổi gánh sang vai, quay đầu nhìn bà Trương đang lích kích chèn chốt cửa. Lòng cô tự nhiên chua xót, cô thương mẹ già suốt đời vứt vả, không bao giờ được an nhàn như các bà Lý, bà Bá trong làng. Chợt nghĩ đến những vụ trộm, vụ cướp xảy ra luôn trong hàng tổng và cũng thường xảy ra ở chính làng mình, cô băn khoăn lo cho mẹ. Cô toan dặn bà Trương soi đèn kỹ dưới gậm giường gậm phản, nghe ngóng tiếng chó cắn, tiếng chân đi ngoài xóm, nhưng bà Trương thấy chị em cô chậm chạp, đã nhìn ra khe cửa mắng:

- Hai con ranh kia không đi, còn nhí nhảnh gì nữa đấy?

Cô khẽ "vâng" rồi rảo bước qua bờ giếng đá, lũ bạn cô gọi lại, cô chẳng trả lời. Các cô chế Mai ban nãy, giờ lại chế:

- Cái Mai hãy ngồi chơi ván tam cúc nữa để chờ kết tốt đen. Mày đã có ông tướng điều thì làm gì mà chẳng kết.

Họ cười vang lên. Cô cũng vừa cười, vừa rảo cẳng.

Ra khỏi cổng làng, men theo bờ một dải sông đào rất rộng nước lên cao gần mấp mé bờ, chị em Mai đi mải miết. Dưới ánh trăng, đôi bóng mờ mờ in ngang xuống mặt nước sông lấp loáng đậu chỗ này, chỗ khác mấy con thuyền. Đi hết một ngọn đồi, chợt cô lắng nghe tiếng trống văng vẳng trong gió, cô bồn chồn cả dạ, rối rít giục cái Ba:

- Người ta đã hát rồi. Em chạy đi trước xem có phải đúng phường Lê, nhìn kỹ xem có Tư Sinh không nhé!

* * *

Tới sân đình, Mai đặt gánh, xuống cầu ao sen rửa chân. Lúc nãy, trăng lẩn vào mây, cô vô ý dẫm phải vũng nước, bùn bắn ướt cả ống quần.

- Kìa, cô hàng thuốc! Từ tháng Giêng năm ngoái, đến tháng Tám năm nay mới gặp. Chúng tôi buồn, tưởng cô đã lấy chồng.

Cô ngẩng lên nhìn bọn trai làng đứng đông trên cầu sắp sửa ghẹo mình thì đã thấy tức nhưng vụt nghĩ tới lời mẹ dặn, cô lại dịu dàng đáp:

- Thưa các bác, em đã lấy chồng dạo tháng trước rồi.

- Nhà tôi đấy, các anh em chớ có trêu vào.

Cậu con trai ông Chánh trâng tráo gạt bọn kia ra, rồi đỡ hộ quang gánh của cô vào thềm đình, đắc chí. Mai khó chịu, song lời mẹ dặn trước khi đi cứ vẳng bên tai, nên cô chỉ lẳng lặng ngồi bày hàng ra mẹt, cầm dao têm trầu mời khách.

Lòng xốn xang, mấy lần cô định đứng lên nhòm vào bên trong đình, kiếm người cô vẫn nhớ vụng yêu thầm. Cô chỉ còn trông cậy vào sự che chở của Sinh, mặc dầu Sinh với cô vẫn chưa có dịp nào ngỏ tình. May lúc đó trong sân đình, đám xóc đĩa vừa tụ họp, bọn trai kia kéo cả vào. Thoát nợ, cô mừng quá, đứng phắt ngay lên, toan sán vào chỗ buồng trò, nhưng cái Ba, nắm áo cô lôi lại.

- Chị không bán hàng ư?

- Chị ngó xem có đúng phường Lê không đã.

- Xem làm gì. Ngồi đây cố bán cho u lấy tiền trả nợ còn hơn...

Nghĩ đến cảnh quẫn bách của nhà, Mai thừ người ngồi xuống. Càng về khuya, trò hát càng hay, mọi người đều ở trong đình nghe hát, hàng cô không ai ra ngồi nữa. Cô dỗ cái Ba nhờ nó coi hàng hộ, rồi cô đến dãy chấn song gỗ nhòm vào buồng trò.

Mai thấy kép Sinh, chính thực kép Sinh, đội chiếc mũ lông công dài vút, mặc bộ áo giáp vàng, trước ngực tết bông hoa to bằng lụa trắng, đang ngồi trước gương vẽ lại cặp môi son. Cô tấm tắc khen thầm:

- Sao lại có người đẹp trai đến thế kia! Ước gì mình được...

Nhưng thầm thẹn với ý nghĩ của mình, cô mỉm cười, đôi mắt bỗng long lanh sáng, nhìn Sinh. Còn Sinh thì vô tình không để ý đến cô đứng ngoài bóng tối. Ngay lúc đó, một cô đào cũng xinh đẹp cầm chiếc quạt Tàu đập vào má Sinh, nhí nhảnh:

- Này anh Lã Bố! Tí nữa Điêu Thuyền này chuốc rượu nằm ngả vào lòng anh, thì cấm anh không được ghì chặt lấy ngực đấy nhé. Tôi dặn trước, kẻo lại như năm ngoái, làm thằng chồng tôi nó ghen đến hộc máu tươi ra.

Nghe những câu cợt nhả ấy, lòng cô tựa hồ như nổi lên một cơn ghen. Cô rít răng rủa thầm:

- Đồ đĩ dại! Đồ đĩ dại!

Mai chú ý xem kép Sinh có trả lời cô đào ấy không, nhưng Sinh nín lặng. Cô đánh bạo khẽ gõ con dao têm trầu vào chiếc chấn song gỗ. Sinh ngẩng lên nhìn. Thấy cô, Sinh có vẻ mừng, gật chào cô, liếc nàng rất đa tình. Cô sung sướng, cơ hồ ngất lịm đi.

Lát sau, đến lượt Lã Bố ra trò. Người ta diễn tích "Phụng Nghi Đình", tích hát cô chưa có dịp nào xem. Cuống quýt, cô len vào bên trong coi cho rõ. Giọng hát trong, điệu bộ khéo, lại giỏi trai, kép Tư Sinh tối nay trổ hết tài nghệ hiến vui công chúng, nhất là trong số công chúng ấy có cả cô hàng thuốc xinh đẹp, cô hàng thuốc mà đã bao nhiêu năm lăn lóc trong nghề chèo hát, đã gặp bao nhiêu thôn nữ trong bước giang hồ, anh chưa từng thấy cô nào xinh đến thế.

Người ta khen Sinh không ngớt miệng. Roi chầu điểm đến vỡ cả tang trống cái, bọn gái làng ngắm Sinh ngây ngất. Mai vui thích, má ửng hồng. Chưa từng có một cảm xúc nào say sưa, mơn trớn rung động tâm hồn cô như lúc ấy.

Đây là lớp Điêu Thuyền chuốc rượu cho Lã Bố, theo mật kế của Vương Tư Đồ, cha nuôi. Điêu Thuyền với cái bộ điệu lẳng lơ, khi ngửa mình, khi áp má, lúc quàng vai, lúc nũng nịu, lúc lả lơi trên đùi Lã Bố, làm cho mọi người phải đê mê, nhất là các cặp trai gái trong làng đã có tình ý sẵn, lúc này, đưa mắt nhìn nhau cười khúc khích.

Vai đào đã có nhan sắc, lại có tài, ướn ẹo trong lòng anh kép đẹp trai, thực là xứng lứa. Cảnh ấy khiến Mai khó chịu. Có khi cô nhắm mắt không thèm nhìn, có khi hậm hực ngoảnh trông chỗ khác, rủa thầm:

- Con đĩ! Con đĩ!

Càng đến những lúc Lã Bố ôm Điêu Thuyền nằm ngửa mình trên lòng chàng mà uốn éo, hoặc Lã Bố hôn hít Điêu Thuyền một cách thành thật miên man, Mai càng lồng lộn, càng điên tiết, lắm lúc cô muốn nhảy xổ ra túm đánh Điêu Thuyền một trận mới hả lòng ghen. Cô mê Sinh quá mất rồi. Cô không muốn một cô đào nào trong gánh hát tranh đoạt nỗi yêu thương thầm vụng ấy. Lòng ghen đã khiến Mai quên phắt đi rằng kép Sinh với cô đào kia ôm ấp nhau như thế cần trong lúc đóng trò, là chuyện nghề nghiệp mà thôi.

Tiếng cười rinh rích của những cặp trai gái xung quanh càng như châm chọc Mai. Cuồng lên, cô đẩy mọi người, chạy xô ra ngoài sân đình, ngồi ôm mặt. Cô ngồi một mình dưới ánh trăng, tấm tức như một người đau khổ nhất đời.

Cái Ba đã thu dọn gánh hàng cất đi một chỗ. Nó cũng vào đình xem hát tự lúc nào.

Khóc hồi lâu, nỗi đau dường như dìu dịu, cô đứng dậy ra ngoài bến sông. Dưới bến có vài con thuyền không biết ở ngả sông nào chở khách đến xem chèo. Tình cờ gặp một người lái thuyền quen sắp nhổ sào đi, cô gọi:

- Bác lái Năng cho thuyền đi đâu đấy?

- Tôi qua Sơn Tự, cô có về nhân thể thì về.

Để trốn cảnh làm mình đau đớn, cô muốn về nhà tìm sự an ủi của mẹ già, nên cứ liều mặc em ở lại xem hát, gửi gánh hàng, cô bước xuống thuyền.

Dưới trăng, thuyền trôi lững lờ. Lòng cô còn vương vấn với Tư Sinh. Đến ngã ba sông, thuyền bác Năng vừa rẽ thì cô chợt nghe rõ tiếng ai gọi tên mình. Cô vội vàng ngoảnh lại. Một người đàn ông đứng trên một chiếc thuyền đuổi vừa sát tới. Người ấy nhanh nhẹ nhảy tót sang bên thuyền cô và nắm chặt tay cô:

- Cô làm tôi giục bác lái chèo hết hơi đuổi theo mới kịp. Tôi tưởng tôi đang đóng tích "Triệt Giang phò A Đẩu" mà tôi là Triệu Tử Long.

Đấy là kép Tư Sinh. Mai hả lòng, hả dạ nguýt dài:

- Ôm ấp con Điêu Thuyền đã sướng chưa? Cái con Điêu Thuyền ấy, tôi ghét cay ghét đắng...

Tư Sinh cười vang:

- Thì ra cô ghen à? Đó là đóng trò chứ có thật đâu mà ghen. Rõ thật đàn bà!

Cô khẽ tát má Tư Sinh.

- Cả cái mặt này cũng đáng ghét lắm kia.

Hai người ngồi xuống đầu thuyền.

Thuyền qua bến Vị tự lúc nào mà cô không biết. Mãi đến lúc gà xao xác gáy trong xóm bến, cô mới khẽ gỡ tay Sinh, rùng mình giũ những giọt sương khuya bám trên mái tóc.

* * *

Bọn con gái chiều nay lại ngồi bên đống rạ chơi tam cúc như mọi buổi chiều, khi công việc đồng áng xong rồi.

Một cô vỗ đùi Mai:

- Con này lại kết tốt đen à? Ván nào nó cũng có tướng điều giữ kết.

Một cô khác chêm vào:

- Nó có nhân tình làm tướng mà lại. Chả thế, mấy tối nay đình Thượng có hát, nó đều chịu khó bò lên bán hàng.

Bị các bạn chế giễu, Mai không giận, vì lần này cô cho là lần cuối cùng cô vĩnh biệt các bạn ra đi.

Nhưng cứ bị giễu mãi, cô mượn cớ dỗi ra về.

Đi rất chậm trên các con đường nhỏ trong xóm vắng, cô lẩn thẩn đếm từng chiếc hoa dâm bụt, ngắt từng chiếc lá bờ rào, đếm từng ngọn cau, ngọn chuối trong các vườn lân cận. Trong khi ấy, cô đang mải suy nghĩ một việc quan trọng nhất đời: Cô sẽ liều, cô sẽ nhắm mắt giữ một lời nguyền, nó có thể làm đau khổ linh hồn ông tú, phá hoại danh giá của gia đình.

Về đến nhà, Mai đi thẳng ra chuồng lợn. Cô cúi xuống vuốt ve con vật mà cô đã mất công giã bèo, quấy cám nuôi cho nó lớn, từ đây cô sẽ không còn được nhìn nó nữa. Cô rẽ vào vườn, ngẩn ngơ nhìn những luống rau, bồn cỏ, những cây chanh, cây bưởi, cây cam mà hai mẹ con cô bấy lâu nay vun xới để sinh nhai lần hồi. Bây giờ, cô bỏ ra đi, mẹ cô sẽ phải làm lụng một mình, khó nhọc một mình.

Nhưng biết làm sao được! Tình mẹ với tình chàng, cô còn đang cân nhắc bên nào nặng hơn.

Cô xuống cầu ao đứng. Hết nhìn trời, cô lại nhìn bóng mình rung rinh trên nước. Rồi tẩn mẩn, cô vén quần đưa một chân xuống nước, khỏa mấy đám bèo trang từ bụi duối phía bên kia lềnh bềnh trôi tới. Bị sóng, những đám bèo dạt ra xa.

Mai chua xót ví thân mình rồi đây sẽ như đám bèo trôi nổi ấy. Cô nghĩ đến những ngày, khi đã làm vợ Tư Sinh, sẽ thành một kẻ lang bạt kì hồ, lẽo đẽo đi theo phường hát, với một bó giáo, gươm bằng gỗ, đôi hòm vuông cũ kỹ, cùng một bọn người lang thang kéo nhau đi khắp làng này, tổng khác kiếm ăn. Nhưng tuy vậy, mặc lòng, cô vẫn khao khát được vào nghề. Chẳng đã bao lần, Mai được trai gái làng, khi làm việc ngoài đồng, thường khen cô có giọng hát chèo rất trong, rất đúng là gì? Lời khen ấy đã từ mấy năm nay khiến cô mơ ước được theo một phường hát nào để đóng vai Thúy Kiều, Cúc Hoa, Thị Kính... tiếng tăm cô sẽ lẫy lừng.

- Chị ơi, u đã xếp xong gánh hàng rồi. U giục chị đi xuống Thượng, kẻo muộn như hôm kia đấy.

Mai chậm chạp bước lên bờ. Tần ngần nhìn em một lúc, ruột như thắt lại, cô ôm em vào lòng thổn thức. Lại nghe tiếng bà Trương gọi, cô vội cởi nút thắt lưng bao dốc ra mấy đồng xu nhét vào tay cái Ba, đoạn chạy lên sân. Cô dừng chân bên đống rạ, não nùng nhìn bà Trương cởi trần, mồ hôi nhễ nhại, đang đổ bèo vào cối giã một cách nặng nề, yếu ớt. Cô cảm thấy lòng mình như tan vỡ. Nước mắt lại chảy xuống ròng ròng.

Bà Trương ngạc nhiên, gắt:

- Cái con ranh này lại làm trò gì đấy. Cứ như con điên ấy, lúc khóc, lúc cười. Khăn áo nhanh lên mà đi chứ, còn trù trừ gì nữa?

Để mẹ giục mấy lần, Mai mới vào buồng, lục hòm lấy mấy cái quần áo cũ giấu xuống đáy chiếc quả sơn đựng thuốc. Cô vấn khăn, chải tóc qua loa, rồi quảy gánh hàng ra.

Mai rụt rè không dám bước qua ngưỡng cổng. Cái ngưỡng cổng mà hồi bé, Mai vẫn ngồi cùng các bạn đánh chuyền, đánh chắt, đánh giải gianh, ngồi mãi đến nỗi khúc tre bương đã lên nước bóng. Cái ngưỡng cổng ghi bao kỷ niệm sâu sa ấy, cô bước qua tức là đi hẳn, không bao giờ còn trở lại. Cô ngần ngừ đứng sững, ngoảnh đầu trông mẹ. Cô cố nén tiếng khóc để giã từ:

- U ở nhà, con đi! Em Ba ở nhà, chị đi!

"Đi" đây là "chết", là vĩnh biệt. Nước mắt lại trào xuống như mưa. Mai phải cắn môi dưới cho đau, phải kéo khăn vuông mỏ quạ xuống che kín mặt cho mẹ khỏi ngờ.

- U làm nhớ... con đi! Em Ba hầu u cho ngoan ngoãn... em giã bèo giúp u nghỉ tay một lát...

Bà Trương gắt mấy lần nữa, Mai mới ngập ngừng bước qua ngưỡng cửa ra đường. Những con dơi trên các ngọn cau bắt đầu tới tấp bay ra săn muỗi trong bóng tối. Cái Ba lúi húi thổi mồi rơm châm đóm đốt đèn. Nặng nề, bà Trương gạt mồ hôi, giơ hai cánh tay chỉ còn da bọc xương cố nâng chiếc chày nặng giã bèo. Tiếng chày đâm thình thịch xuống lòng cối đá, âm thầm.

* * *

Có lúc bước nhanh như người chạy trốn, có lúc đi chậm, đổi gánh nặng sang vai, Mai buồn rầu nhìn lại phía làng Trung Tự đã mịt mờ. Nhưng hình ảnh bà Trương với cái Ba, hình ảnh mái nhà gianh với vườn rau cải, vũng ao bèo phảng phất hiện ra trước mặt. Mấy lần, cô đặt gánh ngồi bệt xuống bãi cỏ rìa sông, bưng mặt khóc. Cô cảm thấy lúc này mình là người đau khổ nhất đời. Khóc như vậy hồi lâu mà nỗi đau khổ ở lòng sao chẳng vơi được ít nào. Cô bực tức nhổ cả một mảng cỏ lên ném xuống nước sông; sau cùng, cô nắm tay đấm vào ngực, vào mắt, tự mắng mình như hóa dại: "Tại sao mày nỡ bỏ mẹ già, em dại, theo trai? Mày là con đĩ, con đĩ!...".

Khóc chán, Mai gục đầu xuống cánh tay, nhắm mắt, mặc cho lòng chết lịm trong cơn đau đớn. Rồi bàng hoàng, cô tưởng tượng mình là một đứa trẻ thơ ngồi đây chờ ông Bụt, ông Tiên nào đó hiện thành ông lão ăn mày, tóc bạc phơ, tay cầm gậy trúc sắp đi qua. Ông lão ấy sẽ an ủi, hoặc khuyên can cô phải trở về với mẹ già, em dại, y như trong truyện cổ tích mà thuở bé cô đã vòi bà Trương kể đi kể lại biết bao lần. Thực vậy, chỉ có ông Tiên, ông Bụt mới khuyên nhủ cô trở lại được thôi. Chứ chính cô, cô đã chịu thua lòng, chịu thua sức cám dỗ của tình yêu, của Tư Sinh.

Gió đồng thổi lộng chợt đưa đến bên tai Mai những tiếng trống chầu khoan nhặt ở phía đình làng Thượng. Như bị ma run rủi, cô đứng phắt dậy, lau nước mắt, đặt gánh hàng lên vai, bước rất nhanh. Cô không quay đầu ngoái lại, rặng tre xanh mờ mịt lùi dần, xa dần sau bước chân.

* * *

Con gà trên đầu thuyền bác lái Năng đã ba lần gáy sáng.

Mai ra mạn thuyền nhúng chiếc khăn xuống nước sông rửa mặt, rồi cô đứng ngoài khoang rũ tóc, cầm lược chải. Gió sớm mai hây hây mát, thổi tóc bay phất phất. Cô nghiêng mình soi bóng trên mặt nước trong, vội vấn khăn, vuốt lại thân áo nâu non bị nát nhầu. Bẽn lẽn, cô cảm ơn bác đĩ Năng đã cho ngủ đỗ một đêm, đoạn cô bước lên bờ.

Cô bỡ ngỡ đi sâu mãi vào các xóm làng Sơn Thượng. Gặp anh mõ, cô nhờ hắn chỉ bọn phường Lê ngụ ở chỗ nào sau đêm hát. Hắn chỉ lối cho cô đến điếm canh cuối xóm Đông.

Mai rảo chân tìm tới. Đấy chỉ là một túp lều gần đổ nát, bốn bề vách thủng bịt bằng lá chuối xác xơ. Đấy chỉ là một túp lều quá tồi tàn mà ngày thường dùng cho ăn mày trú nấp, ngày làng đình đám thì dành cho phường chèo tạm trú để chờ đến tối lại dắt díu nhau gánh hòm mũ áo ra đình làm tướng, làm vua.

Rón rén đứng ngoài vách nhòm vào, cô thấy cả phường Lê trong đó.

Ôi chao lúc này, cô cảm thấy vùng trời xanh đổ xuống đầu cô, cũng như một thế giới đầy mộng đẹp mà mấy ngày nay cô ôm ấp bỗng nhiên vụt biến đi, tàn nhẫn, bất ngờ.

Mai lặng người trước một cảnh tượng mà cô cầu rằng nó chỉ có trong giấc mộng hãi hùng mà thôi.

Cô giương mắt nhìn mấy người đàn bà da mặt nhăn nheo xanh như bọc một lớp rêu, đang bắc nồi cơm lên ba hòn gạch, chúi đầu xuống thổi cho củi cháy. Thỉnh thoảng một người lại chạy ra chỗ ổ rơm vỗ đứa trẻ gày còm khóc thét lên vì đói. Cạnh đấy, cạnh đôi hòm vuông nước sơn bong gần hết, dăm ba người đàn ông, kẻ cởi trần trùng trục da đen thui thủi, kẻ quần nâu, áo vải rách rưới, nằm co quắp lấy nhau, há miệng ngáy khò khè. Bên trong, một người mà Mai trông ngờ ngợ: một người gày guộc, bộ mặt hom hem, da nhợt như chàm, thâm trứng cá, tóc rũ rượi dính mấy sợi rơm, bọt mép chảy lầy nhầy xuống dưới cằm, nằm ép sườn bên khay thuốc phiện tắt đèn, ngoẹo đầu bên chiếc gối gộc tre mà ngủ.

Liền bên cái "xác chết" ấy một cô gái mà Mai trông cũng quen quen: một cô gái mặt phù, da sần sùi gần như da cóc, cởi trần, yếm tuột hở cả đôi vú sữa, nằm gối đầu lên cánh tay ghẻ lở của một lão

già, còn hai chân thì gác cả lên bụng anh chàng nghiện ngập kia.

Mai hồi hộp nhìn thật kỹ. Cô đau lòng nhận ra hai người đó chính là chàng... Lã Phụng Tiên Lã Bố với ả Điêu Thuyền. Hai người đã làm cho cả phường Lê nổi tiếng. Hai người đã khiến bao nhiêu già trẻ, gái trai đều yêu tài, mến sắc! Hai người đã làm cho cô ghen và cảm, đã làm cô bỏ mẹ, lìa em để đi theo mà yêu, để chiếm đoạt mà thắng, để nhập nghề... lang thang khắp nơi, khắp chốn, theo chàng cùng say kiếp bèo mây...

Hoài vọng tan như huyễn mộng. Bây giờ đây, Mai chỉ còn một tấm lòng nguội lạnh, một cảm giác chán chường, ghê tởm. Cô nhẹ như chiếc bóng, đi giật lùi mấy bước, rồi vội vã quay mình chạy vụt ra ngoài xóm. Đến bờ sông, thấy thuyền bác đĩ Năng vừa nhổ sào về Trung Tự, cô cuống quýt đuổi theo, vẫy gọi, nhờ bác cho đáp trở về làng.

Khi bước được xuống thuyền rồi, Mai tựa hồ mới thoát được một tai nạn gì ghê gớm. Cô siết chặt tay bác đĩ Năng, nhìn bác bằng đôi mắt sáng:

- May quá! Chậm chút nữa thì cháu bị nhỡ chuyến đò!

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 210/1938.
In lại trong *Cô gái làng Sơn Hạ*, NXB Văn học, H., 1989

Anh gắng nuôi con

Cuộc đời Phương đều đặn như một cái đồng hồ tốt. Sáng anh dậy sớm đánh thức thằng nhỏ, giục nó quét nhà, đun nước. Còn anh ra cửa đứng đợi mụ hàng xôi quen.

Mua xôi xong, thằng Hoa, đứa con trai lên năm tuổi cũng ở trên giường bò xuống đất. Phương bế nó lên nựng một lúc, rửa mặt cho nó và cho con ăn uống xong xuôi anh mới ăn sau. Rồi rất vội, anh trèo lên giường với lấy cái khăn lượt chụp lên đầu, mặc chiếc áo trắng dài hồ cứng cổ, xỏ chân vào đôi giày vải trắng đế cao su.

Trong khi ấy, thằng đầy tớ tóc đỏ như râu ngô, mặt bủng như thị rụng, mà tai hại thay nó có sức ăn khỏe tựa hổ, đã ủ rũ đứng bên cạnh để nhắc anh chi tiền mua đậu phụ và rau muống.

Hôn con một chập nữa, căn dặn thằng nhỏ trông nom con kỹ càng, Phương dắt chiếc xe đạp tồi ra ngoài ngõ. Đến đường nhựa, anh vén áo gài vào thắt lưng cho khỏi nát, nhảy lên yên, gò lưng đạp.

Tới sở, Phương cất xe đạp vào một xó, khóa cẩn thận. Anh cúi chào người chủ Tây đen rồi tiến đến dãy tủ kính, đứng nguyên một chỗ, nhìn ra ngoài cửa đợi khách vào hàng để tiếp.

Suốt buổi, Phương cố sức làm hết bổn phận một người làm công cho được lòng chủ. Hết giờ, anh lại dắt cái xe đạp tồi ấy ra đường, vén áo gài vào thắt lưng cho khỏi nát, nhảy lên yên, gò lưng đạp... và lại theo những con đường cũ về nhà. Cứ đến cửa, thấy con là anh đã vui sướng ôm ngay lấy nó bế lên hôn, đặt nó lên vai, cù cho nó cười để anh cũng cười với nó.

Hoa nghịch bẩn, anh tức khắc tắm rửa cho con; quần áo lấm của nó anh giặt lấy. Bữa cơm, anh săn sóc cho nó ăn no rồi anh mới ăn sau. Cả buổi trưa, Phương ru cho con ngủ. Và trong khi nó ngủ,

anh lại vội chụp cái khăn xếp lên đầu, lồng chiếc áo trắng dài vào cái mình còm cõi, rón rén bước để nó khỏi thức dậy, xuống bếp dắt xe đạp ra đường, cắm đầu đạp nhanh đến sở.

Buổi tối Phương nằm kể chuyện cổ tích cho con nghe, để nó mau buồn ngủ.

Và sáng hôm sau thức dậy, anh lại bắt đầu sống lại cái ngày hôm qua, hôm kia... Anh lại lo đầy đủ phận sự một người làm công, phận sự một người cha góa nuôi con dại, phận sự một người đàn ông sống lương thiện, hiền lành.

Bởi vậy, cuộc đời Phương đều đặn như một cái đồng hồ tốt.

Phương đạp từ từ cho xe chạy chậm trên con đường vắng. Nắng hè chiếu rát lưng, anh khát, ghếch chiếc xe đạp vào rìa hè, uống cốc nước đá hai xu rồi lại đạp. Anh đi phơi nắng như thế từ lúc một giờ trưa. Sự điên rồ ấy anh vẫn có mỗi lần bị những nỗi đau đớn thấm vào tâm hồn, mỗi lần bị những ý nghĩ chán đời thúc giục và xô đẩy đến gần một sợi dây thừng, một chén thuốc độc, một lưỡi dao.

Nỗi sầu khổ vì vợ cũng nguôi dần: người đàn bà ấy đã nằm yên dưới mộ rồi. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, nàng còn cầm tay anh dặn dò: "Anh gắng... nuôi... con", và không lúc nào tâm trí anh không vang vọng lời dặn dò khắc khoải ấy. Bây giờ, anh chỉ biết có yêu con. Nó là lẽ sống của anh, cho nên, những khi con ốm, anh ôm chặt nó vào lòng và run sợ: Nếu nó làm sao... thì anh tự sát, vì không nó anh còn biết yêu thương ai trên cái cõi đời gớm ghiếc này!

Hôm nay, điều khiến anh buồn vẫn một duyên cớ này thôi: sự nghèo nàn, cùng túng quá đỗi. Nghĩ đến thằng bé vừa mếu máo vừa dặn anh ban nãy: "Ba nhớ mua cho Hoa quả bóng cao su đỏ nhé", anh lại thở dài. Anh biết lúc này không thể mua cho con quả bóng cao su đỏ ấy. Có đắt lắm đâu! Nhưng than ôi, chẳng đã bao lần anh ăn cháo đấy sao? Hình ảnh con anh lại hiện lên. Ban nãy thằng Hoa chạy sang nhà hàng xóm. Một lũ trẻ nhà giàu xúm nhau đá quả bóng cao su đỏ trên sân. Nó đứng nhìn một cách thèm thuồng. Quả bóng lăn tới chân nó. Nó vội nhặt lên xem thì bị một đứa trẻ hung ác đánh đuổi ra cửa. Chạy về, nó vứt quả bóng mà anh quấn bằng giẻ rách đi, khóc nức nở bá lấy cổ anh, đòi mua bóng cao su chứ không chơi bóng làm bằng giẻ nữa. Đau ruột, thương con, anh hẹn nó chiều mai sẽ mua một quả bóng cao su. Nhưng giết ai cho ra tiền được. Ở cái đất Hà Nội giữa lúc này, anh làm sao có thể liều cầm súng giả tống tiền.

Phương đạp đến một phố Tây. Anh vẫn cúi đầu nhìn vòng bánh cao su từ từ quay, nghĩ ngợi xót xa.

Bỗng Phương giật nảy mình vì cánh tay anh vừa bị cái gì đập phải. Đó là quả bóng cao su lớn. Quả bóng bắn xuống rãnh nước, lăn mãi trước mặt anh, rồi lăn tọt vào miệng cống. Đạp nhanh qua miệng cống, anh để ý nhìn: quả bóng bị mấy chiếc lá bàng che kín.

Mừng rỡ, anh đạp đến đầu phố, dừng xe sau một cột đèn. Anh vờ đánh diêm châm mẩu thuốc lá để dành trong túi tự hôm qua, và liếc mắt nhìn trở lại. Anh thấy mấy đứa trẻ con Pháp đang ngơ ngác tìm quả bóng. Nhưng chúng chỉ tìm qua loa, không thấy, chúng chạy cả vào nhà.

Phương sướng quá, mỉm cười rồi đạp xe đi. Suốt buổi làm ở hiệu, anh bồn chồn nghĩ mãi đến quả bóng cao su nằm trong miệng cống. Anh băn khoăn lo rằng lũ trẻ con Pháp sẽ tìm thấy nó, hoặc anh phu quét đường, anh phu rác vô tình đưa nhát chổi vào...

Mong mỏi mãi mới tới lúc thành phố lên đèn. Phương dắt xe đạp ra đường, chẳng kịp gài vạt áo vào thắt lưng cho khỏi nát, anh phóng đi vun vút.

Cái miệng cống đây rồi!

Nhưng anh không dám dừng xe lại. Anh đạp thẳng, mặt tái đi bởi anh thấy tính lương thiện của mình không thể dễ dàng biến ra cái liều lĩnh của một thằng ăn cắp. Đi hết phố, Phương quay trở lại. Tim anh đập mạnh hơn. Song anh hẹn cho mình lần này phải liều. Đến gần miệng cống, anh tạt xe tới vỉa hè, toan xuống. Bỗng một tiếng còi xe hơi hét sau lưng. Phương giật nảy mình, đạp thẳng.

Anh hãm xe lại sau cột đèn, bực tức... Anh phải gợi lòng dũng cảm bằng cách nghĩ tới những vị đường quan ăn cắp tiền dân để làm giàu; những sự tàn nhẫn của các bậc đại thần... bóc lột cả tiền tài, trinh tiết của đàn bà, con gái để cung cho dục vọng chốc lát... còn anh, anh chỉ nhặt quả bóng cao su trong lỗ cống bẩn mà thôi! Đó không phải là tội lỗi mà là quyền của một người đi ngoài phố - không ai cấm nhặt vật gì nằm dưới gót giày.

Thế rồi, người đàn ông đã triết lý để có đủ năng lực ăn cắp, chặc lưỡi một cái ung dung đạp xe đến gần miệng cống; anh nhìn trước sau, nhìn xung quanh, sau cùng vờ hỉ mũi, cố ý đánh rơi chiếc khăn tay. Và tức thì, anh nhảy xuống nhặt chiếc khăn, đồng thời bàn tay run bần bật thò vào miệng cống gạt mấy cái lá bàng sang bên, lôi quả bóng ra. Đoạn anh luống cuống trèo lên yên, ra sức

đạp. Mắt anh hoa lên, mặt tái mét, mồ hôi chảy ròng ròng. Qua được vài phố, ngoắt ra đường bờ sông, nhờ luồng gió mát quạt vào người anh mới tỉnh. Quả bóng bám đầy nước cống bốc lên một mùi hôi hám, anh vẫn ôm chặt vào sát ngực.

Ngày chủ nhật, Phương xoay trần, chuyền bóng với con ở ngoài sân.

Quả bóng qua lại trước mắt anh, anh lại nhớ đến buổi chiều hôm ấy... Mặc dầu cách nay đã một tháng, và lý luận cách nào đi nữa, Phương vẫn đỏ mặt, đau đớn mỗi lần thấy con tươi cười ấp quả bóng cao su lên cái má trắng hồng phinh phính, chạy tới nũng nịu: "Ba mua bóng ở đâu thế hả ba?" Bị con hỏi ngây thơ như thế, anh rầu mặt, cúi đầu nhìn bàn tay buổi chiều nọ bám đầy nước cống mà tới giờ lúc nào anh cũng còn ngửi thấy mùi hôi.

Phương bảo con cất bóng, rồi anh mặc áo, dắt nó lên vườn Bách thú.

Ở công viên này, vào ngày chủ nhật trẻ con Pháp chơi đông lắm.

Đi qua chỗ trẻ chơi đu, nó đứng lại nhìn một cách thèm thuồng con búp bê của một đứa con Tây đang ẵm.

Phương kéo nó, nó không chịu đi cứ ngây mặt ngắm con búp bê ấy mãi. "Ba mua cho con con búp bê đẹp như thế kia nhé! Ba mua nhé!..."

Phương nín lặng. Nó nhìn cha rồi mếu máo. Anh đưa con về, và từ đấy anh lại não lòng vì con búp bê mà anh biết rằng không bao giờ mua được.

Trưa hôm sau, Phương lại cùng chiếc xe đạp lang thang trên các con đường vắng dưới nắng hè. Mỏi mệt, anh ngồi xuống chiếc ghế xi măng bên hồ Hoàn Kiếm, rút khăn thấm mồ hôi. Anh nghĩ đến con lúc này đang ngoan ngoãn ngủ để mơ thấy con búp bê xinh đẹp anh hẹn chiều nay sẽ mua về. Phải đánh lừa con, anh khổ tâm lắm. Anh muốn khóc, khóc to lên. Anh hằn học với tất cả mọi người, bởi vì mọi người, giữa lúc lòng anh khổ não thế lại nhởn nhơ kiêu hãnh vì được sống, khiến anh ghen tị và tức tối. Xe hơi bóng nhoáng chạy vun vút trên đường, những tà áo lụa thấp thoáng sau những khóm liễu rủ tơ mành... Hoa gạo đỏ, hoa soan tây trắng nở rực trời bên kia bờ in bóng xuống mặt hồ xanh lặng sóng. Đời đẹp lắm, vậy mà anh cảm thấy mình không được sống giữa cuộc đời!

Mắt anh bỗng đỏ hoe. Một thiếu nữ đi qua nghiêng dù liếc trông anh, cười khúc khích với bạn tình. Xấu hổ, Phương vội đứng lên, nhìn đồng hồ nóc nhà Gô đa. Đến giờ rồi, Phương dắt xe đạp lên đường, tới hiệu.

Người chủ Tây đen tươi cười với anh và giơ tay cho anh bắt. Anh ngạc nhiên, trố mắt nhìn vẻ mặt hoan hỉ của chủ nhân và không hiểu tại sao cái bộ mặt tối như đêm ba mươi Tết lại có thể lòe ra cái cười hãn hữu ấy khen anh ít lâu nay làm việc tốt nên bán được nhiều hàng. Vậy mà, anh vẫn không có tiền mua cho con một thứ đồ chơi!

Sự bực tức, cáu kỉnh lại trỗi dậy trong lòng, Phương sầm mặt. Anh cảm thấy người ta lợi dụng anh, vắt mồ hôi sức lực của anh, để rồi thỉnh thoảng ban cho anh một nụ cười, một cái vỗ vai, làm như anh là một đứa trẻ con. Thực là vô lý.

Cơn phẫn uất tự nhiên phát sinh một cách mạnh mẽ, khiến Phương run lên. Anh muốn bóp cổ kẻ đã bóc lột anh, nếu không, ít nhất anh cũng phải làm một cái gì... Anh đứng thừ ra nghĩ... hai tay bám chặt vào thành ghế. Nhưng mắt anh nhìn thấy những viên cảnh sát qua lại ngoài đường, tưởng tượng một tay mật thám trong túi sẵn sàng sợi xích đang ung dung bách bộ trên hè phố kia thì sự phẫn uất đó không dám đưa anh đến một hành động quyết liệt nào cả. Anh buông thõng hai tay xuống.

Một chiếc xe hơi vút đến sịch đỗ ngay trước cửa. Trên xe, một cô đầm xinh xắn, thò đầu ra nhìn vào trong hiệu. Tức thì, ông chủ anh ôm một bó hoa ra bước lên xe. Phương biết chủ đi Tam Đảo, ở cửa hàng chỉ còn anh và hai người làm công nữa. Nhưng họ đứng cách xa anh.

Anh đưa mắt nhìn cái tủ đựng đồ chơi của trẻ con.

Thốt nhiên, hình ảnh Hoa lại hiện ra, và một giọng ngây thơ nũng nịu vẳng đến tai: "Ba mua cho con con búp bê đẹp nhé!...".

Vậy lúc này anh có thể mua cho nó con búp bê không phải mất tiền, chỉ cần mất đi một chút lương tâm, hủy đi một chút danh dự làm người. Không khó khăn gì, chỉ mất một giây để rình xem có ai để ý đến không - y như bữa nọ trước khi thò tay vào miệng cống moi quả bóng - thế rồi anh cứ việc nhấc ra con búp bê đẹp nhất. Phương quyết thi hành. Lần này tim anh không đập rộn bằng lần ăn cắp quả bóng cao su, và mặt anh cũng không tái lắm, tay chân anh cũng không run lắm. Người đàn ông lương thiện ấy đã đủ can

đảm làm một thằng ăn cắp có nghệ thuật. Một phút sau, con búp bê đẹp nhất trong tủ kính đã nằm trong một xó kín, và năm phút sau nữa, Phương đã đem thoát nó ra đường, nhảy tót lên xe đạp.

Hoa chán quả bóng cao su và bỏ quên nó dưới gậm giường. Bây giờ, nó chỉ chơi với búp bê: "Ba mua búp bê ở đâu thế hả ba?" Mỗi lần con thơ hỏi thế, Phương lại rầu mặt. Anh khổ tâm lắm. Nhìn hai bàn tay mình, anh muốn khóc lên, muốn chặt nó đi: "Bàn tay này đã khoắng vào nước cống; bàn tay này đã thò vào tủ kính ngát mùi thơm, để ăn cắp những hai lần!".

Hai lần ăn cắp trong một tháng, chỉ vì chiều một đứa con. Đã nhiều lần anh muốn bắt chước những người hàng ngày làm điều nhơ bẩn tội lỗi mà không cần tự vấn, nhưng không được; anh vẫn bị sự hối hận đêm ngày day dứt, sự hổ thẹn làm cho đỏ mặt. Đã biết bao đêm không ngủ, buồn bã nằm ngắm đứa con thơ, bên tai anh lại văng vẳng lời người vợ dặn dò lúc lâm chung: "Anh gắng... nuôi... con", nhưng anh muốn được nuôi con một cách đàng hoàng trong sạch chứ không phải như thế này. Anh đấm ngực kêu lên.

Phương sống quằn quại như thế tự bốn hôm nay. Một buổi trưa, anh đang mặc áo đội khăn và ngắm con ngoan ngoãn ngủ, tay nó còn ôm chặt con búp bê và quả bóng cao su thì có tiếng giày gõ lộp cộp ngoài cổng. Nhìn ra, Phương thấy lão Tây đen ở hiệu anh làm cùng một người nữa dựng xe đạp ngoài cửa, xồng xộc bước vào nhà.

Lão Tây đen giật lấy con búp bê và quả bóng ở tay Hoa, ngửa mặt cười một cách khoái trá, rồi bảo người kia khóa hai tay Phương lại, lôi đi. Phương không chống cự, ngoảnh cổ nhìn con, nước mắt trào ra.

Trong khi ấy, Hoa vẫn ngoan ngoãn ngủ say, hai cánh tay bụ bẫm vòng trước ngực như để giữ chặt lấy con búp bê yêu quý, mà nó tưởng không ai có quyền cướp được của nó.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 222/1938

Hằn học

Cô đầm lai, bằng một ngón tay, vẫy Thông đến bàn giấy để đưa chàng tập thư.

Thông về chỗ cho giấy vào máy chữ sao lại những bản thư ấy. Tiếng máy kêu lách tách một chập như mưa rào. Đọc lại rất kỹ, Thông đứng lên sang phòng ông sếp. Ông còn bận tiếp khách, Thông phải đợi một lúc mới được vào. Như mọi khi, Thông cầm sẵn chiếc bàn thấm lăm le chờ ông hạ xong một chữ ký, chàng lại thấm cho khô.

Ông sếp, dáng mỏi mệt, bỏ bút xuống bàn, ngả ra lưng ghế thở khói xì gà, Thông chẳng có việc gì làm, đứng thừ người nhìn ra ngoài công viên: một cặp nhân tình đang ôm chặt lấy lưng nhau. Thông chợt nghĩ đến một người đàn bà ngày trước cũng thường đi như thế với bất cứ một kẻ đàn ông nào và bất cứ ở đâu... để kiếm cho chàng cơm áo và giấy bút đến trường.

Chàng nhắm mắt lại để nhìn thấy người đàn bà ngoài công viên. Nhưng người đàn ông, kẻ đã bao lần ôm chặt người đàn bà - người chị thân yêu nhất đời chàng lúc này đang ngồi kia!

Chàng nhìn vào tấm gương lớn treo trên lò sưởi, bên cạnh cái két bạc. Mặt gương vẩn khói xì gà, in lờ mờ một cặp kính cườI trên cái sống mũi gồ và bộ râu quai nón. Nhờ người ấy mà Thông được vào làm ở sở này và đã hai lần chàng ký sổ lương.

Đó chỉ là một cuộc đánh đổi mà thôi. Vì người chị thân yêu của chàng trước kia đã không dám ngửa tay nhận tiền của gã đàn ông này sau những đêm hành lạc, thì bây giờ gã trả cho chàng. Chàng phải ngửa tay nhận lấy. Cảm thấy tất cả sự bẩn thỉu của loài người và tất cả sự hèn hạ, khốn nạn của mình, Thông nghiến răng, muốn ném thật mạnh chiếc bàn thấm vào tấm gương.

- Anh mơ gì thế?

Giật mình đánh thót, người thanh niên đau khổ ấy vội vàng khom người xuống thấm, thấm, thấm những chữ ướt trên những trang giấy. Chàng ra khỏi phòng sếp, tất tả về chỗ mình và tất tả làm cái việc lẽ ra là của người loong toong: đóng dấu bên cạnh chữ ký của gã ta, rồi bỏ thư vào phong bì, dán tem.

Xong việc, Thông ngồi cầm miếng giẻ lau cái máy chữ cho bóng và cho có việc kẻo sợ cô đầm lai thấy chàng rỗi lại sai làm việc khác.

Chàng xếp các giấy tờ bỏ ngăn kéo, sau cùng không biết làm gì hơn, chàng với tay bóc một tờ lịch.

- Tháng này 31!

Đang nói bâng quơ như thế thì ông phán già thò đầu vào cửa phòng gọi chàng sang phòng bên cạnh lĩnh lương.

* * *

Thành phố vừa lên đèn, Thông ở sở ra, không về thẳng ngay nhà như mọi buổi chiều. Chàng lang thang trong các phố Tây vắng, hai tay đút túi quần, mặt cúi gầm nhìn những chiếc lá sấu trải trên mặt hè lát gạch xám. Gió thổi không đủ làm dịu tiết hè oi ả. Trên bầu trời lác đác một vài ngôi sao.

Thông lùi lũi bước. Chàng đi giày đế cao su êm quá, giá có đôi giày đế da mà nện rõ mạnh xuống nền gạch cho có tiếng kêu có lẽ là cái thú, và biết đâu chẳng làm tan được ít nhiều nỗi hằn học đè trĩu trong lòng.

Đến Hồ Gươm, đi qua một khách sạn lớn của người Pháp, nhìn vào, chàng nhận ngay ra người mang cặp kính gọng vàng trên sống mũi gồ và bộ râu quai nón. Gã đang ưỡn bụng thở khói xì gà, uống rượu và đọc báo như những người nước ngoài khác ngồi ở đây.

Mặt Thông bỗng sầm lại. Chàng rảo chân, mặt cúi gầm hơn trước. Mồ hôi toát ra ướt cả chiếc sơ mi mới thay buổi sáng. Chàng nhăn mặt, cởi áo vắt cánh tay.

Hồ Gươm lặng gió. Mặt nước phẳng lì như tờ giấy lam trải rộng. Dưới hồ, một con thuyền nhỏ không người, thường ngày dùng chở đi nhặt lá rụng trên mặt nước, cột chặt vào rễ cây si.

Nhưng Thông nào có ngắm cảnh, chàng cũng không buồn tránh những người chen lấn quanh chàng, hoặc là vì công việc, hoặc là hưởng thú thừa lương. Qua một tiệm cao lầu, chàng bước chầm chậm vì một mùi thơm vừa thoang thoảng đưa vào mũi.

Cơn đói thức ngay dậy, và ý nghĩ thèm một bữa ăn ngon giục Thông quay lại quả quyết nhảy vào trong tiệm. Thông tìm một chỗ ngồi vừa ý rồi gọi một cốc nước cam. Ngậm cái cuống rơm, hút một hơi dài, lòng khoan khoái đón lấy những giọt nước mát lạnh ngọt ngào, mắt khoan khoái nhìn khối nước màu vàng bị rút xuống dần dần trong cốc, Thông cảm thấy tâm hồn nhẹ hẳn đi. Nhìn lên tấm bảng kê các món ăn, chàng chọn một món rẻ tiền mà ngon để gọi. Chờ mấy phút, một món ăn nóng hổi đã đặt ngay trước mặt. Thông cầm đũa, mắt sáng lên.

Chàng ăn đang ngon miệng thì thằng bé con ngồi ở quầy hàng có lẽ đang giờ làm bài, cầm chiếc bàn thấm đập xuống trang giấy luôn một chập. Những tiếng "*thình thịch*" ấy khiến Thông rầu mặt lại. Hình ảnh kẻ đã ôm ấp *người đàn bà thân yêu nhất trong đời chàng* hiện ra trong một phòng giấy, còn chàng lom khom đứng cầm chiếc bàn thấm thấm những chữ ký trên các công văn.

Người đàn bà đó là Sâm, chị ruột chàng.

* * *

Ngày ấy..., Thông còn đang đi học, Sâm mở ngôi hàng sách. Sách không ai mua, bụi phủ dần lên các cuốn tiểu thuyết thảm tình.

Bố mẹ chết cả, mình nàng nuôi em. Tiền tiêu không có, tiền học của Thông cũng chịu nhà trường. Thông khóc, không dám đi học nữa. Một hôm, thương em quá, Sâm dắt em đến trường, nàng xin ông Đốc cho khất nợ. Ông Đốc tiếp Sâm lần đầu ấy trong phòng giấy. Lần sau, ông tiếp Sâm ở nhà riêng. Ông xin Sâm một chút tình, được vậy, ông cam đoan không bao giờ nhận tiền học của Thông và còn giúp đỡ Sâm là khác. Nghĩ đến việc học và tương lai của đời em, nàng đã yếu lòng. Cuộc yêu đương ấy được ít lâu rồi tan vỡ. Sâm đã là người con gái nhuốc nhơ. Nhưng việc học của em, nàng không nỡ cho dang dở vì Thông đã thi được vào trường Bảo hộ. Nàng phải tìm cách kiếm tiền nuôi em.

Có một buổi tối, một người đàn ông vận âu phục vào cửa hàng tối tăm của nàng hỏi mua cuốn *Tuyết hồng lệ sử.*

Có một buổi tối, một người đàn ông vận quần áo ta vào hỏi mua quyển *Giọt lệ sông Hương.*

Có một buổi tối, một người đàn ông có ba chiếc răng vàng, mặc quần áo cánh lụa, không hỏi mua gì cả, hắn liếc vào trong nhà không thấy ai, rồi ghé tai nàng nói nhỏ...

Ba tối ấy, ba lần Sâm vội vàng xoa lại phấn, nắn lại khăn, mặc chiếc áo nào đẹp nhất để len lén ra lối cổng sau, nhảy lên một chiếc xe tay chờ sẵn đầu đường, trong khi người em trai hiền lành đang cắm cúi đọc sách, làm bài trên gác, tin rằng người chị đã ngủ yên ở dưới nhà.

Nhưng rồi một hôm, người em ngây thơ ấy ở trường ra, đã vào vườn Bách Thú, trèo lên ngọn núi đất, vứt sách trên bãi cỏ, ôm mặt khóc. Thì ra Thông đã nghe thấy những lời chế giễu xỏ xiên của các bạn trong trường ám chỉ chị mình. Thông ngờ đâu lại có thể xảy ra như thế! Hôm ấy Thông giận chị, bỏ cơm nằm lì trên gác.

Buổi tối đóng cửa hàng xong, Sâm rón rén bước lên cầu thang. Nàng vén màn ngồi xuống cạnh giường khẽ đặt tay lên trán em. Trán Thông nóng hổi vì cơn sốt. Nàng gọi, Thông không đáp. Cúi xuống sát mặt em, nàng thấy má Thông nước mắt chảy ròng ròng. Nàng cũng khóc:

- Làm sao thế hả em? -Thông vẫn nằm yên.

Bỗng có tiếng gõ cửa dưới nhà, Thông vùng ngồi dậy, nắm chặt hai tay chị, mắt quắc lên:

- Tôi cấm chị không được xuống mở cửa cho chúng nó... Chị không được làm nhục vong hồn thầy mẹ... chị không được làm nhục tôi, làm nhục chị...

Thông nhảy xuống giường, với con dao trên bàn học chạy ra cầu thang gác, định xuống dưới nhà mở cửa. Sâm chạy theo, nắm tay Thông kéo lại. Thông ngã xuống giường, khóc rưng rức. Một lát, Thông đau đớn bảo Sâm:

- Sao chị lại có thể làm việc đê hèn, nhơ nhuốc ấy?... Tại làm sao... Tôi không còn có gan trơ trẽn vác mặt đến trường học nữa, người ta làm nhục tôi hàng ngày...

Cổ họng Thông tắc nghẽn, Thông nấc lên, úp mặt xuống chăn. Sâm vuốt tóc Thông, thổn thức:

- Chỉ tại chị thương yêu em quá... Đời chị đành lẽ bỏ đi rồi. Nhưng chị còn trông cậy vào em. Hãy xét cho lòng chị, em ơi!...

Nàng cũng nghẹn lời. Hai chị em cùng khóc. Một hồi lâu, Thông cầm tay chị, khẽ thở dài rồi nằm xuống. Sâm lấy lọ bạc hà xoa trán Thông, kéo chăn đắp kín người Thông.

Nàng thổi tắt ngọn đèn dầu...

Thông vẫn đến trường, cắn răng chịu những lời chế giễu. Người chị vẫn ngày ngày ngồi trong cái cửa hàng nhỏ hẹp, tăm tối ấy để chờ những người đàn ông tối tối vào hỏi mua những cuốn tiểu thuyết *Tố Tâm, Thuyền tình bể ái...*, - những khách không cần lấy sách, khách chỉ cần cười một nụ cười rất đĩ, và nói một vài câu rất nhỏ bên tai cô hàng.

Có người giới thiệu cho Sâm một người Pháp. Hắn đã mời nàng vào một khách sạn lộng lẫy nhất Hà thành. Nàng hiến thân như một cô gái điếm thượng lưu, nghĩa là không lần nào nhận tiền ở tay người đó. Như thế để chờ một đêm, nàng kể lể rằng vì việc nhà nên phải bán mình. Bây giờ, nàng chỉ cầu cho em trai nàng một việc làm. Hắn nhận lời. Tuần lễ sau, Sâm vui vẻ báo cho em tin mừng đó. Thông tủi nhục, không muốn hèn hạ thế. Sâm khóc. Thông không nỡ nhìn người chị thân yêu khóc mãi vì mình.

Thế là Thông đã đi làm, đã ba lần ký sổ lương, đã bao nhiêu lần khom lưng đứng cầm bàn thấm, thấm chữ ký của Sếp như ta đã thấy ở trên.

* * *

Thằng bé con ngồi ngoài quầy vẫn còn làm bài. Mỗi lần chiếc bàn thấm gieo thình thịch xuống trang sách mỗi lần làm rầu rĩ thêm gương mặt con người đi làm công ấy. Bóng người chủ béo tròn và bóng người chị trong một căn phòng, trên một chiếc giường phảng phất ngay trước mắt, ám ảnh Thông như một đoạn phim khả ố. Thông buông đũa xuống, xỉa tiền ra mặt bàn, bước nhanh ra cửa.

Thông lại lang thang trong các phố, hai mắt mờ đi. Khi đường đã vắng người, Thông mới về nhà.

Đoán chị ngủ rồi, Thông ngần ngại không muốn gọi cửa, chàng định đi vơ vẩn suốt đêm nay, - ồ, từ thuở nhỏ đến giờ chưa một lần nào chàng dám đi như thế để biết Hà Nội lúc về đêm, trừ vài lần chàng bị các bạn cùng sở rủ góp tiền đi hát, nhưng đúng mười hai giờ chàng đã lẻn về.

Chàng bước đi vài bước, lại quay trở lại, do dự một lát, rồi giơ tay

gõ. Cái sen mở cửa. Thông mệt nhọc vừa tháo cà vạt vừa bước lên thang gác. Chàng đứng dừng ở cầu thang vì chàng thấy trên bàn thờ có đèn hương còn Sâm đang ngồi thái đồ nấu cỗ. Sâm ngẩng nhìn em, niềm nở:

- Sao về muộn thế? Em đi tắm cho mát rồi ăn cơm. Hôm nay giỗ mẹ đấy, nhưng mới là tiên thường. Ban trưa chị quên không bảo em biết trước.

Thông nhìn lên ảnh mẹ. Mùi hương và mùi hoa làm cho tâm hồn rời rã của Thông tỉnh táo. Thông đứng lặng yên, hối hận sao chiều hôm nay không về đúng giờ như mọi khi. Thông lo sợ về một tội lỗi may mà chưa phạm phải vì ban nãy, Thông định quay đi để sa ngã vào một căn phòng cho thuê nào đấy, và biết đâu ở chỗ bẩn thỉu này, thế nào chẳng có một cô gái giang hồ nằm cạnh mình.

Thông nhìn chị, thầm thì:

- Chị giận em lắm phải không?

Thấy vẻ mặt băn khoăn của Thông, Sâm động lòng thương. Nhưng vụt nghĩ đến phận mình, Sâm bỗng đỏ bừng hai má, nước mắt dân dấn trào ra. Nàng cúi đầu xuống, nghĩ thầm: "Em tôi còn trong sạch quá! Mà trong sạch như thế để làm gì khi người ta đã được làm một người con trai hai mươi tuổi đầu".

Nàng chợt nghĩ đến một ngày, sẽ có người đàn bà rủ Thông đến một nơi nào xa lạ..., rồi Thông sẽ bỏ quên nàng. Sâm yêu thương em lắm, nàng chưa thể nào để mất người em ngoan ngoãn ấy lúc này. Nỗi lo sợ xa xôi khiến lòng Sâm se lại, nàng lẩm bẩm tựa hồ đang mơ: "Thà Thông cứ trong sạch như thế mãi, còn hơn...".

Thông đã rửa mặt xong. Chàng đến trước bàn thờ lễ mẹ. Sâm cũng đứng lên thu dọn, rồi ra sân gác rửa tay. Lúc Sâm vào đã thấy Thông bưng mâm cơm trên bàn thờ xuống, bày sẵn cả ra mặt bàn ăn. Sâm vừa lau tay vừa cười:

- Em đói lắm phải không?

Thông gật đầu, xới cơm cho chị, sau xới cho mình.

Chàng đang ăn, thốt nhiên lại nghe thấy tiếng *"thình thịch"* ở đâu, hình như ở nhà bên cạnh có một ông ký già hay làm sổ ban đêm thì phải. Cái ám ảnh tức thì lại quấy rối chàng, - chàng nghĩ ngay đến căn phòng làm việc của gã sếp - kẻ đã ôm ấp người đàn bà thân yêu nhất đời chàng! - trong đó, chàng đang lom khom đứng

cầm chiếc bàn thấm áp xuống những chữ ký ướt của gã.

Thông thừ người, bỏ rơi đũa xuống bàn. Sâm ngạc nhiên, gõ vào bát em và hỏi:

- Thông, em nghĩ gì thế?

Chàng cau mày, nhìn thẳng vào chị, hai môi mím chặt, mặt chàng gân guốc hẳn lên. Nhưng thấy chị sợ hãi nhìn mình, chàng hối hận dịu ngay mặt lại.

- Không, chẳng nghĩ gì. Cho em chút rượu, không biết tại sao em thèm giấc ngủ của người say.

- Để quên phải không?

Thông đỡ cút rượu trên tay chị cười phá lên:

- Có gì đâu mà quên. Em chỉ muốn nếm cái thú say xem nó thế nào.

Chàng uống một hơi cạn cả chén, rồi bỏ cơm, đứng dậy ra giường nằm. Sâm lắc đầu, nhìn em buồn bã. Nàng cởi giày, cởi áo cho Thông, đoạn buông màn xuống. Nàng thu dọn bàn ăn. Tiếng bát đũa chạm vào nhau làm Thông cựa mình, vén màn ngó ra ngoài bảo chị:

- Sáng mai, chị nhớ đánh thức em sớm hơn mọi khi. Mai sở nhiều việc.

Sâm xuống dưới nhà. Khi tiếng giày của người chị đã tắt, Thông mở mắt cho lệ tràn ra. Lòng chàng vẫn không thể nhờ men rượu làm cho bình thản được, làm cho quên được.

Chàng nhìn trừng trừng vào đêm tối, quằn quại trong đêm tối...

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 235/1938.
In lại trong *Cô gái làng Sơn Hạ,* NXB Văn học, H., 1989.

Để lòng

Người thanh niên ích kỷ ấy không còn ngờ gì nữa. Chàng đã đành lòng phạm cái tội lỗi đó rồi. Chàng thấy mình càng ngày càng đi xa tình ruột thịt, xa quá, để mà nhắm mắt ngã vào cái hố của *tình yêu*. Chàng muốn gào lên, muốn thét lên: "Thượng đế cứu lấy tôi! Chúa rửa tội lỗi cho tôi!". Tiếng gọi cứu cấp bách chưa có hiệu lực gì thì chàng vẫn cứ rảo chân đi mãi về miệng hố.

Trên bàn giấy lúc đó, một con kiến đang bò lên lọ mực. Nó đã đứng trên miệng lọ, sắp đưa đầu xuống. Cái lọ mực sâu thăm thẳm, chao ôi! Nó mà nhào vô đó thì biết bao giờ ngoi được mình lên. Chàng vội vơ cây bút gạt con kiến ấy rớt xuống mặt bàn; chàng thở một cái thật dài, tựa hồ vừa cứu được ai, hay tự cứu được mình ra khỏi một tại nạn gì nguy hiểm.

* * *

- Em bịt mắt anh và đố anh đoán xem em mặc áo màu gì đấy. Nói đi, không cần nghĩ mới tài!

- Áo màu rêu.

- Ai bảo! Màu hoàng yến. Thế đố anh, em đi đâu về nào?

- Đến nhà chị Thông thu họ cho me chứ gì.

- Ai bảo! Em đến nhà con Yến học đàn. Nhưng em lại tức mình về ngay, vì cái thằng anh con Yến ấy, nó cứ lấm lét nhìn em.

Mỹ, người thanh niên vừa chơi trò "hú tim" cùng cô em gái, lúc này, thốt nhiên ngồi thẳng mình lên, gỡ ra khỏi mắt hai bàn tay trắng nõn có những chiếc móng nhuộm màu hoa lựu, rồi chàng cười nhạt, đấm mạnh xuống tấm kính đặt trên bàn.

- Anh làm trò gì thế? Có lẽ em đến phải bảo me tống anh vào nhà thương điên cho em khỏi sợ. Anh chỉ được cái dọa trẻ con thôi.

- Mai!

Nhưng Mai đã như con chim khuyên, nhảy tót ra khỏi cửa phòng.

Mỹ đưa hai tay lên ôm lấy cái đầu tóc rối. Chàng nhìn trừng trừng vào tấm ảnh có hình chàng với em gái: Mai nghiêng dù che nắng, ngồi trên một cành si, tay ôm bó nhãn. Ảnh đó chụp trong một cuộc đi chơi ở vùng ngoại ô, khá xa Hà Nội. Cuộc đi chơi phiếm ấy thường như các cuộc đi chơi phiếm khác, song còn có một kỷ niệm mà cả hai anh em chàng bây giờ mỗi lần nhắc đến lại cười rộ lên. Bữa ấy, bà cụ già bán nước mời anh em chàng bằng câu: "Cậu mợ vào xơi nhãn, nhãn Hưng Yên ngọt lắm".

- Anh Mỹ ơi, chè sen em nấu ngon ngon là. Ông tướng lười như quỷ, me phải bảo em bưng vào hầu đấy.

Cô đặt chén chè xuống mặt bàn. Mỹ vẫn ôm lấy đầu, không nhúc nhích. Cô nhấc cằm anh lên và cười:

- Cứ làm trò mãi. Giá bây giờ người ta cho tiền đi xem ciné thì đã nỏ như khướu. Ăn đi nào!

Mai cầm thìa múc chè đổ vào mồm anh trai. Cử chỉ vui vui, niềm nở của cô em gái khiến người anh không thể nghiêm nghị ôm cái hờn giận trong lòng được nữa, chàng phải bật cười.

- A! Cười rồi đấy nhé. Thế bây giờ đọc *dictée*[1] cho em bé viết đi thôi.

Cô mở sách ra, và nhúng ngòi bút vào mực, đợi...

Mỹ vừa ăn vừa đọc một câu dài và khó quá, cô ngẩn ra không viết được chữ nào. Tức mình, cô dằn bàn thấm xuống bàn. Mỹ làm như không biết, đọc tiếp luôn câu khác dài hơn, mà lại đọc bằng một giọng khó nghe. Cô giận quá, gấp sách lại vứt vào ngăn kéo, rồi đứng lên phụng phịu:

- Em xuống mách mẹ cho mà xem. Em mà thi trượt thì bắt đền anh đấy.

Mai vùng vằng ra cửa, chạy sầm sầm xuống cầu thang. Mỹ chạy theo lôi tay em trở lại.

Chàng mở sách của em để lên bàn, đưa bút vào tay em và bảo:

- Bây giờ anh sẽ đọc bài khác dễ hơn, có thế mà cũng khóc, không biết xấu!

Bàn tay chàng để lên tóc em gái, khẽ vuốt. Mai đang chăm chỉ viết, bảo anh:

- Cặp lại tóc giúp em đi! Tóc em dài lắm rồi anh nhỉ. Ước gì tóc em đừng dài nữa, để em làm con bé con mãi mãi. Như thế thích hơn. Đến ngày vấn tóc me lại bắt lấy chồng như chị Cả thì nguy. Em không được làm nũng cùng anh nữa, em không được anh kèm học nữa...

Nghe em gái nói như con sơn ca, Mỹ thấy lạnh cả lòng, chàng buông sách xuống, lơ đãng nhìn ra cửa sổ.

Mai đặt tay mình lên bàn tay anh trai:

- Anh buồn gì thế?

- Có buồn gì đâu?

- Anh nói dối!

- À, anh đang nghĩ một ngày kia em sẽ lấy chồng... Ngày ấy, em sẽ vui lắm mà anh cũng thế... Anh sẽ uống rượu rõ say, như hôm tiệc cưới chị Cả... Rồi đêm ấy, trong khi em ở nhà chồng, anh sẽ vào tiệm nhảy, uống rượu thật nhiều, cười đùa cho mỏi mệt, rồi đi lang thang suốt sáng ngoài đường.

Mai lay mạnh cánh tay anh trai:

- Anh này đến điên thật mất thôi! Anh rủ rỉ cả ngày như con gái, còn biết gì là chơi bời. Đọc đi, nói nhảm mãi mất thì giờ.

* * *

Ở thư viện về, không thấy em, Mỹ buồn bã hỏi vú già:

- Cô Mai lại đi chơi rồi phải không?

Chàng chán nản bước lên thang gác, không hát như mọi khi, hễ chàng đi đâu về Mai đã léo xéo gọi chàng lên buồng học. Chàng biết em mình lại đến nhà Yến, cô bạn gái thân nhất, để học đàn. Như thế có gì lạ, nhưng nghĩ đến câu cô em nói với chàng hôm qua: "... cái thằng anh con Yến nó cứ lấm lét nhìn em" thì chàng lại

tức tối, không chịu được.

Chàng gieo mình xuống nệm giường, thấy khổ tâm và lo lắng. Càng nghĩ, chàng càng nhận thấy mình đã quá đùa, bằng một cách táo bạo với tình yêu. Mà tình yêu - theo nghĩa chính của nó - thì đối với chàng ở trường hợp này là tội lỗi. "Không thể như thế được!" Mỹ úp mặt xuống gối mà nói vậy.

Chàng xấu hổ vì ý nghĩ và hành động bất chính của mình. Đã nhiều khi chàng lo rằng chàng sẽ thành thật yêu *người ấy*, yêu như người ta vẫn yêu nhau, thì thật là tai hại. Còn luân lý chặn ở trước mặt. Có lẽ nào nhảy qua nó để làm một thằng liều không cần hối. "Chỉ vì em mình quá đẹp!" Thật vậy, chỉ vì Mai đẹp, cho nên người anh ấy mới khổ sở thế này.

Mai với Mỹ là con cùng cha khác mẹ, nhưng mẹ Mai thương yêu Mỹ lắm, vì vậy chàng vẫn gọi bà bằng me. Mai rất hợp tính Mỹ, vì Mỹ hiền lành, biết chiều chuộng Mai từng tí. Đi chơi đâu Mai cũng rủ Mỹ đi cùng; đi xem chớp bóng, Mai cũng cần có người anh ấy ngồi bên cạnh để hỏi tên tài tử. Sự thân mật, gần gụi đó lâu dần khiến Mỹ đâm ra hoang mang rằng chàng không còn là người anh trang nghiêm nữa. Chẳng đã có lần, bà lão già bán nước mời anh em Mỹ: "Cậu mợ vào hàng xơi nhãn Hưng Yên?". Và một lần sau nữa, anh xe ở ngoại ô cũng lém lỉnh mời: "Cậu mợ lên xe!".

Mỹ đã thẹn đỏ mặt, hôm ấy khi đi chơi về nhìn thấy bà Hàn. Nhưng Mai thì ngây thơ và vô tình cho đó là những chuyện vui vẻ, chả thế mà vừa về tới cửa cô đã láu táu kể lại cho bà Hàn nghe, rồi Mai và bà Hàn cùng cười vui vẻ.

Đôi lần cô em ốm, Mỹ hết sức chăm nom thang thuốc. Có khi chàng ngồi bên giường, bóp dầu cho em và nói chuyện chớp bóng em nghe, vì Mai chỉ thích chớp bóng và đàn.

Ngày nghỉ các cô bạn cùng trường Mai đến rủ cô đi chơi thì Mỹ chẳng vui lòng, hình như suốt ngày hôm ấy, vắng bóng em chàng thiếu thốn một cái gì... Chàng muốn ích kỷ để được con chim xinh đẹp ấy luôn luôn bên mình. Lúc nào chàng cũng sợ nó bay đi... sợ nó gặp phải một con chim khác nào có giọng hót hay, sắc lông đẹp sẽ rủ nó bay theo... Với các bạn gái của Mai, Mỹ còn ghen tị, tức tối vì bị họ tranh cướp mất người em gái xinh đẹp, huống chi ngày hôm qua thằng anh con Yến cứ lấm lét nhìn em thì chàng không lo sợ sao được.

Từ nãy, Mỹ vẫn úp mặt xuống gối không phải để khóc mà để lo

một ngày sắp đến.

* * *

Ngày ấy đến nhanh chóng quá! Đó là lẽ tự nhiên, ai mà giữ được.

Từ ấy đến bây giờ mới cách nhau có bốn mùa. Song bốn mùa đó cũng đã đủ cho một cái cây nhiều nhựa, lại được hút nhiều màu đất tốt, chóng lên cao. Mai là cái cây nhiều nhựa ấy. Nàng mau lớn quá, đến nỗi đã nhiều lần ông bà Hàn bàn đến chuyện gả chồng cho cô - Mỹ thường nghe thấy những lời bàn ấy, và chàng đã buồn rầu như khi được tin tình nhân sắp bỏ mình đi lấy chồng.

Càng ngày, Mỹ càng nghiệm thấy Mai giữ gìn ý tứ đối với chàng hơn trước. Cô không lên gác nhờ chàng kèm học nữa. Những cuộc đi chơi ngoại thành, đi xem chớp bóng, đi chơi rong các phố đông, cô cũng không rủ Mỹ, vì bạn gái của cô bây giờ nhiều lắm, họ đã công nhiên cướp mất người em gái của chàng rồi.

Nhưng cái làm cho Mỹ buồn hơn hết là bây giờ Mai đẹp hơn năm ngoái, năm xưa nhiều. Cô đã biết đua các bạn, trang điểm lộng lẫy như các cô đào chớp bóng. Chàng hằn học nghĩ rằng cô càng trang điểm khéo bao nhiêu, thì ở đằng đầu phố càng nhiều thằng trai trẻ đứng chờ. Bởi thế chàng nổi ghen lên, và đã một lần, như đứa trẻ con, chàng xúi bà Hàn cấm cô đua đòi các bạn, cấm cô đi học đàn, đi rong phố. Nhưng bà Hàn không cấm nổi cô, vì hễ ai nói nặng thì cô khóc.

Một ngày chủ nhật, Mỹ tẩn mẩn mở ngăn kéo bàn học của Mai. Bỗng chàng nhìn thấy một cái hộp đựng mấy lá thư màu xanh, màu tím người ta gửi cho em chàng. Mồ hôi toát ra, chàng xé nát một bức thư, rồi cả ngày hôm ấy, chàng tránh em gái như người ta tránh mặt một người đàn bà phản bội, thề quyết không nhìn nhận nữa. Nhưng Mai không hề biết đến cơn giông tố ở lòng người anh cô vẫn kính yêu.

Một sáng, cô đẩy cửa phòng Mỹ rón rén bước vào... Mỹ không thèm ngoảnh cổ lại, vẫn cúi đầu vào sách. Cô bịt mắt Mỹ, chơi hú tim như độ năm nào còn thơ:

- Em đố anh biết em mặc áo gì nào? Nói đúng, em thưởng cái này.

Mỹ lặng im, bởi chàng còn đương ngạc nhiên vì nỗi tại sao bữa nay cô lại tinh nghịch với chàng như thế. Mai cười vang lên:

- Chịu à? Thế đố anh em đi đâu về đấy? Và trên tay có cái gì?

Mỹ khó chịu gỡ tay em ra, vẫn cúi nhìn vào sách. Không để ý đến nét mặt bất bình của người anh, cô cười to hơn, đoạn với chiếc lọ sứ trên bàn, cô cắm vào đó những bông hoa hồng bạch tươi mơn mởn. Cô vỗ vai anh:

- Em vừa đi thuyền trên Hồ Tây cùng anh Lạc. Anh ấy đậu thuyền để đưa em lên vườn nhà anh ấy. Anh ấy hái cho em bó hoa này. Em tặng lại anh, vì em biết anh thích hoa hồng lắm.

Mai quay ra, chạy sầm sầm xuống cầu thang, nhí nhảnh như con chim trong nắng mới.

Mỹ đứng dậy ra giường gieo mình xuống, lại úp mặt vào gối. Nằm như thế một lúc, chàng vùng ngồi lên, lấy va li, bỏ sơ mi, bít tất vào, để lát nữa ra ga đáp tàu vô Huế.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 277/1938;
In lại trong *Phấn hương*, tập truyện ngắn, NXB Tân Dân, H., 1939

---

[1] Dictée: chính tả (tiếng Pháp).

Bến đò Rừng

Bác Vạn có bên ấy không, bác ra mà lấy rượu .

Tiếng Cúc ở thuyền bên này vọng sang thuyền bên kia, nghe xa xôi trong gió lộng một buổi chiều giá lạnh. Cô đặt thúng xuống sạp thuyền, tháo chiếc khăn vuông giũ nước mưa.

- Hãy ăn miếng trầu cho ấm người đã nào.

Cúc nghe tiếng của mình, bâng khuâng như những khi nghe hơi gió lạ những ngày rét mướt từ chân mây lùa đến khoang thuyền không. Nước sông triền miên chảy xuôi dòng. Tiếng sóng vỗ mạn thuyền tròng trành, như tiếng ai thầm thì với ai trong cái buồn sông nước.

- Ôi chao ôi rét. Ăn trầu mà chẳng thấy ấm được chút nào.

Cúc ngồi thu hai bàn tay vào bên trong chiếc áo bông ngắn, nghiêng đầu nhổ cốt trầu. Cô xuýt xoa thò một tay nhặt những mớ rau diếp trong rổ, xếp ra sạp thuyền. Bác Vạn ở trên bãi bước xuống mảnh ván cầu, nói to:

- Cô Cúc đi chợ Tết mà về sớm nhỉ. Nào rượu của tôi đâu.Khéo lại quên nhé. Quên cái gì chứ quên rượu uống Tết thì tôi bắt đền đấy.

Bác Vạn có tính huyên hoa vui vẻ. Hễ nhìn thấy mặt bác ta là Cúc đã buồn cười. Những ngày thuyền bác Vạn xuôi ngược đâu xa, Cúc thường lẩn thẩn nói với bà mẹ: “Không biết lúc này bác Vạn đang uống rượu ở bến nào đây, mẹ nhỉ?” Bà Hai lại bực mình, gắt lên: “Bác ấy uống đâu thì uống, việc gì đến mày mà hỏi vơ vẩn mãi”. Cúc càng cười rũ ra: “Tại cứ nghĩ đến điệu bộ bác ấy say rượu là con lại không nhịn được cười. Vắng bác ấy, con thấy cái bến này buồn tẻ quá...” Bà Hai cũng nghĩ như con gái. Vì mỗi lần thuyền bác Vạn về đậu dăm ba ngày, bác đem theo về cả tiếng cười tiếng

hát của mình cho các bạn sông hồ, để rồi ngày bác nhổ sào ra đi, ai cũng nhắc nhủ đến bác luôn, như Cúc vậy.

- Rượu ngon quá. Sáng mồng một Tết, tôi mừng tuổi cô một chén mới được.

Nghe bác Vạn nói đến mồng một Tết, Cúc thấy lòng nao nao. Cô cúi nhìn bóng bác Vạn in ngược dưới nước sông để nhớ đến người em bác còn xa vắng chưa về. Người ấy cũng vạm vỡ như người anh, nhưng khác cái là tính anh ít nói và đẹp trai hơn nhiều. Trước kia, hai anh em bác Vạn còn chung một thuyền. Nhưng về sau người em có vốn, ra đóng thuyền làm ăn riêng. Từ đấy mỗi người đi một nẻo sông, thỉnh thoảng mới gặp nhau ở giữa dòng. Hai con thuyền, cái xuôi cái ngược, người anh và người em chỉ chào nhau chứ không dừng thuyền lại. Người em đóng xong thuyền mới cũng đã mời tất cả bạn chài ở bến Rừng uống rượu, trong đó có mẹ con bà Hai. Bác Vạn uống rất nhiều, bác nói bông đùa hơn những ngày thường, nhưng lúc cánh buồm mới vừa kéo lên căng gió lộng trên sông thì tự nhiên bác không nói nữa. Bác vỗ vai em ân cần, hai mắt đỏ hoe: "Anh chúc chú được luôn luôn thuận gió nhé. Mỗi năm chú nhớ ngày giỗ thầy mẹ, và ngày Tết thì bất cứ ở đâu cũng phải về bến này cho anh thấy mặt."

Một buổi sáng, mặt trời rực rỡ ở chân mây. Cánh buồm nâu của người em in trên nền trời xanh rồi mất dần ở phía sau khu rừng cây che kín một nghành sông rẽ. Bác Vạn kêu nhức đầu, vào trong khoang nằm. Cúc vẫn còn đứng mãi trên mũi thuyền, lặng lẽ nhìn những con chim nhỏ ở rừng xa bay ngang dọc như con thoi trên sông vắng. Đôi mắt của người con trai trôi dạt ở nẻo trời xa như đang phảng phất trên tấm gương nước đầu thuyền. Lòng cô đã ngẩn ngơ từ hôm đó.

- Hôm nay hăm tám Tết rồi, bác Vạn nhỉ?

- Ừ, hăm tám rồi cô ạ - Bác vừa nói vừa ngửa cổ lên, hạ lá buồm cũ xuống. Tiếng đẩy chèo rít trong gió trời mang mang, như nỗi nhớ thương quẩn quại trong tấm lòng trống trải của con người.

- Buồm rách mất mấy chỗ, bác ném sang đây em vá giúp.

Nàng thấp giọng và cố gợi cho bác Vạn nói về người em trai bác một vài câu.

- Vừa ngày nào buồm của bác còn mới nguyên, thế mà thấm thoắt...

- Ờ, vụ nước này tôi đi luôn luôn, lại gặp nhiều cơn bão.Tôi sắm sau chú Đán nó vài hôm, nhưng tôi chắc buồm của chú nó hỏng lâu rồi, vì từ ngày làm riêng, chú ấy đã mấy lần chở muối ra cả ngoài mạn Hải Phòng, Quảng Yên, Hòn Gai, Móng Cái kia đấy - Bỗng bác Vạn ngoảnh sang, bắt chộp được Cúc chăm chú nghe chuyện về Đán, bác cười khà khà một thôi dài như mỗi khi say rượu - Thôi thì sớm tối ngày ba mươi chú nó về, thể nào chả phải nhờ cô vá buồm cho. Mà chẳng nhờ cô thì còn biết nhờ ai nữa, phải không cô Cúc?

Cúc cúi xuống, lau cốt trầu ở môi nhưng để che nụ cười.

- Bác cứ chế em. Em vụng về chết đi ấy. Biết đâu anh Đán chả nhờ ai vá trước rồi.

Bác Vạn càng cười to hơn:

- Chả đời nào chú nó nhờ người khác. Tôi biết chú nó khó tính khó nết lắm. Mà xuôi ngược quanh năm thế, thời giờ đâu nhờ vả ai được nữa.

Lòng Cúc phơi phới, như cánh hoa được đón một cơn gió mát. Cô biết rằng sớm tối ngày ba mươi, Đán sẽ trở lại bến Rừng ăn Tết, rằng bác Vạn đã để ý đến mối duyên giữa mình với Đán, thế là đủ lắm rồi. Cúc lảng sang chuyện khác.

- Mẹ em và thằng Sỏi đi đâu thế bác?

Cúc vừa hỏi xong thì bà Hai xách một đùi lợn xuống.

- Con lợn bột béo quá. Mười thuyền đánh đụng với nhau có một con thành ra ít. Đấy, cô muốn nấu nướng thế nào thì nấu. Miễn có nén hương, trước cúng các cụ, sau cúng thầy .

Cúc bùi ngùi chạnh nghĩ đến cảnh ba mẹ con mình nơi bến sông heo hút, lênh đênh trên sông nước rồi đây không biết cuộc đời sẽ xoay vần ra sao. Bà Hai đau yếu luôn, thằng Sỏi nay đã mười lăm tuổi, có lớn mà chẳng có khôn, cô rồi đây sẽ phải lấy chồng, chẳng biết em trai có nuôi nổi mẹ già hay không...Cúc tưởng tới một đêm giông bão, chiếc thuyền nhỏ hẹp này gặp nạn chìm xuống từ từ, mà Cúc thì đã theo chồng đến một bến xa nào rồi.

- Ô hay, con bé này không đứng dậy còn ngồi ngẩn ngơ mãi. Lúc nào cô cũng như con lẩn thẩn.

Nhìn theo người mẹ đang khom cái lưng gầy ốm chui vào trong

khoang, cô thấy thương sót mẹ không lúc nào như lúc này.

* * *

Sớm ngày ba mươi Tết, thuyền Cúc đã lên lửa trước mọi thuyền trong bến. Mưa từ đêm qua chưa dứt, trắng mờ cả mặt sông. Trên bến, sau dải rừng gồi ở mấy sườn núi đất, khói từ những mảnh nương đang đốt dở bốc lên. Qua làn khói nhạt, từ xa thấp thoáng những tờ câu đối viết trên giấy hồng điều dán trên vách nhà mấy người dân tộc Thổ, Mán.

Cúc rùng mình lạnh. Cô vuốt vuốt hai cánh tay trần cho nóng thịt da trước khi tắm. Mùi lá bưởi và hương nhu thơm lừng, ngát cả khúc sông, những làn khói thơm ngát ở miệng nồi tỏa lên ủ vào mái tóc dài buông kín đôi vai tròn trắng muồn muột, đọng thành giọt lớn chảy xuống hai bầu vú nở nang và đầy đặn rồi chảy thành dòng xuống bụng, xuống hai bên mông cô...

Tắm xong, cô ra ngồi đầu thuyền, sưởi bên nồi bánh chưng đang luộc. Ánh lửa in ngược xuống sông nước dạt dào, nom tựa những bông hoa gạo in đỏ nước sông những ngày hè nổi gió. Từng giờ, cô bâng khuâng chờ mong một cánh buồm nâu từ nẻo sông xa đi tới. Thế rồi hết một ngày, bóng tối theo gió lạnh từ chân mây đọng lại, xóa mờ những cột buồm ngơ ngác ở bến nước. Sóng bắt đầu nổi mạnh. Tiếng chuông khánh reo trên đầu những cột buồm cao vút, đó là cây nêu của các gia đình yên vui kiếp sông hồ. Cúc ngao ngán nhìn ngọn lửa tắt dần dưới nồi bánh chưng đã chín. Cô thấy niềm vui chờ đợi sẽ như những hòn than nọ vạc dần đi.

- Giờ tí rồi con ạ.

Cúc thắp đèn hương, bày đồ lễ trên cái nắp hòm trong khoang thuyền. Bà Hai giở cái áo bông the mà bà dành dụm từ hồi còn trẻ mặc vào, rồi ngồi khấn vái. Mùi hương đen thơm đượm phảng phất trong gió lạnh, tự nhiên cô thấy lòng ấm áp hơn một chút. Cô lặng lẽ nhìn bóng mẹ hắt lên mui thuyền.

Tiếng pháo bắt đầu nổ đâu từ một thôn xóm nào, rồi tiếp theo những tràng pháo khác. Bà Hai đưa Cúc một điệp giấy vàng và chén rượu. Quen lệ cúng giao thừa của dân chài, cô lặng lẽ đỡ lấy, ra đầu thuyền đổ rượu và đốt vàng lá thả xuống sông cho Hà Bá. Lửa vẫn cháy trên những mảnh giấy, trôi theo sóng lềnh bềnh và rực rỡ như ở hội hoa đăng người ta thả những chiếc đèn phao nhỏ. Mọi thuyền trên bến lúc đó đều thả vàng mã như vậy, nên dòng sông sáng ngời lên. Cúc nghĩ, nếu trèo lên núi mà trông thì con

sông kia chẳng khác dòng Ngân Hà lộn ngược. Cô đang mải nhìn theo hút một đốm lửa trôi ra xa thì bỗng nhiên cô mơ hồ như thấy đốm lửa ấy trôi trở lại. Đó là ánh lửa đèn của một chiếc thuyền đang lừ lừ tiến đến gần. Một tràng pháo trên chiếc thuyền xa lạ ấy nổ vang sông. Cánh buồm nâu to rộng hiện ra sừng sững trước mặt cô, đột ngột và ghê rợn như hình ảnh trong một cơn ác mộng. Cô đã trông thấy ai kia trong làn khói pháo mờ mịt rồi, cô thốt kêu lên:

Bác Vạn ơi, thuyền anh Đán đã về!

Bác Vạn thò đầu ra ngoài mui, giọng lè nhè say:

Biết mà, tôi biết chú nó thể nào chả về...

Thực lòng bác mong Đán chẳng kém gì Cúc mong, và bác còn thấy lo ngại là khác nữa, bởi vì "sông nước biết thế nào mà nói trước được" - bác thường nhủ thế mỗi khi tỉnh rượu ngồi âm thầm nghĩ đến cái tình anh em xa cách. Bác chếnh choáng nhảy sang giúp Đán hạ buồm ngay, vì về khuya sông trở gió. Sóng đánh hắt mũi thuyền ra xa, mà nếu neo giây lên bờ rất khó lách được mũi thuyền sát bến. Đán còn đang loay hoay thì bác Vạn vỗ vai em cười:

- Tiện hơn cả là chú ném đầu giây sang bên kia, buộc vào mũi thuyền cô Cúc, thế là chặt chẽ không gì bằng.

Đán còn ngượng nghịu, để anh trai giục lần nữa anh mới ném đầu dây sang. Cúc bẽn lẽn giơ tay đỡ, buộc chặt vào mũi thuyền của mình. Bác Vạn sung sướng nhìn hai người, rồi cất tiếng cười vang sông.

Nửa đêm ấy, Cúc không sao chợp mắt . Cô thấy thời khắc dài như không cùng.

Mới tinh sương Cúc đã ra đầu thuyền rửa mặt, vấn khăn. Nhìn xác pháo tựa những cánh hoa đào trôi xuôi dòng sông như cuộc đời lang bạt của mình, cô mơ tưởng một ngày nào lấy Đán, hai vợ chồng sẽ xum họp trên chiếc thuyền kia. Hai vợ chồng, vài ba đứa con, một bu gà vịt, như mọi gia đình thuyền chài khác. Những buổi chiều mùa hạ, buồm căng gió xuôi dòng, mình sẽ ngồi cho con bú hay mạng lưới, anh ấy ẵm đứa con lớn lên mui ngồi với ấm trà ngon nóng, nghêu ngao hát. Cuộc đời thanh thản êm đềm...

Bỗng tiếng Đán ở bên kia:

Cô Cúc nghĩ gì mà thừ người ra thế?

Cúc ngoảnh sang e lệ:

Em đang đếm xem có bao nhiêu xác pháo, chứ em có nghĩ gì đâu.

Đán yên lặng ngắm Cúc. Anh thấy mới xa cách nhau chưa được bao nhiêu ngày mà cô thay đổi quá, đẹp hơn trước nhiều. Biết anh chăm chú nhìn mình, cô sung sướng nói:

À, suýt nữa quên. Năm mới em chúc anh thể nào cũng cho em ăn cỗ cưới.

Tôi cũng chúc cô như thế.

Giọng anh hạ thấp xuống ngọt ngào, cốt để mình Cúc nghe:

Cô có bằng lòng không?

Cúc bồi hồi, và chợt nhận ra bóng mình chạm sát vào bóng Đán dưới nước sông, cô e lệ ngước lên nhìn Đán, chớp mắt, rồi cúi xuống nói khẽ:

Thưa anh, vâng ạ.

In trong Cô gái làng Sơn Hạ, tập truyện ngắn.

NXB Tân Dân, H., 1942.

Một đêm mưa móc

Người đàn bà ấy ngày nay thực là một "cổ nhân", sống tiều tụy như một người khốn khổ trong một căn nhà củ nhất Hà thành.

Ở tỉnh này, ít người không nhớ mặt người đàn bà ấy, nhưng chẳng ai biết tuổi, biết tên. Âu là ta cứ mệnh danh bà là Yvonne, vì bà là một người Pháp ở đất Việt Nam từ bốn mươi năm nay có lẻ.

Cho nên có thể nói Yvonne là một cuốn lịch sử về thời đại, nhất là về nghề làm đĩ, nhưng nghề làm đĩ của Yvonne chẳng được như vài mụ An Nam có tàn, có tán, - Yvonne đã một đêm được đức vua ban ơn mưa móc, hiến thân ấp ủ "mình rồng".

Vậy thì, người đàn bà tốt phúc nhất trong giới đàn bà ấy, ngày nay dù là một "cổ nhân", dù là một xác thịt bán rẻ tiền đến nỗi lính lê dương say rượu cũng không thèm mua nữa, nhưng ta hãy kính cẩn cảm ơn bà đã hiến ta vài trang tình sử đáng gọi là "oanh liệt", nó làm cho bà, mãi tận đến bây giờ, vẫn phải rùng mình.

* * *

Từ ngả bờ sông, chiếc xe song mã rẽ vào một ngõ hẻm, lớp nhớp bùn, hai bánh sắt cố len lỏi giữa hai bức tường sứt lở gần sụp đổ. Tối quá, đôi ngọn đèn dầu thì chẳng đủ sáng để chiếu đường vì vậy hai con ngựa đi không vững, xô chúi vào nhau.

Đến cuối ngõ, xe dừng lại, người xà ích nhảy xuống gõ cửa một căn nhà lụp xụp, tối tăm. Chờ lâu không thấy ai thưa, mà trong xe có tiếng một người Huế thúc giục, gắt gỏng hoài, người xà ích cuống cuồng nắm tay đấm luôn mấy cái vào cánh cửa. Vẫn yên lặng như tờ.

Hai con ngựa chồn chân, nện móng xuống bùn, thở ra hơi khói.

Gió ngoài sông hút vào lạnh thấu tới thịt xương. Mưa càng mau hột. Cả Hà thành đang say giấc.

Nhưng trong cái ngõ bẩn thỉu của dân lao động ấy, người nói giọng Huế nọ đang làm một "sứ mệnh", một việc cho quốc gia, mà nếu chẳng thành, ắt là phạm tội bất trung, không tận tâm thờ chúa. Ngài sẽ quở, và chẳng may cơn điên nổi lên như giông tố thì khi vô Kinh, đầu vị "sứ thần" có thể rơi rụng như một trái cây chín nẫu.

"Sứ thần" nóng ruột, rít răng lại mà la:

- Mi chỉ nói tầm bậy tầm bạ... *nó* có ở đây đâu.

- Dạ bẩm cụ lớn, quả thiệt *nó* ở đây ạ. Mà không biết sao chẳng có đứa nào lên tiếng. Bẩm cụ lớn, con đã có cách này...

Tức thì, tên xà ích nhảy lên xe, ném hòn đá vào trong sân, vẫn không thấy động tĩnh gì; anh ta liền víu mặt tường nhún mình trèo lên, rồi tiện cây táo mọc sát tường, anh ta tụt xuống đất một cách thật dễ dàng, nhanh nhẹn như tên đại bợm.

Gần khuya, mà tên xà ích lại mất tăm nốt, "sứ thần" ngồi không yên, ngài mở cửa xe bước xuống. Ngài dặng hắng, ngài ho, ngài lại dặng hắng, nhưng cái tên bồi xe khốn nạn và cả *nó* nữa, vẫn chưa ra, khiến ngài phải chờ hoài. Rét, ngài run lập cập, có lẽ rét tự đáy ruột rét ra, vì ngài giận lắm. Đứng một chỗ cũng không yên, ngài tay chắp sau lưng, đi đi, lại lại. Đôi giày da láng, giẫm bừa lên các vũng nước mưa, bùn bắn cả lên chiếc quần lụa và chiếc áo huyền hoa chữ thọ. Ngài không đeo huy chương, song vẻ mặt uy nghi, dáng đi đường bệ, thì dù đêm ấy, ngài đang mò mẫm trong cái xó xỉnh bùn lầy, nếu có kẻ nào bạo gan nhìn trộm, tất cũng nhận ngay ra đấy là một vị quan lớn ở Kinh đi phò giá đức vua ngự du Bắc Hà. Và kẻ ấy tất phải kinh ngạc mà tự hỏi tại sao quan lớn kia lại đỗ xe song mã trước một căn nhà tăm tối, đứng mong chờ, ngấp nghé như một chàng công tử si tình, đón đợi tình nhân?

Rét quá, ngài ho sù sụ. Mưa lại rơi mau. Ngài trèo lên xe ngồi ôm ngực chờ cho qua cơn suyễn. Ngài nhăn nhó nguyền rủa thậm tệ tên xà ích và ở thâm tâm, ngài nghĩ cái thằng láo lếu ấy có lẽ đang kèo cò mặc cả tiền với *nó* để hòng ăn bớt, hoặc là có lẽ đang mê man chui rúc vào một ả nào.

Nghĩ vậy, ngài chợt thấy lòng già rung động, ngài sực nhớ đến những cơn hành lạc của ngài với các mệ trẻ ở dinh ngài trong Kinh. Ngài ngả đầu ra sau nệm, lim dim mắt...

Hai cánh cửa đột nhiên rên lên một tiếng rồi mở rộng. Tên xà ích vừa thò đầu ra đã bị "sứ thần" la:

- Mi mần chi trong nớ mà lâu dữ vậy? *Nó* đâu?

- Dạ, con phải chờ cô ấy đun nước trầm tắm rửa, rồi trang điểm nên lâu... Dạ, bẩm cụ lớn, cô ấy kia ạ.

- Bảo *nó* ra xe, còn thập thò gì nữa.

Thì *nó* đã ra đây: Một cái đầu tóc màu bạch kim óng như tơ lụa, từng gợn nhịp nhàng tựa sóng... một khuôn mặt, tuy bên ngọn đèn xe song mã lờ mờ, cũng đủ phơi hết vẻ nõn nà diễm lệ của nhan sắc phương Tây... rồi đến một thân hình cao và thanh tú vận y phục đàn bà Pháp quốc, vẻ đẹp ấy là một sự ngạc nhiên làm giật mình vị "sứ thần" tận trung báo Chúa, đeo vào mình cả cái uy quyền chức tước của triều đình ban cho để đêm ấy đi "chinh phục" một kẻ đàn bà.

"Sứ thần" giụi mắt, khe khẽ hỏi tên xà ích:

- Ai đấy, mi?

- Bẩm, *nó* đấy!

- Chỉ nói bậy thôi nào! Mi tránh xa ra...

"Sứ thần" vội bước xuống xe, khom lưng xá một xá dài, kính cẩn chào "hoàng hậu một đêm".

Nàng nghiêng mình đáp lễ. "Sứ thần" lùi lại giơ tay mời thiếu nữ lên ngồi né một bên. Ngài thấy gan ruột bồi hồi cạnh một người đàn bà mẫu quốc, đẹp lộng lẫy như tiên nữ, nhất là ở cái thân ngà ngọc đó lại tỏa ra như tiên nữ, nhất là ở cái thân ngà ngọc đó lại tỏa ra mùi nước hoa, phấn sáp ngạt ngào. Ngài ngồi yên lặng vui thỏa vì đã xong sứ mệnh và đoán chắc rằng Đức vua sẽ đẹp lòng.

Xe ra khỏi ngõ, hai con ngựa sợ tiếng roi da vụt không khí kêu đen đét, vội lồng lên mà phi nước đại theo nẻo phố bờ sông trong màn mưa lạnh lờ mờ...

Nó là người đàn bà đẹp, là Yvonne.

Vị "sứ thần" kia là một quan hầu được đức vua tin cẩn nhất triều, thường được Ngài truyền mật chỉ sai đi kiếm tìm nhan sắc dâng Ngài.

Yvonne ngồi trong căn phòng mà cách trần thiết vô cùng lịch sự, trang nghiêm khiến nàng sợ. Đây là cái giường tây gối chăn toàn bằng gấm lụa, kia là khung gương triện vàng rực rỡ, chiếc bàn bày phấn sáp, nước hoa, hình như phòng này xưa nay là của đàn bà.

Nàng phân vân lo nghĩ, sợ cái phút gặp Ngài, sợ cái đau đớn nàng sắp chịu - cái đau đớn mà tất cả các cô trinh nữ, sớm hay muộn, đều không tránh thoát, - chỉ vì một món tiền to. Bây giờ nàng là con gái, chốc nữa nàng sẽ không là con gái nữa. Tê tái cả tấm lòng, Yvonne ôm mặt khóc, nhớ lúc người mẹ, trong khi nàng trang điểm ra xe, đã vuốt ve nàng mà căn dặn phải hầu theo ý Ngài, tất Ngài sẽ thương tình ban thêm. Nàng oán mẹ nỡ ép bán trinh để kiếm tiền ngay giữa khi còn ít tuổi, nhưng mẹ nàng cho đó là một vinh hạnh, vì nàng được hiến thân trong trắng cho người có chiếc ngai vàng.

Yvonne thấy các cửa đều khóa kỹ, nàng không hiểu ra sao. Mỏi mệt quá, nàng ngả mình xuống tấm ghế nệm dài. Vừa chợp ngủ đi vài phút, bỗng nghe thấy tiếng gì động quanh đâu đó, hoặc tiếng giày ai gõ ngoài thềm, nàng lại hồi hộp ngồi nhổm dậy, dụi mắt nhìn ra cửa, lắng tai nghe... Cứ thế, nằm xuống lại ngồi lên mãi, Yvonne tủi cực, sùi sụt khóc; nàng không ngờ tuổi xanh nàng sớm bị đọa đầy. Nàng tự hỏi nàng để người ta dẫn đến đây, giam cầm nàng ở gian phòng lịch sự này để làm gì, than ôi, nếu chẳng vì một cuộc mại dâm thê thảm, nếu chẳng vì một món tiền to lớn, nếu chẳng vì một cơn dục vọng. Nàng ngồi lên, đến trước gương soi, tóc nàng rối sợi, phấn son đã bị nước mắt làm phai. Tiện có phấn sáp trên bàn, nàng trang điểm lại: dưới ánh đèn hồng dịu trong căn phòng lộng lẫy, nàng như đẹp hơn lên.

Đồng hồ điểm ba giờ. Chợt có tiếng xe hơi hãm máy ngoài vườn hoa, Yvonne vội chạy ra cửa sổ, kéo tấm màn ren che kính, nhìn ra. Yvonne thấy lão quan hầu ban nãy đi đón nàng, đang tiến về phía cửa. Rồi Yvonne trố mắt nhìn một người ở xe hơi bước xuống, đầu đội khăn chữ nhất, vận áo xuyến đen, mặc quần lụa, chân dẫm hài kinh, đang chếnh choáng bước lên thềm, thanh gươm cầm trong tay, bị kéo lê, đập xoang xoảng trên bậc gạch.

- Hoàng thượng đã về!

Nghe vị quan hầu nói dứt câu, Yvonne không thể trấn áp được cơn kinh hoảng, nàng chui tụt xuống gậm giường, cầm hơi không dám thở.

Cánh cửa mở to, Ngài lảo đảo tiến vào, ra lệnh cho vị quan hầu

khép cửa. Ngài đứng sững nhìn quanh, rồi cặp mắt sáng như tia chớp tưởng chừng nhìn suốt non sông, đưa về phía giường nằm. Ngài cất tiếng cười sằng sặc, đoạn cúi xuống kéo tay Yvonne lôi tuột ra ngoài.

Yvonne run như chiếc lá, phủ phục dưới chân ngài. Dịu dàng, Ngài đỡ Yvonne đứng dậy và đưa ngón tay nhấc cằm nàng lên ngắm... Không chịu được cái nhìn ghê gớm của cặp mắt ngời hào quang ấy, nàng cảm thấy linh hồn nàng giá lạnh, toàn thân nàng tê liệt như bị một phép lạ gì ám thị, thôi miên.

Bỗng Ngài cười rộ lên một tiếng, quẳng thanh gươm vào một góc tường, rồi bế xốc nàng ném lên trên nệm. Nàng tựa như con búp bê bị lò xo tung lên mấy cái, rồi nhắm mắt nằm chờ...

* * *

Cái đêm mưa móc ấy tạnh từ lâu, từ mấy chục năm nay..., mà đóa hoa chớm nở được cơn mưa móc đó, bây giờ, than ôi, đã úa rồi.

Người thiếu nữ Pháp được quân vương vời đến, hiện còn sống ở Hà thành, sống những ngày kham khổ tẻ buồn. Người đàn bà ấy, tóc đã hầu trắng như tuyết; mặt đã nhăn nheo, nhưng nét nhan sắc thời xưa vẫn còn ghi lại; lưng đã còng gập xuống mang nặng mớ tuổi già.

Giờ đây bà ở với một người đàn bà Pháp nữa, tuổi nhiều hơn, và trong thâm tâm người bạn giang hồ già nua đó cũng giấu một cuốn sử về thời đại, về nghề làm đĩ như bà. Từ mười mấy năm trước, hai người chung lưng mở một cửa hàng bán rượu, cà phê, mà khách thì, cách sáu bảy ngày chủ hàng ngồi khòm lưng đợi mới có vài người lính Pháp xô nhau vào gọi mấy thứ uống rẻ tiền, đánh nhau, phá phách ầm ầm. Nhiều khi sáu bảy tối liền hai người vừa cố mở đôi mắt đã hơn nửa đời mờ vì sắc dục, xỏ kim vá áo, hoặc xem tờ báo cũ gói hàng, vừa ngóng ra ngoài phố vắng chờ mấy người khách uống chịu đến trả tiền để ngày mai mua bánh ăn cầm hơi.

Cứ thế, đôi bạn già theo đuổi mãi nghề cũ, giơ mãi cặp má nheo, đôi môi héo nhợt, và cái ngực lép, lưng còng cho bọn lính Pháp say rượu thỉnh thoảng kéo nhau đến bỏ vài hào uống nước để giày vò. Đời đã mòn mỏi rồi, xác thịt đã dơ như con vật chết, vậy mà hai người đàn bà khốn nạn vẫn còn phải sống, sống với ngôi hàng trơ trọi, cái tủ gỗ nát với chiếc bàn, vài ba cái ghế mây sơn. Đèn, chỉ một cây đèn dầu ánh sáng đỏ loe, bốc khói; tường, một màu vôi

vàng nồng hơi ướt ẩm, mồ hóng ám đen. Đó là một quán rượu ta thấy tả trong truyện *Ba người ngự lâm pháo thủ*, và ta phải tưởng tượng rằng, nếu chẳng ở thời hiện tại, tất quán rượu kia phải là nơi tụ họp của các kị sĩ, các tay phong lưu mã thượng giang hồ, và ở đấy, phải luôn luôn có những cuộc ngáng gươm, đổ máu.

Nhưng đây chỉ là quán rượu của hai ả điếm hết thời, bán xuân già kiếm miếng nuôi thân; đây chỉ là một ngôi nhà cổ nhất Hà thành dựng trong một phố "đặc biệt An Nam" suốt ngày có tàu điện chạy ầm ầm, suốt ngày - cả đêm khuya nữa - vang tiếng búa của thợ rèn gần đó.

Bây giờ, quán rượu ấy đóng cửa rồi.

Hai mảnh hồng nhan, già như cây cổ thụ nghìn xưa, không còn gợi cho khách làng say tình. Không một ai lai vãng nữa, rượu để lâu chua, mốc, bàn ghế mặc cho bụi phủ, trần nhà tơ nhện chăng đầy.

Bỏ nghề, đôi bạn già cố níu chuỗi ngày thừa, âm thầm như hai chiếc bóng canh khuya. Những buổi tối hè, hai người bắc hai cái ghế mây sơn cũ nát, ngồi hai xó cửa, không ai nói với ai, không cựa cạy, mắt nhìn lên trời xanh ngắt, nhẩm đếm từng điểm sao thưa như đếm lại những tình nhân trong đời họ..., và suy nghĩ... Có lẽ bà này nhớ lại những đoạn tình sử hãi hùng hoặc êm dịu, có lẽ bà kia ôn lại cái đêm mưa móc hồi hơn hai mươi năm cũ.

In trong *Phấn hương*, tập truyện ngắn,

NXB Tân Dân, H., 1939

Cát bụi

Hai chị em đi sát vào nhau. Lê xách đỡ em bọc áo, và khẽ nói:

- Sao Hôm đã mọc trên ngọn núi kia rồi, ta rảo chân lên chút nữa.

Huệ vội vàng cúi xuống bỏ guốc ra, cầm lên tay, theo cho kịp chị. Huệ im lặng đi một quãng, rồi lại hỏi, giọng run hơn:

- Thật thế hở bác Giang? Người Tây đồn ấy bị cọp vồ chính ở chỗ này à?

- Không, ở núi Đèo cơ, đã đi qua rồi.

- Chỗ ấy nhiều cỏ gianh, có cọp là phải - Chặng này cây cối rậm rạp, không biết chừng có cũng nên, bác Giang nhỉ?

Người kép bước vội lên. Bác mệt nhọc vì đã bị chị em Huệ bỏ xa vài chục bước. Khí núi tiết ra, hơi sương thu theo gió thổi hun hút làm lạnh cả da mặt ba người. Những bước chân động rất nhẹ trên con đường nhỏ ẩm sương, thỉnh thoảng tiếng ho khan của bác kép Giang vang lên trong cái quạnh hiu ghê rợn của núi rừng.

Sao đã mọc rải rác trên nền trời rộng; ở phía rừng gồi, trăng cũng vừa rực rỡ lên cao. Huệ đi sát vào Lê. Bác kép vẫn theo sau. Huệ hồi hộp lắng nghe tiếng chân dẫm xào xạc lên mặt cỏ. Bác kép Giang mỏi mệt đổi cây đàn đáy sang tay khác, vô tình làm cho sợi tơ nẩy lên một tiếng.

- Huệ cúi thấp đầu xuống nhé...

Mỗi khi thấy chị khẽ bảo bằng một giọng trang nghiêm như thế thì tim Huệ lại đập thình thịch. Huệ có cảm tưởng ngôi đền lạnh lẽo chơ vơ trên sườn núi kia, và ngọn cây cổ thụ đen sì cành lá đang rung rào rào, dưới gốc bày la liệt những bình vôi trắng hếu

như những đầu lâu và treo lơ lửng những chiếc nón giấy, những cặp hài xanh đỏ, hẳn là có nhiều bà cô, ông mãnh sắp sửa hiện lên để ghẹo khách trần đi qua.

Cảm tưởng ấy làm Huệ bủn rủn cả người, đi không vững. Thấy Lê và bác kép lẩm bẩm kêu cầu, Huệ cũng bắt chước khấn theo. Lúc đã ra khỏi quãng tối, lại thấy trên đường có ánh trăng, Huệ mới lại hồn và bấm vào tay chị:

- Chị Lê... Chị Lê!

Lê huých khẽ vào cánh tay em:

- Im, đừng nói.

Và Lê quay sang bác kép Giang thì thầm:

- Bác có trông thấy đốm lửa trên sườn núi kia không? Nhà thằng Mán đấy. Tôi nghe đồn nó hay mò xuống đường đón hiếp đàn bà con gái về chợ muộn.

Huệ siết chặt tay chị, bước nhanh.

Một lúc sau con sông trắng dưới trăng đã hiện ra. Cái quán nước trên bờ sông đang rọi ánh đèn ra mấy gốc cây bên ngoài. Huệ ngồi phịch xuống ghế, duỗi hai chân, cầm khăn phủi bụi dọc đường bám trắng trên vai áo.

- Khuya rồi mà nước của bà hàng còn nóng. Chị Lê và bác kép uống đi cho khỏi mệt. Rồi xin bà hàng cho ngủ đỗ đêm nay.

Bà hàng nhìn chị em Lê với con mắt hiền lành:

- Các cô sang bên huyện hát phải không? Nghe nói quan cưới vợ cho cậu con trai cả. Đám to lắm, mấy ngày nay pháo đốt liên thanh vang cả vào rừng núi. Thế các cô đi từ đâu lại mà gặp tối?

- Chúng tôi ở làng Vân Phượng tới đây. Chúng tôi biết quan từ khi chúng tôi dọn nhà hát ngoài tỉnh. Hôm qua quan cho lính cưỡi ngựa về bảo ra hát đám.

Bà hàng múc thêm nước vào bát. Thấy hai cô đào hát này quen quan huyện, bà thân mật nói:

- Sao quan chẳng cho đánh xe vào đón, để các cô phải đi vứt vả thế này.

Huệ nhìn chị mỉm cười. Nàng chua xót nghĩ: "Cái thân phận mình ra gì mà mong người ta đưa đón".

Trong khi bà hàng vào dọn giường cho khách nghỉ, Huệ theo Lê xuống sông rửa mặt, rửa chân. Sương thu bay trắng trên dòng nước lạnh, chim rừng khắc khoải bên sông. Một cơn gió vút trên ngàn cây. Huệ rùng mình. Nàng buồn bã nghĩ đến những cơn gió heo may sắp tới, những ngày chị em nàng sẽ dắt díu nhau lưu lạc đến những phương trời nào xa xôi. Một lớp sóng cuốn theo cả ánh trăng xô dạt vào bờ, vỗ vào hai chân Huệ, bọt bắn tung lên. Huệ quàng vai chị, vịn một cành cây thấp, bứt lá thả trôi trên nước.

- Chị Lê, hát ở huyện rồi, chúng ta sẽ đi đâu nhỉ?

- Sẽ đến hát ở đình làng Thượng Mai.

- Rồi lại đi đâu nữa?

Lê kéo sát em vào mình:

- Cứ hỏi vơ vẩn mãi thôi. Đi đâu mà chẳng là đi!

Huệ im lặng, nhìn dòng nước sông trôi lạnh lẽo:

- Về ngủ đi em. Sương xuống nhiều lạnh lắm.

* * *

Lê ngồi lên, đặt tay vào trán Huệ. Cơn sốt của Huệ càng về đêm càng nặng thêm nhiều. Cả người Huệ nóng ran. Huệ đã bắt đầu mê sảng. Lê lo lắng mong trời mau sáng. Những đêm ở nơi này dài triền miên tưởng không bao giờ hết. Gió khuya rít ngoài sông dào dạt sóng. Tiếng chim rừng ghê rợn nhỏ từng giọt lạnh buồn vào thăm thẳm không gian.

Trời đã trắng mờ mờ ngoài cánh liếp.

Huệ bây giờ mới ngủ yên. Lê mở khăn gói lấy áo đắp thêm cho em. Bà hàng ái ngại, sai con trai vào làng Mường xin thuốc lá. Lê ngồi liền bên em, nghe xem bệnh có giảm chút nào không, nhưng mình Huệ càng nóng, càng mê sảng. Lê gục mặt vào cánh tay mà khóc. Bên ngoài, mưa tầm tã, tiếng gió và tiếng lá đổ rì rào vào ruột rừng cô tịch.

Lê ngẩng mặt lên, đau đớn nhìn người kép ngồi bó gối, ngủ gật cạnh cây đàn đáy. Người kép đó đã trung thành đi theo nàng nay

đó mai đây. Xưa kia, đôi bạn giang hồ ấy cũng với cây đàn túi phách, lang thang đến các đình làng xin hát, và khi ngày xuân đã hết rồi, các cuộc tế lễ, hội hè đã hết rồi, họ lại chia tay, mỗi người đi mỗi ngả.

Sau, Lê lấy chồng. Nhưng được vài năm thì chồng Lê chết. Có vốn, Lê mở nhà hát ở một tỉnh nhỏ. Một buổi tối, người bạn giang hồ cũ tìm được đến nhà Lê với cây đàn ngày xưa. Kép Giang đã già đi nhiều lắm, mà ngón đàn thì cũng già đi theo người. Giọng hát hay của Lê, cung đàn tuyệt kỹ của kép Giang, và nụ cười xinh xinh của Huệ, cái cô đào "chanh cốm" lúc nào cũng khóc, không bao ngày đã nức tiếng trong các tỉnh xa gần, nhờ vậy, không tối nào nhà vắng khách.

Nhưng chẳng may, một ông sứ mới bổ đến ra lệnh đóng cửa dẫy nhà cô đầu trong tỉnh. Thế là người ta lại xếp phách, vặn chùng dây tơ để mà chết đói. Chị em Lê và kép Giang lại dắt nhau lên đường với túi phách, cây đờn, sống đời những kẻ sông hồ. Nhưng họ chỉ đi giang hồ trong những ngày xuân, thu, những ngày các thôn quê có hội hè đình đám; còn những ngày sẽ tới, họ chưa nghĩ đến vì họ chưa muốn lìa nhau, chưa muốn bỏ nghề.

Huệ trở mình rên khẽ. Lê cúi xuống áp vào má Huệ, nước mắt ròng ròng nhỏ xuống. Huệ mở mắt giọng phều phào:

- Chị ơi, ở đây thì lấy gì mà trả tiền cơm?

- Em đừng lo, cứ nằm đây vài ngày cho khỏi. Chị đã sẵn cả rồi.

Lê nói dối cho Huệ yên lòng, chứ thực ra Lê có tiền đâu.

Huệ lại mở mắt ra:

- Chị để em nằm đây cũng được. Chị và bác Giang cứ vào huyện hát lấy tiền trả trọ, chứ ở cả đây để chết đói à?

Lê khóc nấc lên:

- Không, chị không đành lòng gửi em một mình ở chỗ này - Nhỡ ra, nói đổ xuống sông..., nhỡ ra em mệnh hệ nào... Không bao giờ chị bỏ em... không bao giờ...

Lê nghẹn lời, nức nở. Bỗng có tiếng vó ngựa dồn dập ở ngoài hàng. Rồi một giọng hách dịch oang oang:

- Có bọn cô đầu nào ngủ đỗ đêm qua ở đây không?

Lê chạy ra, bác kép Giang vừa giật mình tỉnh ngủ thì người lính cũng bước vào, trông thấy cây đàn đáy dựng trong xó vách.

- À, có thế chứ! Các cô xuống ngay cho kịp chuyến đò kia rồi sang bên chợ, đã có xe tay về huyện. Nhanh lên quan đang mong đấy.

Bị giục gấp bách, Lê và kép Giang bối rối, đi không đành, mà ở lại cùng Huệ thì người ta không để yên.

Lê bảo người lính lệ:

- Con em tôi đêm qua bị cảm, tôi không bỏ nó mà đi được. Thầy làm ơn về bẩm quan gọi cô đầu khác.

Người lính trợn tròn hai mắt:

- Nó ốm thì mặc nó nằm lại đây. Hát xong, mai hay ngày kia lại về đón không được à? Việc quan chứ nói chơi đấy hẳn!

Hắn thúc kép Giang mang đàn ra, và giục Lê xách khăn gói xuống bến đò.

Huệ ngóc đầu lên mệt nhọc:

- Chị cứ yên lòng sang huyện hát. Em nghe trong người đã tỉnh táo nhiều rồi. Chắc mai chị về đây thì em đã khỏi. Chị đi đi...

Lê cúi xuống ôm chặt lấy mình em, lòng đau như xé.

Huệ đẩy chị ra, nước mắt đầm đìa:

- Chị đi đi..., em sẽ khỏi..., em chờ chị...

Rồi Huệ quay mặt vào vách, kéo áo che kín cả đầu.

Khi tiếng vó ngựa, tiếng guốc của người chị và người kép đã xa Huệ mới cố ngồi lên, choáng váng bước xuống đất, men theo tấm liếp lần ra. Con đò đã rời bến nước. Lê giơ tay vẫy, Huệ cũng giơ tay vẫy. Một cơn gió ngoài cây thổi thốc vào, Huệ tối tăm mắt mũi, ngã ngồi sau bực cửa.

Bà hàng ở chợ bên sông vừa về kịp, vội bế xốc Huệ lên giường.

* * *

- Chị Lê!... Chị Lê...

Từ lúc ấy, Huệ mê man, nằm lịm, tỉnh thì lại nôn oẹ và gọi chị. Hơi nóng trong ruột cuốn lên. Huệ thở hồng hộc, chân tay rời rã đập thình thình xuống chiếu.

Bà hàng cuống quýt chạy vào làng tìm mấy ông lang Mường xin thuốc. Bà giã lá, sắc thuốc, săn sóc luôn bên mình Huệ, như người mẹ. Vẻ lo lắng hiện rõ trên khuôn mặt hiền hậu, và mỗi lần đặt tay xuống cái trán nóng hổi của Huệ, bà lại thở dài.

- Chị Lê ơi!... Chị Lê!...

Trong người nóng quá, Huệ như điên, chốc chốc ngồi vùng lên, tóc xõa xuống lưng, gào khóc, rồi lại nằm xuống thở. Nhắm mắt, Huệ lại mơ hồ thấy người chị mặt rầu rĩ giọng não nuột, phách reo yếu ớt, và kép Giang buồn nản mắt lúc nào cũng lim dim như ngủ gật, luôn miệng ho khan, ôm đờn ngồi bên một tiệc rượu linh đình ồn ào tiếng cười, tiếng nói của những kẻ đang say khướt. Huệ mơ hồ thấy những cái mặt nồng hơi rượu ấy, kế tiếp nhau cúi xuống áp vào má Lê, và những bàn tay cứng như sắt giơ ra ôm chầm lấy Lê bế xốc lên, ghì chặt lấy...

- Chị Lê!

Huệ thét lên, hai tay ôm đầu, quằn quại. Mồ hôi toát đầm ra, da thịt Huệ dần dần giá lạnh, nhợt nhạt, thâm tái lại. Gió lùa vào khe liếp. Huệ vật vã, rồi co quắp. Hai chân đã bắt đầu tê cứng, lưỡi rụt ngắn vào, mắt mờ mờ như mới bị một tấm vải trắng phủ lên.

Hình bóng người chị, bác kép, rồi bọn trưởng giả rượu say..., lộn nhào nhẩy múa trong tâm linh cuồng sảng, một nỗi sợ hãi mênh mông đè trong lồng ngực mà khí lạnh đang vận dần lên để cắt đứt hơi thở gấp. Huệ nhoài hai tay ra kều quào bám lấy ánh sáng, bám lấy cái sống... kêu lên:

- Chị ơi..., chị ơi!

Hai tay Huệ rơi xuống chiếu từ từ.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy, số 277/1939*
Đăng lại *Phổ thông*, số 10/1952

Con chim bạc má

Nắng hanh, Một mầu vàng phơn phớt lay động trên những mái gianh và những đống rơm khô.

Mụ Biền cầm chiếc gậy tre, đứng cời rơm ở góc một khu sân đất rộng. Rơm nỏ se lại thành tiếng, bụi bay lên phủ trắng cả đôi vai chiếc áo bông cụt đen của mụ.

Tuyên ngồi sưởi nắng, lòng thấy êm ả giữa buổi trưa yên tĩnh. Nàng tẩn mẩn nhìn mụ Biền, nghe từng tiếng động nhỏ của cảnh vật chung quanh. Những sợi rơm sát vào nhau xào xạo khiến nàng tưởng như cái thân hình khô héo của người vú già cũng đang se lại. Nàng cất tiếng:

- Này, u Biền! Trời hanh quá nhỉ?

Mụ vẫn lúi húi tãi rơm, trả lời:

- Vâng, hanh quá! Da tôi nẻ hết, hai bàn tay, hai bàn chân nứt cả ra, nhúng xuống nước sót chết người đi được, lúc nào rỗi một tý lại phải đắp tro vào, ngồi phơi nắng. Cô xem đây này..., thế có khổ không! - Mụ vừa nói vừa chìa bàn tay xương xẩu, da đã rám mồi, đường gân hằn lên những vết nứt nẻ.

Tuyên nhìn kỹ người vú già, rồi đưa bàn tay lên xoa má mình. Làn da hơi khô và ran rát vì những gợn nẻ, làm cho ngón tay nàng dừng lại thẫn thờ. Nàng ngửng lên bần thần, hai hàng mi hơi khép lại. Con gà đâu đây cất tiếng gáy... Tuyên thở mạnh, vuốt mấy lọn tóc vương trên trán rồi đặt hai bàn tay xuống lòng. Nàng hỏi mụ Biền:

- Năm nay u bao nhiêu tuổi rồi?

- Tôi năm mươi hai cô ạ.

- Thế kia à?

- Vâng, còn gì mà chả già. Tôi bây giờ yếu lắm, không làm được việc nặng. Chỉ quanh quẩn trong nhà, cất nhắc những việc vặt thế này thôi.

Bỗng Tuyên nhớ lại ngày nàng rời nhà ra Hà Nội học, người vú già ấy còn vác nổi một chiếc rương to đựng quần áo, sách vở của nàng. Độ ấy nàng mới có mười sáu tuổi, tính đến nay vừa mười một năm. Mười một năm trời đã làm cho người đàn bà khỏe mạnh kia già đi, yếu đi nhiều lắm.

Mụ Biền ngước nhìn nàng, có ý muốn hỏi điều gì nhưng lại thôi.

Tuyên sợ người vú lân la nói đến tuổi mình, vì đó là một điều nàng muốn tránh nên vội vàng đứng dậy, nói lảng sang chuyện khác:

- Không biết bây giờ bà cụ Bá có nhà không, u nhỉ?

Mụ Biền nhanh nhẩu đáp:

- Bà ấy thì lúc nào chả ở nhà. Cô muốn sang chơi bên ấy sao?

- Ừ, sang thăm bà cụ một tý.

Nói rồi, Tuyên bước vào nhà. Đi qua tấm gương to treo trên tường, nàng dừng lại soi qua mặt. Từ buổi sáng nàng chưa trang điểm, nước da có vẻ... không dễ coi lắm; nhất là mái tóc quấn chểnh mảng hãy còn rối càng làm già thêm dung nhan.

Nhưng một người con gái hai mươi bảy tuổi đầu lại đã trải qua nhiều lo phiền, biết làm thế nào cho những nét héo hon đừng càng ngày càng hiện lên trên mặt. Nàng lại hay lo nghĩ. Trước cái già nua của u Biền, nàng cảm thấy mình như ngày một rầu rĩ, tuổi xuân đã đi qua và không trở lại, không có sức mạnh nào cản được sức chuyển biển của thời gian. Nàng vẫn biết thế mà không hiểu sao hôm nay nàng thấy buồn bã hơn mọi khi? Hay là vì cảnh cũ người xưa dễ động lòng u uẩn?

Tuyên lấy phấn sáp ra trang điểm, nhưng không đánh kỹ càng như ở ngoài tỉnh. Nàng cũng biết ở chốn quê mùa này còn đỏm dáng với ai. Có chăng là chỉ để che giấu một vài nét tàn tạ khi sự quá xuân sinh ra. Nàng bực mình vì da mặt khô nên hễ trời hanh là bắt nẻ, mà có lọ kem thì lại quên ngoài tỉnh mất. Nàng bôi chút son lên môi cho hơi hơi đỏ, và ngắm đi ngắm lại mãi vào gương

xem như thế đã đủ tươi chưa. Một mùi thơm mát tỏa rất dễ chịu làm cho nàng nhẹ lòng. Mầu son tô cặp môi hồng nom đẹp hẳn ra, vả lại chính miệng nàng cũng có thể gọi là khá xinh rồi. Ngón tay mềm mại sửa qua môi, rồi dừng lại, nàng ngẩn ngơ như một cô gái nhỏ. Má nàng bừng nóng vì vừa vụt tưởng đến những cái hôn mà nàng nhận dễ cùng nhiều..., và đã rất lâu.

Tâm hồn u buồn của Tuyên bỗng xao động, như đợt nắng thoáng rơi vào một góc vườn ẩm lạnh rồi lại tắt đi liền. Tuyên vội nhìn vào gương, sửa qua mặt, rồi thay áo. Nhưng nàng vừa nhận thấy cặp mắt buồn rầu trong gương. Thờ ơ, nàng nhớ rằng có một hôm, Phúc bảo: "Anh yêu đôi mắt của em vô cùng".

Ngày ấy, Tuyên đang theo học ở ban cô đỡ, Phúc là một sinh viên trường thuốc. Hai người gặp nhau luôn nên thành thân mật. Một ngày kia Phúc ngỏ tình. Bấy giờ nàng thấy không còn ai đáng cho nàng để ý bằng Phúc, nên đã ngả lòng. Trong một năm trời, nàng thành thực yêu Phúc bằng cả mối tình đầu, và về sau nàng còn thương nhớ bao nhiêu khi Phúc sang Pháp học. Thương nhớ và chờ đợi ngày Phúc mang cái danh y khoa bác sĩ về nước thì một người vừa nghèo vừa không đẹp như nàng không thể làm rung động lòng anh được nữa. Mặc dầu khi ấy nàng cũng đã tốt nghiệp và đã ra làm cô đỡ ở một nhà hộ sinh tư rồi.

Cho đó là một sự bội bạc tàn nhẫn, Tuyên khinh bỉ Phúc. Từ đó, nàng để môi mình biết đến những cặp môi trai trẻ khác...

Bao nhiêu duyên cớ éo le, tầm thường làm cho những mối tình về sau đều không bền vững. Ở lòng người thiếu nữ, từ đó, chỉ đầy chán nản về cuộc đời và yêu đương. Tuyên từng nghĩ đến sự báo thù đàn ông, nhưng từ khi nàng rắp tâm như thế thì chẳng một ai muốn đau khổ vì nàng, cũng chẳng còn ai bị nàng làm cho đau khổ nữa! Nàng không còn trẻ, mà lòng đàn ông lại như những cánh hoa đào, chỉ quen ưa nhuộm nắng ngày xuân mới. Đời nàng chỉ là mùa thu đã lấn sang đông, nắng cứ dần dần nhạt.

Nhưng rồi tình cờ một hòn đá rơi xuống mặt nước ao tù làm sóng gợn lên. Một người đàn ông nữa: một đạo diễn có tài, có duyên mời Tuyên, cũng như mời những bà, những cô khác lên sân khấu. Sống mãi cuộc đời cô đỡ, quanh năm chỉ bận bịu với những bà sản phụ không đẹp mắt, và những đứa trẻ sơ sinh đỏ hỏn, nàng thấy tâm hồn mình chẳng khác nào một cái buồng đẻ, cửa luôn luôn đóng kín. Người nào đến cũng nặng nề, và lúc ra đi thì luộm thuộm..., không đẹp mắt! Nàng ao ước một cái gì sạch sẽ và kỳ thú, ấy là tình yêu. Làm cô đỡ, nàng luôn luôn phải gặp những

người đàn bà mà họ biết họ có mang chỉ vì một người đàn ông. Cứ nghĩ đến những cặp vợ chồng trong đêm tân hôn, nàng lại nhớ đến phút đê mê trong cánh tay những chàng trai đã qua đời nàng và nó khiến nàng không làm sao tránh khỏi những cơn khao khát.

Nguồn mỹ cảm đã đến. Thoạt đầu Tuyên chỉ có ý lấy niềm vui vì nghệ thuật để xô đẩy tình yêu khỏi lòng, nhưng rồi tình yêu cứ đến. Nhà đạo diễn cho nàng đóng vai chính trong mấy vở liền. Đấy là những vai gái muộn chồng, những vai quả phụ, những vai không cần son trẻ vốn là sở trường của nàng. Chẳng mấy chốc nàng đã nổi danh. Người đạo diễn sau đó ngỏ ý lấy nàng, và nàng đã nhận lời.

Song hòn đá nhỏ rơi xuống vũng ao tù, sóng chỉ gợn lên đủ sức, mặt nước lại từ từ phẳng lại. Mặc dầu Tuyên đã quên mất cái ý báo thù đàn ông để thành thực sống một đời làm vợ, nhưng chồng nàng càng ngày càng muốn coi nàng như một người dùng để đóng kịch vì nàng có tài, và để giải buồn vì nàng là đàn bà, thế thôi! Về sau, có những vở kịch mà vai chính phải là những cô gái dưới hai mươi tuổi do những thiếu nữ vừa trẻ vừa đẹp khác đóng. Vì thế mà Tuyên bị bỏ quên.

Thế là Tuyên chán cả Nghệ thuật, chán cả sự đời. Nhân một cuộc cãi lộn với chồng, nàng bỏ về quê chơi. Nàng biết rằng mình không còn gì gọi là mãnh lực để ràng buộc lòng người đàn ông bạc bẽo, rằng lần này với nhau hẳn là vĩnh quyết. Tuyên sợ cứ ngồi trơ trọi ở nhà mãi để đau khổ về chuyện cũ, nên trang điểm qua loa rồi cởi áo ngoài thay áo khác. Chiếc áo len mầu cỏ non bó khít lấy người, làm nàng nhìn xuống ngực. Thấy không còn những đường cong có thể khêu gợi người ta, nàng thở dài se sẽ. Nàng chua sót nghĩ tới một bàn tay hăm hở của người đàn ông đặt lên đó, rồi lại lạnh lùng buông rơi xuống...

Một cơn gió lùa vào, Tuyên rùng mình, mặc vội áo bước ra ngoài xóm.

Cái ty rượu của bà chánh Bá ngày xưa không còn, vì cô con gái bà đi lấy chồng, bà thì đã già yếu mất rồi. Mấy cây xoan không biết ai trồng tự bao giờ, thân đã cao hơn mái nhà, cành lá tốt tươi, quả vàng rụng xuống đầy cả mặt đường. Những quả xoan xinh xắn ấy nhắc lại một kỷ niệm thân tình giữa Tuyên và ba cô gái ngày xưa. Cả bốn chơi với nhau từ hồi nhỏ tới tuổi dậy thì mới cùng chia tay. Bao nhiêu là hoa quả, bao nhiêu là cây cối chứng cho những cuộc vui đùa thuở trước! Nhưng những quả xoan, những bông hoa mướp, những tàu lá chuối, mỗi một lần hết đi lại có một lần khác

thay vào, chứ thân cây chỉ đợi ngày già. Có cây héo chết đi, có cây đã cao, cũng như Phụng đã theo gia đình đi nơi khác từ ngày ấy rồi không có tin tức gì, Kha lấy chồng cùng quê, còn Cải, con bà Chánh Bá bây giờ đã tay bồng tay mang... Chỉ riêng một mình nàng xấu số.

Bà Bá kéo Tuyên vào nhà, Bà đưa mời nàng miếng trầu, cau tươi vừa mới trảy trên cây xuống, nhưng lại bỏ ngay vào tráp, nói:

- À, cô Tuyên để răng trắng kiêng ăn trầu nhỉ? Quê mùa chúng tôi, suốt ngày chỉ lấy miếng trầu làm vui.

Tuyên cúi xuống, mặt rầu hẳn lại. Nàng đau đơn vì mình bị coi như người đàn bà xa lạ ở đâu tạt đến, chứ không còn là cô gái làng, vì nàng đã mặc tân thời, có hàm răng trắng. Tuyên nhặt miếng trầu trong tráp, cố tươi cười:

- Thưa bà, con vẫn ăn đấy ạ.

Bà Bá hỏi về chuyện chồng con, nàng vờ vẫn đáp:

- Con thì còn lâu bà ạ.

- Còn lâu là đến bao giờ. Dễ chờ đến ngày cô cho tôi ăn cau, thì răng tôi rụng hết. Hay là, này, cô có bằng lòng tôi đánh mối cho đám này nhé?

Nghe bà Bá nói đùa, Tuyên tủi thẹn. Muốn quên đi, nàng nói sang chuyện khác. Song bà Bá lại cướp lời:

- Có đám này cũng ở Hà Nội, danh giá, nhưng góa vợ, mà góa vợ thì đã làm sao, miễn người ta xứng đáng là được rồi.

Tuyên cảm thấy đời mình thật đã về già trước cặp mắt bất cứ ai, cả đến một bà cụ nhà quê. Nàng nhận thấy cái tuổi hăm bẩy của nàng đã không còn có giá trị gì về hôn nhân nữa rồi, người ta mới dám nói thẳng ra là đánh mối cho một người góa vợ. Chứ đường hoàng một cô đỡ tốt nghiệp hẳn hoi, tuổi mới mười chín đôi mươi, xinh đẹp thì ai lại dám bạo mồm bạo miệng giới thiệu cho một ông "gà sống nuôi con"?

Có người vừa đi qua ngõ, khăn áo chỉnh tề. Bà Bá chỉ tay theo.

- Cô biết ai đấy không? Lý Tư đấy. Bố là ông Thủ Khang, ngày xưa chơi thân với ông Bá nhà tôi lắm.

Tuyên thờ thẫn đáp:

- Hồi năm nọ con về đây đã biết. Nhưng hồi ấy, bác ta mới làm thư ký.

Tuyên nói hai tiếng bác ta một cách thản nhiên. Nàng vừa sực nhớ hồi còn đi học với nhau trên trường huyện, nàng rất yêu cái anh học trò khảu khỉnh này. Tụi Phụng vẫn chế nàng với Tư là đôi vợ chồng. Sau khi xa nhau nàng tưởng Tư còn lên tỉnh học nữa, và nàng vẫn có ý tìm anh chàng ấy trong các phố nhộn nhịp của Hà Thành..., cho đến khi gặp Phúc mới bẵng quên đi. Về sau, cứ mỗi lần chán nản, nàng lại nhớ đến cái mộng đẹp ngày trước với Tư, và nghĩ rằng giá cứ yêu Tư, người đàn ông trung hậu ấy! Nhưng rồi năm nọ, nàng ở ngoài ga về tới làng, đi qua đình, thấy Tư khăn tụt xuống quấn đầy cả cổ, mặt rượu gay gắt, đang đứng thét trương tuần đánh trói ai thì nàng thất vọng. Từ ngày đó, nàng coi cái anh học trò khảu khỉnh ngày xưa như đã chết rồi, chết hẳn rồi. Có bao giờ, nàng lại muốn nói trọn một câu chuyện với cái ông Lý xôi thịt, cái ông Lý gọi thiếu nữ tân thời là me tây đường ngược, và đả đảo hết sức cái lối đỡ đẻ cứ bắt người ta cởi hết áo quần mặc dầu ông ta chỉ mới nghe đồn như thế!

Trời lạnh nên nắng tắt sớm. Thấy chiều đã ngả, Tuyên xin phép bà Bá ra về. U Biền đang cời rơm lên thành đống ở ngoài sân. Nàng uể oải tựa lưng vào một đống rơm cao, rồi ngả cả mình lên tấm đệm êm êm đó, hai tay vươn lên một cách chán nản và mệt nhọc. Đứa cháu họ, chừng sáu, bảy tuổi học ở trên trường huyện về, chạy ra nghịch ngoài sân. Nó tung tăng nhẩy trên những mớ rơm, làm tơi lên khiến rơm nỏ kêu sào sạo.

Tuyên vẫy đứa cháu khảu khỉnh kia đến. Nó chạy lại, nhí nhảnh ôm chầm lấy hai vế đùi nàng, rồi với tay lên ghì chặt lấy lưng nàng. Nàng xốc hẳn cháu lên, ngực thẳng bé sát vào ngực nàng. Nàng giữ chặt lấy nó, hôn vào má nó.

Một cơn gió chiều lạnh lẽo làm rụng ít lá tre khô. Tuyên vẫn ôm cháu, ngẩng nhìn một trời mây sáng. Khói trắng từ mấy mái giạ xám mốc bốc lên quyện vào những ngọn tre cong lả xuống. Ở quê, có bao thú điền viên đầm ấm, nhưng nàng có khác gì một gái giang hồ đã tới ngày bị làng chơi ruồng bỏ, trở về thui thủi, không còn một chút tình! Những đám mây thiếc trải rộng ra khắp bốn phương đã cướp hết của nàng những tấm lòng ai ở chốn xa xôi. Và ở những chốn ấy, có biết bao nhiêu người nàng đã lần lượt hiến cả tâm hồn lẫn thể xác, bây giờ có lẽ chẳng còn ai nhớ đến tên nàng nữa.

- Trời ôi! Trời ôi!

Thảng thốt, Tuyên bỗng ghì lấy đứa cháu như ghì lấy ai xưa vào lòng. Đứa bé bất chợt nhoài xuống đất, Tuyên rã rời buông thõng hai tay, ngửa mặt nhìn khóm tre đang rụng lá. Bỗng nàng kêu lên:

- Ô kìa, con chim!

Mụ Biền ngẩng đầu nhìn.

- Con chim bạc má đấy. Sao hôm nay nó lại lạc vào đây.

Đứa bé tìm được hòn đất rắn, ném lên. Con chim kêu một tiếng rồi bay mất. Tuyên giữ lấy tay nó:

- Cháu đừng đuổi những con chim bạc má, cháu đừng đuổi những con chim già tội nghiệp!

Đứa bé đáp:

- Nhưng cháu ghét nó lắm!

Tuyên nhìn lên ngọn tre, mắt chớp liền mấy cái.

Buổi tối đi qua nhà ngang, thấy u Biền đang giã gạo, nàng đứng lại xem. U Biền có vẻ áy náy, mãi mới hỏi.

- Chiều hôm nay hình như cô có điều gì không vui?

Tuyên lắc đầu. U Biền nhìn theo nàng bước qua sân, dưới ánh trăng lạnh lẽo. Một chốc mụ sàng xong mẻ gạo, nhìn ra vẫn thấy Tuyên đứng dưới ánh trăng mờ cạnh một bụi nhài, bèn chép miệng:

- Ở nhà quê, làm gì có ai khó hiểu đến thế này đâu!

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 292/1940

Đào Châu

Tiếng cười của người đàn bà ấy vang cả mặt ao. Ả lội ra xa nữa, ngoài đầu cầu tre, nước dâng lên đến bụng. Ả soài hai tay vơ lấy những đám bèo Nhật Bản tung lên trời, miệng nói ba hoa và lại cười the thé. Giọng ả khàn khàn, có lẽ tại nói nhiều. Tóc ả xổ ra nổi lềnh bềnh trên nước, vướng cả vào những cành rong. Bỗng nhiên ả cúi vốc nước té vào mặt, tay chỉ vào chỗ nước sủi tăm, nghêu ngao hát:

A ha ha! (chúng mày ơi) cá buồn cá chạy tung tăng,

Ta buồn ta biết đãi đằng cùng ai...

Ả bắt sang giọng hát chèo rồi ngoảnh lên bờ cười ngặt nghẽo.

- Chúng mày ơi, bắt hộ tao con nhái bén, nó trốn trong bụi tầm xuân kia kìa.

Mấy bà già đi trên bờ không thèm nhìn mụ đàn bà lội dưới ao, chỉ lầm bầm với nhau:

- Cha mẹ kiếp! Trời lạnh thế này mà ngâm nước, chẳng chết quách đi cho rảnh nợ. Chiều nào cũng nốc khỏe rượu vào rồi ầm ĩ cả làng lên.

- Thật là cái vạ cho dân. Nó đã đi theo phường hát trôi dạt mất hút đâu một dạo, giờ lại quay về làm con điên con dại...

Ả say càng tru tréo:

- Thằng nào đi kia! bắt cho tao con cò trắng, con cò trắng nó bay lên rừng!

Ả lại cười the thé, nhưng người tuần mà ả gọi đó vẫn cắm đầu đi.

Trời nhá nhem. Lũ trẻ con lùa trâu ở đồng về, qua bờ ao cũng chẳng buồn đùa với mụ say như trước nữa. Chiều nào, "con say" cũng chỉ làm đi, làm lại một trò: nhẩy tòm xuống nước, có khi tay còn cầm cả cái chai không, rồi té nước lên người đi trên bờ, rồi hết ngâm sa mạc lại hát tuồng, hát chèo, hát cải lương Sài Gòn. Người ta khó chịu chỉ mong "con say" chết, nhưng "con say" vẫn sống; đến nỗi bác trương tuần đi qua lúc nãy đã có lần bàn nên dìm chết nó cho rồi.

Lúc này các xóm đã vắng tanh, tràn ngập khí lạnh và bóng tối xam xám. Ngoài cổng cái có một người đàn ông đội nón chóp dứa, mặc áo xuyến hoa đi vào. Đó là người kép hát, bạn phường gọi là Tư Lộc. Lộc dừng lại vì tiếng cười ghê rợn của con say. Bác đứng lặng đi một lát, nét đau đớn và thất vọng hiện trên khuôn mặt bơ phờ, mỏi mệt. Bác xuống cầu ao nắm lấy người đàn bà say để kéo lên. Mụ té nước vào mặt Lộc, kêu ầm ĩ:

- Ối ông Lý ơi! Ông Bá ơi! thằng cha này là thằng cha nào mà nó dám đến bắt tôi thế này này!

Ả lại hát chèo, giọng lanh lảnh ngân dài ra, vang trên mặt ao bèo lạnh. Hát rồi, ả cười khanh khách, nắm lấy tay Tư Lộc, nhẩy phắt lên cầu. Tư Lộc dìu được ả lên bờ một cách khó nhọc, áo quần bác gần ướt hết. Ả bước được mấy bước, bỗng nhiên đứng lại, đôi mắt đỏ ngầu mở to nhìn trừng trừng vào Tư Lộc, cười rộ lên:

- Ông đưa tôi về nhà nhé! Nhà tôi ở ngay cạnh miếu, cuối xóm kia thôi.

Tư Lộc gật đầu buồn bã. Bác lại cố dìu ả trên con đường bờ ao chật hẹp. Mỗi lần thụt vào vũng bùn hay vết chân trâu bò, ả lại chúi cả mình đi, miệng nguyền rủa bâng quơ. Ra khỏi xóm Tây, ả chợt tỉnh say để trỏ một căn nhà lá:

- Ông kéo cái cổng trống này lên mà lách mình vào. Phải cẩn thận kẻo nhà tôi có con chó dữ, - không, đó là con chó dại, thằng con tôi nó bảo thế đấy, có ghê không!

Vừa dứt lời thì giẫm phải chỗ đất có rêu, ả ngã sóng soài, đập đầu vào một gốc cau. Tư Lộc vừa cúi đỡ ả lên thì trong nhà có tiếng cười như nắc nẻ, đầu đứa bé thò ra ngoài kẽ phên:

- Cho thế mới đáng kiếp con điên, con dại! - Rồi nó nghiêm giọng như người lớn - Bác đỡ nó làm gì thế, mặc xác nó! Uống lắm vào thì còn là bỏ mẹ!

Mụ say hình như sợ cái giọng nghiêm trang của thằng ranh, nên ả vội víu vào vai Tư Lộc, đứng ngay ngắn lại, lấm lét nhìn vào trong cánh phên, khẽ thì thầm:

- Thằng con tôi đấy ông ạ. Nó mới có mười một tuổi, ngoan lắm, nó thương tôi lắm. Mắng tôi như thế, chắc nó đã uống vụng rượu của tôi trên gác bếp. Đấy, ông xem thằng con tôi nó say hơn tôi nhiều, chứ tôi có say tý nào đâu, mà có say thế này thì đã mùi mẽ gì! - Ả kéo khách vào nhà, âu yếm gọi - Chuột vẫn ngồi đấy phải không? Con thắp đèn cho sáng cửa sáng nhà một chút.

Một que diêm lóe lên dí vào ngọn bấc cây đèn Hoa Kỳ mà cái thông phong thì bị sứt vỡ gần quá nửa. Thằng ranh con cầm đèn giơ cao, ngắm nghía người khách lạ vào nhà nó bằng một con mắt toét (bằng một mắt, vì nó chột) rồi nó toác miệng ra cười:

- Ông diện sộp ghê! Ban nãy tôi cứ tưởng là thằng cha phó lý làng bên. Thằng cha ấy hay lơ tơ mơ lắm. Ông ngồi xuống đây. Thế ông chịu khó đỡ mẹ tôi về tận đây à? Mọi chiều thì người ta mặc kệ, nhảy xuống ao hát chán rồi phải lên bờ mò về, chẳng thấy ma quỷ nào rủ đi cho. Tôi cũng mặc, công đâu đi kéo. Mà ông tính, tôi què cụt thế này, dễ thường tôi lôi nổi nó à? - Thằng Chuột quay lại cái ổ rơm ở góc vách - Rõ gớm chết chưa. Mới vật mình xuống đã ngáy ngậu cả lên, không cho người ta nói chuyện nữa!

Nó cáu kỉnh đứng lên nhảy lò cò ra chiếc chõng phát mấy cái vào đùi người mẹ say. Mẹ nó không cựa, im một tý rồi lại ngáy. Thằng bé lắc đầu, giơ bàn tay xương xẩu lên gãi mớ tóc đỏ quạch tựa râu ngô, nhảy lò cò về chỗ ngồi như cũ. Nó lay vai người khách, nheo mắt hỏi:

- Sao? tại sao ông buồn thế? ông không nói một lời nào?

Tư Lộc cầm tay nó, nhìn vào mặt nó, lặng im. Nó đẩy nhích cây đèn tới gần bác đoạn nó giật tay ra, giọng run run:

- Ông khóc đấy ư? Ô kìa!

Mặt nó ngẩn ra nhìn khách. Lộc ngồi sát vào gần nó:

- Chân em đau thế nào mà không đi được?

Nó giơ một vế đùi lên:

- Cái chân này tê liệt như là chân người chết, không còn biết đau - Nó véo vào thịt thật mạnh, rồi giơ chân khác ra, kéo ống quần lên,

chỉ vào những chỗ loét đỏ, sặc mùi tanh thối - Cái chân này, tuy vậy mà không đau, chỉ ngứa khổ thôi! - Nó tặc lưỡi, y như người lớn - Mẹ tôi bảo, đẻ ra được ba tháng cái chân này đã loét lở rồi, còn cái chân này thì mới tê liệt đâu từ năm ngoái. Mẹ tôi chả thuốc men gì cả, tôi cũng không cần. Đã có đôi nạng kia, tôi vẫn nhẩy đi chơi như thường. Chứ ông tưởng chịu ngồi dí một chỗ hay sao! - Nó rùng mình, thu hai tay vào bọc - Tối nay rét quá nhỉ? Dễ các cổng cái làng, tuần nó đóng cả rồi. Thôi ông ngủ đây cho vui. Ông bỏ khăn áo ra, nằm ổ rơm với mẹ tôi. Còn tôi thì rúc dưới chân cũng được, càng đông càng ấm! - Nó quay lại nhìn mẹ, chép miệng - Tôi chỉ ghét mẹ tôi cái tật là khi say rượu cứ lội xuống ao hát như con dại. Có lúc muốn đâm cho một nhát, nhưng tôi thương mẹ tôi lắm - Nó lại đứng dậy lò cò nhảy ra kéo chiếc chiếu rách đắp lên mình mẹ; bỗng nó cúi xuống, reo lên - A ha! con đỉa trâu béo mẫm. Cu cậu hút máu ở chân mẹ tôi no căng, bây giờ rụng xuống. Để tôi giết nó, đã lâu lắm mình chưa được giết... - Nó kẹp con đỉa to nùng nục giữa hai ngón tay bé xíu, đặt lên mặt hòm, rồi nhảy đi nhổ hai cái đanh trên vách và bê hòn gạch ở ngoài hè vào. Con đỉa bị nó đóng hai chiếc đanh vào hai đầu, căng dài hẳn ra. Nó cắm dao khía mình đỉa cho chảy máu, rồi bôi vôi vào. Nhìn con đỉa quằn quại, nó cười ngặt nghẽo - Bây giờ mà đái lên cho cậu ta xót thì càng hay nữa kia, ông ạ.

Tư Lộc cũng phải bật cười. Chuột càng thích chí, chui xuống gậm chõng lấy ra chiếc hộp sắt tây. Nó để sát chiếc hộp ấy vào tai người khách đã bắt đầu cười với nó, giọng ranh mãnh:

- Ông có nghe thấy gì không? Tiếng o o của đôi dế mèn. Tôi bắt chúng nó chọi nhau cho ông coi nhá! - Chuột mở nắp hộp, hai con dế chui ra. Nó chợt nghĩ được một điều, vội vàng đẩy đôi dế vào hộp, đậy nắp lại, ghé vào tai người khách lành hiền - Phải cho dế uống rượu say thì chọi mới hăng. Để tôi xuống bếp lấy rượu của mẹ tôi. Bà ấy có vò rượu ngang giấu trên gác bếp, ai lạ gì cơ chứ! Nhân tiện tôi cũng tu chơi một ngụm. Kể ra tôi tuy oắt tì thế này mà có thể uống hết nửa chai ty.

Chuột cầm đèn men vách mò xuống bếp. Một lúc nó lên, mắt lờ đờ, da mặt tái nhợt bây giờ đã đỏ hung.

Tư Lộc bảo:

- Chết chưa? Mày uống nhiều rượu thế à? Mẹ mày vẫn cho mày uống?

Chuột cười, và nháy mắt:

- Ông nói khẽ chứ! Mẹ tôi chỉ bằng lòng cho tôi uống trộm, chứ uống trước mặt thì mẹ tôi không dám mắng, chỉ tiếc đứt ruột.

Tư Lộc thở dài.

Chuột cười khúc khích:

- Ông lại thở dài! Thật giống mẹ tôi hễ tỉnh rượu là lại thở dài. Khi không có rượu thì mẹ tôi hiền lắm, chỉ thở dài và khóc. Đấy rồi chốc nữa ông xem. Đêm nào cũng độ chừng canh hai, canh ba là bà ấy dậy, ngồi cho đến sáng.

Lộc ngao ngán, đầu gục xuống. Một chốc bác ngửng lên hỏi Chuột:

- Thế hai mẹ con lấy gì mà sống?

Chuột đang ấn đầu đôi dế vào chén rượu, nó tròn ngay một con mắt nhìn người khách mà nó cho là dớ dẩn, sao tự nhiên cầm tay nó mà ứa nước mắt ra, sao cứ lì lì như thế, hễ động nói câu nào là lại ứa nước mắt. Nó đáp:

- Không sống thì dễ thường chết đói hẳn. Đã có người nuôi chứ. Ấy là thằng cha phó lý ở làng bên. Nó cũng hay đội nón chóp, cũng mặc áo đẹp như ông ấy. Thằng cha lần nào vào đây cũng diện ghê. Để lơ mơ mẹ tôi mà lị - Chuột ngừng lại vì có tiếng chiếu sột soạt chỗ ổ rơm. Chờ cái chiếu không động nữa, nó cúi sát vào tai người khách của nó, thấp giọng - Đã nhiều lần, ông ạ, chính tôi trông thấy thằng cha dúi vào túi áo mẹ tôi mấy tờ giấy bạc. Chính tai tôi thấy thằng cha ôm cổ mẹ tôi, nịnh nọt: "Em đẹp lắm, em không thương anh thì anh chết mất. Góa vợ từ ba bốn năm nay, anh vẫn chờ đợi lấy một người về trông nom cửa nhà vườn ruộng giúp anh..." Thằng cha còn nói nhiều nữa. Mẹ tôi cũng cười bảo nó: "Nhưng tôi nghiện rượu, ông có chịu nổi tôi không?". Thằng cha cù vào nách mẹ tôi, cười tít mắt: "Mình nghiện thêm thuốc phiện nữa, tôi cũng xin chiều, mình đẹp thế này cơ mà!" Mẹ tôi lại bảo: "Còn thằng Chuột, nó què quặt không đi chăn trâu, cắt cỏ được đâu. Ông có nuôi báo cô nó được không?" Thằng cha tóm lấy tai tôi véo yêu một cái: "Thằng Chuột ngoan ngoãn thế này, ai mà chả thương...". Nó toét miệng cười. Chết đi được là răng của nó cụt liền ba cái, nghe đâu nó bị cướp dã cho một trận. Tôi ghét cay ghét đắng, hất tay nó ra, đạp một cái vào ngực nó, nó ngã ngửa, nhưng vẫn cười như thường.

Hai con dế đã ngà ngà say, sắp sửa chọi nhau. Chuột ngừng lại chăm chú nhìn đôi dế của nó một cách thân yêu lắm. Một lát nó ngẩng lên, ngoảnh nhìn mẹ, rồi lại hạ thấp giọng vẻ bí mật:

- Tối hôm nọ nó cứ ở lỳ đây, mẹ tôi sợ tuần biết phải giục nó về, nó nhất định không về. Mẹ tôi đi nằm, nó cũng nằm xuống cạnh, tôi thì rúc dưới chân. Đến khuya, chợt thức dậy, tôi thấy nó càu nhàu cáu kỉnh, còn mẹ tôi thì ra sân đứng. Thế là cái nghĩa lý gì kia chứ hả ông? Ông là người lớn chắc ông phải hiểu.

Nó đập tay xuống mặt bàn chan chát:

- A lê hấp! a lê hấp! Đá đi, cái càng mày khá lắm. Con kia bị thương ở đầu rồi, cu cậu lảo đảo rồi. A lê! - Rồi nó đập vào tay Tư Lộc - Đây là con dế cái, nó say giống mẹ tôi; con dế này nhỏ hơn, nó cũng say như tôi. Chúng nó chọi nhau như hai mẹ con tôi thường cà khịa nhau, có khi tát nhau thật sự - Bỗng nó rú lên, kéo ông khách của nó đến gần chỉ ra sân. Ngoài đó, có cái bóng trắng thấp thoáng hiện ra rồi lại biến đi trong bóng tối. Cái bóng vươn cao lên, cúi thấp xuống, và chạy đi vùn vụt, hình như nô giỡn với cái gì. Chuột se sẽ nói - Con chó trắng mũi đỏ của nhà tôi đấy. Nó thành tinh rồi ông ạ. Kia kìa, nó chỉ đi bằng hai chân trước. Những đêm trăng suông, nó cũng đi như thế, đầu đội nón, thỉnh thoảng vươn cổ cắn bóng cây, sủa bóng ma. Tiếng sủa của nó nghe khiếp người! Mấy hôm nay nó cứ lồng lộn lăn chiêng ra đất, húc vào gốc cây, húc vào vại nước, lại gục xuống, rớt rãi ròng ròng chảy ra. Nó đã hóa tinh, lại thêm hóa dại nữa, có chết không! Mai, tôi phải rình nó ngủ, tôi chém chết. Ông chớ khinh cái thằng què gày bé này là yếu, chỉ một nhát dao là nó đi đời. Còn cái thằng cha phó lý Cương kia nữa, thằng què này chỉ tu vài ngụm rượu, rồi cũng cho một nhát là đi đứt nốt. Không hiểu sao tôi ghét nó đến thế. Mà ông bây giờ mới quen, tôi đã yêu ra phết. Ông ngủ đây với mẹ tôi cho vui. Ông cởi áo, bỏ khăn ra. Tôi tắt đèn.

Chuột dồn đôi dế vào hộp cất đi, vừa toan ghé mồm thổi tắt đèn thì mẹ nó cựa quậy, lật chiếu ra. Giọng người đàn bà ấy lúc này trở nên hiền dịu:

- Chuột còn thắp đèn làm gì đó, đi ngủ đi con.

Nó gõ tay xuống mặt bàn vài cái:

- Nhà có khách! Ông này dìu bà ở ao về đấy, xin bà ngồi lên đi cho con nhờ.

Người đàn bà vội ngồi nhỏm lên. Tư Lộc bước đến chỗ ổ rơm, khẽ gọi:

- Châu! Châu! Tỉnh hẳn chưa, Châu ơi!

Người đàn bà dụi mắt, nhìn chằm chằm vào Lộc, rồi vẻ ngạc nhiên và mừng rỡ:

- Trời ơi, bác Tư đây à! Bác đến từ bao giờ? Ai bảo mà bác tìm được làng này?

Lộc ngồi xuống cầm lấy tay Châu:

- Tôi tìm Châu từ sáu, bảy năm nay, Châu có biết đâu! Bây giờ gặp thì tôi đã già đi, mà Châu thì...

Châu cúi xuống, thở dài:

- ... Thì thân tàn ma dại thế này đây! Tôi đổi thay đi nhiều lắm, vậy mà bác cũng nhận ra.

Chuột đang gục đầu vào hai đầu gối, ngẩng lên, ngáp:

- Nếu không nhận ra để kéo bà về, thì bà còn hát dưới ao đến sáng mai!

Châu hổ thẹn, cúi gầm mặt xuống:

- Khổ thế đấy. Tôi bây giờ dở điên dở tỉnh, rượu chè be bét. Thành tật rồi bác ạ, chừa không được nữa.

Lộc, nét đau đớn hiện trên mặt, cắn môi dưới và siết chặt bàn tay Châu, nhích lại gần. Hai người cùng lặng im.

Chuột vươn vai, ngáp rống lên, lò cò ra ổ rơm:

- Rét bỏ mẹ, cứ ngồi như phỗng thế kia có chán không. Tôi ngủ trước bác nhé!

Nó nằm xuống dưới chân. Châu kéo chiếu đắp cho con rồi thẫn thờ hỏi Lộc:

- Phường bác Trùm Sinh vẫn còn các anh em cũ hay là thay đổi nhiều rồi hả bác?

- Ngót mười năm nay, còn gì mà không thay đổi nhiều. Cô Hoa thì lấy anh Mai rồi rủ nhau sang phường khác, bác Trùm thì mỗi năm thêm già yếu, nhưng chẳng năm nào không dắt phường đi hát; bác ta mê nghề quá, hễ ở nhà là ốm thập tử nhất sinh mà đi thì bệnh tiêu tán hết. Còn Hai Còm thì chết hồi tháng Tám vừa rồi, sau khi đi hát ở hội bên vùng Bắc về.

Châu rên se sẽ:

- Lại giống anh Hai Tình ngày trước!

Lộc chua xót nhếch miệng cười.

Bóng kẻ tình địch vụt hiện trong tâm tưởng bác. Bóng một anh kép xinh trai, giọng hay, điệu giỏi, hay đóng những vai Triệu Tử, Trương Viên, Kim Trọng... Phường đến hát ở đâu, Hai Tình cũng được gái làng mê. Có nhiều cô đã bỏ nhà theo anh, những cuộc tình duyên ấy chẳng lần nào bền vững. Không những Hai Tình được gái bên ngoài mê mệt, ngay đến cả các cô đào trong phường cũng yêu anh lắm. Ấy là Châu. Cô đã yêu anh, và cũng bởi tình yêu đó mà cô dụng hết công trang điểm, dụng hết tài để đóng trò cho được xứng đáng với người kép nhất của phường. Vì vậy mà Tư Lộc phải ghen. Song bác giữ kín đáo nỗi đau đớn ở lòng, không hề than thở cùng ai. Cô cũng biết Lộc mê mình, nhưng anh hát kém Tình và anh xấu hơn Tình nhiều lắm! Tuy vậy, cô vẫn vồn vã chuyện trò với Lộc, cố làm cho anh khỏi giận mình.

Một mùa thu, phường đi hát đám, vắng mặt Châu. Cô đã có mang. Hai Tình bảo bác Trùm đừng để cô theo nữa. Khi phường hát trở về, Hai Tình chỉ kịp xem mặt đứa con mới lọt lòng, rồi chết một cách rất nhanh chóng, người ta bảo là bạo bệnh. Cô còn đi hát thêm vài năm nữa, rồi bỏ phường, trôi dạt đi đâu một dạo, nay lại quay về làng để làm con dại, con say.

Đột ngột, Tư Lộc hỏi:

- Sao thằng Chuột thuở mới đẻ giống bác Hai lắm mà bây giờ lại khác hẳn đi?

Bỗng Chuột ngóc đầu lên:

- Có ai nghe thấy tiếng gì ngoài sân không hở? Không khéo lại chú rắn đêm qua quen mui mò đến xơi trứng gà của mình đây - Nó ngồi hẳn dậy, ghé vào mặt Tư Lộc - Cháu phải ra xem mới được. Ấy đã một lần cháu vừa mở cửa chuồng gà thì bị ngay chú cạp nong nhoài ra bò lên cánh tay cháu, nhoài xuống lủi vào bụi chuối mất. Đàn gà của cháu, hai con bị chú cạp nong ấy cắn đứt cổ còn trứng đang ấp dở thì ba lần tính ra mất mười một chiếc. Thế có giết người không? Cháu nhất định rình, cho nó một nhát chơi.

Chuột lò cò đến góc vách lấy đôi nạng làm bằng tre, cặp dưới nách, và lật chiếu lấy con dao. Nó đu cả người đi, như cái chuông đồng treo trên giá. Tiếng nạng gõ lộc cộc xuống nền đất rắn; loáng một

cái, nó đã ở ngoài vườn.

Châu chép miệng:

- Tệ thế đấy bác ạ, mới nhãi nhép mà chỉ thích nói chuyện đâm chém. Bạ ai nó cũng cà khịa, có mấy người dám vào chơi đâu. Nhưng tôi thương nó lắm. Nó là giọt máu của Hai Tình. Tuy chưa hẳn là vợ chồng, nhưng anh ấy chết đi còn để lại cho tôi thằng con đó. À, ban nãy bác hỏi sao bây giờ nó không giống bố nó nữa, có gì đâu, chỉ tại...

Cô ghé tai anh, giọng run run như sắp khóc:

- ... Chỉ tại nó bị bệnh hủi ngay từ trong thai.

Lộc kêu lên, mắt mở to nhìn người đàn bà xinh đẹp mà anh không ngờ đã đẻ ra thằng con hủi.

- Hai Tình có bệnh phong. Anh ấy khéo giấu nên các bạn phường không ai biết, chính tôi cũng không biết. Mãi đến hôm hấp hối anh ấy mới khóc mà thú thật với tôi, bác ạ. Thằng Chuột, bác đã thấy chưa, nửa người bị loét ra, nửa người bị tê liệt hẳn. Có khi trong mình nóng quá, nó như điên. Con tôi... khốn nạn, vì thế mà tôi thương nó lắm, nói không có tội gì mà chịu khổ sở, chịu tàn tật ngay từ lúc chưa lọt lòng. Nó xấc láo, nó uống rượu, nhưng tôi không dám ngăn mắng nó, vì chính tôi cũng còn chả ra gì!...

Cô rưng rức khóc. Tư Lộc ngồi xích lại, đặt tay lên vai cô âu yếm vuốt:

Thốt nhiên, Châu ngẩng lên, ngồi lùi vào vách:

- Bác Lộc, không dám giấu bác, tôi cũng đang mang cái bệnh ghê gớm ấy ngay từ khi sinh thằng Chuột. Tôi phải giấu giếm bởi làng biết, thì họ trình quan ngay. Tôi khổ lắm, tôi cũng biết mình sẽ phát điên nên uống rượu để chết sớm cho rồi!

Cô xòe hai bàn tay nhìn một cách sợ hãi, rồi úp vào mặt, khóc nấc lên.

Lộc càng xích lại gần, nắm lấy cổ tay cô, tha thiết:

- Châu ơi, dù rằng em có bệnh ấy, tôi cũng yêu em như là ngày xưa; mà tôi yêu em hơn nữa, tôi thương em hơn nữa. Em hãy xét cho tôi, khi trước tôi đã không được yêu em, thì bây giờ tôi cần được yêu em dẫu có thế nào chăng nữa...

Châu nức nở nói trong lòng bàn tay:

- Nếu vậy thì anh sẽ chết như Hai Tình, anh ạ. Đừng! em van anh, phí mất đời đi.

Giọng Lộc lúc này rít lên như giọng một kẻ liều:

- Cũng được! Tôi sẽ chết như Hai Tình. Tôi sẽ chết như em, như con của em. Tôi tìm kiếm em bao lâu nay để rồi chết với nhau cùng một bệnh, đó là duyên kiếp chúng ta định thế. Em đừng phụ lòng tôi.

Cô ngửng lên nhìn anh, nước mắt tràn ướt má. Một lúc, ngả đầu vào vai anh, cô se sẽ bảo:

- Em biết nói làm sao được nữa. Mai sau có thế nào, đừng trách em.

Bỗng tiếng Chuột reo vang ở ngoài vườn rồi tiếng nạng của nó cồng cộc tiến vào thềm. Nó hát trống quân:

Con rắn là con rắn thần.

Mày ăn vụng trứng, mày lần đi đâu?

Nó nhảy vào nhà, cười nhăn nhở:

- Tôi có giỏi không, hả ông? Biết là đêm nay rắn ta lại đến, tôi mới nhốt gà vào trong thùng trấu, cất trứng lên gác bếp, đem đặt mấy cái vỏ trứng nhồi ớt, hạt tiêu vào. Ban nãy mở chuồng ra thấy ổ đầy vỏ trứng nát, chắc cu cậu vừa chuồn, rồi thì ớt, hạt tiêu nó ngấm cho phải chết - Mấy hớp rượu lậu nó uống vụng của mẹ khi nãy dưới bếp bây giờ cũng vừa vặn ngấm, Chuột nhảy cả người, cả hai chiếc nạng lên như con choi choi. Nó lè nhè - Tôi hát chèo cho ông xem hả! Ông không biết đấy, thường thường mẹ tôi say lại đóng trò với tôi. Có khi mẹ đóng Chúa Ba, tôi đóng hề đồng, có khi tôi đóng cả thái sư, chỉ việc tước lá chuối làm râu giả đeo vào là già ra phết.

Chuột nhảy vào buồng, ôm ra một cái áo đào hát vải hoa cũ kỹ và một chiếc mũ đào hát bằng sắt quét kim nhũ, có tua chân chỉ hạt bột. Nó mặc áo, đội mũ, lê nạng đi quanh cái cột nhà, hát nghêu ngao. Mới đi được ba vòng thì say nhiều và buồn ngủ quá, nó lăn kềnh xuống ổ rơm.

Châu cởi cái áo bông ngắn đang mặc đắp cho con, rồi kéo lá chiếu rách đắp lên trên.

Gà đâu đó gáy lên mấy tiếng.

Cô ngả đầu vào vai anh, hai bàn tay nắm lấy nhau. Anh cúi thổi tắt đèn.

II

Phường hát lại lên đường vào một buổi sáng ngày xuân ấm áp. Bác Trùm Sinh đi đầu vui vẻ nói chuyện cùng anh em phường cho quên cái nhọc đường xa. Bác nói chuyện có duyên khiến mọi người nghe chăm chú lắm. Có lúc thích chí sau một câu bình phẩm khôi hài về sự đánh trống chầu vụng dại hay đanh thép của một "quan đám", của một cụ thủ chỉ làng nào, bác lại ngửa mặt vuốt râu cười vang. Mọi người cũng cười theo, rộn cả cánh đồng lặng lẽ và bát ngát.

Bác quay lại bảo Châu:

- Vai Châu Long tối qua cô đóng thế là giỏi lắm. Bỏ hát đã lâu mà còn thuộc tích, nhớ điệu, nhớ bài. Tôi cứ lo phải nhắc.

- Giọng trong quá, hơn ngày trước nhiều.

- Châu đội cái mũ mới ăn mặt lắm, đình làng ấy lại thắp nhiều đèn đất thành ra trông lộng lẫy quá đi thôi.

Tư Lộc sung sướng thấy vợ mình được bác trùm và anh em khen ngợi, bác liếc nhìn cô tủm tỉm cười. Cô cũng liếc chồng, má đỏ hây hây. Chuột chống nạng theo sau, nghển cổ lên hỏi rối rít:

- Thế cháu đánh trống cơm có giỏi không hở bác?

Không được ai trả lời, nó lẩm bẩm một mình:

- Giỏi mê đi chứ lị. Mình phải tập ra hề mới được. Chứ chỉ có việc đánh trống và reo hò ngậu cả đình thì còn thích gì nữa.

Rồi nó im lặng, rình về những con châu chấu dưới cỏ bay lên. Nhiều lúc cả bọn bỏ nó một quãng dài, nó phải hết sức đuổi theo cho kịp.

Phường đã tới làng Sơn Nam. Ông "quan đám" mời phường vào nghỉ tại nhà đăng cai ở xóm Đoài. Chuột đi giữa những chiếc hòm vuông gánh trên đường làng, dáng hăm hở và vui sướng. Nó nhe răng cười và làm trò cho bọn trẻ con kéo lũ lượt theo sau nó phải cười rộn lên. Nó hy vọng tối nay sẽ được bác Trùm cho nó ra một

vai hề. Nó sẽ nhảy nhót với đôi nạng ở giữa đình.

Trời tối. Dân đã "việc làng" xong. Chuột cũng vừa được ăn cỗ. Nó ăn no lắm, toàn là thịt lợn, mỗi miếng chặt bằng nắm tay, mỡ phều phều, và dưa nữa, cơm gạo đỏ, chan "nước suýt" ăn tha hồ, rượu tha hồ. Đến nỗi bây giờ ngồi đánh trống để giáo đầu nó phềnh bụng ra, lại chếnh choáng say vì nó đã uống chia ba một phần chai bố. Ai cấm nó được. Nó chỉ thương mẹ nó không được uống bởi bố dượng nó cấm, ấy là cái người đàn ông vào nhà nó chiều ngày nọ, cách đây đâu chừng vài ba tháng.

Tích hát tối nay Châu đóng một vai sở trường, vai một người đàn bà điên vì chồng thi đỗ làm quan phụ vợ để lấy con gái Tể tướng. Người đàn bà điên xé quần xé áo, đầu tóc rũ rượi, ngêu ngao hát ở chợ Kinh. Châu đóng vai đào ấy với hết cả tài năng. Giọng buồn rười rượi ngân lên, theo tiếng hồ trầm trầm và tiếng tiêu vi vu buồn não của Cả Năng, Hai Khiết. Mắt cô sáng ngời lên dưới ánh đèn, ánh nến, khói trầm trên bàn thờ thánh; những bước chân nhè nhẹ nhịp nhàng trên tấm chiếu cạp điều, chiếc quạt Tàu xòe rộng che nửa miệng thoa son và hàm răng đen nhánh mỗi khi cô ngâm những bài thơ. Roi chầu của viên thư ký làng trai trẻ nện gọn gàng trên mặt da trống đại, và gõ giòn giã vào tang gỗ. Người hóa ngồi luôn tay bỏ thẻ. Cả trai gái đứng ngồi đông nghịt hai bên sân đình cạnh buồng trò chăm chú lặng nhìn, lắng nghe. Đấy vẫn là cô đào năm xưa của họ! Nhưng họ lạ rằng sao cô đào năm xưa mà bây giờ vẫn đẹp, vẫn trẻ, và tài thì tiến hơn nhiều, giọng hay hơn nhiều.

Tư Lộc đóng vai anh chồng nghèo, cái vai của Hai Tình vẫn đóng với Châu những ngày xưa kia. Thốt nhiên, bóng Hai Tình - bóng người đàn ông hủi ấy văng vẳng lọt vào tai cô, cô thấy hoa cả mắt và lòng giá lạnh. Bao nhiêu nỗi niềm đau đớn đã quên đi bên người chồng mới lúc này lại xao động trong lòng, nước mắt cô ứa trào ra, làm đẹp thêm đôi mắt bồ câu và làm sinh động thêm vai diễn.

Đến lượt thằng Chuột ra hề. Chỉ đôi nạng của nó cũng đủ khiến người ta cười rộn, ấy là chưa kể cái miệng dẩu ra như mõm chuột được bôi mực vào giả làm râu. Mọi người lại vui cười, bàn tán ồn ào về thằng hề bé con què cụt.

Không vào buồng trò, Châu lách đám đông ra ngoài đầu đình, ở đấy có một bà già dọn quán. Cô mua chai rượu, đổ ra bát, uống liền một hơi. Gan ruột sôi lên, da thịt nóng rực lên, cô chếnh choáng ra khỏi cổng đình. Những ruộng mạ xanh rờn, nước mờ

mờ sáng dưới ánh trăng lạnh lẽo và mấy cây gạo cao vút trời trơ cành trắng mốc giữa một bãi tha ma.

Da thịt cô càng nóng hơn, khắp mình những chỗ bệnh phong ăn lở loét rộp ngứa lên cháy bỏng đi, cô nghiến răng cào vào cổ, vào ngực, xé rách cả cái áo thụng vàng - cái áo của người đàn bà điên ở chợ Kinh! Mê loạn, cô thấy hình ảnh Hai Tình lại hiện ra, phảng phất ở bãi tha ma, bên gốc gạo, dưới ánh trăng lạnh lẽo. Cô vừa bước nhanh vừa xé áo, cào vào thịt, máu vọt ra, rồi chạy cuống cuồng. Chạy qua bãi tha ma, đến một cái đầm rộng, nước ngập mênh mông, cô lao cả người xuống đó. Bọt nước bắn cao lên rồi lắng xuống. Ở cái lều lá hoang lạnh trên đầm, một con cú rúc lên mấy tiếng rồi tiếng cánh vỗ ghê rợn lướt nhẹ đi và dần dần tắt.

* * *

Mờ sáng hôm sau, phường hát lại lên đường. Những chiếc hòm vuông nặng trĩu dưới những cái đòn gánh mềm kêu kẽo kẹt, những bó binh khí bằng gỗ cồng kềnh trên những cái vai gày, những bước chân nặng nề rảo nhanh trên làn cỏ lạnh sương, họ lẳng lặng mà đi, đầu cúi xuống, không ai nói với ai một tiếng.

Bác Trùm Sinh, tay mân mê mấy sợi râu thở dài. Tư Lộc mắt đỏ hoe, thỉnh thoảng ngước nhìn về phía chân trời xa.

Chuột không còn liến láu như mọi ngày, nó thất thểu đi sau rốt, chăm chú nhìn xuống cỏ. Thốt nhiên nó lê vội nạng tiến lên cho kịp Lộc, giơ ra một mảnh vải con ở cái áo Châu mặc đóng trò mà nó vừa nhặt được bên bờ ruộng, thế rồi miệng nó há ra, nước mắt trong con mắt chột ròng ròng rơi xuống má.

Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 295/1940

Ánh sáng

Gió và tiếng rít mạnh dưới đường sắt khiến chàng mỗi lúc một thấy người gầy gầy sốt hơn.

Chàng ngả đầu vào cánh cửa toa, ngửa mặt nhìn lên trần gỗ trắng. Một lát, mắt chàng nhức lên vì những con muỗi bay rối loạn quanh cái lưới thép bọc ngoài chiếc bóng đèn điện nhỏ ánh sáng đỏ ngầu có khi mờ đi, có khi vụt lóe lên theo tốc lực của đoàn xe trong đêm tối. Những con muỗi! buồn thay, chàng nhớ một cách chua sót và mênh mông đến những người thân yêu của chàng từ những miền xa xôi, dễ thường cũng nhiều như đàn muỗi ấy, nhưng đã mất mát đi, tan tác đi, chẳng còn mấy ai.

Lòng se lại, chàng ngồi thẳng lưng. Những người nhà quê đã thôi nói to, thôi ăn quà; bây giờ họ ngồi ngủ gật, hoặc thừ ra, để cho cả người lắc lư theo sức động của toa xe. Mấy con lợn nằm dưới sàn, bị lay động mạnh, chốc chốc lại rít lên. Có tiếng ngáy, tiếng ho, khạc nhổ. Những bộ mặt của bọn người quê mùa ấy, trong ánh đèn nhá nhem có một vẻ đần độn, ngu si quá đến nỗi trông mà thương hại. Chàng bực bội muốn kêu lên: "Những cái đầu kia chứa đựng cái gì?" Một tay nắm chặt, chàng đấm mạnh xuống đùi mình.

- Anh..., sao tay anh nóng thế?

Một giọng nói yếu đuối khẽ thì thầm bên tai. Chàng nhìn xuống: một bàn tay gầy thon thả đang đặt trên tay chàng, se sẽ vuốt.

- Anh sốt thực à?

Chàng không đáp. Đôi mắt sâu đen đang ngả bên vai chàng, ngước lên, đôi mắt đẹp, buồn ảo não:

- Anh sốt thực ư, anh?

Chàng cúi thấp xuống:

- Không, say thuốc phiện từ đêm qua, bây giờ còn hơi mệt. Lát nữa xuống ga ăn cái gì sẽ hết ngay.

- Anh... - Người con gái ngập ngừng chạm môi vào cổ chàng và mắt lại ngước lên, khẽ chớp.

Chàng mỉm cười:

- Huyến! Dốt đến thế. Có cái tên nhắc đi nhắc lại từ tối hôm qua mà Sâm cứ quên mãi.

Nhưng nụ cười trên môi Huyến vụt tắt. Mặt chàng rầu lại. Nghĩ đến tối hôm qua, chàng nằm bên khay đèn hút cho mụ chủ nhà hát khỏi nghi, trong lúc ấy thì Sâm lẩn vào buồng xếp áo quần để rồi mờ sáng thì đi trốn. Mưu kế của chàng thực hoàn hảo, mụ chủ và các cô đầu trong nhà không ai biết cả. Chàng thở dài. "Mưu kế! A, dùng mưu kế để đánh cắp của người ta một cô gái giang hồ mang đi, anh hùng nhỉ!". Chàng nhếch miệng cười với ý nghĩ mai mỉa ấy. Chàng đang viện những lý lẽ bào chữa cho hành động của mình thì Sâm đột ngột nói, giọng đầy lo lắng:

- Em chắc nó đã trình Sở Cẩm, có lẽ nó còn trình Sở Mật - thám vu cho em ăn cắp đồ vàng bạc trốn đi. Nếu họ bắt được thì em vào tù mất...

Người con gái khốn khổ ngồi sát vào Huyến, thu mình cho bé lại và kéo cái khăn quàng lụa che gần kín hai bên má, mắt lấm lét hết nhìn xuống toa dưới lại nhìn lên phía toa trên. Chàng mủi lòng. Thốt nhiên, cô bóp mạnh tay chàng rồi đưa mắt về phía một người đàn ông mặc âu phục vừa ở toa dưới lên, ngồi nhìn trừng trừng vào mặt cô và khẽ gật đầu.

Mặt Sâm tái nhợt đi. Nhưng một lúc sau cô cũng định thần, nhớ ra người ấy đã một lần đến hát ở nhà cô, và đã một đêm nằm với cô, hứa với cô rất nhiều điều tốt đẹp về tương lai, nhưng rồi đến nửa đêm không có kết quả gì, y chửi váng lên và ngáy ầm ĩ cho đến sáng.

Y gật gật với cô mấy cái nữa, cười toe toét. Huyến không chịu được bộ mặt khả ố ấy, chàng quắc mắt nhìn. Y đứng dậy, sang toa khác.

Chàng chua chát bảo:

- Đó, cô có còn can đảm, chung đụng với cái giống chó đói ấy mãi

không? Đàn ông, họ phần nhiều thế cả. Họ là những sinh vật ích kỷ, bẩn thỉu, tham lam nhất. Thằng này kêu ầm lên là chán đời, thằng kia dọa sắp tự tử, kêu thế để làm gì? để chạy đến với bọn gái giang hồ mà nốc rượu cho say, hút cho chết, rồi thì đổ bệnh cho những người đàn bà vô tội. Như thế đã thành thói quen rồi, giữa bọn gái và bọn đàn ông trác táng. Thêm một gái giang hồ, xã hội mất đi một người mẹ hiền, một người vợ tốt, một người em ngoan, đó là cái đau đớn nhất. Tại sao người con gái ấy lại không muốn quay trở lại? Tại sao họ cứ mượn câu: "Cũng liều nhắm mắt đưa chân" để mà trụy lạc...

Tàu qua một cái cầu, tiếng động mạnh át lời Huyến. Chàng quay nhìn vào mắt cô, cái nhìn thành thực và đầy khích lệ.

- Cho nên tôi thấy cần dắt cô quay trở lại. Cô hãy tin cậy ở tôi. Sẽ không bao giờ tôi lợi dụng cô, đòi ở cô tình yêu nhục dục. Tôi chỉ coi cô như một người bạn gái, một người em gái. Bây giờ về làng, cô sẽ trông coi việc làm ruộng, làm vườn giúp bà cô tôi, đó là một bà già hiền hậu hỏng cả hai mắt, tôi chắc bà sẽ thương yêu cô như con cháu.

Sâm gục mặt vào vai Huyến, nước mắt trào lặng lẽ. Cô tin ngay rằng Trời Phật đã đưa người đàn ông này đến cứu vớt mình. Thực vậy, người thanh niên ấy đến hát nhà cô mới là lần thứ nhất mà sao ngay từ phút đầu cô đã thấy lòng mình nao nao, ước mơ đến một tình yêu, và thoáng nghĩ đến một sự đổi thay gì quan trọng. Khách nằm bên khay đèn thuốc phiện. Cô chăm chú nhìn cặp mắt chàng mỗi khi đăm đăm vào ngọn bấc dầu, kéo nhè nhẹ điếu thuốc cô mới tiêm xong. Mắt sáng ngời, cô đã cúi đặt môi hôn lúc chàng chợp ngủ thiếp đi. Chỉ mới đêm qua mà lúc này tưởng chừng đâu xa lắm. Sâm mang mang nghĩ như đây là giấc mộng; và thốt nhiên cô mỉm cười nhớ giọng nói khi dịu dàng khi gay gắt của chàng đêm qua lúc chàng nguyền rủa thú tính của bọn đàn ông, và dã tâm bóc lột của bọn chủ cô đầu. "Sâm cứ ra đi, tôi đoan sẽ thu xếp cho em một cuộc đời lương thiện, trong sạch và yên ổn. Tại sao người cô đầu nào cũng phải nợ chủ, không nhiều thì ít. Chủ đã không cho lương, không may cho quần áo, lại còn đánh đập, chửi mắng nếu cô nào bị khách đổ cho bệnh kín, chỉ vì đã chiều chuộng khách. Cô đầu phải hỏi chủ tiền may mặc, chữa thuốc, để kiếm khách hàng cho chủ, để kiếm miếng ăn ngày hai bữa, như thế sao gọi là nợ được? Sâm! Em phải tự mình tháo cái xiềng xích ấy ra, nếu không thì không bao giờ thoát.

Rồi bệnh tật, rồi xấu già đi, em sẽ chết như con giun, con dế ở góc đường, ở nhà thương làm phúc..."

Cô đã giật mình bừng tỉnh, như tỉnh một giấc mơ oan trái. Lòng bồng bột, cô tin Huyến một cách mãnh liệt, say sưa, bởi thấy người ấy có cốt cách của một kẻ ngang tàng, quyết chẳng như những khách chơi khác. Cô không cần biết người ấy sẽ đem mình đi đâu, không cần lo đời mình rồi sẽ thế nào. Song lúc này, cô sực nhớ có bao nhiêu bạn đã ra đi gây lại cuộc đời với những người đàn ông gặp trên chiến rượu, nhưng rồi những cánh hoa tàn úa đó phần nhiều lại trôi về bờ bến cũ, nếu không thì cũng truỵ lạc thêm chút nữa, hoặc làm vũ nữ, hoặc làm gái chơi đêm, lẩn lút ở ngõ hẽm, ngoại ô, sau cùng vào làm ma trong nhà xác. Ý nghĩ này khiến Sâm lạnh cả lòng. Cô níu chặt cánh tay Huyến, nép đầu vào vai chàng...

Tàu đỗ trước một nhà ga. Hai người xuống. Người ký ga già yếu thu lại hai chiếc vé của Huyến đưa. Đã lâu lắm, ở cái ga nhỏ bé này mới có hai người khách xuống một chuyến tàu đêm. Việc ấy hình như làm cho người xếp ga ngạc nhiên, bởi ông ta, không biết vì rét hay vì ốm, run run giơ cao chiếc đèn lồng lên, mắt lim dim chớp. Tiếng chìa khóa rít trong cánh cửa gian nhà ga tối vắng như một cái mồ, ở đó người ký già vừa thổi tắt ngọn đèn dầu. Tiếng chân bước của hai người khẽ động trên mảnh sân đất rắn. Ánh trăng lạnh lẽo hiu hắt giãi trên mấy mái rơm sẫm mốc và mấy bụi rào găng.

Các hàng cơm đã tắt đèn. Huyến gõ vào cánh liếp một nhà cuối dãy phố huyện. Cánh liếp hé ra, một người đàn bà, một tay cầm đèn, một tay xếp vội vành khăn sổ xuống trán, nhìn chàng, rồi bà ta tươi cười:

- Cậu Cả đấy à? Đã lâu lắm bây giờ mới thấy cậu về. Mà sao lại về chuyến tàu này cho vứt vả. Có phải mợ đấy không? Mời mợ vào kẻo ngoài ấy có sương...

Đang mệt mỏi, Huyến cũng chẳng cần nhớ ra xem người đàn bà này sao lại biết mình, chàng bước vào ngồi xuống chiếc giường tre. Sâm cũng ngồi bên cạnh. Người đàn bà kia đứng lên chiếc ghế dài cạnh trõng hàng, thắp thêm ngọn đèn dầu.

- Cậu mợ xơi cơm nhá. Giò chả hãy còn.

- Vâng bà cứ dọn.

Ánh đèn sáng lóe lên. Huyến sực nhận ra một khuôn mặt trẻ, xinh, có đôi mắt lá dăm, có hàm răng đen nhánh; mỗi khi cười đôi mắt và hàm răng ấy để lộ ra một cái duyên đậm đà. Ngày xưa, cách

đây đã chín mười năm, Huyến ở Hà Nội học, thường về quê thăm nhà, và mỗi lần ra tỉnh, cậu con trai chưa đầy hai mươi tuổi ấy, bao giờ cũng ra ga sớm để ăn bún riêu của bà hàng có hàm răng đen và đôi mắt lá dăm này. Lần nào ăn xong, chàng cũng khen "Bún riêu ngon quá!". Khi nói, chàng nhìn đăm đăm vào mặt bà hàng, ranh mãnh nghĩ: "Nhưng đôi mắt kia còn ngon hơn nữa". Chàng chỉ ăn bún riêu để khen một câu như thế mà thôi, vì người đàn bà ấy đã ba mươi tuổi, đã có một người chồng khá giả làm phu bẻ "ghi" ở ga này, và đã có một đàn con đông đúc. Cái thú về ga ăn bún riêu thành ra một cái thú chàng không bỏ được. Cứ một hai tuần lễ, chàng lại phải về. Có hôm không gặp chuyến xe lửa, chàng phóng xe đạp về ăn bún kỳ no và ngắm bà hàng một lúc rồi, không về làng, chàng lại phóng một mạch ra ngoài Hà Nội. Người đàn bà đã khiến chàng yêu mê một thời ấy bây giờ là đây.

Huyến mỉm cười:

- Bà Bơ già đi mất một chút rồi!

Bà ta đang với tay cắt lạt lấy chiếc giò xuống, ngoảnh lại nhìn Huyến, chép miệng:

- Cậu tính còn gì nữa! Thức khuya dậy sớm mà chả đủ ăn, cậu ạ. Có con cháu lớn nó tần tảo đỡ đần cho một tý thì đã về nhà chồng được mấy tháng nay; mấy đứa nhỏ đang độ dở dang. Giá thầy cháu còn thì đâu đến nỗi, nhưng trời bắt tội mất rồi... Dễ cậu chưa biết đấy nhỉ! Khốn nạn, chỉ tại điếc lác..., một chuyến tàu đêm đến ga đã kéo còi mà không nghe thấy, thành ra bị nghiến... - Bà Bơ ngừng lại, đầu cúi thấp xuống, thở dài. Bóng bà in lên tấm màn sô, bên trong, một khoanh hương vòng đang cháy. - Để tôi dọn giường, cậu mợ xơi cơm xong rồi đi nghỉ, mai về trong làng cho được sớm....

Huyến thấy não lòng. Người đàn bà xưa kia chàng yêu bằng cả một tấm tình trong sạch trẻ thơ đêm nay dọn giường trải chiếu cho chàng nằm với một gái giang hồ. Chàng ngoảnh lại bảo:

- Đây là cô em họ tôi. Để cô cháu nằm giường ấy. Tôi nằm trên cái ghế hàng kia cũng được.

Ngẩng lên, gặp đôi mắt hờn giận của Sâm, Huyến nhìn ra ngoài mái tranh lơ đãng nói:

- Trời sáng ngay đấy mà! Chợp đi được một tí chứ bao nhiêu.

Nước trong vắt sóng sánh, nổi rõ những đóa cúc vàng in trên màu đen trắng của chiếc thau, trên mặt nước bồng bềnh một mảng trời xanh ngắt và mấy vệt mây trắng nõn. Huyến cởi trần, vắt chiếc khăn mặt bông lên bên vai nhẫy mồ hôi, đứng cúi đầu ngắm như ngắm một bức tranh tàu. Chàng khoắng nhẹ một ngón tay vào chậu, nước gợn lên; những đóa cúc mờ đi, mảng trời xanh và mấy vệt mây tan mất. Chàng âm thầm nghĩ tới đàn muỗi bay rối loạn quanh bóng đèn điện trên trần toa xe lửa đêm hôm nọ, nhớ tới những cuộc chia ly tan tác, những bóng hình xa xôi mất sau bao cơn giông tố.

Da mặt nóng bừng, chàng cúi xuống, úp ngập mặt, ngập tóc vào thau. Nước mưa mát rợi, thoang thoảng hương hoa cau trong gió, chàng thấy tỉnh táo cả người.

- Anh Huyến!

Tiếng Sâm reo lên từ ngoài ngõ. Sâm đặt hai thúng đầy đỗ và rau đậu xuống sân, nhìn chàng, mắt long lanh sáng.

Mắt Huyến cũng sáng lên. Sự ngạc nhiên đến đột ngột quá khiến chàng đứng lặng đi. Người gái giang hồ bao nhiêu năm quen lụa là, phấn sáp, bây giờ, trước mặt chàng, đã là một cô gái đồng quê khăn mỏ quạ, yếm trắng, áo đổi vai, thắt lưng sồi, chân giẫm đất. Quả là cuộc cải tạo cho một tâm hồn, một xác thịt mà chàng hằng mong ước! "Tại sao cô gái giang hồ nào cũng không muốn quay trở lại?". Câu hỏi chua chát ấy thường có ở đầu chàng những khi gần một ả chơi đêm lúc này lại hiện ra. Chàng vui sướng giơ rộng hai cánh tay, chờ cô chạy đến. Sâm ngoan ngoãn ấp má vào bộ ngực nở nang của chàng, nước mắt rưng rưng. Chàng ôm Sâm vào sát mình, và xoa má cô như xoa má cô em bé bỏng, khẽ nói:

- Anh rất mừng... Đây là một sự phục sinh, đây là một cuộc đời mới mẻ của em...

Có tiếng gậy gõ trên thềm gạch. Huyến vội bỏ cô ra, ngoảnh nhìn lên. Bà Bá dờ dờ cái cột ở mép thềm để tránh, rồi đứng lại hỏi:

- Sâm đã ở chợ về đấy ư, con?

Sâm nhanh nhẹn đáp:

- Vâng, thưa bà con đã về. Thóc phiên này vẫn bán được giá cũ. Con đong đỗ làm tương đây bà ạ.

Bà Bá chép miệng, tươi cười:

- Biết làm ra sao mà làm, coi lại chua con ạ.

- Thưa bà, bác Lý gái đã dạy con cách thức rồi, bà cứ mặc con.

Bà Bá hướng ra phía vườn:

- Con xem mướp có còn thì bứt mấy quả nấu canh trứng cáy cho anh Huyến ăn cơm.

Sâm ở trong bếp, bưng cái rổ ra, vui vẻ nói:

- Thưa, có đủ thức ăn rồi ạ. Ban nãy đứng ở chợ, trông thấy một người mặc đồ tây đi xe đạp trên đường đê, con đồ ngay là anh Huyến. Con đã mua nhiều quà, vì anh ấy ăn khỏe lắm kia bà ạ.

Cô ngẩng mặt lên cười. Bấy giờ chàng mới nhận thấy Sâm có hàm răng đen mới triết.

Một nỗi vui dâng ngập cả tâm hồn, chàng kéo cái sơ mi hong đã khô mồ hôi trên giây thép, vừa mặc, vừa thổi sáo. Rồi Huyến chạy lên thềm đỡ chiếc gậy ở tay bà cô lòa, hí hửng như đứa trẻ:

- Hôm nay trời đẹp, cháu dắt bà ra thăm vườn một lát.

Hai cô cháu vào đến giữa vườn, bà Bá bỗng dừng lại, hít một hơi dài, nói:

- Mùi rau húng thơm quá nhỉ! Thấy u già bảo chị ấy khéo chân khéo tay lắm. Mấy bữa nọ chị ấy hì hục dọn cỏ, xới đất để trồng rau. Anh xem rau lên có tốt không? Người tỉnh mà chịu thức khuya, dậy sớm, nghĩ cũng tội nghiệp. Thế chồng chị ấy bao lâu nữa mới về, hả cháu?

Huyến ngạc nhiên, đứng lặng yên. Chàng vụt nhớ hôm đem Sâm về, đã nói dối bà Bá rằng cô là vợ một người bạn thân hiện đang ở một nơi xa xôi lắm, chưa về được. Người bạn ấy viết thư nhờ chàng săn sóc cô kẻo cô buồn khổ mà sinh ốm. Vì vậy, chàng phải mời cô về ở cùng bà Bá cho vui cửa vui nhà. Bà Bá tin ngay đó là sự thực, và thấy cô lễ phép nết na thì ngay tự hôm đầu, người đàn bà góa mù lòa cô độc không con không cháu ấy đã bắt đầu quý cô như con gái.

- Kìa, Huyến có còn đứng đấy không? Thế chồng chị ấy nói bao giờ mới được về?

Huyến lúng túng đáp:

- Thưa bà, chưa biết rõ ngày nào... Thấy nói anh ấy bị lao..., về gì nữa ạ!

Chàng đang muốn lảng sang chuyện khác thì may có tiếng Sâm dưới cầu ao vọng lên vườn:

- Anh Huyến mời bà vào xơi quà đi. Rửa xong mớ rau, em lên ngay.

Qua những gốc chanh, gốc bưởi, chàng thoáng thấy Sâm ở dưới cầu ao đang vén cao ống quần thả bàn chân xuống nước khỏa bèo. Màu da đôi bắp chân trắng nõn nổi bật lên giữa làn nước trong xanh.

Chàng nhớ lại một đêm trong tuần lễ trước, về thăm Sâm, chàng đã cố giữ vững lòng lúc cô đến giường luồn tay xuống gối, ghì chặt cổ chàng mà hôn. Chàng đã đẩy cô ra, khẽ bảo: "Tôi đã nói trước rằng sẽ không bao giờ tôi lợi dụng em, đòi ở em tình yêu nhục dục. Tôi chỉ nhận em là một người bạn gái, một người em gái...". Đêm ấy cô trở về phòng khóc đẫm nước mắt, còn chàng đã đốt hết ba cây nến để nằm đọc sách, nhưng thực thì không đọc được một trang nào. Và mờ sáng hôm sau, chàng dạy sớm ra cánh đồng hóng gió cho đến lúc mặt trời lên cao mới về ăn cơm.

Tiếng nước động dưới cầu ao dội mãi vào lòng chàng, chàng cắn môi dưới, rẽ vội vàng sang con đường nhỏ bên những luống rau. Lên đến sân, bóng Sâm dưới cầu ao còn ám ảnh chàng. Chàng nhận thấy cái xác thịt trụy lạc nhơ nhớp ấy, trong gió trời lồng lộng, trong không khí trong sáng của đồng quê, đã trở nên thanh khiết, trở nên tươi mát như tất cả các cô thôn nữ.

Đi qua bụi nhài, chàng ngắt một bông từ từ đặt lên môi. Sâm cắp rổ rau vừa bước tới. Má cô ửng đỏ. Chàng nhìn cô đăm đăm. Một lát, chàng âu yếm nói:

- Hoa nhài nở đẹp quá. Chiều nay, em nhớ ngắt vài bông thả vào chiếc cốc đem để trong buồng anh nhé.

Cô đưa mắt liếc, che miệng cười. Cô phơi chiếc áo cánh trắng hồ lơ lên giây thép, và ngửa mặt trông trời nói to cốt để chàng nghe:

- Bầu trời xanh ngăn ngắt thế này, chắc tối nay trăng sáng lắm đây.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 305/1940

Người gác đêm

Chiều hôm nay lá rụng như mưa, vàng cả trời đất. Lá úa của ngày hè đang độ nhạt rụng nhiều, để chờ những ngày đầu thu đang tới. Trong hơi gió rào rào, lắng nghe, ai có thấy những tiếng rên nho nhỏ của những chiếc lá úa khi rời khỏi cành cây khô? Lão Năm - điên nghếch mãi mặt lên nhìn lá rụng và nghe tiếng xào xạc của lá. Lão già cô độc thương lá cả bốn mùa. Chiều nào lá rụng nhiều, chiều ấy lão không thiết nói năng gì cả, môi lão mím chặt lại, hai tay chắp sau lưng, lão bước củ rủ như con cò ốm.

Lão Năm âm thầm chịu khổ từ mấy chục năm trời. Những chiều lá rụng, trong tâm trí lão hiện ra một đứa trẻ thơ đang vun lá dưới những gốc cây: ấy là con lão, đứa con gái có trái đào phơ phất trên đầu ngày xưa vẫn ra sân đình lượm lá về đun. Hai cha con sống ở một căn lều tận cuối làng. Cái ngày được người ta nhớ đến, lão chỉ muốn đào lỗ mà chui xuống, ở luôn dưới đó không bao giờ lên nữa, nhưng người ta cứ lôi lão lên để bảo cho lão biết rằng nghèo thì nghèo cũng cần phải lĩnh cái sưu cho được tiếng là người dân lương thiện, chứ lẩn lút như vậy thì có khác gì con vật.

Lão Năm xấu hổ vì bị người ta nhiếc là con vật nên một sớm lão đã đeo khăn gói bỏ làng ra đi. Hai cha con trẩy bộ suốt đêm đến bến đò Tân Đệ, xuống tàu lấy vé lên Hà Nội, thiếu mất chút ít tiền nhưng van lạy mãi, người ta chửi dăm ba câu rồi cũng cho một chỗ. Lạc vào Hà Nội, lão hỏi thăm đến xưởng cai xe, xin lĩnh chiếc xe mà kéo. Nhưng lão không có thẻ, gã cai văng tục vào mặt lão, nhiếc lão là con vật, là thằng mọi nhà quê. - "Lão già, lão mà không học thuộc bản đồ thành phố thì người ta đạp sặc tiết lão ra" - gã cai xe bảo vậy.

Thế là đủ lắm rồi! Từng ấy lời đủ cho lão run cả người lên. Lão đói ba ngày. Ba ngày đói lão còn cố chịu, chứ đứa con gái nhỏ, thực là não ruột, nó rũ ra ở vỉa hè như cái giẻ rách.

Hai cha con lão lại lang thang. Khát lắm, có thể ra máy nước, vì nước là của bể, của sông, của trời. Đói thì đành cố mà chịu vậy.

May mà gặp được Phúc tinh: có một bà Phán thấy cha con lão đi qua, ngứa miệng gọi đến, rồi bằng lòng nuôi con lão làm con ở.

Con bé ốm đói mới vào hầu hạ được ba ngày thì đã bị ba trận đòn. Nhưng đủ ba lần nó rình lẻn được ra đầu phố dúi cho lão nắm cơm cháy và vạch áo cho lão xem những vết roi. Hai cha con thương nhau đứt ruột mà phải cố nuốt nước mắt, vì khóc ở ngay giữa cái thành phố lão đã bắt đầu sợ hãi này thì lão quyết không dám.

Lão già bỏ con vùng chạy, lão tìm một gốc cây tối ở một phố rất vắng để khóc, lão khóc cho hết nước mắt chứa ngập trong tâm hồn. Từ chiều đó, lão không dám trở lại nhìn con lão nữa. Lão mất hút trong Hà Nội. Lão xin được chân phu quét đường thành phố. Sau cùng, lão xin được chân gác trong vườn Bách thảo. Một lần lão đến nhà bà Phán hỏi con gái lão. Bà Phán bảo nó trốn từ lâu. Thế là hai bố con lạc nhau. Lão đi trong phố, gục đầu xuống ngực mà khóc, mắt lão đỏ ngầu nhìn mọi người. Lão không cần giấu rằng lão khóc.

Không ai làm gì lão, lão có quyền khóc. Lão nghĩ như thế cho đến lúc về tới vườn Bách thảo, lão trèo ngay lên ngọn núi Nùng gục xuống, lả người đi.

Kể từ ngày ấy đến bây giờ đã được bốn năm. Bốn năm trong khu vườn mênh mông, bao nhiêu lần lá đã thay mùa như buổi chiều thu hôm nay.

Khu vườn mênh mông chiều nay càng mênh mông tợn. Sương đã bắt đầu vương trên các chòm cây và trên các khóm sen tàn ở dưới hồ. Gió heo may chưa đến mà lão đã thấy lạnh.

Lão dừng chân ngoài tấm rào thép, mấy con hươu sao chạy đến rúc đầu vào bàn tay lão, bày hươu này hễ thấy bóng lão tới là chạy cả ra, vẻ mừng rỡ như đàn trẻ nhỏ đợi quà. Những con hươu lông vàng điểm trắng ngây thơ mà nhanh nhẹn, đáng yêu biết bao. Chúng nằm ngả nghiêng trên cỏ xanh chơi với nắng, chúng đứng dưới bóng cây nghếch mắt lên nhìn đàn chim sẻ nhảy trên cành. Trời mưa, chúng tụ họp cả trong chuồng, cái chuồng xinh xinh trong đó chất đầy cỏ tươi. Bầy hươu ngoan ngoãn sống trên mảnh đất trên có trời, có cả gió trăng. Còn bầy ác thú! Mang danh thế chứ chúng có hại ai đâu. Lão Năm yêu chúng bằng tất cả tình yêu trong lòng lão. Hàng ngày, hai buổi, lão đợi xe thịt người ta kéo

đến, lão cầm từng miếng thịt trìu mến đưa qua song sắt cho con hổ ở chuồng này, con báo ở chuồng kia. Xong rồi lão sang chuồng gấu. Những con gấu đi như người, đùa như trẻ, giơ hai chân trước lên đón những miếng dưa đỏ ngon lành ở tay lão chuyền qua song sắt. Chúng ăn rồi chúng vục đầu vào bể nước mà uống và chạy loạn cả lên. Lão đứng nhìn đàn vật, mắt nheo lại trong một nụ cười khô héo. Lòng lão vui như lòng một người mẹ yêu con giữa một bữa cơm gia đình. Lão coi chúng chẳng khác nào những người bạn thân, những đứa con yêu của lão. Than ôi, lão già cô độc! Con lão lạc đâu rồi, lão biết thương ai; quê hương lìa bỏ đã lâu, lão còn biết có ai ở cái mặt đất mênh mông này mà yêu nữa.

Thế mà những người bạn đó, những đứa con đó, từ mấy tháng nay đã bỏ lão mà đi. Lão không biết chúng đi đâu, nhưng lão tin rằng không phải chúng về rừng. Người ta đã dồn chúng lên những cái xe bịt sắt chắc chắn. Người ta bảo lão giúp một tay, lừa cho con hổ già nhất, đó là con hổ què, vào xe. Lão trèo lên nóc chuồng kéo cửa sắt lên, trong khi ấy một gã thò chiếc gậy qua song dồn cho nó chạy. Con hổ không nhìn thấy lão trên nóc, nhưng ở trên nóc lão cúi nhìn thấy nó. Nó tập tễnh chạy quanh rồi sau cũng phải chui vào trong xe. Lòng lão Năm quặn lại, hai bàn tay gầy yếu bỏ rơi cái cửa chuồng kêu đánh rầm khiến lão giật bắn mình. Thế là xong việc. Chỉ còn một dẫy chuồng không. Những con vật gầm gừ trong mấy cái xe bịt kín, lão thèm được nhìn chúng thêm một lần. Người ta đẩy đoàn xe đi, đoàn xe đi lẳng lặng như một bọn lữ hành ở xứ Phi Châu trong cánh rừng hoang rậm. Lão nhìn theo đoàn xe, lòng chua xót và mắt lim dim chớp... Những cái chuồng không kia đã phá bỏ cả rồi. Bây giờ chỉ là miếng đất, cỏ đã mọc xanh và những cây mới trồng đã lên cao. Bóng tối cùng với hơi sương xuống mịt mù, lão Năm đứng ở đây từ lâu lắm. Mắt lão mờ đi và hoang mang như thấy trong khoảng tối kia, trên nền cỏ xanh, thấp thoáng những cái bóng vàng vàng của con hổ, con báo đi đi lại lại, những cái bóng đen đen của bầy gấu chạy hai chân, dựng thẳng cả mình lên như người.

Lão lại co ro bước. Con bồ nông ở dưới gò vẫn xù lông đứng yên một chỗ. Khốn nạn, nó lại ốm hay sao! Ban chiều lão bơi thuyền ra đổ cho cả mớ cá tươi mà nó cũng không ăn nhanh nhẹn như mọi ngày.

Gió vẫn lên mạnh thêm trong đêm tối và lá vẫn rụng nhiều. Lá rụng bao nhiêu, lão càng nhớ con gái lão. Vẫn hình ảnh khi con bé lom khom nhặt lá trên sân đình làng. Lão nhớ con và nhớ cả những đứa trẻ nhà người vào ngày chủ nhật vẫn vào đây đánh đu, nghịch cát. Chúng có những người mẹ lành hiền ngồi trên ghế cúi

đầu đan tất và những chiếc áo xinh xinh cho chúng. Chúng có những người vú vui tươi lúc nào cũng chạy kèm để nâng đỡ dỗ dành khi chúng ngã. Hỡi ôi, những đứa trẻ con nhà người. Nhưng lão yêu chúng lắm, có khi lão còn đùa với chúng, ngồi yên cho chúng ném cát vào đầu, cho chúng vuốt râu, cho chúng xúm vào bịt mắt lão, rồi chúng trốn đi một chỗ đố lão tìm. Tốt đẹp thay! Những đứa trẻ còn nguyên tính thiện, chưa biết làm hại ai, cũng chưa bị ai làm hại chúng. Chúng là những vị thần trong sạch, nhởn nhơ chơi ở cái vườn trần cát bụi này.

Bây giờ, chủ nhật nào lão cũng mong chờ lũ trẻ vào vườn, nhưng không thấy nữa. Lão nghĩ có lẽ chúng đã cùng những người mẹ lành hiền kia đi chạy loạn, đến các nơi nghỉ mát, hay về các vùng quê yên tĩnh. Lão thở dài, chua xót thấy mình mất đi biết bao nhiêu những cái thân yêu thầm kín.

Một mình trong khu vườn tối mênh mông, tiếng guốc của lão quèn quẹt trên đường đá, và bóng lão dưới ánh đèn lờ mờ mới bật lên lẫn với những bóng cây chập chờn. Mỏi mệt, lão bước vào trong Nhà kèn, thổi bụi trên chiếc ghế gỗ dài, nằm xuống. Mưa rào đổ mau, mưa rào trong khu vườn tối này não nuột biết bao nhiêu. Lão thao thức nghe tiếng cú rúc ngoài cây, tiếng vượn trong chuồng ai oán rú lên từng hồi như khóc. Lão Năm ngồi dậy, lấy điếu cầy rít một hơi dài.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 325/1940

Ba ngày Tết của lão già bán xăng

Thôi thế là xong! - Lão Cù đập một nhát búa cuối cùng vào cái mộng gỗ cho kẻ ván quan tài khít vào nhau. Lão xoa tay cho bụi mạt cưa bay đi chứ không cần rửa, rồi quay lại bảo thằng bé con đang lúi húi quét vỏ bào dồn vào góc bếp - Tôm, con chạy mau lên hàng bà Chánh, bảo bà bán cho gạo nếp đậu xanh để về gói bánh. Con lại ghé vào chợ lấy hai chai rượu ở hàng cô Lý nữa, nhớ không?

Tôm là một thằng bé gầy gò, được cái nhanh như con chuột nhắt. Nó bị câm. Trước kia vợ lão Cù nhặt được cái hoang thai ấy ở đằng sau chùa làng. Vợ chồng lão lấy làm lạ, bởi vì cả làng không có ai chửa hoang. Có hai người góa chồng thì cả hai đều đã tái giá rồi.

- Thế thì tất ai ở đâu xa đem đến vứt vào cửa Phật, ông mày ạ.

Lão Cù nhìn vợ, tợp một chén rượu, cười lớn:

- Hay là con của sư bà đấy chăng! Độ này sư bà chăm đi quyên giáo lắm!

Người vợ phát cháy lưng chồng, mắng:

- Phải gió, cái lão này! Tai vách mạch rừng, nhà chùa biết thì bỏ xác.

Hai vợ chồng thực thà, có ý đánh tiếng cho nhiều người biết, để nghe ngóng xem có ai đến nhận thì cũng xin trả lại. Nhưng sau đó một hai năm, thằng bé cứ lớn lên, biết bò, biết đi mà không biết nói, cũng chẳng ai đến nhận nó cả.

Thấy con câm, lão Cù lấy làm buồn, càng uống rượu. Riêng người vợ thì cam vui mà nhận cái ơn Trời Phật ban cho. Vợ chồng lấy nhau từ thuở tóc xanh, đến ngày cả hai mái tóc đã ngà ngà hoa

râm vẫn chẳng sinh nở lấy được một lần.

- Thôi thầy nó ạ, phiền muộn làm gì. Miễn có một đứa con bên mình, trước vui cửa vui nhà, sau này mình già, khi nhắm mắt cũng có một cái gậy chống đưa mình ra bãi tha ma. Chả hơn là đôi vợ chồng trơ trọi hả ông?

Lão Cù cũng đành nguôi sầu não. Lão bớt rượu đi, lại chăm làm như trước.

Những hồi đắt hàng, lão hì hục làm cả ban đêm. Hai vợ chồng cố đẩy cưa, xẻ gỗ. Chồng bào, vợ đục, cái nóng ngày hè bốc như hơi than lửa dưới mái gianh lụp xụp, hai vợ chồng lau mồ hôi, nhìn nhau một cách nhọc mệt, lại bào, lại đục.

Túp lều gianh ấy ở cách biệt bên đường cái quan. Vợ chồng lão không có một tấc đất trong làng, xin ở nhờ không ai nhận, vả ai người ta dám chứa cái nghề của lão, cái nghề làm săng buôn xác chết.

Cho nên hai vợ chồng khó khăn lắm mới xin được phép bọn cường hào để ra ngoài cánh đồng, dựng cái mái gianh kia bên con đường cái quan chạy xa tắp đến chân trời. Con đường xuyên từ làng này sang làng nọ, chạy men theo cả đường xe lửa, nhờ vậy mà luôn luôn có kẻ đi người lại. Họ qua đấy để đến các chợ, đến nhà ga. Lão Cù chợt nghĩ ra mối lợi: lão định mở thêm một quán hàng nước, hàng quà cho vợ bán. Nhưng ý định ấy vừa bàn bạc xong thì người vợ chết.

Kể sao hết thảm tình của lão trong cái đêm lão vừa canh xác vợ, vừa tự tay mình đóng cỗ quan tài để bỏ vợ và đem chôn. Mỗi một nhát bào đưa đi, lão lại dừng tay nhìn trừng trừng vào thớ gỗ trắng tưởng đến lúc thịt da người vợ sẽ thấm vào, dưới lòng đất lạnh. Mỗi một nhát búa đập thình thịch vào mảnh ván, lão tưởng như là đập vào những mẩu xương của vợ mình.

Chôn cất vợ xong, lão Cù lại chán đời, uống rượu. Rượu say, lão hát ngêu ngao một mình giữa cánh đồng mênh mông. Gió và lúa reo bên chân lão. Nước con sông đào Nguyệt Đức thờ ơ trôi không cùng.

Thằng con câm cũng đã lớn lên. Thấm thoắt Tôm đã mười hai tuổi. Nó gày gò, nhưng không bao giờ ốm. Phơi nắng cả ngày, tóc nó đỏ như râu ngô, da thịt quắt đi như con cá muối. Cả ngày hai cha con chẳng nói với nhau một lời. Bố, rượu say, lầm lì như những cỗ quan tài nằm đợi khách. Con thì chiều chiều chờ bố cơm

rượu xong ngồi hát dăm ba câu dưới gốc cây đề, nó lại vác cái vó ra bờ sông ngồi đợi cá. Được cá, nó ú ớ reo lên. Người bố nhìn con bằng đôi mắt tội nghiệp. Bữa rượu ấy, người bố lại say và càng thấy thương thằng con tàn tật hơn. Cuộc đời tẻ nhạt của cha con lão hàng săng dầu dãi cùng năm tháng giữa cánh đồng như vậy, như hai lá cỏ khô hèn mọn.

Tết đến. Ai mà không đón Tết. Lão Cù chớp chớp đôi mắt lèm nhèm nhìn hút theo thằng Tôm lẩn vào những con đường ruộng, lão chặc lưỡi lầm bầm:

- Ấy quên! Không dặn nó mua cái chân giò cúng mẹ nó.

Lão cúi xuống, chống cao cái liếp cho sáng. Lão khuân những chiếc quan tài xếp lên nhau cho gọn ghẽ, rồi lấy chiếc chiếu phủ kín.

- Tết nhất, họa có ai ra vào chăng! Bày sờ sờ những của này ra, người ta cho là gớm ghiếc.

Lão Cù nói một mình, dọn dẹp một mình, làm ra bận bịu. Mặt lão đỡ cau có, thỉnh thoảng cái miệng lão nhích cười trong bộ râu kín, rậm. Lão dán mấy cái tranh con mèo, con lợn, đây là phần tết của thằng Tôm. Còn mấy mảnh giấy hồng điều dài lê thê viết chữ nho, thì là phần lão. Lão đứng ngâm nga, chữ đọc được, chữ không đọc được. Nhưng lão cũng cứ gật gù, khen hay, phục thầy khóa ngồi bán chữ ở chợ Cầu Nôm là giỏi.

Thầy khóa là bạn thân của lão. Dạy học, học trò chán chữ, chán thầy, đành xoay ra nghề đi cúng. Lão Cù đã mời thầy khóa đến cúng ngày tứ cửu bà lão Cù. Lão nghe thầy khóa kể cảnh đời gian nan mà thương sót. Lão vỗ vai thầy khóa mà hẹn rằng:

- Tôi cũng nghèo như thầy. Thôi thì ta chỉ còn cách này có thể giúp nhau: bao giờ mẹ già của thầy trăm tuổi, tôi xin phúng cụ cỗ áo quan gỗ tốt.

Thầy khóa cảm động, đã khóc trên chén rượu, bữa ấy, được lão Cù gọi vào hàng mời uống nhạt với ngô rang.

Hôm nay ngày tất niên, thầy khóa làm đôi câu đối tặng lão Cù dán lên vách nhà chơi Tết.

Lão đang ngâm nga thì thằng Tôm về, đầu đội thúng gạo, đỗ, bó lá dong, hai chai rượu và cái thủ lợn máu nhỏ ròng ròng.

Thế là cả đêm hôm ba mươi, hai cha con lão Cù ngồi canh nồi bánh chưng trong bếp. Thằng Tôm đến canh ba, không gượng được nữa, lấy mớ rơm trải ra đất, nằm cuộn tròn dưới chân bố ngáy khò khò. Lão Cù ngồi không nhúc nhích. Lão lắng nghe tiếng pháo giao thừa đốt bên kia sông, ở các làng xa xa.

* * *

Ngày mồng một Tết, lão Cù khăn áo chỉnh tề, thằng Tôm thì được mặc cái áo the vá đụp, cái quần chúc bâu mới kêu loạt soạt, hai cha con mang vàng hương vào trong làng lễ đình.

Đến cổng cái lớn, Tôm kéo áo cha đứng lại. Khốn khổ! Cả năm cha con nhà nó có vào làng làm gì đâu tuy rằng vẫn đóng, vẫn góp như mọi người. Ai cũng có ý gớm bộ mặt cha con nó. Người ta chỉ buộc lòng gặp lão, vào nhà lão lúc nào cần mua cỗ áo quan. Khi không ai lại dại dột vào nhà hàng săng! Huống hồ là ngày đầu năm mới. Gặp lão, người ta biết tránh đi đâu, mà chúc lão một câu lấy lệ thì còn gì ghê rợn bằng câu chúc: "Năm mới, chúc cụ buôn may, bán đắt, phát tài!". Lão biết vậy, từ xưa đến nay, ngày Tết không ai ra nhà lão, cha con lão cũng không muốn gặp ai, không dám vào nhà ai.

Thằng Tôm nhìn bố ú ớ chỉ tay ra hiệu. Nó như muốn nói rằng:

- Bố ơi, đi lối sau đình hơn, bố ạ. Như thế, chẳng ai trông thấy bố con mình.

Lão Cù nhìn con, chép miệng. Lão cho là phải, bèn lủi thủi đi quành ra đường khác. Đến sau đình, thằng Tôm nhanh nhẩu xé cái lỗ hàng rào thủng do chó làng vẫn chui qua đó ra đồng. Nó xé cái lỗ to ra, chui vào trước, rồi đứng bên trong, nó dắt bố vào theo.

Còn sớm chưa có ai ra lễ. Phải đợi một lúc ông Từ mới ra. Lão Cù to tiếng lễ phép chúc tuổi ông Từ. Ông Từ rút mảnh khăn vải đỏ ở vai lau râu, khẽ gật đầu nhạt nhẽo. Lão Cù bước đến gần, đưa cao cái khay vàng hương lên, trong đó đã đặt sẵn mấy đồng hào kền mới trắng nõn:

- Năm mới, gọi là có lá vàng thẻ hương ra lễ Thánh. Lòng thành, lại xin có chút quà mừng tuổi cụ.

Ông Từ đổi nét mặt vui vẻ, từ chối lấy lệ vài câu, bỏ tiền vào túi, mở khóa cửa đình, thỉnh mấy tiếng chuông.

Lễ Thánh xong, lão Cù hoan hỉ vái ông Từ. Cha con lão lại chui ra

lỗ rào thủng sau đình. Về nhà, lão ngồi uống rượu. Thằng Tôm cũng được bố rót cho một chén. Rượu nồng, lần đầu uống đã ngấm say, mặt thằng bé đỏ gay. Bưng nồi cơm ở bếp lên, nó lao đao ngã đè lên nồi cơm, kêu inh ỏi như con lợn bị chọc tiết.

Lão Cù vuốt râu, cười khà khà.

- Con ơi, khốn khổ thân con, giá còn mẹ mày thì cha con mình đâu đến nỗi vứt vả thế này.

Mắt lão lấp lánh ướt trong tiếng cười khô héo. Chén rượu run ở trên tay, lão khóc, ôm đầu Tôm vào cánh tay gầy mà khóc.

Ngày mồng hai, ngày mồng ba Tết vui như hoa cười, pháo nổ.

Túp lều gianh heo hút của lão già bán săng không có hoa, không có pháo, chỉ có gió mưa lùa vào, buồn như quán chợ hoang.

Lão Cù ngồi lầm lì suốt ba ngày xuân, không nhúc nhích, vò rượu vơi ủ trong lòng. Tôm thì ngồi co ro bên con sông, con sông đào nước lạnh chảy thờ ơ.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy,* số 403/1942

Xóm nghèo ăn Tết chó

Tiếng mụ Một hò buồn rã rượi... Đây đâu phải con sông Hương mà là ngõ xóm Khâm Thiên, nên tiếng mụ hò lạc lõng, không ai nghe cả, chỉ một mình mụ và tiếng muỗi kêu loạn trong ánh sáng ngọn đèn dầu lạc. Nước ở chiếc áo vá phơi trên sợi dây bắt ngang gian nhà hẹp nhỏ từng giọt xuống mặt, mụ vẫn nằm không nhúc nhích. Khói thuốc phiện đang khiến cho mụ say. Say rượu thì còn dễ quên sầu hận, chứ thuốc phiện càng say, buồn khổ càng ngấm mạnh vào xương vào máu. Mụ Một say thuốc phiện lần này là lần đầu nơi xứ Bắc. Xưa kia, lênh đênh ở con sông Hương, đàn vài khúc mà nghe, gặp tri kỷ ép nài thuốc, mụ cũng nể mà "tui vô phép" rồi nghiêng mình hút một điếu.

- Một điếu thì có hề gì ạ - Mụ nói với họ, hai khóe mắt lim dim nhìn lên mui bồng đong đưa trên con sông khuya.

Đêm nay, đôi khóe mắt ấy nhìn lên chiếc áo vá nước nhỏ ròng ròng xuống mặt. Mụ thấy cái gì cũng mờ mờ. Mụ thấy cái áo trên kia biến ra cái áo lụa màu mạ non mà ngày xưa mụ ưa mặc nhất. Đã biết bao nhiêu con cá đớp cái bóng ấy in dưới nước dòng sông trong, biết bao nhiêu chiếc én liệng như đưa thoi ở đầu bồng.

Duyên nợ ba sinh,

Nghìn dặm lênh đênh... ai nhớ mình...

- Dào ôi, cực quả! - Mụ Một thở phì phì, hai tay đập rời rã xuống giường.

Xưa mụ chỉ hút một điếu chơi. Cái gì cũng chỉ để chơi! Thế mà bây chừ mụ Một hút nhiều, tựa như việc mụ ăn trầu, uống rượu, đánh bài, nếu mấy ả cô đầu ngoài phố rủ rê, nếu gặp ông Hai út (một ông thầy đờn người Bắc, đã một thời nổi trôi ở Huế để làm đồ đệ hai bậc danh cầm Đội Trác và Ngũ Đại) thì nhất định mụ Một phải

say rượu trong khói thuốc. Gái già gặp người tri kỷ già, "đôi chúng mình như hai con đò nát thầy ơi, hãy uống với nhau dăm chén, hút với nhau mươi điếu rồi đờn vài khúc, ca vài câu cho nó vơi sầu, vơi khổ!". Gặp những dịp như vậy, ông Hai út bèn lên dây cây tì bà. Mụ Một sóng nhịp bằng hai bàn tay yếu, ca theo tiếng đờn.

- Ôi dào ôi, cực càng thêm cực! Thầy Hai út ạ... - Mụ Một cúi đầu khóc.

Người bạn già không biết nói sao, bàn tay thõng xuống. Mụ Một ngượng ngùng lau nước mắt, mụ mỉm cười, với cái tiêm nhúng vào ngao thuốc phiện. Điếu thuốc xèo xèo. Mụ Một nghĩ thầm khi mụ mếu ắt cái mặt già nhăn nheo của mụ cũng móp méo như điếu thuốc đang nở trên đầu bấc lửa. Nghĩ vậy mụ thấy thẹn. Mụ hò đôi câu, rồi bỏ lửng cho giọng trầm xuống tan đi như tiếng đàn của thầy Hai út bỏ lửng ở cung hồ.

Thầy Hai út ra về cho mụ ngủ.

Mụ cũng đứng lên theo tiễn ông bạn già. Nhưng mụ không dám bước ra ngưỡng cửa, mụ chỉ chắp tay lễ phép vái ông hai cái, rồi vịn tay vào tường, thò đầu ra tý nữa xem nhà hai bên dãy ngõ có ai thấy người đàn ông ở cửa mụ ra không. "Phải e dè với cả tấm lòng ngay thẳng của mình, cực quá! Mình có chi giăng gió với người ta đâu. Chém cha cái miệng dông dài!...". Mụ nói vậy rồi quay ngay vào. Mụ lao đao buông phịch người xuống chiếu. Mụ nằm nhìn lên cái áo vá, từng giọt nước lạnh nhỏ xuống vầng trán nóng tê tê...

Mụ hò. Lại hò mà nghe một mình. Mụ chỉ có một mình nơi đất khách quê người.

* * *

Có con, có cháu, mà rồi phải sống chơ vơ trong cái ngõ hẻm Khâm Thiên, người đàn bà Huế nọ không than thở với ai, không trách trời, trách Phật, buồn khổ quá mụ chỉ ca đôi tiếng, có tiền thì ra quán uống chơi vài cút rượu, xong rồi mụ lầm lì trở về nhà - ấy là một cái xó bụi bậm và đầy mạng nhện mà trước đây người ta chứa ô tô, mụ nằm lăn ra, hò vài ba câu như thời xuân xanh ở kinh kỳ.

Con mụ Một là một anh thư ký, có vợ và đứa con trai bảy tuổi. Vợ anh là một chị gái giăng hoa gặp nhau ở đâu, lấy nhau năm nào, có con ra sao họ cũng chả cần nhớ làm chi, anh cũng quên luôn rằng trên đời còn có một mẹ già đang đau và ghen âm thầm cái "tình mẹ con" của mụ đã bị ả gái giăng hoa, nàng dâu của mụ chiếm đoạt. Người con trai yêu quý có nhìn đến mụ đâu. Người nàng dâu

một hôm ton hót với chồng rằng:

- Tôi thấy người ta đồn dạo này bà ấy nghiện rượu, nghiện thuốc phiện, đêm nào cũng ca hát với một lão thầy đờn.

Người con tê tái, rình xem một đêm khuya. Quả nhiên, gã nhìn thấy vậy. Gã lướt qua mặt mụ, cố ý bật que diêm châm thuốc lá cho mẹ rõ mặt mình, gã cười nhạt rồi gã lao mình ra đi. Gã xin đổi ngay vào một tỉnh miền Trung, đem cả vợ con theo. Mụ Một khóc sậm sụt liền ba tháng, nhớ con năm phần, nhớ cháu cả mười phần. Cái thằng bé kháu khỉnh, mập như con ông Bụt. Trước kia, mỗi khi thằng bé được bố dắt đến ngõ thăm bà thì nó quấn lấy cổ bà, bà cũng ôm chầm lấy cháu mà hôn:

- Cháu bà đấy à? Cháu có nhớ bà không? Chứ bà nhớ thương đến đứt ruột, đứt gan, cháu ạ...

Mụ khóc trên tay cháu, nhỏ nước mắt xuống bàn tay cháu. Thằng bé không chùi vào áo, nó đưa bàn tay lên môi:

- Bà ơi, nước mắt sao mặn thế, a bà?

Mụ nheo mắt nhìn cháu, cắn vào má cháu:

- Nước mắt và máu đều mặn cả. Thế cháu đã nếm nước mắt của ba cháu chưa?

Thằng bé ngây ngô:

- Chưa. Ba cháu chả bao giờ khóc như bà.

Mụ ngùi ngùi:

- Hôm nào cháu thử bảo ba cháu khóc, rồi cháu nếm xem nước mắt ba có mặn giống nước mắt bà không, cháu ạ.

Người con trai nghe mẹ nói, cúi gục đầu nhìn xuống đất. Lần thăm ấy, gã biếu mụ nhiều tiền hơn mọi lần:

- ... Để mẹ đong gạo trắng mà ăn. Gạo hẩm thế này, nuốt làm sao được.

Rồi gã cầm tay mụ, ngập ngừng:

- Thôi thì trăm giận nghìn hờn mẹ bỏ đi cho. Mẹ về ở với chúng con. Mẹ lẩn quất thế này, con xấu hổ với người ta, mà cháu thì nó nhớ...

Mụ thở dài:

- Con ơi, mẹ còn muốn nhìn mặt nó làm chi nữa. Nó lăng loàn, nó có coi mẹ ra gì đâu. Con cứ để mẹ ở đây, ngày nào mẹ chết thì con làm ma cho mẹ. Sau ba năm rồi, con có thương mẹ thì nhớ đem nắm xương khô của mẹ về Huế mà táng ở bên mồ ông ngoại, bà ngoại con dưới chân núi đó...

Mụ nghẹn lời, khóc như mưa như gió. Mụ khóc một lúc lâu, vừa ngẩng lên thì nàng dâu đã đứng ngoài đầu ngõ rít răng gọi thằng cháu mụ:

- Đi về thằng kia. Bố mày muốn ở đây với người ta thì cứ ở. Tao không cần.

Người con đành lẳng lặng chạy theo đứa bé ra khỏi ngõ. Tiếng nàng dâu mụ còn rít róng mãi ngoài đường.

Bữa ấy, mụ Một lại ra quán uống đủ ba cút rượu. Mụ lao đao về ngõ; mới bước chân vào cửa đã thấy ông Hai út ngồi đợi đấy rồi. Như mọi lần ông mang cả khay đèn đến, ông đang sửa bấc, mụ bèn reo lên:

- May quá, thầy út à. Tui đang buồn, tui đang say. Thầy ôi, lại gặp cố nhân, thế thì lại đơn vài khúc, ca vài câu mà nghe chơi, chớ không gặp thầy thì chừ tui đã treo cổ tui lên xà nhà cho rồi kiếp...

Thầy út chỉ "dạ", lặng đi một lúc mới ngậm ngùi:

- Chết chi cho uổng bà bạn ôi! Đời còn vui lắm bà, nếu cứ được vui mãi như thế này.

Cả hai người hút xong chừng mươi điếu thuốc, thầy út lên dây đờn, dạo. Mụ Một hắng giọng, ngồi lên, đôi mắt ướt mờ, nhìn vào ngọn lửa đèn đăm đăm.

* * *

Tết đến rồi. Kẻ giàu sắm Tết. Cái dân xóm nghèo của mụ Một cũng bắt đầu bàn về Tết và lo Tết.

Nắng hoe hoe ấm lấp lánh trên dòng nước cống ngang cửa nhà mụ. Những con muỗi ngày ở dòng nước cống bay giỡn nắng, trắng lên như đám bụi. Mụ Một ngồi sưởi nắng, ôm con chó vào trong lòng.

Con chó vàng của mụ là bạn đọc từ đầu chưa ai hay, vì mụ đã dắt đi cầm cho một mụ chủ cô đầu. Con chó hay bậy, hay cắn khách, đã một lần dám chui vào gậm giường Hồng Kông rình tha áo quần của một ông tham biện nhân tình mụ chủ cô đầu, mụ chủ đánh nó một trận đau rồi đuổi về với mụ Một.

Hôm ấy mụ Một ngồi thụp xuống, giang cả hai cánh tay gầy ra đón nó, như những khi đón thằng cháu quý được bố dắt đến thăm mình. Mụ cũng đã khóc trên đầu nó, mụ đã ra ngoài ô mua một mớ xương bò về làm tiệc đãi nó, để tỏ chút tình chút nghĩa với nhau.

Ngày còn đứa cháu ở bên mụ, đứa cháu vẫn là bạn thân của nó. Chúng chơi, chúng nghịch cùng nhau suốt ngày. Ngày mụ ra đi, con chó cũng theo đi. Mụ lại bầu bạn với nó, để nhìn thấy nó mà nhớ đến thằng cháu yêu. Thế mà túng bấn quá, mụ đã phải đem cầm cho mụ chủ cô đầu. Bây giờ nó lại trở về, mụ xoa vuốt nó, ngồi lầm lì với nó, hò cho nó nghe trong những ngày mưa dầm gió bấc hay những buổi cố nhân của mụ, thầy Hai út, đi đâu xa.

- Bà Một ơi, con vàng độ này béo quá. Giá được nó mà bó giò hay hầm rựa mận chén Tết thì thú quá!

Bác Năm - răng - bạc cười nói oang oang. Mụ Một cũng cười:

- Ừ, tui bán cho anh. Thế đã có tiền chưa?

Bác Năm - răng - bạc vỗ vào cái túi áo xanh đầy dầu máy, cái túi không có tiếng xu hào, nhưng bác lại càng cười to hơn rồi đi thẳng.

- Bà Một ơi, con vàng độ này có vẻ khặc khừ lắm thế. Để cho chúng tôi, sẵn riềng, mẻ ở nhà rồi. Chưa có gì chén Tết đây, bà ạ.

- Ừ, tui bán cho bác. Thế đã có tiền chưa?

Họ đã có tiền. Nghĩa là họ đã loan báo cho cả xóm biết rằng Tết này sẽ thưởng xuân bằng con vàng mụ Một. “Con vàng béo lắm, chả cần gì kiêng kị, nghèo thì bất chấp thiên địa sự, bà con ạ!”. Họ góp tiền, kéo đến nhà mụ Một.

Họ cười vang nhà, đặt tiền xuống chiếu. Rồi họ kéo con vàng ra. Con vàng sợ sệt nằm run nép ở gậm giường. Người ta cứ khua nó ra. Nó cũng gầm gừ kháng cự, nhưng bác Năm - răng - bạc đã đánh trúng một búa vào lưng, nó gục ngay xuống bên chân mụ Một. Nhìn hai mắt con vàng ướt sũng ngước lên nhìn lại mình, trong

khi người ta đã buộc dây thừng kéo nó đi xềnh xệch, mụ Một đứt ruột, ôm lấy mặt. Mụ nghĩ đến cái ngày nàng dâu mụ giằng đứa bé cháu yêu khỏi tay mụ, kéo tuồn tuột đi. Đôi mắt đen nhánh của nó cũng ướt đầm đìa như đôi mắt con vàng, như đôi mắt mụ.

- Dào ôi, tôi nhớ con tui, tui thương cháu tui! Tui biết tìm nơi mô chừ!

* * *

Chiều ba mươi Tết. Gió lạnh. Gió từ đâu reo trên mái ngói. Mụ Một bứt rứt như điên, mụ đi vào đầu ngõ, lại trở ra cuối ngõ, mụ không chào ai, cũng chẳng nhìn ai cả. Đầu gục xuống, lưng mụ còng xuống, trông thảm hại, thực là thảm hại!

Con vàng của mụ cũng đang lồng lộn đòi dứt sợi dây thừng ở trong sân nhà bác Năm - răng - bạc, vì cái nhà cô đầu bên kia đã đốt một bánh pháo cúng tổ chiều ba mươi làm cho nó sợ.

Những bánh pháo khác tiếp ran lên. Con vàng cuống cuồng. Sợi dây bợt dần, sau cùng đứt hẳn. Con vàng cong đuôi chạy. Nó chạy ra bờ ao, luồn qua các bụi cây. Một đứa trẻ, con bác Năm - răng - bạc thét lên. Dân xóm, ấy là những người nghèo có phần vào con chó, lúc bấy giờ vừa kịp đi làm về, nghe trẻ thét, đều hò nhau vác gậy đuổi con vàng. Một cuộc náo loạn ghê gớm. Không ai thấy bóng con vật xó nào. Cái xóm nghèo nhớn nhác vì mỗi nhà mất một nồi giả cầy chó thưởng xuân. Họ cãi cọ nhau, trách mắng nhau, rằng sao Ba Kim có cũi mà không nhốt, rằng sao chị cả Ca - bánh - cuốn có xích sắt lại không chịu bỏ ra: "Ừ xích sắt thì nó chạy đằng giời! Xích sắt còn phải kể..., người còn chịu nữa là giống chó!".

Ông cả Cao nói thế, rồi bảo nhau kéo cả ra nhà mụ Một. Một người giả vờ tìm guốc để cúi nhòm gậm giường mụ, biết đâu con chó khôn nó chẳng về với chủ.

- Các bác ôi, con vàng nó trốn thì tui xin nộp lại tiền các bác. Tui cũng định đi vay thêm để lấy cái vé xe lửa về miền trong đi tìm con tui, cháu tui, chúng nó bạc với tui nhưng mà tui nhớ chúng nó, tui không còn chịu được cảnh chơ vơ này nữa. Bây giờ tui xin trả lại... Vâng, tui xin trả lại các người...

Mụ cúi xuống cho người ta khỏi thấy rằng mụ khóc, mụ mở hòm lấy món tiền trải ra giường.

Nhưng mọi người không ai thò tay ra lấy lại tiền. Họ nín lặng nhìn

mụ mà ái ngại.

Một lúc lâu, bác Năm - răng - bạc mới lên tiếng:

- Cảnh đến thế này thì chúng tôi còn lòng nào lấy lại số tiền mọn nữa. Chúng tôi xin biếu bà, tôi lại xin tất cả các ông các bà đây mỗi người thêm một tí đưa bà để bà về quê hương, may ra bà tìm thấy mặt con, mặt cháu.

Ai cũng khen bác Năm nói phải. Họ vét túi giúp thêm tiền mụ Một, rồi vui vẻ ai về nhà nấy.

Chiều hôm mồng một, mụ Một đi chào biệt hết cả mọi người trong xóm. Mỗi nhà mừng tuổi mụ một chén rượu đầy. Mụ không từ chối. Uống vừa vặn say thì mụ lao đao ra phố gọi một cái xe kéo ra ga, đi chuyến tốc hành.

* * *

Đoàn tàu lao trong bóng tối. Mụ Một co ro rét và say, gục đầu vào cánh cửa toa. Mụ se lòng nghĩ đến con vàng của mụ bây chừ nơi mô? Con vàng lang thang, mụ cũng lang thang một mình.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy* số 404/1942

Ra tỉnh

Ấy, chúng tôi ra tỉnh chơi vài ngày. Nhà ông bà Phán cháu ngoài ấy có tiệc cưới cô Lan. Nghe đâu cô Lan lấy chồng làm quan lớn đốc tờ, kiếm nhiều tiền lắm.

Vợ chồng anh Tư tươi tỉnh khoe với mọi người như vậy suốt từ con đường xóm ra đến cổng cái làng, từ cổng cái làng ra đến nhà ga xe lửa. Chị Tư cắp cái thúng trong đựng chiếc hộp sắt tây gỉ chứa trầu cau, thuốc lào và ít quần áo của hai vợ chồng sẽ dùng thay mấy ngày nóng nực ở tỉnh. Anh Tư một tay giương chiếc ô đen thủng rách, một tay xách cái bu đựng bốn con chim câu. Nắng xiên khoai, anh Tư che nghiêng ô, và có ý che cả cho chị vợ tong tả đi trước, trên con đường ruộng hẹp.

Cánh đồng vắng và nắng mông mênh. Bầu trời có những đám mây trắng lặng lờ trôi. Lúa vàng trĩu hạt. Những con cào cào kêu canh cách buồn tẻ ở các ruộng khoai sọ, và ruộng đỗ úng nước mưa đêm qua. Anh Tư đi sau, cách vợ chỉ chừng hai bước ngắn. Anh nhìn trời, nhìn lúa, nhìn mấy con trâu lững thững gặm cỏ trên con đê xa. Cảnh trời đất, mùa màng ấy anh thấy quanh năm còn có gì là thú nữa. Anh cúi xuống, bước tránh những đám cỏ may, và giục vợ:

- Mau lên bu mày, kẻo nhỡ tàu thì khốn.

Chị Tư, nhổ toẹt cốt trầu sang bên ruộng, kéo vạt áo lau mồ hôi, bước gấp lên chút nữa:

- Chả lo. Đã trông rõ nhà ga kia rồi. Còn chặng đồng nữa chứ xa bao nhiêu mà sợ nhỡ.

Anh Tư theo sát chân vợ, cả hai cùng răm rắp bước. Cái bu chim lắc lư mạnh, mấy con chim bị sóc, giãy xáo xác, vướng mắc cả đuôi cả cánh vào nan tre. Trong khi ấy thì dải dây lưng lụa mầu

hoa lý của chị Tư thỉnh thoảng gặp gió lại bay rẽ sang bên ruộng lúa vàng, màu hoa lý nổi bật lên. Anh Tư cứ nhìn dải dây lưng bay mà bước. Gió làm ráo mồ hôi, và vẻ đẹp của mảnh lụa làm cho lòng anh nhẹ nhõm. Chút nghĩa tao khang bao lâu cơ hồ bị sao nhãng đi vì lo cơm gạo, nợ nần, lúc này khiến anh bâng khuâng nghĩ đến. Nghĩ đến mà thương nhau. Anh thấy hối hận những lúc bực mình, cáu kỉnh mà đánh chửi chị Tư, anh thấy khổ thấm thía những lúc hai vợ chồng ngồi nhịn đói mà nghe người ta réo nợ vang cả ngõ. Và anh vụt nhớ lại ngày nào chị Tư còn có đôi má đỏ hây hây, thân mình thon thả.

Cái nhục và cái vui hoang mang trong lòng anh như giấc ngủ nặng nề của một con bệnh sốt rét ngã nước. Anh bước lập cập, vấp ngay vào chị vợ, anh lạng người suýt đâm bổ xuống bên ruộng nước. Chị Tư vội đỡ được chồng, cười bảo:

- Nhà này sao thế? Không có tôi thì bộ cánh diện nhúng bùn. Dễ đến cung lại quay về giặt!

Chị cười toe toét. Anh Tư cũng cười, cúi nhìn cái áo cánh đũi vàng chóe, và cái quần trắng vải ta anh đang mặc. Chị Tư bảo là bộ cánh diện, anh cho ngay là phải. Công trình ăn nhịn để dành của hai vợ chồng trong nửa năm mới có nó và có dải lưng lụa hoa lý kia, chứ có dễ đâu. Hai vợ chồng lại bước đều. Qua một cánh đồng gần bờ đê bỗng cả hai người không bảo nhau mà cùng đi chậm lại. Giọng chị Tư lo lắng:

- Quái! Bố nó trông hình như có đứa nào nhổ trộm, sao lại có chỗ lúa thưa đi thế kia. Lại đứa chăn trâu, bò chết dẫm nào nó mót non đây.

Anh Tư không nói, chỉ chép miệng, thở dài hai ba cái liền. Chị Tư cau mặt lại, lầm bầm:

- Ruộng xa làng hại thế đấy. Đã đến nước này thì bố nó để tôi chửi bật mả chúng nó lên mới được.

Chị ngẩng nhìn quanh. Trên đê có vài con trâu lầm lì gặm cỏ. Khắp cánh đồng không có bóng người. Mặc kệ, không có ai, dù chỉ có mấy con trâu, chị Tư cũng định chửi mấy câu, chửi cho to thì trong làng *chúng nó* cũng phải nghe thấy chứ. Chị đặt thúng xuống, vừa sửa soạn để chửi thì anh Tư gắt mà gạt ngay đi:

- Thôi bu nó. Hay gì cái thói chua ngoa. Mình càng chửi nó càng lấy trộm già.

Chị Tư vốn sợ hãi chồng, lại bưng thúng lên, nhưng chị cũng lầu nhầu, rồi cả hai vợ chồng lại rảo bước.

- Ức lắm. Làm mồ hôi cái mồ hôi con, đến vụ chúng nó kéo nhau ra ăn trộm.

Anh Tư chỉ chép miệng, im lặng bước. Chị Tư một lúc sau lại nói:

- Nào có phải ruộng của mình. Cái thân phận đi cấy rẽ, không gặp mưa nắng thuận hòa, không trông nom xuể thì bán xác đi mà bù thóc cho người ta ư. Món nợ ông bà Phán ngoài ấy còn có ít, vụ này lại nợ thêm lên nữa thì đến cùng...

Chị nín ngay lại. Chị toan nói đến câu "tự tử", nhưng biết rằng nói đến câu ấy là anh Tư nổi cục mà chửi liền. Anh rất sợ cái việc phẫn uất ghê gớm ấy. Thường khi, anh bảo vợ: "Dù khổ thì cũng cứ phải cố sống. Trời đầy mình làm thằng khố rách áo ôm mà chỉ nghĩ đến chết thì chết một nghìn lần chưa đủ. Huống chi mình còn có cha mẹ già, còn có con thơ nữa. Chết làm gì vội cho phí đời. Khổ mãi cũng quen đi". Anh Tư nghĩ thế, nói thế, khuyên vợ thế. Chị Tư cũng nghe mà vâng lời chồng. Nhưng đã có nhiều hôm, chị Tư rất đỗi ngạc nhiên thấy chồng đi đâu về, lầm lầm giở chứng ra uống một hai chén rượu (anh không hay uống rượu), uống rồi chồng chị nằm thẳng cẳng ra đập đầu vào thành giường, đạp huỳnh huỵch cả hai chân vào vách. Chị vợ không dám hỏi, nếu có đánh bạo mà hỏi thì anh chỉ đáp:

- Đàn bà biết cái cóc gì! Mẹ kiếp chúng nó. Ông sống làm người, giờ đây ông thế này thì ông chịu, nhưng rồi có lúc ông hơn chúng nó. Trời có đóng cửa mãi ai đâu!"

Chị Tư chỉ biết lại chuyện nợ nần với lũ cường hào, chuyện ngôi thứ lôi thôi gì đấy. Chị không muốn hỏi nhiều. Hỏi thì anh cũng đáp. Nhưng trước khi nói, thế nào anh cũng mắng "Đàn bà biết cái cóc gì!" - "Ừ, tôi là đàn bà!". Lần nào bị mắng, chị chỉ nói gọn lỏn một câu như thế, rồi ngồi ắng lặng. Anh Tư nghe vậy đã có lần ngẩn mặt ra nhìn vợ. Anh hiểu chị chỉ định ngỏ cái ý phẫn uất của chị mà thôi.

- Này bố nó này, cái số tiền mình còn thiếu của ông bà Phán, giá mình nói khéo mà xin, may ra được đấy.

Anh Tư lầm lì bước. Tính anh vậy, ai nói, ai hỏi gì, anh không đáp ngay bao giờ. Để người ta đợi một lát, anh mới chặc lưỡi. Cái tật của anh là chặc lưỡi. Chị Tư đã chế anh là con thạch sùng.

- Cái đó để còn xem ra sao chứ. Bu mày tưởng dễ lắm hẳn. Cái trò nhà giàu, càng giàu có lại càng tham của.

Anh vừa nói đến đấy thì ở đằng chân trời có một làn khói đục vẩn lên. Chị Tư rối rít giục chồng rảo cẳng.

Tàu đến ga, toa nào cũng chật. Khổ sở lắm, anh Tư mới thu xếp được một chỗ cho chị vợ ngồi, còn anh thì đứng co ro giữa những bồ hàng. Chị vợ nhìn chồng, ái ngại. Anh biết vợ thương mình. Nhưng anh ngoảnh mặt trông ra đồng lúa, chặc lưỡi khẽ một cái.

Đến ga Hà Nội. Nhà ông bà Phán ở phố gần ga. Anh Tư ra tỉnh lần này là lần thứ hai, còn mang máng nhớ đường và nhớ tòa nhà hai tầng, cửa có hàng rào song sắt của ông bà Phán. Hai vợ chồng lếch thếch, ríu vào nhau mà đi. Tới một tòa nhà hai tầng, anh Tư không còn ngờ gì vì sân có xác pháo. Nhà có việc vui mừng, xác pháo là dấu hiệu. Anh ý tứ bảo vợ theo anh đi vòng ra phía cửa sau.

Cô Lan - cô dâu - niềm nở đón vợ chồng anh Tư, và trách mãi rằng sao lại vẽ vời mừng rỡ làm gì cho phiền phức.

- Hai bác ra chơi là đủ, còn chim thì để mà nuôi có hơn không.

Chị Tư toan đáp nhưng đi đến cái chỗ long trọng này, chị rất sẵn lòng nhường quyền ăn nói cho chồng. Nhưng anh Tư tính vốn thế, lẳng lặng chưa đáp cô Lan. Anh đang chợt nghĩ đến một buổi tối trời, có bốn con chim không biết ở đâu bay lạc đến đậu trên mái bếp. Anh lừa tóm được cả. Xem ở chân có đeo mấy chiếc sáo anh mới biết là chim thi bạt gió mà lạc đến. Vậy thì cái lễ vật này là của trời cho, chứ vợ chồng anh làm gì có tiền mà mua. Anh toan nói thực thà, anh vừa gãi tai thì cô Lan đã chạy vút ra cửa trước để đỡ cho bà Phán những gói hàng bà đi mua về. Anh chị Tư ra chào ông bà Phán. Ông phán mắng mãi về sự bày vẽ kia. Bà Phán đang bực mình sự gì, không cho cái việc ấy là cần nói đến.

Khách khứa ra vào mừng rỡ ầm ầm. Cô Lan mải cười nói với các cô bạn tân thời. Bà Phán lại lên xe nhà đi luôn. Ông phán thì nằm hút ở phòng riêng, không nói năng gì.

Vợ chồng anh Tư loanh quanh dưới nhà bếp. Bồi, con sen, thằng nhỏ, vú già, ai cũng tấp nập, mổ gà, mổ vịt. Mấy cô bạn tân thời của cô Lan thì đua nhau thái những thức đồ nấu và làm bánh trái. Vợ chồng anh Tư không biết làm gì, mà cũng không thấy ai cử mình làm việc gì cho khỏi bị trơ trẽn.

- U để tôi rửa nhá!

Chị Tư sán đến mấy chậu bát đĩa mà mụ vú già đang rửa. Mụ đáp hững hờ:

- Bác khéo tay cho. Bát đàn vỡ chả sao, chứ bát sứ, đĩa sứ này mà vỡ thì tiền công của tôi không đền đủ.

Anh Tư thì lửng khửng đứng nhìn phố xá. Thực thì anh không muốn làm gì vội. Anh nghĩ thầm rằng, chẳng lẽ ra tỉnh ăn cỗ cưới mà cũng lại phải làm thì khổ lắm. Thà ở nhà, uống nước lã, ăn khoai.

Bà Phán săm săm về. Bà chống hai tay sang bên sườn, nhìn gia nhân làm việc. Anh Tư thấy mình không có ích lợi gì thì lấy làm ngượng nghịu. Giữa lúc ấy bà Phán quay lại ngọt ngào bảo anh:

- Chết chửa, nước sắp hết rồi, mà đứa nào cũng bận cả. Giá được bác Tư ra máy quảy giúp tôi mươi chuyến thì quý hóa quá.

Nói dứt lời, bà Phán nhanh nhẩu chỉ ngay đôi thúng và đưa cái đòn gánh cho anh Tư. Anh vội giơ tay ra đỡ đòn gánh, và đáp khẽ:

- Vâng, bà để nhà cháu xin đi gánh ạ.

Anh đặt đòn gánh lên vai. Chị Tư liếc nhìn anh, rồi cúi ngay xuống. Chị thở rộn lên một cái, chị lo chiếc áo cánh đũi và chiếc quần vải trắng mới của chồng sẽ bị bẩn.

Anh Tư ra máy nước. Mấy thằng xe, thằng bếp ngắm anh rất cẩn thận, rồi chúng cười rộ cả lên:

- A, người anh em sang quá.

- Ông Lý làng ta hẳn phát tài nên diện tợn!

Anh Tư ngơ ngác nhìn chúng. Anh tức và hơi sợ. Thấy người ta xếp thùng theo một hàng dài thứ tự, anh cũng làm như vậy. Chờ nửa giờ mới đến lượt anh lấy nước. Nhưng đến lượt anh thì cái gã chế anh ban nãy ném ngay đôi thùng của anh đi, bảo:

- Tớ vội, tớ lấy trước. Đằng ấy lấy sau.

Đôi thùng bị ném đi, kêu vang lên và lăn lông lốc. Anh Tư chạy theo đôi thùng, nhặt lên. Mắt anh đỏ ngầu, anh chửi một câu. Gã kia xông đến thụi vào ngực anh một quả. Ngực anh đau nhói, anh lạng đi. Anh đứng vững lại, hoang mang. Chưa có ý định rằng có

nên đánh trả lại hay chịu nhịn thì có hai viên cảnh sát đến, ghếch xe đạp vào vỉa hè, đứng nhìn tất cả mọi người. Mọi người đều im răm rắp. Anh cũng đứng yên. Đến lượt thùng của anh lấy đầy rồi gánh về. Chị Tư đang vo gạo. Chị ngước lên nhìn chồng. Quần áo chồng bị ướt át, tóc rối bù lên và mắt thì đỏ ngầu ngầu. Anh Tư cũng nhìn vợ. Hai vợ chồng cùng vội cúi xuống.

Gần khuya, khách ăn đã ra về. Anh Tư mệt nhoài vì hầu hạ, bưng mâm, xách ghế. Anh hết lên nhà trên, lại xuống bếp. Ở bên bể nước, anh chợt nghe thấy một tiếng kêu khe khẽ. Và tiếng cười sằng sặc. Anh đứng lại, nép mình vào góc tường nhìn ra. Anh thấy chị Tư đang ngồi rửa bát, thằng bếp ngồi bên cạnh. Anh bước xuống sân. Thằng bếp lảng đi chỗ khác, và nó ba hoa cười nói, làm ra không có sự gì. Thấy nó du côn quá, mà trên nhà thì đèn sáng rực, anh hoang mang trước cái cảnh vợ mình vừa bị làm nhục, như chính anh cũng đã bị người ta làm nhục ban chiều ở ngoài máy nước!

* * *

Hai ngày sau tiệc mới xong, và cô Lan đã vui vẻ lên xe ô tô về nhà chồng.

Vợ chồng anh Tư xin phép ông bà Phán về quê. Cái ý định xin ông bà Phán cho số nợ nhỏ cũ, anh Tư không dám nghĩ đến nữa. Bà Phán tiễn vợ chồng anh bằng hai miếng trầu, và sai gói làm quà cho con anh vài chiếc bánh.

Tàu đến cái ga bé nhỏ giữa cánh đồng. Vợ chồng anh xuống, và lại đi trên những con đường ruộng hẹp. Hai vợ chồng lầm lì bước, đầu cúi xuống, anh Tư có ý tránh những người quen. Anh không muốn người ta hỏi thăm về việc vợ chồng anh đi ra tỉnh ăn tiệc cưới. Thế mà cũng không tránh được. Có một hai kẻ hỏi, anh cũng phải cười mà đáp:

- Vâng, ngoài tỉnh đẹp quá, vui lắm ạ.

Về đến bực cổng, thấy thằng cu lên bốn đang bò lê la nghịch vũng nước đái, chị Tư ẵm ngay con lên nựng và hôn rối rít. Anh Tư xuống ao tắm rửa. Lên nhà, bỗng anh thấy ngực đau nhói, anh giơ tay lên xoa vuốt. Chị Tư đang ngồi võng cho con bú, thoáng nhận thấy chồng ôm ngực và nhăn mặt thì vội hỏi:

- Bố nó làm sao thế?

Anh Tư im lặng cúi đầu bước vào nhà, một lát mới đáp:

- Không, chả làm sao cả!

Anh bưng bát chè tươi lên uống. Qua hơi khói nóng, anh nhìn vợ. Đứa con đang vừa bú một bầu sữa vừa đưa một bàn tay nhem nhuốc lên nghịch bầu sữa kia.

Chị Tư mắng yêu con:

- Cha thằng cu, bú còn nghịch nhá!

Cái cảnh thằng đầu bếp giở trò bỡn cợt vợ mình bên bể nước nhà bà Phán vụt hiện ra trước mắt anh, tàn nhẫn... Anh ngả mình xuống giường, ngoảnh mặt vào vách, nhắm nghiền mắt lại. Bóng tối vào đầy nhà. Chị Tư cất tiếng ru con buồn rười rượi.

Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 434/1942

Yên hoa

Nửa giấc yên hoa cười mộng cũ

Hai hàng si lệ khóc tình xưa.

Tchya

Bà đã về ạ, Mời bà vào hàng nhà cháu xơi chén nước. Có riêu cua ngon lắm. Rước bà vào.

Người đàn bà đon đả chào mời cô gái tỉnh thành. Quế cười không đáp. Cô cúi đầu dưới mái rơm tối thấp, bước vào quán nước. Hai người đàn ông quần vén cao đến bẹn, bắp chân đầy bùn, nhích ra mãi đầu ghế, nhường chỗ cho cô gái tỉnh thành. Quế xé mảnh báo trong chiếc làn mây, lau ghế rồi mới ngồi. Không ai lấy cử chỉ ấy làm lạ, người ta nghĩ rằng vạt áo lụa kia, đũng quần lụa trắng nõn kia không thể đặt dễ dãi xuống cái ghế cụt què bẩn thỉu. Phí của đi, vả người tỉnh thành bao giờ cũng sạch.

Bà hàng hai tay bưng bát bún riêu đặt lên trõng, trước mặt cô. Bà ta rút đôi đũa trong ống tre, lau cẩn thận rồi mới đưa cô. Quế "xin phép quà" tất cả mọi người. Bà hàng và hai người thợ cầy vội đáp: "Không dám ạ". Họ đáp cùng một lúc, sốt sắng và kính cẩn. Quế ăn ngượng nghịu, cô liếc thấy không những lũ trẻ xúm đến nhìn cô, cả hai người thợ cầy cũng ngắm cô chăm chú.

"Cô tân thời, đẹp quá nhỉ!" - Lũ trẻ bảo nhau.

"Chuyện! Ăn trắng mặc trơn mà lại không đẹp. Chứ như bu chúng mày ấy nhá!". Một bà già ngồi phơi nửa mình da cóc, nghiêng mái tóc bạc, tuốt trứng rận ở mảnh áo ánh nâu cười, bảo với lũ trẻ.

Quế ăn xong, bưng bát chè tươi tráng miệng. Mùi ngai ngái của những chiếc lá xanh khiến cô nao nao nhớ lại những buổi chiều

ngày xưa trên mảnh sân rộng rãi lát gạch Bát Tràng của nhà, về vụ gặt, sau những bữa cơm ầm ĩ, cũng có những bát chè tươi vàng nóng thế này, dưới ánh trăng, tiếng đập thóc và tiếng hát của bọn thợ gặt cất vang làng xóm.

- Nước ngon đậm quá! Bà nấu bằng nước sông?

- Thưa bà, sông dạo này cạn, bẩn lắm. Nhà cháu nấu bằng nước giếng, nấu khéo cũng ngon.

Quế trả tiền, đứng lên. Ở sân nhà bên kia, cách quán một bờ rào dâm bụt có tiếng người con gái hát. Không phải câu hát ví von của gái đồng ruộng, mà là bài hát "gửi thư". Cái hơi gió đoạn trường thấm ngay vào lòng cô, như hơi sương giá thấm mái tóc con người cô độc đi trong đêm khuya. Cô vén cành lá, ghé mắt nhìn vào sân. Người con gái mặc chiếc áo lót mình màu hồng đã vá, rách, đang ngồi giặt bên chum nước. Cô nghĩ tới phận mình. Năm sáu năm trời, đã có biết bao nhiêu buổi sáng, buổi chiều, cô cũng ngồi giặt như thế kia, cũng đôi khi buồn miệng thì hát lên vài câu hát thuộc lòng mà cô đã hát vào ban đêm cho người ta nghe. Hai cánh tay yếu đuối giũ vò mớ quần áo nát bẩn vì canh rượu nô đùa, vì cuộc yêu đương ô trọc phần nhiều là uy hiếp. Giặt giũ xong thì mắt cô hoa lên, hâm hấp sốt. Những lúc đó cô chỉ mong được giấc ngủ bù cho đỡ ốm, không thiết gì ăn uống.

- Khổ, ở đây thì ma nó hát ư!

Quế tắt vội ý nghĩ bằng câu nói thầm thì ấy. Cô rẽ ra xa. Người đàn bà bán bún riêu cũng chạy ra, chừng đi đâu nhổ cốt trầu rồi quay lại toe toét cười:

- Ấy, thưa bà, cái nhà tơ này mới dọn được hai tháng nay, cũng có khi có khách liền năm sáu tối. Khách toàn các thầy đề, thầy lại, chánh, phó, lý cả. Cũng có khi ba bốn đêm ngồi ế. Cứ sáng trăng mà vắng khách là các cô ấy mặc quần áo trắng lồm lộp dắt nhau đi nhởn nhơ như ma trơi, trông mà ghê.

Người đàn bà vui tính, hay nói lấy câu chuyện làm quà cho người hàng tỉnh. Nhưng cô không muốn nghe. Cô đi vội ra cỗ xe ngựa chở khách ở dẫy cây bàng cách sân ga một quãng.

Cỗ xe ngựa tồi tàn, thay xe kéo, đã có mấy người đàn bà, đàn ông ngồi giữ chỗ trước. Trên mui xe chất đầy thúng mủng. Xe đi khỏi nhà ga. hình ảnh người con hát gày còm trong góc vườn chuối nhắc cô nghĩ đến bao nhiêu hình ảnh người con hát nữa ở thị thành. Quế sáng nay vừa ở đấy lọt ra, cô những mong giải thoát

linh hồn xác thịt dăm ba ngày. Dăm ba ngày sẽ qua đi rất chóng, cô sẽ phải quay trở lại đời người con hát, sáng tắm rửa giặt giũ, chiều đưa đón, đàn ca.

Nỗi buồn làm ê ẩm lòng Quế, cô quay nhìn ra bên đường. Khách đàn ông, đàn bà chuyện trò ầm ĩ. Vó ngựa giẫm lộp cộp trên mặt đất rắn khô đầy đá vụn. Gió mát lộng cánh đồng lúa xanh mướt, câu chuyện ồn vào về việc ruộng nương buôn bán trong xe làm cho cô khuây dần. Cô cũng góp dăm ba câu chuyện với họ. Niềm vui sống nơi đồng ruộng, quê hương bị mất đi trong thân hình héo tàn vì son phấn chợt trở lại một cách thư thái, hồn nhiên. Cô để ý nhìn người đàn bà ngồi trước mặt. Ở người đàn bà ấy, cô nhận ra cái miệng nhai trầu, giọng nói nhỏ nhẹ giống mẹ mình. Người đàn bà mở khăn tay lấy trầu cau ăn. Bà ta mời một bà bên cạnh, tiện tay mời cả cô. Bà bên cạnh cười bảo:

- Bà ấy răng trắng, ăn gì cái của nợ này!

Quế nhanh nhảu đáp:

- Có ạ, cháu xin cụ một miếng làm phần cho... đẻ cháu.

Cô toan nói là u. Nhưng gọi là u thì quê mùa. "Mình là người tỉnh phải gọi là mẹ hay là đẻ". Cô vẫn nghĩ thế mỗi lần gặp mẹ, hay về quê.

Cô nhặt một miếng trầu, bỏ vào "sắc". Mọi người chú ý ngắm chiếc ví da đen. Miệng ví mở ra, cái khóa mạ kền bóng nhoáng bấm vào nhau kêu "tách" một tiếng làm cho họ lấy làm lạ lắm.

- Bẩm, cụ lớn nhà có khỏe mạnh không? - Người đàn ông xanh xao, rách rưới ngồi ở cuối ghế gãi đầu hỏi. Quế sửng sốt quay sang phía người đó. Bác ta lại gãi tai, cặp cổ con chó vàng ghẻ lở vào giữa hai cái đùi gầy nhô xương - Bẩm bà lớn không biết cháu. Cháu là cu Hĩ, ở xóm Ruối làng bên đấy ạ.

Mặt cô đỏ bừng lên. Năm năm trời, bỏ bình khang lấy lẽ một ông quan già, chửa đẻ hai lần, rồi lại trở về bình khang, cô đã đành coi là một giấc mộng hồng nhan, hồ quên đi thì kẻ kia lại nhắc nhủ cô nhớ đến nỗi chua cay của số kiếp mình giữa một trường hợp bất ngờ, đột ngột.

Quế ngượng nghịu, khẽ đáp:

- Cảm ơn ông... nhà tôi vẫn mạnh.

“Bà phủ đấy”. Người đàn ông ôm chó ghẻ thì thầm với một ông già. Chừng ý anh ta muốn khoe khoang, sĩ diện với mọi người là anh ta quen biết một bà vợ quan. Cũng như những người làng bên, anh ta yên trí cô vẫn là bà phủ như thường. Người làng cô thì đều biết cô đã bỏ chồng, bây giờ đành phận gửi hai con cho bố mẹ ở quê nuôi. Họ còn tin rằng cô mở một cửa hàng thóc gạo ngoài Hà Nội.

“Vâng, cháu nó buôn bán ngoài ấy, nhờ trời phật cũng khá, bận lắm, thỉnh thoảng mới về thăm nhà được”.

Bà mẹ cô thường đáp mọi người như vậy. Duy ông cụ thân sinh ra cô, là nhà nho, chỉ thở dài lặng lẽ.

Từ nãy chiếc xe ngựa đã qua mấy cánh đồng và bao nhiêu quán nước cô độc bên đường vắng ngắt. Quế mong chóng đến nơi. Cô rất lo người đàn ông ôm chó kia gợi đến chuyện chồng con, chuyện “danh giá” của mình ngày cũ, những chuyện đã khiến cô khóc nhiều.

Xe đỗ, Quế đi trên con đường nhỏ vào làng. Làng vào đám. Cửa đình cờ lọng uy nghi. Dân đang tế. Cô qua cửa đình, đầu cúi xuống. Bao nhiêu người cất tiếng chào cô, nhất là những bà, những cô đang xem tế. Ông cụ thân sinh ra cô ngồi trong sân đình với các bô lão trông ra thấy con, vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Bà mẹ cô thì tất tưởi dắt hai cháu chạy ra đón. Quế tay ẵm đứa nhỏ, tay dắt đứa lớn, chào hỏi mọi người, nói với mẹ, nựng hai con.

Về đến cổng nhà, con chó vện sổ ra sủa ầm ĩ. Bà mẹ quát mắng chó. Cô cười bảo mẹ:

- Mẹ đừng mắng nó. Tại lần này nó trông con khác đi chăng, nên nó lạ.

Bà mẹ nín lặng, rồi đáp:

- Ừ, ta trông độ này cô béo đẫy đà ra đấy. Chó lạ là phải.

Quế vừa bước lên thềm vừa nói:

- Nhưng sao con vện gầy ốm thế kia?

Bà cụ lại nín lặng. Một lát, bà mới chép miệng:

- Trời đất này, con tính, ở nhà quê người chẳng có mà ăn, lại còn đi

trách chó gầy.

Quế nghe mẹ nói, rầu mặt lại. Cô nhìn xuống đôi giày mới và chiếc áo lụa màu rượu vang lộng lẫy của mình, cô nghĩ đến những bữa cơm gạo hẩm, cà mặn, rau già ở nhà quê để so sánh với những canh rượu trắng đêm của bọn khách chơi nói tục, uống say, đập phá, ném tiền như rác.

Quế thở dài. Bà mẹ mắng:

- Cái con bé này cứ thấy mặt là thấy thở dài. Không trách, trong tử vi, bố mày bảo còn là khổ.

Nỗi đau xót từ bao lâu đến lúc này cô không còn nén nuốt đi được nữa, cô lăn ra giường nức nở. Bà mẹ nhìn con, chép miệng cúi đầu bước ra sân, xuống bếp. Một lúc, bà lên, đập vào chân con gái:

- Con ngủ đấy à? Dậy ăn cơm. Có xôi thịt lộc thánh ông ấy dặn để phần cho con gái ông ấy đây. Chả báu lắm đấy!

Quế bừng mở mắt, vươn vai, ngồi lên, cười:

- Thế mà con ngủ thật à. Đêm qua thức suốt tới sáng mà.

Hai đứa con xán đến gần mẹ. Cô ôm con vào lòng hôn hít. Bà mẹ ngồi xuống giường, xới cơm cho con ăn:

- Mày là mẹ trẻ con rồi mà vẫn như con trẻ, khóc ngay đấy, cười ngay đấy. Giá mày đi hát chèo thì đóng vai Vân dại được. Ăn đi, rồi tối ra đình. Đón được một phường, thấy bảo là hay lắm.

Quế buông đũa, nhìn ra sân. Bóng nắng chiều đã tắt. Cô mỉm cười nghĩ bụng: "Ừ, anh ấy, một lần, cũng viết thư bảo mình khóc cười như Vân dại".

Đó là Phong, một người đàn ông trẻ tuổi đã thương và yêu cô. Mối tình gặp gỡ trên chiếu rượu, thường như mọi sự gặp gỡ của ái tình. Nhưng có lẽ do nợ nần, duyên nghiệp gì đó nên Quế đã thấy ngay tình che chở, tình đùm bọc lâu bền có thể trông chờ được ở con người này. Anh không nhìn cô như nhìn một con hát. Mỗi lần ngồi trước anh, cô lại nhận thấy ở đáy lòng những tình cảm kính nể, trong đó chứa cả sự phục tòng. Cô đã thú lòng mình. Người đàn ông ít nói, chỉ lặng lẽ dang cánh tay ra đón lấy mái tóc đen ngả xuống, và chỉ im lặng "nghe" những giọt lệ rơi trên má cô.

Quế đang nghĩ miên man, ngoài ngõ lao xao tiếng người cười nói.

Mấy người bước vào sân, thì ra mấy cô bạn ngày nhỏ của Quế. Bây giờ họ đã có chồng, có con. Cô nào cũng làm ra đứng đắn, ăn mặc thì già nua, sồ sề.

- Bà đã về đấy ư?

Một cô khác nói:

- Ăn cơm ngoài tỉnh quen, về quê gạo thế kia nuốt sao được.

Họ nói thực tình chứ không có ý gì. Nhưng cô tưởng đó là những câu mỉa mai. Cô đáp:

- Các chị đến hay! Bọn đánh chắt với nhau cả mà sao bây giờ các chị cứ gọi em là bà. Em ít tuổi hơn các chị. Gọi thế còn gì là thân tình nữa.

Sự thực thì cô cũng biết họ kính nể cái danh "bà lớn" của cô, tuy đã hai năm nay cô bỏ chồng. Cho nên sự tôn trọng kia càng thêm gợi tủi hờn cho cô và càng bắt cô đau đớn cái oan nghiệp hiện giờ. Quế đứng lên. Các cô bạn vui vẻ kéo nhau ra ngõ, họ đến rủ cô đi xem chèo. Tiếng guốc dép khua lẹp kẹp, tiếng cười nói nô đùa của các cô gái vang ngoài ngõ tre.

Quế đứng lặng giữa sân, lẩm bẩm:

- Ấy, thà rằng cục mịch nhà quê. Các chị ấy như thế là yên phận. Có chị tốt số đã được nhà chồng có trâu cày ruộng cấy. Có chị đã gây nên cơ nghiệp, ruộng cá ao liền. Cũng có chị gặt thuê, cấy mướn, nhưng thôi thì cũng lần hồi đủ áo mặc cơm ăn cho chồng cho con. Còn mình thì... lênh đênh đâu nữa vẫn là lênh đênh, chả ra làm sao cả!

Cô chạnh thương phận, nấc lên khóc. Bà mẹ đã dắt hai cháu đi nhờ người đến trèo cau trẩy một buồng cho cô con gái chốc nữa ra chùa lễ.

Cô đứng khóc một mình giữa sân. Bóng trăng non mờ xanh giãi tà tà trên nền sân gạch. Một lần nữa, trong cái vắng lặng, thấy mình chơ vơ, cô lại vụt nghĩ đến ngày xưa, ruộng đất còn nhiều, đã có những tối sáng trăng về vụ gặt, trên khu sân rộng rãi này ngát mùi cơm mới, vang lên tiếng đập lúa, tiếng hát ví lẳng lơ của phường trai gái gặt thuê. Bây giờ sa sút đi rồi, ruộng đất về tay kẻ khác. Bố mẹ thì già. Cô thì không chồng mà vẫn đèo bồng hai con. Thân tàn đi, tuổi lên mãi, cô chưa biết rồi mai sau ra thế nào.

“Anh Phong ơi!”.

Người kỹ nữ xót xa ngửa mặt ngước nhìn ngôi sao Hôm mọc bơ vơ giữa vùng trời cao rộng. Cô nghĩ đến hình bóng đôi cánh tay ai giơ lên trong ánh trăng lạnh đêm xuân.

Người đàn ông trẻ tuổi buổi chiều nay cũng đi với Quế một chuyến tàu. Mỗi người xuống một ga. Cảnh chia tay trên đường trường lần thứ nhất đã khiến cô lo sợ ngày biệt ly. Vẫn đã biết “Ca trường nào thiếu biệt ly”. Cô trải biệt ly nhiều rồi. Nhưng lần này, tạm chia tay người đàn ông trẻ tuổi kia trong cuộc đồng hành, cô thấy lòng muốn khóc, tưởng như là chia tay trọn kiếp. Cô tưởng tượng giờ này người ấy cũng đang đứng một mình giữa cái trại mênh mông ở quê nhà, và có lẽ người ấy cũng nhìn sao để nghĩ đến mình. Cô nhớ, một lần người đàn ông ấy đã ngỏ lòng mình trong một phút rung động nhất: “Đêm kia, ở trại, anh đã ngủ dưới một tà áo xanh”. Cô không hiểu. Nhưng rồi cô cũng hiểu được rằng: anh ấy nằm dưới một vòm trời đêm xanh, mà nghĩ rằng nằm dưới tà áo xanh của cô. Thâm tình đó khiến cô kiêu hãnh với chính mình, nhưng càng khiến cô phải khóc thêm nhiều.

Bà mẹ đã nhờ được người về bẻ cau. Bà vui vẻ giục con rửa mặt để ra đình.

Quế dắt con, cùng mẹ ra ngoài xóm. Trong đình, phường chèo đã khua trống mõ giáo đầu.

Cô bước vào đình. Ai cũng ngoảnh ra nhìn người đàn bà tỉnh thành sang trọng, xinh đẹp, nhất là người đàn bà ấy đã là một bà quan. Cô cúi chào các cụ. Các cụ bèn truyền cho phường hát tạm im trống mõ. Cô đưa ông thủ từ cái khay đồ lễ, kèm ba đồng bạc giấy mới. Ông từ mời cô vào lễ. Một hồi chuông trong cung thánh vang lên. Không khí u tịch. Lễ xong, các cụ sai “giai hóa” mời “bà phủ” ngồi lên chiếu hoa nghe hát.

Quế cáo mệt xin về. Sau lưng, cô nghe thấy người ta xì xào khen mình trẻ đẹp. Họ bàn với nhau “Bà ấy buôn bán chắc phát tài lắm. Người cứ mỗi ngày thêm béo trắng ra”.

Ra khỏi chỗ ồn ào, cô thấy dễ chịu. Vẻ trang nghiêm mà người ta đã tạo nên vì cái sự “lễ thánh” và chính cũng vì cái “danh giá không còn nữa” của mình khiến cô hổ thẹn và khó chịu.

Bà mẹ giữ cháu ở lại xem hát. Một mình Quế ra khỏi đình, đi về xóm.

Ánh trăng trắng các ao bèo và loáng trên những cành tre.

Về đến nhà, cô thấy ông khóa đang buông màn ở cái giường vẫn dành riêng cho cô những khi về đình đám hay giỗ Tết. Ông quạt muỗn gài màn cẩn thận rồi bảo con, giọng nghiêm mà nhân hậu:

- Thôi con đi mà nghỉ. Đi xa về mệt.

Ông chỉ nói vậy thôi, rồi lẳng lặng ngồi bên đèn, mở sách xem. Quế biết tính cha vẫn thế. Từ ngày cô lạc vào chốn yên hoa, rồi thì cuộc đời chìm nổi bao lần, ông chỉ nghiến răng, vuốt bụng thở dài. Ông không mắng, không han hỏi, cũng không bao giờ nhìn dung nhan con gái. Do thế, cô càng kính sợ cha, kính sợ để thương xót thêm nhiều.

Quế lẻn ra ngoài thềm, ngồi phệt xuống dựa lưng vào thân cột. Cô nhìn bóng ông khóa in lên vách, câm lặng như một tượng hình khổ hạnh nghìn đời, cô nhắm mắt lại, mơ trong ánh trăng đôi mắt chiêu đăm và nghiêm nghị của người đàn ông trẻ tuổi chắc đêm nay cũng ngồi câm lặng như cha mình.

Tiếng trống chèo ở ngoài đình đưa văng vẳng vào trong xóm, tiếng tù và rúc xa ngoài cánh đồng.

Ông khóa, không ngẩng lên, khẽ gọi:

- Quế vào thầy bảo.

Cô rón rén bước vào.

Ông nạp mồi thuốc lào vào điếu, hút. Giọng ông thấp xuống như những khi tàn canh rượu, một mình thủ thỉ với sách đèn.

- Số con đào hoa thủ mệnh. Bấy lâu tình duyên lênh đênh, âu chẳng qua số mệnh. Nhưng tới hạn năm nay khá, Thiên khôi, Thiên việt, quý nhân tới, Đào, hồng, hỷ hội ở cung phu, chiếu vào cung mệnh. Tất năm nay con gặp được người tử tế.

Quế đỏ mặt cúi đầu, tay mân mê vạt áo. Dáng điệu thẹn thò như cô gái đào tơ lần đầu nghe đến chuyện lương duyên.

Một lát, cô ngẩng nhìn ra sân. Cô có cảm tưởng ánh trăng xanh hơn ban nãy.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 458/1943

Người bắt rắn

Anh Hai Phiên vừa đến miếu Linh thì không còn gối mà đi. Con đường trước mặt, nắng vàng như nghệ, dài xa ngun ngút. Mấy ngọn tháp ở cửa chùa làng anh thu nhỏ lại bằng hai cái chấm. Cây muỗm cổ thụ rải bóng râm xuống cả một vùng cỏ non sau miến. Lá cây lao xao. Con tu hú ở đâu đến đậu, kêu như nhỏ máu, tiếc thương mùa vải chín đã tàn.

Phiên ngả lưng nằm xuống cỏ, đầu gối lên trên chiếc đòn ống, chân duỗi dài như xác chết. Anh thấy xương thịt dãn ra, dễ chịu, tuy rằng bụng đói, đói đến tê lịm, đói đến mức anh không còn nhớ rằng anh cũng có cái dạ dày, bộ ruột, giống như của con bò, con lợn mà anh đã mân mê những khi đi làm giúp các ông nhà giàu có ma chay, hay cỗ cưới.

Ờ, dạo này làm sao mà người ta không ai chết, cũng chẳng ai chịu lấy nhau đi, cho có tiếng dao thớt khua lên để cái thằng nghèo như anh chạy đến mà gãi đầu xin làm giúp - anh không muốn nghĩ là "hầu hạ" - ấy thế, cả vùng này đều biết cái tiếng Hai Phiên là tay đồ tể giỏi. Trâu bò không cần buộc kỹ, chỉ một nhát búa điểm chính giữa huyệt là phục vị. Huống chi giết một con heo thì có nghĩa lý gì. Đã tài thế, hai Phiên lại còn tài đến cả việc cỗ bàn, nấu khéo mà nhanh như cắt. Cho nên, sau những bữa cỗ linh đình, anh Hai Phiên lại về làng với bộ áo quần rách thêm và dầy thêm lớp mỡ, tay xách một vài miếng thịt nhà chủ cho gọi là đem phần về cho mẹ đĩ. Nhưng Phiên không có vợ. Anh sống độc thân, làm bạn láng giềng với vợ chồng thằng mõ.

Phiên hấp háy con mắt, một con mắt thôi: anh chột! - nghĩ lơ mơ đến những ngày no cơm ấm cật, những ngày trâu bò của thiên hạ lăn ra chết như ruồi dưới tay anh. Thế mà bây giờ anh không còn là cái gã một thời oanh liệt đó. Bây giờ anh ốm đau, đói khát, lại thêm mất một con mắt vì rắn mổ.

Chính một con rắn trong miếu Linh này đã hại anh. Tai nạn vừa xảy ra ba tháng trước. Đói, anh xoay nghề đi bắt rắn. Về nghề này anh cũng có tài. Anh bắt rắn như trẻ con bắt dế mèn cho chọi nhau, hay bắt giun đất làm mồi câu cá vậy. Cạp nong, rắn dáo, hổ mang, hổ lửa, anh chơi đùa với chúng, anh lần mò xuống các rìa sông, ngoáy cả cánh tay vào hang vào hốc. Chiều tối, quảy cái giỏ lớn về làng, trẻ đổ ra xem. Anh ngồi nghỉ chân bên bờ giếng, lên giọng màn tuồng cho lũ trẻ nghe. Lũ trẻ, đứa bạo mới dám xán lại gần. Đứa nhát phải đứng xa mà ngấp nghé nhìn cái giỏ hổ mang, hổ lửa. Màn tuồng sinh cao hứng, anh thò tay vào giỏ bắt một chú ra. Chú nào chịu hàng phục nằm cuộn khoanh trong giỏ tất đã bị anh lấy nọc rồi, nên lũ trẻ thấy anh vừa hát vừa cuốn cả một con rắn vào cổ như chiếc "phu la" sặc sỡ, thì hết thảy reo lên và trố mắt kinh phục ghê gớm lắm. Nghề ấy đủ nuôi anh sống. Anh đem rắn lên phố phủ bán cho chú A-Kiềng, chú khách này, nguyên xưa bán thuốc ê, đi rong khắp cả vùng đây. Thế mà rồi không biết làm sao, một ngày kia, phố phủ bỗng mọc lên một ngôi nhà gạch, một cái cửa hàng tạp hóa khá to, trong quầy, chú khách thuốc ê ngồi lẫm liệt. Chú lấy cô vợ An Nam. Cô ả này cạo răng đen đi, điểm hai chiếc răng vàng vào, tóc bôi dầu bóng nhẫy, mặt cạo và vẽ mày trơ trẽn. Đôi vợ chồng buôn bán phát tài, cứ béo mãi ra, bành trướng rất nhanh như trẻ con thổi bong bóng lợn. Cả dân phố phủ nể vì Lính phủ ra vào nhà chú lễ phép. Cụ lớn cũng đôi khi ghé vào chơi, uống với chú một cốc bia và cũng đôi khi giật lửa chú... để ra tỉnh giải trí.

Ông chủ A-Kiềng mua rắn của Hai Phiên. Bao nhiêu rắn cũng mua, không cần gì cả! Ông chủ cho bếp nấu với các vị thuốc bổ, gọi là món "tam sà đại hội"; xương dùng nấu cao gọi là "tam sà hổ cốt". Ông chủ tẩm bổ cho béo thế kia để được nổi bật hình hài lên giữa cái lũ dân gầy đét, xanh như rau muống.

Hai Phiên, nhờ vậy, đã có miếng ăn một dạo. Món nợ vợ chồng thằng mõ, Phiên trả đã xong. Lại có dư đồng tiền cho cụ Tiên vay mua lợn.

Thế nhưng nghề đã hại người. Một buổi kia, sau một hồi đi rạc chân mà không tìm thấy cái lỗ rắn nào, Phiên lần mò vào Miếu Linh, giở cơm nắm ra ăn và định làm một giấc ngủ trưa. Anh đang ăn bỗng thấy bức màn the trên điện như lay động. Anh nghe ngóng và đánh hơi mũi. "Đích thị!" Anh chưa kịp giơ tay, một con mắt anh đã bị lòi bắn ra ngoài. Anh giơ tay hứng lấy một con ngươi đầm đìa máu. Thoáng lúc ấy một con rắn to bằng bắp vế nhoài lên tường, lên mái, biến đi đâu mất. Những chiếc nón giấy các mầu xanh đỏ, sau đó còn rung động. Phiên đứng lịm đi vì đau,

vì sợ nữa.

Một lát định thần lại, Phiên nhìn quanh, rồi lại như điên cuồng, anh ta bỏ ngay con mắt đẫm máu vào mồm nuốt chửng. Rồi đó, anh ra khỏi miếu chạy tuột về nhà. Anh bị ốm. Thằng mõ lên ngay phố phủ kể sự tình với chú A Kiềng, xin thuốc. Chú cho mấy chiếc lá, mõ đem về nhai, rịt vào chỗ đau. Chỗ đau lành vết. Nhưng bệnh sốt của Phiên lại tăng lên. Hắn rạc đi, chỉ còn làn da bọc. Trong cái túi da bọc ấy, dù là sốt mê man, Phiên cũng nhớ còn có một con mắt đầm đìa máu chưa tiêu đi được, chưa tan đi được, giục hắn phải báo thù. Hắn nuôi cái chí đó. Hắn cố nhấc đầu lên, mà không được. Chí báo thù rồi cũng mất vội trước khi con mắt tiêu trong bụng. Một đêm, cơn bệnh lên, tinh thần tỉnh táo như thường, anh đã mê thấy một vị thần, đẹp như pho tượng Quan, hiện đến đầu giường, quở anh về cái tội dám phạm vào nơi cung điện và ngài cấm anh không được đi bắt rắn nữa.

Tỉnh dậy, Phiên sợ toát mồ hôi, khỏi ốm. Anh ra ngay chợ mua vàng hương về miếu lễ. Từ đấy, anh đâm ra mê tín, thành thật mà mê tín, hơn một bà đồng. Anh nghe lời thần mộng, bỏ nghề bắt rắn.

Phiên còn đủ trí khôn mà nghĩ như vậy để làm một tên lương dân. Cho nên ít lâu ngày, người ta thấy anh ta ngày ngày vác chiếc đòn ống ra ga đón những chuyến tàu.

Chuyến tàu nào đỗ ga này cũng có nhiều hành khách xuống. Đó là những kẻ giàu sang tột bực ở các nơi thành thị, bồng bế nhau về quê mà... "Tránh nắng cầu rợp", mà ăn dưng ngồi rồi, tổ chức những cuộc nói khoác, đánh bạc, nói xấu những kẻ vắng mặt.

- Khiếp quá. Đời kiếp nào mà cả chợ hễ thò ra mớ cá, miếng thịt nào ngon là hết biến ngay đi mất. Gạo lên một đồng bốn ống, phen này chỉ chết thằng rách khố mà thôi!

Anh Hai Phiên đang hấp háy con mắt lắng nghe con tu hú kêu như nhỏ máu, và cũng lúc ấy, anh đang bóp bụng đói nằm há miệng nhỏ dãi thèm những trái muỗm còn xanh non bấm lắt lẻo trên cành cây, thì tiếng chân bước huỳnh huỵch trên đường bụi, và những tiếng nói chuyện léo séo của bọn đàn bà gồng gánh về chợ kia khiến anh ngồi nhổm dậy.

Đầu anh choáng váng. Mắt anh muốn nhức, như trông thấy hoa cà hoa cải nhảy nhót trong ánh nắng ngùn ngụt cháy trên cánh đồng nứt nẻ bao la.

Một bà già đổi đòn gánh qua vai, xóc mạnh thúng, làm rơi xuống đường một gói bọc lá chuối khô. Phiên gọi bà cụ. Nhưng tiếng anh thoi thóp, bà già đang mải vui chuyện với các bà kia, không nghe thấy. Bụi cát lầm ở quãng đường xa rồi, anh mới đứng lên nhặt gói lá. Lại ngồi xuống cỏ, anh mở ra xem: bún, đậu phụ và một túm lá bọc mắm tôm chanh ớt. Nước dãi vội ứ ra đầy miệng, tay anh run lật bật bẻ miếng đậu, gỡ miếng bún, chấm vào mắm tôm chanh ớt. Anh lắng nghe ruột gan anh nở ra, mát rười rượi vì miếng bún rẻo quánh, bìa đậu béo bùi. Ăn rồi, Phiên đứng dậy. Anh lại lao đầu đi vào trong nắng chói ngùn ngụt như sắp đốt cả thịt xương anh.

- Đi về! Ta đi về!

Trước mắt anh hiện ra cái túp gianh khốn khổ bám sát vào mặt đất. Gần đó, tòa nhà ngói mái đỏ như son của cụ Tiên chỉ cao ngất ngất, cây cối bao bọc um tùm.

- Lão già, lão già độc địa, món tiền mình cho nó vay mua lợn. Bây giờ mình đói, mình đói, nó quỵt. Mà lợn của nó đã đẻ được một đàn, một lũ...

Con mắt Phiên chớp chớp, đầu rướn cao lên, hai bàn tay nhoai ra quều quào như bóp một cái gì. Không. Trên đầu anh là trời xanh vời vợi, dĩ nhiên là chẳng có gì! Còn trước mặt anh, chung quanh anh, không, không có cái gì hết, anh không trông thấy gì hết!

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy* số 476/1943

Một tâm hồn trong đêm tối

Kỳ bước chậm, lơ đãng nghe tiếng lá rì rào bên Hồ Gươm. Gió lạnh, mưa chìm chìm thấm vào bóng tối. Người thanh niên ngẩng nhìn cánh lá vàng bay chập chờn như cánh bướm dưới ánh sáng ngọn đèn yếu đục rọi xuống mặt đường loáng ướt. Kỳ cho tay vào túi quần. Trong túi còn sót hột lạc rang, anh đưa lên miệng. Hạt lạc thối, Kỳ nhổ xuống cỏ, nhăn mặt. Anh móc túi lôi cái đồng hồ Oméga cổ lỗ rồi dừng chân bên một cột đèn. Chín giờ mười lăm rồi. Anh lại rảo bước. Đường phố vắng tanh. Có tiếng xe đạp lăn xào xạo sau lưng Kỳ. Mấy chiếc xe đạp vượt lên. Người cưỡi xe sau lưng đeo súng, ngoảnh nhìn vào mặt Kỳ, nhưng vẫn đạp. Anh thấy khó chịu trước những con mắt nhìn anh một cách quái gở kia. Và Kỳ càng thấy khó chịu vì đôi giày săng đá của mình. Đôi giày chạy loạn đã phủ bao nhiêu bụi đỏ đất rừng, giờ phút này đôi giày giang hồ mưa gió của anh lại gõ bên Hồ Gươm mà các thi sĩ bảo mặt nước lúc nào cũng nghiêm như giận.

Kỳ đi hẳn ở giữa đường. "Cứ đi ở giữa đường thì đội xếp nhà binh họ không hỏi, chứ đi nép ở rìa đường là gian phi, đạo tặc, là bào bóp". Chàng thanh niên nghĩ vậy. Anh cố bước nhẹ chân cho tiếng giày săng đá khỏi gõ lên như ban nãy. Anh thấy mấy con chuột chạy ra gốc cây để rồi sợ sệt chui biến vào bóng tối. Bao nhiêu chuột, chúng ở lỗ cống, ở vỉa đường, ở những miếng đất bỏ hoang cỏ mọc, ở những đống gạch đổ có những chiếc xe hơi gỉ nát nằm tiếc thời oanh liệt, có những chiếc két sắt vỡ bụng, vỡ đầu nằm tênh hênh ăn vạ với nắng mưa.

Kỳ tẩn mẩn đứng sau một khe tường đổ, nhìn những con chuột mập béo nhởn nhơ chơi bóng tối. Có con đuổi theo chiếc lá một cách rất đa tình. Có con trèo lên cái bánh ô tô để rúc lên như một nhà phú hộ cười nghiêng ngả với người yêu một buổi chiều hè lái xe mát quanh Hồ Hoàn Kiếm. Có con chui vào két sắt cắn nhau chi chí, như là những mụ chợ đen thấy cần phải chửi nhau lúc chia

tiền bóp cổ.

- Ê, đứng làm gì đấy, hả?

Kỳ giật nảy mình, ngoảnh lại. Hai gã cảnh sát đã đứng sau anh. Ánh sáng đèn pin rọi vào mặt Kỳ, tựa ngọn đèn nhà thiện xạ chiếu vào con thú rừng. Như cái máy, Kỳ giơ hai tay lên. Hai bàn tay nhanh nhẹn và quả quyết sờ nắn khắp túi quần, túi áo Kỳ. Trong người anh không có gì lạ cả, chỉ có một hột lạc thối anh ta đã nhổ xuống đường từ lúc nãy. Anh đưa họ xem giấy thông hành. Người kia nhìn anh một lượt nữa, từ mái tóc bù xuống đến đôi giày săng đá cũ rồi trèo xe đạp, lầu nhầu:

- Thế, đứng đây làm gì, hả?

Kỳ đáp ngây ngô:

- Tôi xem chuột!

- Xem chuột! Dễ bố này điên!

Họ đạp xe đi, và cười với nhau trong mưa gió.

Kỳ lại rảo bước giữa đường và chỉ tránh lên hè mỗi khi có xe ô tô nhà binh vút tới. Đường càng vắng. Mưa xuống mau hơn. Ánh đèn từ những khe cửa hở, hoặc ở những cánh cửa sổ các căn gác rụt rè chiếu ra ngoài trời tối. Thành phố về khuya có cái vẻ một bệnh nhân thức ngủ chập chờn, sợ hãi.

* * *

Kỳ cắm đầu đi. Anh hoa mắt vì mệt, vì đói.

Đã đến phố Bờ Sông. Kỳ đứng trước căn nhà gác ở đầu một ngõ cụt. Căn nhà hẹp dựng đứng như chiếc quan tài sơn đỏ. Anh thuê trên gác. Vợ chồng chú khách bán lạc phá sa thuê nhà dưới. Chú khách nghiện thuốc phiện, nhờ vậy, Kỳ mới gõ một tiếng, vợ chú đã mở cửa ngay. Nhà không có điện. Ngọn đèn dầu lạc bị giữ kín sau tấm phên ngăn buồng hút, không để lọt một tí ánh sáng ra bên ngoài. Kỳ dò dẫm bước cho khỏi va chạm vào giường màn, nồi niêu, nhất là chậu đái, ống nhổ bày ngổn ngang trong gian nhà rộng không hơn lá chiếu. Kỳ lại dò dẫm leo chiếc thang tre mà ngày đầu tiên thuê anh đã phải xuống bãi sông mua để thay thang gỗ bị người ta đốt. Chiếc thang cót két trĩu dưới đế giày săng đá. Anh leo trèo đã quen, như một người rừng leo thang nhà chòi.

Mấy tháng trước vợ anh đã từ lưng chừng thang trượt chân ngã ngồi xuống đất, khi chị có mang ba tháng! Kỳ hết cả hồn vía. Chị bị sẩy, ốm đủ ba tháng. Anh đến chủ nhà xin họ làm thang gỗ. Người ta bảo cho anh biết chỉ có thế thôi, không ở thì đi chỗ khác. Từ đấy, mỗi lần nhìn vợ leo thang, Kỳ lại buồn đứt ruột. Chị bò khó nhọc như con cóc leo tường. Thành ra, Kỳ phải làm thay vợ. Anh xách nước lên gác, tắm giặt cho con, và ngày hai buổi xách vài thúng rau dưa hay trứng vịt, cá khô của vợ anh buôn đem ra chợ bán. Nhưng độ này, Kỳ không phải đem hàng của vợ lên gác hay xuống gác nữa. Bao nhiêu dấn vốn đã chui vào ô kéo các thầy lang hết, sau ba tháng liền chị vợ ốm vì sẩy; rồi đó, thằng con anh lại mắc đậu mùa. Bệnh khỏi thì thằng bé chột một mắt, và mặt nó trông như chiếc kẹo vừng.

Kỳ lên khỏi cầu thang, vẫn phải rón rén như ban nãy anh đi ngoài đường. Anh đi rón rén ngoài đường vì không muốn mấy gã cảnh sát nhìn vào tận mặt. Về đến nhà rồi anh cũng phải nhè nhẹ bước kẻo chú khách ở dưới nhà ngóc đầu lên mà chửi vài câu bằng thứ tiếng anh không hiểu nổi.

Nhà Kỳ không có lửa, cái đó không làm anh bực bội. Anh đã quen bóng tối của gian gác chật chội này. Nhưng thực thì nhà anh có tối đâu. Chỉ cần đẩy cánh cửa sổ ra là ánh đèn điện của tòa gác lộng lẫy bên kia hàng xóm chiếu sang ngay. Nhờ vậy, đã mười tháng nay Kỳ chưa phải phàn nàn về đèn lửa nhà mình ngoài nỗi chán đời vì túng thiếu, vợ đau, con ốm.

- Sao, cơm phần tôi đâu?

Người vợ ngóc đầu lên:

- Tôi ngỡ nhà đến chơi bác Phán, thế nào chả ăn cơm thết.

Kỳ sầm mặt lại. Nhưng anh không mắng vợ, anh không nỡ làm khổ người đàn bà đau ốm lúc này. Kỳ sực nhớ đến cái mặt người anh vợ ban chiều anh đến thăm. “Nhà chịu khó đến chơi bác ấy, rồi liệu nhờ bác ấy xin việc làm cho. Nhân tiện hôm nay cuối tháng, vay bác vài trăm bạc đong gạo cho con ăn. Bữa cơm bữa cháo, con nó chịu sao được mãi!”. Kỳ đã thương con, thương vợ mà đến chơi “bác Phán”. Nhưng cái mặt choắt chéo của ông anh vợ đã làm Kỳ ghê tởm. Anh đứng dậy đi ngay, đi thật nhanh để khỏi nghe vợ chồng “bác Phán” kêu túng quẫn với số lương bảy nghìn đồng mỗi tháng đem về thả lãi và đầu cơ vải, sợi.

- Thế, bác Phán bảo sao?

Kỳ không trả lời, đứng tựa đầu vào cửa sổ. Anh thấy cơn đói ngấm nghía khắp thịt xương, rã rời và yếu đuối như lên cơn sốt.

Ở cửa sổ nhà bên kia, ánh sáng ngọn đèn trăm nến rãi chan hòa trong căn gác tường quét xanh, kẻ hoa và vẽ chim nhạn, chim én bay quanh những chiếc thuyền tình. Sập gụ, tủ chè, hoành phi câu đối, và cái giá lộ bộ trên đó có đủ cả ngọn bát sà mâu của ông Trương Phi, có cả cây nguyệt đao của đức Quan Vân Trường mà quan Đốc chủ nhân đã treo ảnh ngài lên trên ảnh ông cụ thân sinh quan Đốc.

Tiếng nói cười lẫn tiếng dương cầm và tiếng ca cải cách của ba tiểu thư, hai công tử con quan Đốc ran ran lên, đưa sang tai Kỳ.

- Khá! Con Oanh Oanh ca bài này khá lắm. Để rồi tao bảo anh ấy - chàng của tao ấy mà - giới thiệu mày hát radio, cho thiên hạ khiếp.

- Ơ! Nếu chàng của chị cừ thế thì còn chờ gì không đem nốt thằng Xuân vào ban nhạc cho nó trổ tài ba.

Cứ thế câu chuyện của ba tiểu thư, hai công tử, ngày này qua ngày khác, tối này đến tối kia, theo ánh sáng đèn bay sang cái lỗ chuột nhắt này để xoáy vào tai Kỳ, làm Kỳ khổ sở nhưng rồi anh cũng quen đi như là anh đã quen với tất cả cuộc đời bộn bề, gai góc hiện giờ.

- Cháo gà ngon lắm, các cô, các cậu ra chén rồi hãy đàn hãy hát.

Ông Đốc bệ vệ, vui vẻ ngồi vào bàn ăn trải khăn trắng nõn. Trước mặt ông là hai con gà vàng mỡ và hai liễn cháo bốc khói ngun ngút.

Các cô chiêu cậu ấm lũ lượt chạy ra bá cổ ôm đầu bố, rồi đứng xé gà, húp cháo, ném xương vào mặt nhau. Ông Đốc chỉ cười, bởi vì ông chỉ cầu cho con ông khôn lớn như thế này để rồi mai kia ông có con rể con dâu, trong khi ông vẫn còn nguyên hai chục nóc nhà, và vàng bạc kim cương chôn trong vườn hoa có thần tài giữ, không mất đi đâu một tí.

Mắt Kỳ mờ đi, miệng anh hé ra khô bỏng. Đầu anh vẫn tựa vào khung cửa sổ. Cơn đói cào cấu ruột gan, Kỳ mệt nhọc, nhắm nghiền mắt lại.

Kỳ mang máng nhớ đến những ngày nào lưu lạc vì chiến sự, vợ chồng dắt nhau lên mãi tận rừng xanh. Kỳ đã nón tơi áo lá, quần manh áo mảnh hàng ngày đeo bị đi hàng mấy chục cây số chợ xa

để kiếm ăn. Chị vợ thì dọn quán bán hàng, yên phận với nồi riêu cua, rổ bún, cóng nước chè tươi, chào đón khách.

Đầu Kỳ gục xuống.

Gió mạnh thổi rơi mảnh giấy cứng che lỗ tường ai đục trông ra đường.

Ngoài kia, ngọn đèn điện chao đi, chao lại theo chiều gió. Cầu sông Cái mịt mờ trong mưa đêm. Kỳ nao nao nghĩ đến nơi xa kia, bên dòng con sông lạnh, những cánh đồng xanh bát ngát, bóng núi Ba Vì vươn dài ra hùng mạnh như cánh đại bàng sắp vút lên trời cao. Chao ôi, đã có biết bao nhiêu sáng, bao nhiêu chiều, Kỳ buồn não co ro đứng trong căn gác chật hẹp, tối tăm này để nhìn màu xanh xanh của cánh đồng xa rộng, màu tim tím của rặng núi phất phơ mây trắng, đẹp như những chí lớn hải hồ.

Đầu Kỳ gục xuống, gục mãi xuống. Nước mắt từng giọt rơi xuống má. Con muỗi đói vo ve bên tai, người thanh niên ốm yếu không buồn xua đuổi muỗi.

Tiếng cười và tiếng đàn ca ở gác bên kia lại vẳng sang, Kỳ cố đưa tay khép mạnh hai cánh cửa. Tiếng thở nặng nề. Kỳ chìm ngợp trong đêm tối, một mình.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy,* số 3/1949.
In lại trong *Cô gái làng Sơn Hạ,* NXB Văn học, H., 1989

Ông Kễnh

Đây là một cái tỉnh xép quạnh hiu ở miền đồng chua nước mặn. Một hai dãy phố vắng teo nằm lành hiền cùng năm tháng dưới chân ngọn núi trên có bức tường thành bằng đá xây từ thời xưa. Mươi nóc nhà gạch thấp bé như nhà lá đứng rúm ró trên mảnh đất um tùm cây cỏ, xuôi dốc xuống bờ con sông rộng quanh năm gió to sóng lớn ăn ra biển. Dân số ở đây chừng hơn một trăm. Họ truyền đời sống nghề chài lưới và buôn bán trên sông. Những chiếc thuyền to đậu xúm xít ở một khúc sông cong khuất gió, những ngày nghỉ họ phơi buồm, vá lại sạp thuyền, rồi lại ra đi các ngả sông sóng trắng ngút trời. Họ chở đá, than, vôi cát, nước mắm đến Hải Phòng, Quảng Yên, Hồng Gai, Móng Cái, đi không mỏi mệt, chỉ dừng lại ngày giông bão, cánh buồm rộng lớn phồng nắng gió quanh năm.

Trong khi ấy, có một con thuyền nghề đã từ sáu bảy năm nay buồm xơ, chèo gẫy, nằm mục nát trên bờ hẻo lánh cát lở dần theo sóng nước. Người thủy thủ già, ông Kễnh, chưa chịu bán con thuyền nát đó cho ai hết, mặc dầu ông đã yếu già, đã mù hai mắt, rất đỗi túng nghèo.

Ngôi nhà gạch cũ ở giáp bến sông. Ngày ngày, ông Kễnh ngồi trong cửa sổ nghe gió từng cơn rít ngoài bến nước, nhớ rất nhiều đến những ngày ngang dọc hải hồ. Những ngày xưa, trong chiếc thuyền nát níu buộc một cách tội tù vào bến gió mưa kia, ông Kễnh đã từng họp mặt với bao nhiêu khách sông hồ hảo hán. Cho đến bây giờ, trên mi mắt đã khép chặt, sự đời còn luôn gợn những đám mây vàng soi lung linh xuống con sông đầy nắng.

* * *

Một chiều, có mấy chiếc thuyền dong buồm từ phía chân mây lướt tới, ghé vội mũi vào cạnh thuyền ông Kễnh rồi những tay anh chị nhảy tót sang. Họ xúm quanh ông Kễnh để thì thầm mật sự, trong

khi người thủy thủ đàn anh điềm tĩnh ngồi nghe.

Người con gái ông Kễnh không chờ cha ra hiệu, đã quen lệ thường đãi khách phương xa vẫn tới nhà, cô lẳng lặng ra đầu thuyền đun nước rồi bưng bộ khay chén Tàu cổ bày ra giữa chiếu hoa. Tuần trà vừa mới bắt đầu, cô gái ngoan đã nhanh nhẹn bước qua cầu thuyền lên trên nhà sửa soạn làm cơm khách. Bầy dê đang ăn cỏ xanh non trên núi thiếu ngay mất một con. Cô gái bắt trọn con béo giữa đàn, dễ như bắt con gà trong bu. Cô mổ dê, rồi nấu nướng, cũng dễ dàng, mau chóng như người ta làm thịt con gà, con vịt khi khách đến chơi nhà.

Quanh mâm rượu trên bến vắng bọn giang hồ nâng chén, cười ngả nghiêng. Những cánh buồm cao ngất và căng rộng cọ xát vào nhau ôm hướng gió lồng lộng từ biển thổi về làm đu đưa những mũi thuyền trên sóng lớn.

Người con gái khép nép đứng ngoài mũi thuyền hầu rượu khách, nhìn những cánh buồm oanh liệt, sực nhớ đến những mẩu chuyện cha mình đã kể những ngày gian nan vật nhau với sóng ở cửa bể Tuần Vương, ở phá Tam Giang, ở bến rừng Tam Bạc.

Trong thuyền, Cả Tính - người mà chư hữu gọi đùa là "con chó bể" - cạn chén mà rằng:

- Chuyến này phi tay nguyên soái Kễnh, việc lớn sẽ thành không mất. Lão huynh lại đi giúp anh em một chuyến.

Ông Kễnh vuốt hàng râu mép cười, nhìn ra bóng tối buông ngoài sông. Anh Hai Sẹo - mệnh danh là Hứa Chử, có tài đỡ tên, bắn nỏ - đặt chén xuống thành mâm:

- Xin lão huynh vì danh dự cả phường mà dong buồm đi chuyến nữa rồi về ăn Tết là vừa. Năm nay, bọn đàn em sẽ xin họp hội thuyền ở bến này uống rượu xuân với lão huynh.

Ông Kễnh vẫn trầm ngâm, rót rượu đầy chén khách, chưa nói gì. Cô gái ở đầu thuyền đấm mạnh hai bàn tay vào nhau, môi mím lại, mắt long lanh sáng. Cô hồi hộp chờ câu đáp của cha mình. Anh Năm Kích - hay là Năm Chột - tính nóng như lửa, vòng tay vái ông Kễnh:

- Bác nhận lời cho chư đệ mừng, uống hết vò rượu ngon này. Bằng không thì chư đệ xin sang thuyền đi tức khắc.

Người thủy thủ già cười ran, rồi vỗ lưng Năm Kích:

- Chú nó càng già càng nóng nảy. Thì ta đi giúp một chuyến chứ sao. Uống đi! Thế bao giờ khởi sự?

- Ngay đêm nay.

Người con gái đứng ngoài thuyền khẽ reo lên một tiếng vui mừng.

Hai Sẹo bàn vào việc:

- Tàn cuộc rượu - mà Năm Kích uống vừa độ thôi đấy nhé - chúng ta sẽ cất quân. Đạo thuyền chúng ta sẽ ra cửa bể phục chờ quân địch. Bọn Tàu ô nghe chừng chuyến buôn này đi đông lắm. Nhưng với tài Yết Kiêu của Hai, với chiến lược xuất quỷ nhập thần của Kễnh nguyên soái, với hai cây nỏ cứ xuyên bụng từng thằng, bác Cả và chú Năm bất chấp cả súng trường của địch.

Cả Tính tiếp lời:

- Chuyến này huynh trưởng cho cháu Hằng đi một thể. Nghe nói tài mã tấu của cháu gái tôi độ này khá lắm.

Ông Kễnh cười khiêm tốn:

- Cháu còn kém lắm, đã biết gì. Nhưng các bác muốn vậy thì tôi cho cháu nó đi hầu các bác cũng không sao.

Thế là đêm ấy họ ra quân. Trời không trăng sao. Sóng gió lộng trời. Họ đã thắng bọn Tàu ô, chiếm được cả một thuyền hàng hóa, đã tàn nhẫn gửi vào lòng biển ngót bốn chục mạng con người. Con gái người thủy thủ già đã tự tay chém rụng ba đầu rơi xuống sóng. Cô đã cười vang trong lúc thuyền quay lái dong buồm chiến thắng trở về bến cũ khi tảng sáng.

Và Tết ấy bọn người sông hồ anh chị này đã uống rượu xuân trong những khoang thuyền ấm áp, vui nghe loài chim tứ chiếng bay đến đậu trên cột buồm ca khúc hát nước mây.

Sớm ngày mồng một, trong lúc đứng hầu rượu các bác với bố mình. Hằng đã vâng lời đi mấy đường kiếm, nhanh như con én, nhảy vút hết mũi thuyền này sang mũi thuyền kia.

Các bác vỗ tay khen, ngả nghiêng cười nói kể lại chiến công oanh liệt của mình, bên vò rượu lớn và một mâm đầy thịt. Họ không biết, cả Hằng cũng vậy, rằng ông Kễnh vừa chợt ôm lấy ngực nghiến chặt răng, giữ tiếng kêu đau. Ông đã bị một viên đạn xuyên qua xương sườn trong lúc giao tranh với lũ Tàu ô, nhưng

ông giấu tất cả mọi người vì tự ái.

- Thế nào, huynh trưởng cho nghe vài câu thơ chứ. Tài văn võ song toàn, huynh trưởng cho nghe thơ, rồi ta cùng ra mũi thuyền khai đao kiếm.

Ông Kễnh run tay cất chén rượu lên môi, rồi nhìn ra ngoài khoang, vài con chim đang sải cánh trên sóng nước sang sông về rừng. Ông cất giọng ngâm, giọng yếu hơn mọi lần hào hứng.

Cánh buồm căng gió đại dương,

Khuấy lên nắng sớm lưỡi gươm anh hùng.

Giang hồ quen thói vẫy vùng

Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.

Ta giờ thế một tiếng reo

Vỗ gươm chót vót, bóng chiều xa xa...

(H.C)

Người thủy thủ già thốt buông rơi chén rượu, nhăn mặt lại. Bọn khách giang hồ vội hỏi:

- Huynh trưởng làm sao thế?

Ông Kễnh nghiến răng nhịn cơn đau, cố gượng cười.

- Không, tôi có sao đâu. Có lẽ hôm nay vui chén quá say một chút rồi chăng!

Có một con thuyền nghề đã từ sáu bảy năm nay, buồm xơ, chèo gãy, nằm mục nát bên bờ hẻo lánh cát lở dần theo sóng nước vỗ tháng ngày.

Người thủy thủ già, ông Kễnh, chưa chịu bán con thuyền nát đó cho ai hết, mặc dầu ông đã mù hai mắt, và rất đỗi túng nghèo.

Ngôi nhà gạch cũ, giáp bến sông. Ngày ngày, ông Kễnh ngồi trong cửa sổ nghe gió rít từng cơn ngoài bến nước, nhớ rất nhiều đến những ngày ngang dọc hải hồ.

Những ngày xưa...

Hỡi ơi, những ngày xưa, máu cuộn ba đào, đầu chìm xoáy nước, xác giãy doành khơi... tiếng cười reo tội lỗi, tiếng khóc vọng đáy thuyền, cha con ông Kễnh đã ngang nhiên đứng dưới cánh buồm chiều, sớm, chơi cái tài hoa với cả phong ba trời nước.

Vậy mà bây giờ, gió bão xoay chiều, cuộc đời cha con ông Kễnh cũng đổi thay, buồn thảm nhìn chuỗi ngày qua như nhìn trò ảo mộng.

Ông Kễnh đã bị mục tật, ngồi đợi chết già bên song cửa hẹp. Con thuyền mục nát buộc tù hãm vào bến cũ. Người con gái cũng già theo bố, tháng ngày bắt ốc mò cua, an phận đói nghèo.

Tối hôm nay trời bốc khói. Sóng thét ào ào ngoài bến lạnh. Mưa trút lụt trời.

- Bão đấy Hằng ơi! Ra cột lại con thuyền, kẻo sóng cuốn bay đi mất.

Hằng khoác áo tơi lá, xuống bờ sông. Ngọn đèn gió đu đưa dưới bàn tay run lạnh, soi lập lòe ánh lửa đỏ ngầu trong trời đất tối mênh mông. Bão nổi bạo cuồng, rít như ma quỷ khóc. Hằng run lập cập bước theo chiều gió ngược. Chiếc thuyền bị sóng xô mạnh vào bờ rồi lại dạt mạnh ra, kêu răng rắc như sắp vỡ. Hằng lấy hết sức bình sinh buộc ghì sợi dây chão lớn, cột mũi thuyền vào chiếc cọc lim to chôn sâu xuống lòng đất núi.

Tiếng ông bố mù hỏi vọng ra bị mưa gió át đi, nhưng người con gái cũng nghe văng vẳng:

- Liệu sức dây chão có chịu được không con? Bão xoay hướng đấy, từ phương Nam. Bão bể động mà. Gió này còn mạnh ba ngày đêm là ít.

Hằng buộc chặt dây, toan lên nhà. Nhưng vừa quay lại, người con gái đã thấy ông bố mù rờ rẫm đội mưa bão xuống bờ sông. Ông Kễnh cúi nắm chặt sợi dây chão đang quằn quại. Ông nghe sức gió, sức sóng rồi thở dài thất vọng:

- Hỏng mất con ạ. Nội đêm nay con thuyền này vỡ mất. Thế là hết cả! Thế là xong!

Người thủy thủ mù lật bật trèo lên đường trơn dốc quay về. Người con gái đỡ lấy cánh tay bố đang lao đao bước. Ngọn đèn gió đu đưa trong mưa bão.

Ông già mù bỗng đứng lại ngoảnh ra sông. Nhờ ánh đèn, người

con gái nhận thấy bố già há miệng, nắm chặt lấy cánh tay mình, đau đớn rít:

- Thôi xong! Hỏng mất rồi, vỡ mất rồi!

Hằng giơ cao đèn soi. Sợi chão đã đứt, sóng phá tan chiếc thuyền cũ nát, cuốn băng băng từng mảnh, trôi đi...

Người thủy thủ mù gục đầu xuống, níu chặt cánh tay con gái, thở phì phào, lật bật đi ngược chiều mưa gió và bờ sông trơn dốc.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy*, số 10/1949

Để tặng các võ sĩ già

Ở rạp chiếu bóng ra. Kông hoa mắt nhìn những ánh đèn pha xe hơi, xe đạp ngược xuôi ngoài phố lạnh mưa phùn. Anh chìa tay chào người bạn mới quen, ân cần nói:

- Cám ơn bác đã đãi tôi tấm vé. Tình cờ được coi một phim hay quá... Cám ơn bác lần nữa nhé!

Người bạn mới quen cũng nắm chặt tay Kông niềm nở:

- Có gì mà bác nói ơn với huệ. Phim tả cuộc đời võ sĩ phải được một khán giả võ sĩ như bác coi mới đúng. Tôi không có tâm sự con nhà võ mà cũng xúc cảm, bồi hồi nữa là bác, già nửa đời nhẩy lên đài, làm gì mà không cảm động.

Người bạn mỉm cười xuýt xoa vì rét.

- Giờ ta đi chén bát phở nóng cho ấm bụng. Cuối phố Huế kia có chú Tàu chuyên môn phở ngẩu pín, ăn bổ lắm. Nào mời bác lên xe.

Người bạn hào hiệp ấy vẫy xe. Nhưng Kông nhất định cảm ơn về tấm vé thêm lần nữa rồi chối từ bữa phở, nhất định bắt tay ông bạn mà đi, lấy cớ rằng đau bụng, kiêng ăn thịt. Ông bạn cả cười, rung mạnh bàn tay lực sĩ Kông:

- Đã đến mười năm nay tôi mới lại được thấy bác. Tuy bác chẳng biết tôi, song đã nhiều lần tôi được thưởng thức, hâm mộ tài nghệ võ sĩ Kông, tung hoành các võ đài Nam, Bắc. Chính tôi, hồi 1939, đã theo đoàn võ sĩ Bắc vào Chợ Lớn, coi bác hạ một võ sĩ da đen trong đó. Tôi vỗ tay khoái quá, suýt bị mấy khán giả miền Nam đánh chết tươi ngay ở cửa võ trường.

Ông bạn mới cười to và bắt chước giọng Sài Gòn:

- Họ nắm tay tôi, lại trỏ vào mặt tôi mà thét: “Mấy anh đất Bắc này coi bộ muốn gây lộn hả. Còn la cho người Bắc nữa, ta đánh bể đầu nè!”. Tôi hết vía, phải chuồn về Sài Gòn ngay lúc đó, không thì bỏ mạng vì cuộc đấu võ ấy rồi.

Kông mắt sáng hẳn lên, nghe ông bạn kể lại trận đấu mà Kông cho là oanh liệt nhất đời của mình. Chính nhờ trận đấu ấy mà Kông có tên tuổi trong làng quyền anh. Nhờ trận đại thắng ấy, anh đã kiếm được số tiền đáng kể, để rồi ra Hà Nội mở một cửa hàng xe đạp, nhà võ sĩ quyền anh danh tiếng Kông lại ba lần được khoác áo danh dự trong các cuộc đua xe đạp Hà Nội - Đồ Sơn, rồi vào Nam so vòng bánh với bầy phượng hoàng Đồng Nai nữa. Nhờ những cuộc đua vạn lý đôi giò võ sĩ Kông càng thêm một sức dẻo dai, một sức chịu đựng phi thường, tài nghệ đấm của Kông quả đã bao phen làm cho khán giả say mê, làm cho địch thủ không đo ván cũng xin bỏ cuộc đấu ở hiệp ba, hiệp bốn, mặc dầu những địch thủ ấy là những kẻ xương đồng da sắt.

Vậy mà, ngày nay...

Kông thốt thở dài. Ông bạn mới không nài ép về bát phở ngẩu pín nữa, cười ha hả:

- Thế rồi, từ năm ấy, tôi không còn dịp trông thấy bác, những mỗi lần xem quyền anh, tôi lại nhớ đến hình ảnh bác ngày xưa. Thấm thoát, tóc đã lốm đốm muối tiêu, nhưng coi bác còn khỏe lắm, còn đủ sức thượng đài. Bác thử lại quả đấm xem.

Ông bạn mời điếu thuốc cuối cùng. Kông hút một hơi dài. Ruột đang rỗng đói, khói thuốc làm anh khó chịu, nôn nao. Ông bạn rung cánh tay Kông, lùi lại nheo mắt ngắm:

- Thực tế trông bác cũng chẳng sút bao nhiêu. Bác cứ thử lên đài lần nữa xem nào!

Rồi ông ta ghé tai Kông, nói nhỏ:

- Nếu tiện, xin mời bác sang đồn tôi. Cứ hỏi thăm ông Quận, còn lạc đường sao được. Ở với tôi, bác tha hồ tẩm bổ và tập dượt. Cạnh đồn tôi, có mấy anh võ sĩ đen và trắng, vào hạng nặng cân cả đấy. Tôi vẫn thấy họ tập khi nào rỗi rãi. Tôi sẽ giới thiệu, bác sẽ cùng họ đấu dượt chừng vài tháng, lo gì không trở lại phong độ vô địch cũ. Bác nghĩ kỹ xem, rồi biên thư cho tôi biết nhé!

Ông ta cười khà khà, nhảy lên xe đi thẳng.

Võ sĩ Kông xuôi xuống phía cửa ô. Mưa bay mau hạt. Gió thêm lạnh buốt, Kông thấy cơn đói như cào cấu dạ dày. Anh vứt nửa điếu thuốc lá thơm xuống gốc cây bên hè, đúng vào chỗ thịt rượu của một kẻ tửu đồ nào nôn ra đó.

Mưa gió thấm vào da thịt. Kông bước rảo cho đỡ cóng, nhưng xe cộ chật đường và trai gái chật hè, anh phải đi chậm lại.

Bộ phim vừa rồi lại hiện trước mắt anh. Kông thì thầm: "Tối nay, chúng ta đã thắng" - "Nous avons gagné ce soir". Thật là bi thảm. Kông lần lượt nhớ lại những hình ảnh trong phim.

Một võ sĩ tuổi đã ba mươi. Vợ chồng anh sống nghèo nàn trong gian phòng khách sạn. Họ yêu nhau. Người vợ xinh đẹp và hiền hậu, chăm lo sức khỏe cho chồng. Trên võ đài, anh đã nếm nhiều thất bại, khiến người vợ se lòng mỗi khi thấy chồng vì kế sinh nhai mà nhận ký giao kèo với những ông bầu quyền anh. Chủ trọ đuổi vợ chồng anh đi chỉ vì vợ chồng anh nghèo quá. Bị dồn đến đường cùng, anh lại liều mạng lên đài lần nữa, mặc dầu vợ anh năn nỉ can ngăn. Nàng định đi làm, bán hàng hay đánh máy chữ ở một hãng buôn nào, để cho chồng nàng dưỡng sức, bồi bổ những vết thương do bị người ta đánh đấm. Nhưng người chồng cương quyết, vì anh yêu vợ, không muốn vợ phải lầm than. Hơn nữa, anh nghĩ: thằng đàn ông đội trời, đạp đất, thà chết chứ không ăn bám vợ. Thế là tối ấy, anh xách va li ra cửa, hôn vợ, và đưa tấm vé cho vợ, dặn: Mình cứ đến xem, tối nay anh sẽ thắng, chúng ta sẽ thắng, sẽ có tiền trả chủ nhà, chủ nợ...". Người vợ hiền, đúng 9 giờ, đã đến cửa võ trường, nghe rõ tiếng hò reo trong đó vọng ra ầm ĩ. Chị rùng mình ghê sợ, nghĩ rằng chồng chị đã ngã gục dưới chân địch thủ, đã ộc máu mồm, máu mũi, như tất cả mọi lần, trước những con mắt trợn ngược, những cái mồm sủi dãi, những bàn tay nắm chắc vung lên không khí của bọn người đánh cá. Thiếu phụ tần ngần rời cửa võ trường, đi vào con đường hẻm mờ sương. Theo sau chị, một gã phong tình buông lời ong bướm. Chị chau mày cự tuyệt, lẳng lặng bước lên cầu, xé nát tấm vé, thả những mảnh vụn xuống dưới đường, ngựa xe thiên hạ trôi như nước chảy. Trong khi ấy thì chồng chị đã lên đài. Anh hốt hoảng, ngã lòng vì nhìn xuống hàng ghế dưới vẫn không thấy vợ yêu. Anh chịu đựng được một hiệp đầu, dưới cơn mưa đấm của con đười ươi hung dữ. Anh ngã gục, lại ngóc lên, chịu thêm vài quả đấm, để rồi lại ngã. Nhưng anh vẫn còn sức đứng lên trước tiếng cổng cứu vớt. Đến quả đấm thái sơn vào giữa mặt, anh ngã sấp xuống sàn, quằn quại, bên tai còn vẳng câu nói của vợ hiền: "Đừng lên đài nữa, mình đã luống tuổi rồi". "Không, tối nay anh sẽ thắng, chúng ta sẽ thắng, sẽ có tiền để sống".

Gương mặt âu sầu, hiền hậu của vợ anh lờ mờ hiện trong con mắt sưng húp. Anh cố ngóc lên, cố đứng lên. Một sức mạnh ma quái nào vừa cuốn vào bắp thịt, anh đánh trúng cằm địch thủ. Con đười ươi cao lớn lao đao. Tiếp hai quả vào mang tai, nó rũ xuống. Nhân đó, anh đánh bật nó vào dây vũ đài. Nó gục hẳn, nằm bất động.

Nửa giờ sau, anh ra khỏi vũ trường, lao đao bước. Anh không còn sức, ngã phệt xuống vỉa cống.

Người vợ ngơ ngác chạy kiếm chồng, đã thấy anh ở đó. Chị ôm chầm lấy anh, nhấc anh lên, lau vết máu ở mắt anh. Anh tỉnh hẳn, nắm chặt bàn tay vợ hổn hển nói: "Anh đã thắng. Anh đã đoán chắc với em mà!". Người vợ lau nước mắt. Lòng quặn đau. Phố về khuya, không còn một chiếc xe, chị dìu chồng về, đi không vững...

Từ nãy, Kông gục đầu bước trên hè, lan man nghĩ đến câu chuyện phim bi thảm. Thì ra số phận một phần đông võ sĩ thế giới đã nổi tiếng hay ngập chìm trong bóng tối cơ hàn, đều chẳng hơn gì số phận anh, các bạn anh. Kông chặc lưỡi thở dài:

"Cũng may mà mình chưa mang trọng tật: lồi mắt, thủng màng tai, đeo hàm răng giả, chảy nước óc, mà mới chỉ có vài cái sẹo in trên mặt. Mình đã suy yếu lắm rồi, phen này quyết là giải nghệ, sức đâu mà theo đuổi danh vọng mãi".

Kông lại liên miên nghĩ đến hàng ngũ của anh, kẻ thì đã xoay nghề làm nên giàu có, kẻ đã bỏ mạng vì nghệ thuật ngay trong trận đấu, kẻ bây giờ còn ngắc ngoải, vẫn còn níu lấy nghề nghiệp cũ bằng cách mở lò hun đúc tài năng cho đàn niên thiếu cương cường.

Kông đã chạm vào cái cổng tre ở ngoại ô. Đó là trạm chứa đồng bào mới hồi cư, do một hội từ thiện lớn thủ đô tổ chức. Võ sĩ Kông mới đem vợ con về Hà Nội đã hơn ba tháng, vẫn tạm ăn ở nhờ Hội từ thiện, chiếm một góc nhỏ của khu đất rộng, quây cót lợp gồi che mưa gió. Anh buồn bã bước chân vào, sờ túi tìm bật lửa xòe lên. Vợ anh trùm kín chiếu. Đứa con trai lên tám tuổi co ro ngồi bên mẹ, thấy bố về, vội reo mừng:

- Mẹ ơi, cậu về kìa. Cậu có xin được việc làm không cậu? Cậu xơi cơm chưa? Con phần cậu bát cơm trong rổ đấy.

Kông ngồi xuống ôm con hôn hít:

- Cậu được người bạn mời xem xi nê, lại mời ăn phở ngẩu pín nữa,

no rồi. Con đem cơm ra mà ăn, không phải nhường cho cậu.

Đứa trẻ sờ soạng lấy bát cơm ra:

- Con ăn còn đói. Cậu no rồi, con ăn thêm vậy - Đứa bé bốc cơm nhai trong bóng tối, vừa ăn vừa hỏi bố: Cậu xem xi nê có thích không?

- Thích lắm. Phim đánh bốc. Mai cậu sẽ cố xoay tiền dắt con đi coi lại.

- Thế hả? Đánh bốc thì thú lắm. Nó có giỏi bằng cậu không?

Kông thở dài nín lặng.

- Kìa sao cậu thở dài, con hỏi nó có giỏi bằng cậu không? Chắc không bằng cậu, chả ai bằng cậu. Con chắc thế.

Kông se lòng vì lời trẻ dại, hôn con:

- Sao con chắc chả ai bằng cậu?

- Con biết chứ. Ở hậu phương, cậu dạy bao nhiêu học trò lớn, ai cũng bảo rằng cậu giỏi. Mai kia, cậu lại đánh bốc nữa, lấy tiền thuê nhà rộng, cậu lại dạy con học võ, cậu mua thuốc cho mợ khỏi ốm, cậu nhá?

Người vợ khẽ cựa mình, lật chiếu thò bàn tay nóng bỏng ra, nắm lấy tay chồng:

- Mình đã về đấy ư? Có tí cơm phần mình đấy, ăn tạm cầm hơi vậy.

Kông chua xót đáp:

- Tôi ăn rồi. Khổ, càng ngày càng sốt nặng biết làm sao đây?

- Đỡ rồi mình ạ. Mai tôi lại đi chợ như thường, mình chớ bận tâm về tôi quá nhiều...

Tiếng người vợ yếu dần, tắt vào tiếng ho của những ông già bà lão, tiếng khóc của con trẻ chung quanh đang nheo nhéo vì gió rét và tiếng thở than về nỗi ngày cùng tháng tận đến nơi rồi.

Kông mệt mỏi, đói cào gan ruột, anh ngả mình nằm xuống bên con. Đứa trẻ lại hỏi chuyện xi nê. Anh thuật lại chuyện anh chàng võ sĩ trong phim cho con nghe, để quên cơn đói. Miệng nói mắt thì ríu lại, anh thiêm thiếp ngủ. Anh mê sảng nhắc lại câu nói của

anh chàng võ sĩ bất hạnh trong phim: "Tối nay anh sẽ thắng, chúng ta sẽ thắng, chúng mình sẽ có tiền...".

Người vợ ngắt cơn rên, sờ tay sang bên cạnh khẽ lay hổn hển:

- Mình ơi, sao mê sảng thế mình?

* * *

Võ sĩ Kông, vì hoàn cảnh đói nghèo, đã viết thư cho ông Quận và được mời vượt bốn mươi cây số bằng ô tô để đến cái tỉnh bé nhỏ kia, tập dượt lại quyền anh, mong một ngày tới nhảy lên vũ đài lần nữa.

Quả như lời ông Quận hứa hẹn tối nọ ở ngoài cửa rạp chiếu bóng, võ sĩ Kông được ông trọng đãi.

Ông Quận cũng có thâm ý. Số là ông vốn có hiềm với một võ sĩ đương kim vô địch hạng gà, tên là Hải, mà làng quyền anh đặt cho tước hiệu Hùng Khoát Hải. Đã hơn một lần ông Quận bị lực sĩ Hải đấm ngã đổ máu mũi tại một nơi đông người, chỉ vì một đuôi mắt mĩ nhân. Ông Quận mang nhục và nuôi hận, vẫn không có dịp nào trả được, mặc dầu ông có quan quyền ấn tín và súng lục.

Năm nay, Hùng Khoát Hải xưng vương ở võ đài Bắc Việt, chưa hề ai hạ nổi con trâu rừng ấy. Ông Quận định vỗ cho võ sĩ Kông trở lại tài lực cũ, để thượng đài đánh ngã Hùng Khoát Hải cho hả cái giận chẳng chung một đất trời. Ngày ngày, ông Quận tôn võ sĩ Kông làm thượng khách. Mỗi ngày ba bữa thịt bò thui, thịt bò bít tết. Để thay món: cá to, thịt cừu dâng võ sĩ; tráng miệng điểm tâm toàn trứng gà con so, chuối trứng cuốc, cam, nho.

Võ sĩ mới mờ đất đã dậy, chạy từ đồn đến một địa điểm nào nhất định, chừng mươi cây số, rồi về nhẩy dây, đấm bị cát và biểu diễn tài nghệ với mấy quân nhân ngoại quốc vốn cũng là tay cự phách trong làng quyền thuật.

Xem võ sĩ Kông đấu với các võ sĩ kia, lại thấy Kông nở nang lực lưỡng nhanh như thổi, ông Quận mát ruột mừng rằng hận kia phen này ắt rửa sạch. Mấy võ sĩ da đen đều lần lượt bị Kông cho đo đất. Họ thành thật bắt tay Kông, bái phục.

Thấm thoắt, võ sĩ Kông đã ở với ông Quận hơn hai tháng: Một hôm gió heo may thổi, võ sĩ mang mang nhớ vợ nhớ con. Võ sĩ nghỉ ba ngày, không tập dượt, chỉ lặng lẽ nhìn về trời Hà Nội.

Ông Quận kinh ngạc hỏi. Kông ngỏ ý muốn về thăm vợ con. Ông Quận tròn mắt nói:

- Tôi đã viết thư về Hà Nội báo cho Chủ tịch Quyền anh biết rằng bác muốn lên đài, thách đấu với vô dịch Hải 6 hiệp. Có lẽ họ sắp trả lời và tin rằng Hải không dám xé tối hậu thư của cựu vô địch mà nó yên trí rằng tuổi đã xế chiều, tài sức không bằng nó. Công tu luyện bấy nay đã vững chắc rồi, thế mà bác hạ sơn, đụng vào cái việc chăn gối thì... giết đệ, cứ là trùng gân trùng gối, công rèn cốt luyện xương một phút đi đời nhà ma hết. Thôi, xin bác vì nghĩa lớn mà dẹp lòng thương nhớ gia đình lại ít ngày...

Võ sĩ cương quyết đáp:

- Nhất định đệ phải về thăm cháu. Đêm qua cuối canh tư, tôi mơ thấy tay tôi máu đổ. Có lẽ cái điềm cháu chẳng được lành chăng. Tôi nguyện sẽ lên ngay và đoan rằng không nhúng vào tửu sắc. Bác yên lòng.

* * *

Kông về Hà Nội. Quả như mộng triệu. Thằng bé Hoa đang mơ hoảng vì cơn sốt thương hàn, chỉ còn tí xương da cuộn vào manh chiếu rách, trong quán dịch ngoại thành. Người cha gạt lệ, ôm con và nắm bàn tay băng giá của vợ hiền cũng võ vàng như cỏ úa.

Kông lưu lại với vợ con năm hôm. Năm hôm đó Kông nhận được hai điện tín của ông Quận thúc về đồn tập luyện. Kông viết thư kể sự nhà và hỏi vay ông Quận một số tiền, hẹn sau cuộc đấu với Hùng Khoát Hải sẽ xin thanh toán.

Ông Quận không hề trả lời về vấn đề vay nợ. Kông chán nản, bắt đầu ngờ tấm lòng hào hiệp của ông từ đó. Nhưng, đúng như súng nổ trên đầu, một sớm Kông lang thang ngoài phố, chờ gặp cố nhân nào đó để vay tiền mua thuốc cho con thì thấy mấy dòng chữ lớn trên tờ báo thể thao bày trong hiệu sách đăng tin cựu vô địch Kông thách đấu với đương kim vô địch Hải và võ sĩ này đã nhận đấu. Cuộc tranh hùng phi thường đó sẽ quyết định vào ngày lễ tới.

Chao ôi, Kông hoa mắt, ù tai không phải vì cái tin quái lạ kia, chính vì anh điên cuồng uất ức. Anh có cảm tưởng người ta coi anh như ngựa thi, gà chọi không hơn không kém. Kông lắc đầu chửi thầm một câu giữa đám đông đang xúm vào đọc cái tin thể thao quan trọng đó, rồi lững thững bước men theo bờ hồ Hoàn Kiếm, ngược lên phố Tràng Thi.

Qua cửa nhà thương, Kông lững thững bước vào. Anh loanh quanh ra vườn sân bệnh viện, ngơ ngác nhìn những người đau ốm, què chân, băng cổ, nằm ngồi la liệt ra cả ngoài hành lang hẹp, sặc một thứ mùi không chịu nổi.

Chợt Kông dừng chân trước căn phòng ngoài treo tấm biển: "Phòng máu".

Kông thầm nhủ: "Có lẽ ở đây người ta mua máu. Mình thử hỏi xem. Mấy tháng nay mình được lão Quận tẩm bổ cho béo tốt, nghe như máu ứ tràn huyết quản. Bán đi một lít, vừa giúp bác sĩ tiếp huyết cho người ốm, lại được tiền thuốc thang cho vợ con...

Anh bước lên thềm, gặp một cô khán hộ, hỏi về việc mua bán máu. Cô cho anh rõ: người phong lưu thừa máu quá, lo có ngày căng huyết quản, biếu nhà thương máu, nhà thương vui lòng nhận. Người thừa máu nếu bán lấy tiền, nhà thương cũng vui lòng trả hăm nhăm đồng một phân khối.

- Nếu vậy, thưa cô, tôi nhiều máu quá, nhưng đang thất nghiệp, xin bán một lít hay hơn cũng được.

Cô khán hộ xinh đẹp mỉm cười:

- Thường thì chỉ cần trích 200cc máu một lần. Chứ trích ngay một lít thì chúng tôi chỉ còn việc đưa ông vào nhà xác.

Kông lặng im suy tính:

- Tôi xin tạm bán 200cc vậy, vị chi là...

Cô khán hộ nhanh nhẹn đưa võ sĩ Kông vào phòng bác sĩ. Người ta thử máu và bằng lòng mua máu Kông.

Sau đó nửa giờ, võ sĩ già đã bàng hoàng đút vội mấy tờ giấy bạc vào túi áo rời bệnh viện.

Anh đi trong phố, soi vào gương kính tủ sách gần bệnh viện, nghĩ rằng mình vừa sút gày đi, rồi thì sẽ xanh đi, nếu còn có lần sau, nghèo túng quá, anh cần phải vào "Phòng máu" bán hết phần máu còn sót lại trong da thịt.

Qua hiệu sách phố Bờ Hồ, Kông bước vội để khỏi phải nhìn mấy dòng chữ lớn in trên tờ báo thể thao: "Cựu vô địch Kông sẽ thượng đài...".

Kông cúi đầu rảo bước, mong về với vợ con ở ngoại ô. Anh chen lấn đi trong đám đông người và xe cộ, thảm hại như cái rác trôi dạt theo dòng nước trong cơn mưa ngày lửa hạ.

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bẩy,* 1952.
In lại trong *Cô gái làng Sơn Hạ,* NXB Văn học, H., 1989

Đôi giày cũ

Người hảo hán ấy quả đã một thời được mệnh danh là Cọp Xám bãi cỏ xanh.

Ở cái thuở mà Hà Nội băm sáu phố phường còn có những cô me ở trại hàng hoa, hạt vàng quấn cổ xe nhà nghênh ngang, còn có những cái xe lừa chiều chiều ì ạch đi tưới ướt những con đường đá gồ ghề; còn có bà đầm Hàng Cót dắt chó bông đi dạo phố cho trẻ con sợ sệt chạy theo sau, và bà Bé Tý ban tài phát lộc cho đến cả những tay anh chị ngõ Sầm Công, Phất Lộc, nhất là còn có những ông tướng Bổng, Cổng, Tiên, Chức, Mégy tranh bá đồ vương trên các vòng đua vĩ đại ở đại lộ Cột Cờ, thì con người hảo hán bãi cỏ xanh kia tên tuổi đã làm cho thời nhân kính phục hay là kinh sợ hơn cả mười ba cái đầu rụng giữa một đêm Yên Bái đỏ.

Hãy gọi danh thủ túc cầu ấy là Sáu Thủ. Ngoài biệt hiệu "Cọp Xám cỏ xanh", còn hỗn danh nữa là Hùng Khoát Hải (người anh hùng thứ sáu của đời Tùy đã hai tay nâng đỡ cả tấm cửa thành bằng đá mấy ngàn cân để cho ba trăm vị phản vương và thiên binh vạn mã ôm đầu hú vía chạy thoát sức mạnh Võ Văn Thành Đô vô địch).

Vậy Sáu Thủ mỗi lần đăng đàn bái tướng ra quân, các phóng viên nhà báo lại có dịp bọc quanh anh, làm như gặp một thiên thần vừa bơi qua Đại Tây Dương hay một thứ Bát Tý Na Tra vừa cưỡi xe lửa xuống hồng trần để uống với họ một chai bia, ăn với họ một đĩa bánh tôm nóng, một chiếc bánh tây nhét đầy chả trâu ngát thìa là nhúng vào liễn dấm ớt của anh Hai Răng Vàng lùn.

Thời ấy, những sớm thứ hai giở báo đọc mục thể thao, người Hà Nội ai nấy đều sung sướng như đọc truyện Phong thần, Tam quốc. Bãi cỏ Cột Cờ biến thành một chiến trường gió lửa ngút trời để cho Sáu Thủ phá ban giắt bóng, oai phong lẫm liệt.

Này là một cú ngả bàn đèn, khiến thủ thành lê dương lao người

như con vượn mà thành nghiêng ải vỡ. Này là một cú đà đao, tam phong địch thủ đang lên như gió mà cũng cứ bị dạt cả ra nhường nhịn kiêng nể một mũi giày gài cựa.

Sáu Thủ tung hoành khắp trận, cản mặt thành, trấn biên cương, tiến nam lui bắc, có khi liều mạng mở con đường máu đem ban thoát địch như Triệu Tử Long đoạt giang phò A Đẩu, có khi ung dung giải khốn phá một trái bóng phạt góc như kẻ chỉ, làm tan nát cả cuộc đột kích của đối phương, đến mực ông phóng viên nằm bên khay đèn trong tiệm viết bài tường thuật phải tung bút ví Sáu Thủ là Khổng Minh mở cửa thành đánh đàn mà lui giặc, lại có cây bút ví Sáu Thủ là Hán Thọ Đình Hầu một đao chặn giữa đường núi hẹp Hoa Dung làm rụng râu Tào Tháo và làm mất vía tàn binh Tào.

Ôi chao, Sáu Thủ! Sáu Thủ của cái thời quả banh da trâu ngự trị trên nền văn minh đế quốc, của cái thời mà anh hùng ngõ Hàng Hương, Hàng Lược, Sầm Công, Cột Đồng hồ sống như những kẻ Lương Sơn Bạc, con người ấy quả thực đã là một cái đinh sắt ghim chặt vào nền bóng đá mới của xứ này.

Thuở ấy đã qua rồi. Cái đinh kia, theo luật thời gian đào thải, đã gỉ nát, rời khỏi bức tường rêu mốc.

Anh Sáu Thủ của chúng ta - nói riêng cái lớp bà con mộ điệu túc cầu còn sót lại đến bây giờ - cũng đã già nua, vô dụng như cái vỏ ba lông cũ rách mà người ta thường thấy vứt ở bãi cỏ, đầu đường.

Trên bãi cỏ xanh Trung, Nam, Bắc đã tan mờ hình bóng Tương, Tốt, Vinh, Trọng, Nhuận, Lưu trâu lăn, Chấm Cụ ngả nạm thầu... Còn gì nữa, hỡi ơi, cái thời Giang Đông khảo võ: mỗi một cầu thủ phải là một chú bò rừng, một con cọp đói, một thứ Kinh Kha, đế giày gài kín phi tiêu nhọn hoắt, bàn tay nắm chắc dao găm để lấy máu địch thủ khi loạn chiến!

Bao nhiêu bạn cùng hàng ngũ đã theo nhau ngả xuống vì thời thế, vì thuốc phiện, vì bệnh tật, nghèo nàn, vậy mà Sáu Thủ, con hùm xám bãi cỏ xanh ngày cũ, hiện nay vẫn còn lay lứt sống với cái vẻ lành hiền của chú mèo già.

- Hết cả gân rồi, ông ạ. Trông họ chạy cũng cứ ngứa ngáy cả người lên đấy, nhưng giá ai đẩy mình ra đá dăm ba quả thì chỉ còn cách nhắn vợ con khiêng về theo tiên tổ! Bây giờ thời buổi mới, các anh ấy chơi bằng trí nhiều hơn bằng sức mạnh như cái lớp già chúng tôi. Khoa học đấy, nhưng nhiều trận đấu thật tẻ buồn, thành ra cái

trí và cái lực đều không thấy ở chính ngay những cầu thủ mà người ta hâm mộ nhất. Do thế, nhiều anh hữu danh mà vô thực, không như ngày xưa, anh nào trội thì trội rõ rệt, mà đã xoàng thì không thể chịu đựng nổi nửa giờ trên bãi chiến. Chưa bị đồng ngũ sa thải họ đã bị khán giả lôi cổ khỏi bãi, lột áo, đuổi về nhà.

Ấy thế, lão tướng Sáu Thủ, trong một buổi coi trận đấu Việt - Hoa đã thì thầm với ông bạn già như vậy. Ông bạn già râu mọc lơ thơ, mặt xanh, gày lẻo khẻo, mặc áo the thâm, nghiêng ô che nắng cho Sáu Thủ.

Sáu Thủ cũng râu tóc như bạn già, đứng nép dưới vành ô đen cháy nắng, lim dim mắt nhìn ra bãi cỏ mênh mông, lúc đó, cầu thủ vừa rút lui nghỉ giải lao theo thường lệ. Ông bạn già tự hai mươi nhăm năm xưa vốn đã phục uy danh Sáu Thủ, nay gặp cố nhân, mừng lắm.

Sáu Thủ tuy chẳng hề biết bạn già họ tên chi, nhưng cũng hả lòng vì biết rằng trần ai còn sót lại một người này để làm tri kỷ.

Bạn già hô cô gái mở bia. Đang khát và đang thèm nước, Sáu Thủ đỡ cốc bia ở tay bạn già, uống một hơi dài khoan khoái. Sáu Thủ lại hài lòng và hơi tiếc rằng giá gặp sớm tri âm ngay từ ngoài cổng thì hẳn là đỡ được chiếc vé bình dân. Sáu vụt nghĩ đến những chiều chủ nhật, mình phải lao đao lắm mới xoay nổi tiền mua vé, có khi nài xin tiền người vợ hai sương một nắng bán quà rong, có khi phải xoay của một anh bạn qua nhà, hay bí quá phải moi trộm ống tiền dành dụm của lũ con, thật quá thảm hại như một con nghiện đã đến giờ vật vã.

Chất bia, vì thế, không còn làm cho Sáu nguôi ngoai. Ông đứng thừ ra, mắt nhìn vào trong bãi cỏ. Ông bạn già yên trí rằng người anh hùng xưa đang nhớ lại những trận tung hoành thuở trước. Ông bèn kính cẩn nghiêng ô che nắng cho lão tướng. Rồi đó, nhè nhẹ rút thuốc lá mời. Sáu Thủ thở khói, ông rất hài lòng và cảm thấy cuộc đời còn thú lắm. Ông bạn già cũng lấy làm khoái trá, coi là vinh dự, vì giữa cái buổi phò tân phế cựu này, ông là một con người tôn cổ, xem cái ngọn mà không muốn quên cái gốc, sống trắng đầu mà không phụ ngày xanh. Lúc này đây, đứng cạnh ông là một danh tướng đã trăm trận đánh trăm trận thắng, đã làm rạng rỡ cả một thế hệ thể thao nước nhà, đã cho thiên hạ biết rằng đường ban bóng chìm ngang dọc trên bãi cỏ đều là những đường sinh lối tử của thập bát trận đồ.

Chứ không à! Sáu Thủ của giới túc cầu Bắc Việt, người đã sinh

đồng thời với Lý Huệ Đường, Guichard thời cực thịnh, những danh thủ mà hai mươi nhăm năm xưa mỗi lần mặc giáp lên yên là khiến ông hồi hộp, và suốt trận đấu ấy ông là người vỗ tay hăng nhất theo những cái đánh đầu tuyệt diệu, những cú đá lông và gài sút ngầm mạng mỡ tiền phong bên địch thủ vững chắc như cột đồng. Hồi ấy người ta kính phục cầu thủ danh tiếng như tôn sùng những liệt sĩ Phạm Hồng Thái, Cô Giang, Thái Học, Xứ Nhu. Và người ta cũng yêu mến cầu thủ đại tài như hâm mộ những đào kép tuồng: Tư Lộ, Ba Bí, Tư Đinh, Tám Long, Ba Liên, Sáu Phủ, Hai Giờ, Chín Cưỡng...

Được kết thân với những bậc đế vương, đại tướng, hoàng hậu, công chúa trên sân khấu, được bắt tay và cũng nghênh ngang vào bãi với Gôn Thuận, Văn Đức Vinh hoặc Thông, Viễn, Hai, Trọng, Hiếu, hay đi với mấy tay cầu thủ sừng kền Đồng Nai những khi họ kéo đại binh ra Bắc, ấy là những thành tích phi thường mà các tay chơi hào hiệp ở đây cần phải gây bằng cái khí phách trọng nghĩa khinh tài, nghĩa là phải có tư cách chơi cái trò thượng mã để thâu nạp anh hùng làm bạn hữu.

Đã có những anh hùng ấy ở chung quanh tức là đã có một hỗn hiệu đại vương rồi đấy.

Ông bạn già hồi ấy cũng đã chịu năm ngày tiệc lớn, ba ngày tiệc nhỏ. Ông là con một vị đại thần. Ông có ấp lộc ở miền Kinh Bắc. Ông là Ấm Hiển. Ấm Hiển thuở tráng niên, đã đọc thuộc lòng bộ Đông Chu Liệt Quốc, Thủy Hử, Tam Quốc, coi ba bộ truyện ấy là cái túi khôn rộng lớn hay là chiếc kim chỉ nam cho ông nhảy vào đời, bất chấp! Nhưng Cụ Cố chán lộc dân, quy rồi. Cậu Ấm lại cảm thấy mình bỡ ngỡ non dại lắm, bèn không vào đời nữa, mà chỉ đứng ở ngưỡng cửa cuộc đời, với một cô vợ cô đầu, ở tòa nhà tây ấp lộc. Cứ chờ thứ bảy, cậu Ấm lại tạm bỏ ruộng giắt túi một món tiền ra Hà Nội, xem đá bóng và chơi hát bộ.

Vậy, ông bạn già đã là một khán giả của túc cầu, là người hâm mộ Sáu Thủ từ một nửa kiếp người rồi.

Hôm nay, gặp cố nhân, Ấm Hiển muốn mời ngay Sáu Thủ đi đánh chén một bữa linh đình, nhưng than ôi, cuộc biển dâu đã phá tan hết ấp lộc phì phiêu của cậu công tử ấy. Đến nỗi bây giờ tản cư về Hà Nội, Ấm Hiển chỉ còn là một anh kiết xác ghiền nặng túc cầu như Sáu Thủ, chủ nhật nào ông cũng xoay xở vỡ mặt mới có nổi tấm vé đi coi. May mà hôm nay, dư vài đồng bạc, đãi nhau một cốc bia, một điếu thuốc lá, bạn già nghĩ rằng thế là long trọng lắm.

Cuộc đấu đã tan. Ông bạn già cụp ô, cắp nách, theo Sáu Thủ nhảy qua bức rào xi măng cốt sắt vào trong bãi.

Sáu Thủ đi lẫn đám khán giả đang ồ ạt kéo lên khán đài xem đội bạn Trung Quốc lĩnh cúp. Đến giữa bãi, Sáu hoang mang nhớ lại ngày xửa ngày xưa mình chạy ở đây, đá những quả bóng chí tử giữa pháo tay vang động một góc trời. Sáu lững thững đến khung gỗ trắng, lại mang máng nhớ mình đã bao lần trấn ở cửa thành này giải khốn dẹp nguy cho đồng đội, bụi cuốn lầm lên, những gót giày đanh rầm rập, những khối thịt lấn xô, hỗn loạn như một bầy chiến mã tơi bời trong gươm giáo. Thế mà lúc này Sáu Thủ có cảm tưởng rằng bãi cỏ kia mênh mông hơn trước, cái khung gỗ rộng cao hơn trước, mình đứng đây mà tưởng như lọt thỏm vào một vùng rừng núi.

Bóng tối đổ xuống đầu. Ra khỏi bãi bóng ông bạn già chia tay Sáu Thủ, tiến ngược lên phía trại Ngọc Hà. Sáu Thủ ngậm ngùi nhìn theo cái thân hình lom khom thất thểu khuất sau những gốc cây cổ thụ.

Sáu đi về cái ngõ cụt sau Đền Giám. Tới căn nhà nhỏ nằm dưới một cây bàng rụng lá, Sáu thấy hai thằng con đang lon ton đá bóng, kêu hò ầm ĩ. Quả bóng là cái vỏ da rách nát mà bữa qua Sáu Thủ lấy để nhồi giẻ rách vào làm ruột.

- Bố ơi, Tàu được hay ta được.

- Ta được phải không?

Sáu đang đói mệt cũng lây cái vui của trẻ, cười nói huyên hoa. Quả bóng lăn đến chân, Sáu chặn lại, co chân sút mạnh vào bức tường đổ trước cửa nhà. Quả bóng da bị sút mạnh quá bật ra, làm ngã thằng con nhỏ. Nó không khóc, nhịn đau chuyền lại cho bố và la lớn:

- Bố sút đi nào! Gôn này, phải biết. Thọ ve cũng phải hàng nhé!

Người cha khoái trí, sút luôn cú nữa, đúng ngực con. Thằng bé ngã chúi vào chân tường, tay còn ôm chặt quả bóng. Nó đau quá, không ngóc lên được nữa. Thằng lớn sợ hãi chạy vào mách mẹ. Người cha nhấc con lên. Thằng bé cố cười:

- Chưa thấm vào đâu. Bố tha hồ sút nữa đi. Đấy bố xem, con nhựa lắm. Có giỏi bằng gôn Nhuận ngày xưa không hả bố?

Người vợ chạy ra tru tréo:

- Khổ chưa? Đá đấm gì, khéo chết con thôi. Già còn rửng mỡ. Trót một đời đá đấm mãi còn chưa chán, hử!

Sáu Thủ cười khà, dắt con vào. Ông cởi áo phành phạch quạt. Bỗng nghe tiếng chuột rúc rích ở đâu đấy. Sáu đứng dậy tìm. Ông cúi xuống gầm giường lôi đôi giày ra phủi bụi. Mấy chú chuột nhắt ở trong giày chui vội ra chạy mất.

Ô, đàn chuột ỡm ờ đã làm tổ trong đôi giày oanh liệt của lão tướng Sáu Thủ tự bao giờ! Chao ôi, đôi giày đá bóng của Sáu Thủ đã từ mấy chục năm làm mưa làm gió trên cầu trường đất Bắc tuy đã miệng há, đế bong rồi, nhưng lão tướng vẫn giữ gìn cẩn thận như một danh tướng thời xưa giữ gìn chiến bào, kiếm báu.

Hai năm trời tản cư miền Việt Bắc, Sáu Thủ chẳng quên đèo bòng đôi giày oanh liệt, lang thang hết núi tới rừng, đến nỗi người vợ phải kêu la trời đất, ba lần vứt bỏ cho nhẹ gánh, ba lần người chồng lừ mắt nhặt lên lau chùi sạch sẽ, lại bỏ vào hòm, cố quảy. Ở ngoài kia, có lần đi khiêng lợn mướn, qua đường sỏi núi đau chân quá, Sáu Thủ đã lôi đôi giày quý báu này ra xỏ vào chân. Đế giày nghiến đá rừng xào xạo, làm tung bụi đỏ khiến người ta cười rộ cho là anh lẩm cẩm. Bởi thế, Sáu Thủ lại lau giày bỏ vào hòm, để rồi lại trịnh trọng tha về Hà Nội.

Thế mà không hiểu sao, người đàn bà tục tĩu kia đã dám cả gan lôi đôi giày danh tướng ra vứt dưới gầm giường cho nhện vương, bụi bám và chuột nhắt xông vào đùa giỡn nhau trong đó!

Thật không thể nào tha thứ được. Ông giận vợ. Ông giận luôn cả cuộc đời. Người vợ không biết cái giá trị người chồng gởi vào đôi giày cũ kỹ, đôi giày mang cả một thiên túc cầu lịch sử hào hùng. Và cuộc đời đã hùa theo sức tàn phá của thời gian mà quên trúc già tre cỗi, chỉ ngảnh nhìn măng mọc, tre vươn. Tuy nhiên, đã có một người già hiểu giá trị anh, kính mến ông. Ấy là ông bạn già che ô lục soạn, chiều nay vừa trân trọng nói chuyện với ông như một kẻ thực lòng yêu nước đốt hương lần giở trang sử cũ.

Thế là đủ lắm rồi. Đời chỉ cần một người hiểu chân giá trị mình. Sáu Thủ nguôi cơn giận dữ. Ông lau bụi, dốc ngược giày cho phân chuột rơi ra, rồi trong khi người vợ lúi húi dọn cơm dưới bếp, ông xỏ giày, buộc dây cẩn thận, co chân chạy mấy bước quanh giường.

Hai đứa con lại lôi quả bóng da nhồi giẻ rách chuyền cho bố.

- Nào, bố sút nữa đi. Gôn này phải biết, quốc tế đây, bố nhớ!

Thằng nhỏ sát lưng vào vách, lăm le đợi bóng. Thằng lớn nhảy xổ vào vờn bóng với cha:

- Khê đấy, bố nhớ. Đố bố qua được đấy, qua được con mới cho là giỏi! nào, bố lừa đi, a-lê-hấp!

Thằng lớn lao vào chân bố. Bố gạt bóng, sút tréo giò. Thằng nhỏ thủ thành nhào ra bắt gọn bóng vào tay, đúng bụng. Bố ngửa mặt cười vang:

- Giỏi, giỏi! Thật cha hổ không đến nỗi sinh con chó. Thằng này rồi kế nghiệp bố đây.

Rồi đó, bố lại lừa ban với thằng con lớn để sút băng băng vào vách cho thằng con nhỏ chộp, đấm, nhào.

Sáu Thủ khoái chí:

- Khá lắm! Thực là hậu sinh khả úy, bố phục con, bố phục con!

Bóng vào gôn, bóng lại bật ra. Ba cha con nói cười ầm ĩ. Lão danh tướng túc cầu, đã mấy chục năm qua, hôm nay mới ôn lại những đường ban cũ quanh chiếc giường tre ọp ẹp trong gian nhà đổ nơi ngõ cụt với đàn con mà người bố tin rằng đó là tương lai của cầu trường mai hậu.

Muỗi hát trong bóng tối. Người vợ cầm cây đèn dầu ở dưới bếp lên, đứng sững nhìn chồng, nhìn con, khẽ lắc đầu.

Thằng nhỏ thét:

- Bố sút đi nào!

A-lê-hấp! Sút mạnh, sút mau!

Đăng *Sinh lực*, 1953

Đô kinh bắc

Tôi thành kính lật lại đôi trang sử của chú tôi: Đô Tượng hay Đô Kinh Bắc.

Truyện hai mươi năm cũ

Hai mươi năm bụi đời đã nhuộm trắng nửa mái tóc người đại hiệp danh vang miền Kinh Bắc, kể từ con đường thuộc địa số 5 tới rừng gianh Yên Thế xa vời.

Ngày nay, con voi già ấy đành phận cuốn vòi nhắm mắt nằm yên sau lũy tre cằn làng Nguyệt Đức vọng nghe lửa réo bốn phương trời.

Bãi cỏ non trước đình Thượng tối nay xanh ánh trăng hạ tuần tiết thu, và con sông đào Nguyệt Đức dâng đầy mực nước vỗ chân cầu. Trên chín nhịp cầu dài, trai gái xóm Đông, Đoài đang ngồi ăn trầu uống nước. Họ xì xào:

- Tiếng trống chầu của Đô Tượng tối nay nghe ra có phần xô xát lắm, các bác có thấy không?

- Trần Đô Tượng còn phải nói! Sắc như nước cờ xe ghểnh nhập cung mà cũng ác như ngón móc quai xanh hạ trăm nghìn Đô trong thiên hạ.

Lúc đó Ba Sao, vốn là cao đồ của Đô Kinh Bắc, chau mày nghĩ: "Quái, tiếng trống chầu của thầy dường như ứng một điềm bất trắc. Từ Thượng Bình xuống Song Châu reo rời rạc, lại từ Yên Hạ sang Phô Thủy, roi chầu không gắm vào tang để nâng giọng câu hát khách của kép già Ba Lộ. Mọi bữa, tiếng trống chầu của thầy ung dung nhàn hạ lắm. Tối nay thì có lúc dồn gấp vội, có lúc rời rã trễ nải, biểu lộ một tâm trạng không bình tĩnh. Cái triệu bất tường đó chăng..."

Bảy Hổ, đồ đệ vào bậc khá của Đô, khẽ vỗ vai Ba Sao nói nhỏ:

- Mai sớm đã khởi hành, thầy thức trọn đêm, em lấy làm lo ngại...

- Chú cứ an tâm. Thầy đã sắp xếp xong mọi việc. Còn sức khỏe của thầy thì chú lo lắng là thừa. Chuyến này lên núi hạ cờ đoạt giải, con Voi Kinh Bắc sẽ lại kiêu hùng mà giữ toàn uy danh cho cả miền Kinh Bắc. Thầy tuy ngồi ở trong đình, nhưng vẫn chờ trăng chếch ngọn đa là về nghỉ đấy.

Bảy Hổ băn khoăn thấp giọng:

- Anh ạ, lần này lên núi, em nhận thấy thầy có vẻ không vui. Có thật thế không, hay là em lầm lẫn?

Ba Sao sợ bọn trai gái làng trên cầu nghe thấy, vội đứng lên.

- Về đi, chú Bảy.

Hai người đi trên con đường lát gạch men sông. Cành tre la đà giữn ánh trăng khuya, bóng ngả lung linh xuống bờ nước lặng.

Tiếng trống cầm trịch cho phường hát bộ đệ nhất trấn Kinh Bắc đêm thu này vang vọng khắp cánh đồng Nguyệt Đức. Tiếng chầu Đô Tượng vốn là tay ăn chơi lệch đất trời lại càng là một kiệt tác phổ vào tài năng xuất chúng của kép Ba Lộc, đào Hai Cẩm, hề Lùng.

Dưới ánh đèn, ánh nến sáng rực trước ban thờ Thành hoàng làng, lão hiệp Đô trấn Bắc, đầu quấn khăn nhiễu Tam Giang, mình mặc áo the huyền rộng, quần vóc đỏ, chân mang tất trắng, ngồi trên chiếu hoa song hỉ cạp vải tây đỏ thẫm, tay cầm roi trống, tay tì vào chồng gối xếp kề bên chiếc điếu ống khảm trai. Đô quả có phong độ một văn thân, sĩ tử hơn một lực sĩ, một đại tướng đã từng dự trăm trận hạ các Đô tứ xứ, đã từng trăm trận đánh đuổi phường thảo khấu vì nghe danh Đô mà đem quân đến quấy rối vùng Nguyệt Đức để thử tài.

Bước chân Ba Sao, Bảy Hổ từ nãy vẫn nhẹ lướt trên đường gạch ven sông, thẳng vào cổng làng rẽ sang xóm Hạ.

Lũ chó nấp bờ hoang sủa ầm ĩ. Bảy Hổ bước sau bạn trưởng tràng, cất giọng:

- Thật thế, lần này thầy lên núi Cửu Long dự cuộc tranh hùng với các Đô vùng Yên Thế, em thấy trong lòng e ngại thế nào... Đã vậy,

cách đây ba hôm, tự nhiên con gà mái mơ cất tiếng gáy vang sân chẳng khác gì gà trống. Ông Đồ xóm Thượng bảo đó là triệu chứng không lành...

Ba Sao không đáp. Bước chân vẫn lướt trên đường tối quanh co. Bảy Hổ thầm thì nói tiếp:

- Hay là... anh liệu lời xin thầy bỏ cuộc thượng đài. Mùa thu sang năm, nếu thầy cho phép hạ sơn, anh em ta sẽ vì uy danh của Giáo đô Kinh Bắc mà lên núi đoạt giải mang về tạ ơn thầy. Anh dạy thế nào?

Ba Sao cười nhạt:

- Chú Bảy nghĩ lầm rồi. Giáo Đô trấn Bắc chẳng khi nào nhường chức vô địch cho ai. Chú hẳn nhớ đã bảy năm nay, giáo đô mình được ngửa mặt nhìn các tay chơi ngoài thiên hạ là nhờ tài lực phi thường của sư phụ. Nay chỉ vì mấy tiếng gà mà thoái bước, gài then cổng, buông rèm kín mà ẩn náu thì danh dự phường Đô trấn Bắc tiêu ma, chẳng cứ thầy, cả lũ chúng ta còn dám đi đâu nữa.

Bảy Hổ ngập ngừng một lát mới tiếp lời:

- Nhưng em nhận thấy dạo này thầy không được dồi dào sức lực. Đêm kia, nấp sau bụi chuối em thấy thầy có phần mệt nhọc khi chuyển cái cối đá to từ sân trước ra bờ ao. Lại khi diễn xong mười hai lối tấn, thầy ra mồ hôi nhiều lắm, hơi thở mạnh hơn ngày thường. Sau đấy, thầy thở dài một tiếng mặc áo lên nhà trên. Đến thềm, thầy rút cây thiết lĩnh múa chơi. Nhưng chỉ múa qua vài đường, thầy ném vũ khí bước lên thềm. Đêm ấy, thầy ngồi suốt năm canh, hết đọc sách, hút thuốc lào, lại ra sân ngửa mặt nhìn trời. Bởi thế em lo ngại về chuyến thượng đài này, anh nên nghĩ kỹ. Huống hồ, thầy đã ngoại ngũ tuần rồi. Bảy năm vô địch phường đô tứ xứ, nay một năm tạm nhường cho kẻ khác, rồi lại giành giật lại, em thiết tưởng sự đó chẳng làm giảm danh lớn của ta.

Nghe Bảy Hổ nói, Ba Sao thấy chờn lòng, lẩm bẩm: "Ờ, sang cữ thu này, thầy ít ngủ kém ăn, lại hai lần ngộ cảm vì quá chén. Sức lực có phần kém sút mất rồi. Đã thế, còn điềm gà mái gáy... Ờ, lời Bảy Hổ can ngăn có lẽ chẳng là thừa. Để rồi mình liệu ý thầy xem sao đã...".

Hai người vừa tới cổng gạch cao trấn hướng đông nam của "Đô Vương trại", Bảy Hổ đấm rung cánh cửa lim, chẳng thấy gia nhân ra mở. Đoán rằng gia nhân đã kéo ra đình xem hát, Ba Sao, Bảy Hổ

võ đùi rón gót nhẩy lên thành cổng cao chót vót, rồi quăng mình vào trong trại, nhẹ như hai cánh lá rơi.

Vào tới sân, hai người giật nảy mình vì lão Đô Kinh Bắc về tự lúc nào, và đang cởi trần trùng trục, mở gióng cài chuồng trâu, chọn lấy con trâu dữ nhất, lớn khỏe nhất, kéo sừng lôi ra tuồn tuột.

- Các con đứng xa ra chút nữa, xem thầy vật con trâu mộng này. Nếu không hạ nổi nó thì thôi, ta bỏ cuộc lên đài, nhường giải cho bọn Yên Thế giữ.

Ba Sao, Bảy Hổ chia nhau đứng hai đầu sân gạch rộng, phòng tiếp ứng sư phụ nếu trâu làm dữ. Lão Đô đi sau mà về trước hai đồ đệ, đã cho trâu uống rượu để nó hăng tiết thêm sức mạnh mới bõ cho mình đọ sức.

Trăng treo trên ngọn cây vối dại bờ ao, trải ánh sáng xanh dịu trên sân gạch Bát Tràng trắng hoa cau liên phòng thơm ngát.

Lão Đô đầu búi tóc củ hành thít chặt bởi giải khăn lụa đỏ, hạ bộ đóng khố hồng. Tấm thân rắn chắc thẫm màu đồng gạch cua.

Con trâu mộng sừng cong vút, mắt đỏ men nồng, xông vào lúc người đang khoa tay dứ. Đô Tượng né mình, vươn tay nắm cặp sừng lắc mạnh như song đao vừa lướt tới ngang bụng dưới. Đô toan dùng sức ấn đầu trâu xuống, nhưng con trâu khỏe quá hất ngược đầu lên. Tay Lão Đô bị tuột văng trở lại hơi tê buốt. Đứng vào thế thủ, lão Đô chờ trâu lao cả cái mình đồ sộ đến. Lần này tóm được sừng, lão Đô lại lấy toàn lực ấn đầu con vật. Trâu tung sừng cựa, nhưng đôi cánh tay có sức cổ thụ ngàn cân đã khiến trâu chúi mũi thở phì phì trên nền gạch. Lão Đô chuyển vận nội công, một tay ấn đầu trâu đúng vào xoáy huyệt, một tay duỗi ra nắm chân trước con vật bẻ phục về phía bụng. Trâu không cựa nổi, chịu phục trước sức mạnh của trùm Đô Tượng khi đó quả xứng danh là con voi dữ miền Kinh Bắc.

Lão Đô đã mặc áo, ung dung ngồi giữa sập. Bảy Hổ ngồi dưới thềm phành phạch quạt hỏa lò đun nước mưa kinh niên, pha trà lão mai, dâng Sư phụ. Ba Sao thì khêu to ba ngọn đèn cho sáng tỏ ban thờ tổ, và tiếp tuần nhang ngát, rồi đi xem lại hành trang.

Lão Đô nhấp chén trà thơm nóng, bình thản nhìn ánh trăng đã lạnh màu sương gió ở ngoài trời. Ánh đèn hiu hắt cháy. Thốt nhiên, con chim lợn vút bay ngang hàng cau cất tiếng kêu xé trời khuya. Lão Đô thốt rùng mình.

Bảy Hổ đưa mắt nhìn Ba Sao. Ba Sao hơi biến sắc chắp tay thưa:

- Bẩm thầy, con xin được trình ngu ý...

Lão Đô cất nhẹ chén trà lên nhấp, mắt vẫn đăm đăm nhìn thấu trời đêm.

- Bẩm thầy... chúng con trộm nghĩ, tiếng chim quái gở kia...

Lão Đô dằn mạnh chén xuống lòng đĩa sứ, giọng trầm hùng:

- Ta cho phép hai con đi nghỉ. Mai sớm, gà gáy canh tư, dậy thổi cơm, canh năm đã xong mọi việc để khởi hành trước khi trời sáng. Cần nhất không cho người thôn xóm biết, họ sẽ đến tiễn đưa, chúc tụng, ta không ưa như vậy. Thôi, đi nghỉ. Thầy ngồi đây đợi sáng trời.

Nghe nghiêm lệnh, hai người cúi đầu lùi xuống thềm, tới nhà ngang nghỉ.

Trăng đã lặn dần. Gió đêm nổi mạnh. Bụi tre gai vặn mình theo gió ken két như tiếng nghiến răng. Cây sung già ngoài bờ ao, quả nẫu rụng rơi lõm bõm xuống mặt bèo vàng đọng làm cho ếch nhái giật mình kêu.

Lão Đô uống cạn ba tuần trà đượm, bỗng thấy trong mình mang máng như bóng chiều đổ xuống vườn hoang tối. Mắt chợt hoa sao, ngực đau nhói buốt, lão Đô nấc lên một tiếng, rồi chất mặn ứa ra thấm chảy xuống chòm râu thưa. Đô Tượng giơ bàn tay trước lửa đèn: bàn tay dính máu. Người hảo hán già khẽ thở dài gục xuống chồng gối xếp. Một con mối trên mái gồi rơi xuống đúng bấc đèn, làm tắt ngay ánh lửa. Khóm tre vẫn vặn mình rũ tóc kêu rền rĩ ngoài trời thu lạnh.

II

Trên núi Cửu Long, bên kia bờ sông Đuống.

Đại hội Giáo đô hôm nay đã sang ngày thứ ba, ngày chung kết dành riêng cho các đô lợi hại. Hai hôm đầu, các tay vật hạng trung bình vào dự để lọc những người điểm cao cho vào chung kết.

Hạng anh chị có thành tích gớm ghê trong hàng hảo hán đều có mặt từ ba bốn hôm đầu. Dân chúng khắp miền Kinh Bắc nô nức trẩy hội vật Cửu Long sơn. Năm ấy mùa màng tươi tốt, nên từ trai gái, trẻ con đến các bô lão đều rủ nhau vượt qua sông Đuống sang

bên kia rặng núi mà hình thế phảng phất chín con rồng cuộn khúc vào nhau.

Trên núi Cửu Long, có ngôi đền lớn. Hòa thượng Thiên Hương Tự vốn là một tay cách mạng bất đắc chí, chán sự đời lên núi tụng kinh. Thiên Hương hòa thượng tuổi ngoại tứ tuần, sức mạnh khác thường, ngày phá nương, đêm kinh kệ, vẫn chẳng quên cái thú kết nạp nghĩa sĩ bốn phương và luyện võ mài gươm như một đạo sĩ thời thượng cổ. Vì vậy, người ta đồn đại, xì xào nhiều chuyện phi thường về nhà sư đó. Đến nỗi quan nha sở tại được lệnh ông Sứ tỉnh Bắc truyền lưu ý hành động của nhà sư. Nhưng rồi nhà sư vẫn được an thân cày ruộng và rảnh trí đọc thiên kinh vạn quyển, không hề bước chân xuống núi bao giờ.

Một buổi chiều thu, ánh lửa đèn ở ngót trăm hàng quán sáng như một trời sao đổ bao quanh chân núi Cửu Long mịt mù sương khói biếc. Thầy trò Đô Kinh Bắc đã thong dong tới chân núi cao chạm trời mây, rẽ đám đông người đang vùi đầu vào canh bạc, đám trống quân, đám chèo, đám sẩm. Họ theo con đường sau núi lên Thiên Hương Tự.

Đêm ấy thầy trò lão Đô được vinh dự làm thượng khách của vị hòa thượng giang hồ. Hàn huyên, rồi qua chuyện vật mấy hôm nay, nhà sư tỏ vẻ lo ngại cho lão Đô về cái giải quán quân Ất Dậu này khó mà đem nổi về Nguyệt Đức. Bởi vì hai ngày liền, một Đô trẻ tuổi nhưng có một sức mạnh thuồng luồng, một cặp cánh tay dẻo dai như tay vượn, và một chiến lược xuất quỷ nhập thần, đã vỗ trắng bụng một lúc năm bảy đô danh tiếng rừng Yên Thế, Lục Nam. Một trong những kẻ chiến bại, mất thể diện, đã trả thù con thuồng luồng ấy bằng cách rút nhanh mũi diệp đao dắt kín bên vành khố thích ngang họng Đô Dĩnh Thép (một vùng sơn cước miền Yên Thế, mà trước kia, Hoàng Hoa Thám bị kẻ nội phản cắt đầu), nhưng gã Đô đất Đề Thám nhanh nhẹn đề phòng, bẻ gãy cánh tay kẻ ám thích, dễ như đùa trẻ nít. Vì vậy suốt nửa ngày hôm nay, không ai dám thượng đài tỉ thí với con thuồng luồng ấy.

Thiên Hương hòa thượng điềm đạm dặn:

- Ngày mai đọ sức, bạn già chớ nên khinh địch nhá. Phải thận trọng từng bước tiến lui, vì tôi đã nhận thấy thiếu niên đại hiệp kia không chỉ là một đô vật nhà nghề mà còn là một võ sĩ có những đường quyền thuật chân truyền, những thế tấn vững như sắt đá mà chỉ con mắt chúng mình mới hiểu.

Lão Đô nghe bậc bồ đề căn dặn, chỉ dạ vâng, vẻ mặt vẫn ung dung,

bình thản như khi nghe một bài thơ phú.

Duy có cao đồ Ba Sao, Bảy Hổ là luôn luôn đưa mắt nhìn nhau lo lắng.

* * *

Hôm sau, mặt trời vừa phá màn sương lạnh, mọc cao ngang sườn núi, thiên hạ đã bao chật từ đỉnh non xuống các đường thung lũng rộng.

Trống vật khua vang một góc trời. Trên đỉnh núi, một khoảng rộng phẳng lì như bãi cỏ võ trường, chung quanh cờ ngũ hành bay rợp trời và chính giữa bãi, một cây tre bương cao chót vót, trên đó năm tấm lụa màu buông thõng múa bay theo gió núi mây ngàn, đẹp như cầu vồng vừa sa xuống cõi trần gian. Đó là giải Đô vô địch của Đại hội Cửu Long Sơn khảo võ.

Hội đồng giám khảo đã đủ mặt, trong đó có Thiên Hương hòa thượng ngồi làm cố vấn. Ba hồi trống chiêng dõng dạc gióng lên. Thầy trò lão Đô ở trên chùa bước xuống.

- Đô Kinh Bắc!

- Đô Kinh Bắc!

- Đã có người địch thủ với Đô Yên Thế rồi kia.

- Có thế chứ. Lẽ nào năm nay trấn Bắc mình chịu trơ mắt nhìn người ta "ẵm" mất giải sao!

- Cố lên lão tướng! Cố lên!

Tiếng dân chúng hò reo, hỗ trợ lão Đô vang như bão ngàn, sông bể.

Lão Đô vui vẻ nghiêng mình chào đám đông, ung dung bước vào võ sảnh, ung dung ngồi xuống chiếc ghế phủ vóc hồng. Hai đồ đệ đứng chầu sau ghế, tim đập theo nhịp trống.

Đối diện lão Đô Kinh Bắc, ở ghế phủ vóc xanh phía bên kia, con thuồng luồng Yên Thế đã ngồi chờ từ trước. Lão Đô đưa mắt nhìn sang, thấy một gã tráng niên to lớn, mặc quần áo cánh lụa màu huyền, trán gồ, mắt sắc, cánh tay dài chống nẹ hai bên, quắc nhìn thẳng vào mặt Đô trấn Bắc, tỏ ý coi thường hay thương hại một lão già tự tìm đến cửa tử.

Ba Sao, Bảy Hổ quên lo lắng, tự nhiên thấy cơn giận nổi lên trước cái nhìn vô lễ của kẻ đầu xanh đó. Ba Sao khẽ ghé tai thầy xin ra thử đọ tài. Lão Đô lừ mắt, rồi đứng dậy tháo khăn, bỏ áo.

Trống vẫn khua vang. Người kéo nhau lên núi đông như thiên binh vạn mã đang vây phá một ải quan của giặc. Hai Đô đã nhảy vào vòng vôi, tức là bãi chiến trường. Chiêng trống rộn ràng, chuyển bạt cả mây trời, gió núi.

Thốt nhiên, lão Đô ngỏ ý cần ký giấy giao kèo, rằng chết không đòi thường mạng, rằng không được dùng ám khí, và xin thu nhỏ vòng vôi lại, chỉ bằng một cái nong, hễ ai chạm chân tay vào vạch vôi là bại trận.

Đô Yên Thế cười nhạt, nhận ký kết liền. Rồi đó chiêng trống lại khua vang. Ba Sao, Bảy Hổ giắt sẵn khí giới trong tay áo, chia nhau trấn hai bên phòng có biến.

Đô Yên Thế, bắp thịt cuồn cuộn như chão quấn, ngực đầy lông lá, đôi mày rậm xếch ngược lên, hàm răng nghiến lại, vờn lối hạc quyền, tiến lui chập chờn, khởi thế công toan hạ trước.

Đô Kinh Bắc xuống tấn đứng vững tựa cột đồng, không vờn múa, mà cặp mắt lão giang hồ lung linh sáng tiết ra một nhỡn lực thôi miên.

Vụt như con trăn gió, đô Yên Thế cuốn mình vào, thoắt cái đôi cánh tay lợi hại của loài hầu vượn đã quấn chặt cổ lão Đô vít xuống.

Lão Đô hạ tấn sát mặt đất núi, toàn thân lão cứng trơ như tảng đá thiên thu khiến đôi bàn tay sắt của kẻ thù như không lay chuyển nổi. Trong khi đó, lão Đô luồn ngược tay ra phía sau lưng địch thủ, nắm được xương bả vai bẻ xốc lên. Đó là một ngón đòn hiểm độc, người bản lĩnh tầm thường tất quỵ. Nhưng Đô Yên Thế đã vận nội công, nên ngón tay lão Đô Kinh Bắc không sao bẻ nổi xương vai gã. Trả miếng, con thuồng luồng cũng cố dồn thần lực bẻ xương cổ lão Đô. Song ngón tay gã trồi lên mà không thấy kẻ thù chuyển động.

Hai người cứ thế giữ chặt lấy nhau. Tiếng chiêng trống đổ hồi như trống giục ba quân phá thành đoạt ải. Thiên hạ hò reo ầm ĩ. Hai đồ đệ Lão Đô hồi hộp, biến sắc mặt dần dần. Bảy Hổ hoang mang nhớ đến tiếng gà mái gáy trưa nào... Ba Sao nghĩ đến tấn tuồng hung triệu, và tiếng chim lợn vút qua mái nhà sư phụ đêm nao...

Thốt nhiên, lão Đô thét lên một tiếng, định bốc người địch thủ lên bằng miếng đòn đánh vào hạ bộ. Đô Yên Thế rời bật bàn tay. "Dĩ nhiên dĩ kích" gã lướt theo cánh tay lão tướng chưa kịp thu về, để nắm lấy xương sườn bóp mạnh. Lão Đô thu hết lực vận nội công, choài mình về phía địch nắm được xương hông gã. Bao nhiêu sức lực bình sinh, bao nhiêu công dụng của đòn ác hiểm đều dồn cả vào độc thủ này.

Mắt lão Đô, đồng thời, tiết điện lực thôi miên gã đô rừng. Mắt gã dường như xuống sắc. Dần dần mồ hôi gã vã ra. Da thịt gã mất hiệu lực nội công, mềm dịu lại. Do thế, lão Đô đưa được một tay lên nắm vào gáy kẻ thù, điểm huyệt. Còn tay kia, sau một hơi thở dồn ra, bẻ mạnh. Một tiếng rú lên, át tiếng xương kêu răng rắc. Đô Yên Thế mềm mình gục xuống. Đô Tượng hất ngửa địch nhân. Đô Rừng nằm tênh hênh, trừng mắt nhìn kẻ thù, sùi bọt mép.

Thiên hạ hò reo. Phường bát âm cử bài Lưu thủy ca ngợi chiến công oanh liệt của lão tướng đã giữ toàn danh dự cho trấn Kinh Bắc tám năm liền.

Thiên Hương hòa thượng mỉm cười, bước xuống đài ghé tai bạn già bảo nhỏ:

- Miếng móc quai xanh ác quá, kẻ kia sẽ thành phế nhân kể từ nay. Tội đã nhiều lắm đấy. Nên giải giáp mà quay về gài chặt cổng, tụng kinh sám hối đi thôi nhá!

Dứt lời, hòa thượng dắt tay lão Đô lên chùa, uống rượu giải lao.

Ba Sao, Bảy Hổ đấm đổ cây tre bương, đoạt năm tấm vóc và gói bạc, hân hoan theo sau sư phụ cùng lên điện Phật.

Đêm ấy, tiếng kinh kệ của Thiên Hương hòa thượng vừa tắt trên đại điện thì, ở dưới trai phòng, Đô Kinh Bắc buông rơi chén trà lão mai, toát mồ hôi, thổ huyết, máu tươi lênh láng nhuộm đỏ cả chồng kinh trên văn kỷ. Lão giang hồ, trong trận đấu ban chiều, đã dùng quá sức già, và cũng chính bởi những ngón tay Đô Yên Thế toan bóc xương vai kia lúc này làm đọng huyết trong tim phổi, nên hộc ra như vậy.

Lão Đô ốm nặng, Thiên Hương hòa thượng và hai đồ đệ cố sức đêm ngày săn sóc thuốc thang. Nửa tháng sau, Ba Sao, Bảy Hổ phải cáng thầy về Nguyệt Đức. Và cũng từ đấy, tuân theo lời bạn bồ đề, lão Đô đóng cửa cài then, nằm đọc sách, thôi giảng võ mà chỉ giảng dạy văn chương phú lục như một ông đồ chán hết chuyện trần ai.

* * *

Tôi thành kính lật lại trang anh hùng sử của chú tôi.

Truyện hai mươi năm cũ.

Hai mươi năm bụi đời đã nhuộm trắng nửa mái tóc người đại hiệp danh vang miền Kinh Bắc, đông đoài.

Thế rồi thì bãi bể nương dâu, loạn ly thui tàn đất sống.

Ngày nay, hỡi ơi, con voi già ấy vẫn còn sống âm thầm, nhẫn nhục, mình gầy sức yếu, mắt đã gần mù, tháng ngày tẻ nhạt. Chú tôi lần đầu gậy như một bóng ma trong lũy tre làng Nguyệt Đức chỉ còn trơ trọi mấy lớp nhà gianh hoang đổ. Chung quanh, tiếng giày đanh nghiến đất, đạn nổ tơi bời, chú nằm yên đấy, ngồi yên đấy, như một con voi đất sứt cả vòi, gẫy cẳng, nằm vô tri trước đình làng chỉ còn sót lại đống gạch tàn ngói vụn, dành chỗ cho cỏ mọc và cầy cáo lẩn mà thôi.

Mắt chú đã lòa rồi. Tai chú đã điếc rồi. Mai đây, có ai về Kinh Bắc, đọc cho chú tôi nghe những dòng này?

1953